



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC HÁN TRUYỀN

TỪNG THƯ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

CỐT LỖI

Kinh Trung A-hàm

Soạn giả: THÍCH HẠNH BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LỖI
trong Kinh Trung A-hàm

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC HÁN TRUYỀN

TỪNG THƯ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LÕI trong Kinh Trung A-hàm

Biên soạn: THÍCH HẠNH BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	33
1. Cuộc đời đức Phật	41
204. ‘ <i>Kinh La Ma</i> ’	41
2. Cuộc sống của đức Phật trước khi xuất gia	51
116. ‘ <i>Kinh Nhu Nhuyễn</i> ’	51
3. Đức Phật được mô tả dưới góc độ thần thoại.....	54
32. ‘ <i>Kinh Vị Tăng Hữu Pháp</i> ’	54
4. Như Lai sanh ra và lớn lên từ thế gian nhưng không bị nhiễm pháp của thế gian.....	66
92. ‘ <i>Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ</i> ’	66
5. Ngoại đạo cho rằng Như Lai là người có phép huyền thuật làm mê hoặc thế gian	66
133. ‘ <i>Kinh Ưu Ba Li</i> ’	66
6. Thế Tôn là người nói với làm đi đôi với nhau.....	67
207. ‘ <i>Kinh Tiễn Mao</i> ’ (A).....	67
7. Thế Tôn vì có 5 pháp khiến cho người khác tôn trọng	67

22. ‘ <i>Kinh Thành Tựu Giới</i> ’	67
8. Những nguyên nhân khiến vua Ba-tu-nặc cung kính Thế Tôn.....	69
213. ‘ <i>Kinh Pháp Trang Nghiêm</i> ’	69
9. Thế Tôn có 5 điểm đặc thù cho nên được mọi người cung kính cúng dường (5 điểm đó không phải là những vấn đề ăn ít hay ăn nhiều, là những điểm có liên quan đến trí tuệ)	78
207. ‘ <i>Kinh Tiên Mao</i> ’ (A).....	78
10. Ngoại đạo cho rằng Như Lai là người phá hoại sự sống	83
153. ‘ <i>Kinh Man Nhân Đề</i> ’	83
11. 32 tướng tốt.....	85
59. ‘ <i>Kinh Tam Thập Nhị Tướng</i> ’ (giống như kinh số 161. ‘ <i>Kinh Phạm Ma</i> ’)......	85
12. Một trong hai con đường mà thái tử Tất Đạt Đa phải lựa chọn.....	87
161. ‘ <i>Kinh Phạm Ma</i> ’	87
13. Ma Ba Tuần yêu cầu đức Phật không nói pháp	88
78. ‘ <i>Kinh Phạm Thiên Thỉnh Phật</i> ’	88
14. Sự kiện Thế Tôn nhập Niết-bàn	90
68. ‘ <i>Kinh Đại Thiện Kiến Vương</i> ’	90
15. Kinh nghiệm tu tập của đức Thế Tôn	91
72. ‘ <i>Kinh Trường Thọ Vương Bốn Khởi</i> ’	91

16. Đức Phật không phải là nhà huyền thuật	94
20. ‘ <i>Kinh Ba La Lao</i> ’	94
17. Mười hiệu	95
8. ‘ <i>Kinh Thất Nhật</i> ’, 16. ‘ <i>Kinh Già Lam</i> ’, 20. ‘ <i>Kinh Ba La Lao</i> ’	95
18. Mục đích đức Phật ra đời	95
8. ‘ <i>Kinh Thất Nhật</i> ’	95
19. Nội dung giáo dục của Phật	96
115. ‘ <i>Kinh Mật Hoàn Dụ</i> ’	96
20. Lòng bao dung của đức Phật	96
133. ‘ <i>Kinh Ưu Ba Li</i> ’	96
21. Những điều kiện Tỳ-kheo phải có trước khi tu tập hay hoằng dương Phật pháp	99
1. ‘ <i>Kinh Thiện pháp</i> ’	99
22. Lộ trình tu tập	104
2. ‘ <i>Kinh Trú Đạc Thọ</i> ’	104
23. Bảy thiện pháp	106
3. ‘ <i>Kinh Thành Dụ</i> ’	106
24. 7 loại phước của thế gian và xuất thế gian	108
7. ‘ <i>Kinh Thế Gian Phước</i> ’	108
25. Ngã và vô ngã sở	111
6. ‘ <i>Thiện Nhân Vãng</i> ’	111
26. Có ngã hay không có ngã	112

97. ‘ <i>Kinh Đại Nhân</i> ’	112
27. Cuộc đời là vô thường.....	119
8. ‘ <i>Kinh Thất Nhật</i> ’	119
160. ‘ <i>Kinh A Lan Na</i> ’	119
28. 10 ví dụ về tính vô thường.....	120
160. ‘ <i>Kinh A Lan Na</i> ’	120
29. Chuyện tiền thân.....	124
8. ‘ <i>Kinh Thất Nhật</i> ’	124
30. Mục đích của việc xuất gia tu tập là giải thoát.....	125
9. ‘ <i>Kinh Thất Xa</i> ’	125
31. Tôn giả Mãn Từ Tử	128
9. ‘ <i>Kinh Thất Xa</i> ’	128
32. A Nan là thị giả của Phật và những vấn đề liên quan đến việc này	128
33. ‘ <i>Kinh Thị Giả</i> ’	128
56. ‘ <i>Kinh Di Hê</i> ’	146
33. Xá-lợi-phất	147
9. ‘ <i>Kinh Thất Xa</i> ’	147
31. ‘ <i>Kinh Phân biệt Thánh đế</i> ’	148
34. Xá-lợi-phất giải thích câu: Sanh đã tận....	149
23. ‘ <i>Kinh Trĩ</i> ’	149
35. Xá-lợi-phất đi các nơi để giáo hóa chúng sanh	150
24. ‘ <i>Kinh Sư Tử Hống</i> ’	150

36. Tỳ-kheo vu không Xá-lợi-phất và lời giải thích của Xá-lợi-phất	150
24. ‘ <i>Kinh Sư Tử Hống</i> ’	150
37. Xá-lợi-phất giảng cho Tôn giả Cấp Cô Độc khi lâm trọng bệnh.....	154
28. ‘ <i>Kinh Giáo Hóa Bệnh</i> ’	154
38. Xá-lợi-phất dùng Tứ Đế giải thích Ngũ Uẩn (giống Abhidhamma).....	159
30. ‘ <i>Kinh Tượng Tích Dụ</i> ’	159
39. Xá-lợi-phất giải thích Tứ Đế	166
31. ‘ <i>Kinh Phân biệt Thánh đế</i> ’	166
40. Lợi ích của việc chánh tư duy và sự nguy hiểm của bất chánh tư duy.....	178
10. ‘ <i>Kinh Lậu Tận</i> ’	178
41. 7 loại phiền não.....	179
10. ‘ <i>Kinh Lậu Tận</i> ’	179
42. 14 vấn đề siêu hình đức Phật không giải thích.....	184
220. ‘ <i>Kinh Kiến</i> ’	184
43. Đức Phật giải thích lý do tại sao Ngài không trả lời 14 vấn đề vô ký	185
221. ‘ <i>Kinh Tiễn Dụ</i> ’	185
44. Nghiệp	191
15. ‘ <i>Kinh Tư</i> ’	191
11. ‘ <i>Kinh Diêm Dụ</i> ’	196

16. ‘ <i>Kinh Già Lam</i> ’	197
45. Thân không làm ác miệng không nói ác không đồng nghĩa là người thiện, quan điểm của đức Phật về 3 nghiệp	197
179. ‘ <i>Kinh Ngũ Chi Vật Chủ</i> ’	197
46. Lý do nào trong xã hội có người giàu nghèo, đẹp xấu... khác nhau	205
170. ‘ <i>Kinh Anh Vũ</i> ’	205
47. Quan điểm khác nhau giữa người trí và kẻ ngu về luật nhân quả	207
175. ‘ <i>Kinh Thọ Pháp</i> ’ (B) (Xem 174. ‘ <i>Kinh Thọ Pháp</i> ’ (A))	207
48. 4 hiện tượng nhân quả khác nhau dẫn đến quan điểm khác nhau giữa ngoại đạo và đức Phật	214
171. ‘ <i>Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp</i> ’	214
49. Sự khác nhau giữa quan điểm nghiệp của Phật giáo và Kỳ Na giáo	223
133. ‘ <i>Kinh Ưu Ba Li</i> ’	223
50. Quan điểm của Phật với vấn đề cầu nguyện, ước nguyện	227
173. ‘ <i>Kinh Phù Di</i> ’	227
51. Nghiệp không thể cầu nguyện van xin	229
17. ‘ <i>Kinh Già Di Ni</i> ’	229
52. Làm ác đọa địa ngục làm thiện sanh thiên không cần cầu nguyện	232

93. ‘ <i>Kinh Thủy Tịnh Phạm Chí</i> ’	232
53. Tu là quán sát 3 nghiệp.....	235
14. ‘ <i>Kinh La Vân</i> ’	235
54. Đức Phật không chấp nhận thuyết định mệnh.....	239
13. ‘ <i>Kinh Độ</i> ’	239
55. Sự nguy hiểm của người không biết tầm quý.....	240
14. ‘ <i>Kinh La Vân</i> ’	240
56. Ác hạnh Tỳ-kheo	241
94. ‘ <i>Kinh Hắc Tỳ-kheo</i> ’	241
57. Tư cách của vị Tỳ-kheo	244
26. ‘ <i>Kinh Cù Ni Sư</i> ’	244
58. Những việc cần làm gấp của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni	248
95. ‘ <i>Kinh Trụ Pháp</i> ’	248
59. Thế nào là Tỳ-kheo bị suy thoái hay tăng trưởng..	249
96. ‘ <i>Kinh Vô</i> ’	249
60. Không nên vì người khác làm ác	250
27. ‘ <i>Kinh Phạm Chí Đà Chiên</i> ’	250
61. 4 Vô Lượng Tâm	251
27. ‘ <i>Kinh Phạm Chí Đà Chiên</i> ’	251
62. Thế nào gọi là trí tuệ và trí tuệ có chức năng gì? ...	252
211. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	252
63. Sự dị biệt giữa bất thiện và căn bản bất thiện.....	252

29. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	252
211. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	253
64. Sự dị biệt giữa thiện và căn bản thiện.....	253
29. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	253
211. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	253
65. Người bất thiện	254
89. ‘ <i>Kinh Tỳ-kheo Thỉnh</i> ’	254
66. Hữu lậu.....	254
29. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	254
67. Định nghĩa các từ Phật học.....	255
29. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	255
68. Ai thấy Duyên khởi, người ấy thấy Pháp.....	256
30. ‘ <i>Kinh Tượng Tích Du</i> ’	256
69. Con người nhận thức thế giới ngoại bằng biểu tượng?.....	256
30. ‘ <i>Kinh Tượng Tích Du</i> ’	256
70. Xuất gia với lý do không chân chính	258
132. ‘ <i>Kinh Lại Tra Hòa La</i> ’	258
71. Mục đích xuất gia.....	259
77. ‘ <i>Kinh Sa Kê Đế Tam Độc Tính Tử</i> ’	259
72. Nếu cha mẹ không đồng ý thì không được xuất gia	260
132. ‘ <i>Kinh Lại Tra Hòa La</i> ’	260

73. Ý chí xuất gia dũng mãnh của Lại Tra Hòa La	261
132. ‘ <i>Kinh Lại Tra Hòa La</i> ’	261
74. Tỳ-kheo cần phải biết hổ thẹn khi chưa làm trọn bốn phận.....	267
30. ‘ <i>Kinh Tượng Tích Dụ</i> ’	267
75. Tôn giả Bạc Câu La và đời sống tri túc của Ngài	268
34. ‘ <i>Kinh Bạc Câu La</i> ’	268
76. Điểm đặc thù của biển.....	270
35. ‘ <i>Kinh A Tu La</i> ’	270
77. 8 đặc điểm của Phật pháp.....	273
35. ‘ <i>Kinh A Tu La</i> ’ (Cũng giống 37. ‘ <i>Kinh Chiêm Ba</i> ’)	273
78. Nguyên nhân xảy ra động đất	278
36. ‘ <i>Kinh Địa Động</i> ’	278
79. Đức Phật thuyết giảng cho Bà-la-môn, Sát-đế-lợi., là phương tiện	279
36. ‘ <i>Kinh Địa Động</i> ’	279
80. Tỳ-kheo xúc nhiễu Thế Tôn và Đại chúng	280
37. ‘ <i>Kinh Chiêm Ba</i> ’	280
81. Bốn đôi 8 vị.....	281
38. ‘ <i>Kinh Úc Già Trưởng Giả</i> ’ (A).....	281
82. Tứ Nhiếp Pháp	282

40. ‘ <i>Kinh Thủ Trưởng Giả</i> ’ (A)	282
83. Mục đích của việc giữ giới	282
42. ‘ <i>Kinh Hà Nghĩa</i> ’	282
43. ‘ <i>Kinh Bất Tư</i> ’	285
48. ‘ <i>Kinh Giới</i> ’ (B).....	285
84. Tại sao giới càng nhiều thì người chứng quả càng ít	286
143. ‘ <i>Kinh Thương Ca La</i> ’ (tham khảo 194. ‘ <i>Kinh Bạt Đà Hòa Lợi</i> ’)	286
85. Liên quan đến giới Tỳ-kheo	287
63. ‘ <i>Kinh Bệ Bà Lăng Kỳ</i> ’, (Giống Kinh số 80. ‘ <i>Kinh Ca Hi Na</i> ’)	287
86. Cung kính, oai nghi.....	291
49. ‘ <i>Kinh Cung Kính</i> ’ (A).....	291
87. Tàm quý	293
45. ‘ <i>Kinh Tàm Quý</i> ’ (A).....	293
88. Không luận là xuất gia hay tại gia đức Phật chỉ khen ngợi người có chính hạnh.....	294
152. ‘ <i>Kinh Anh Vũ</i> ’	294
89. Nhân quả không phân biệt là người tại gia hay xuất gia	295
152. ‘ <i>Kinh Anh Vũ</i> ’	295
90. Quá trình hình thành phiền não và đoạn trừ phiền não	296

51. ‘ <i>Kinh Bốn Tế</i> ’, (giống như Kinh số 52, 53: ‘ <i>Kinh Thực</i> ’)	296
91. Sự lợi ích của việc gán gửi người thiện tri thức	299
54. ‘ <i>Kinh Tận Trí</i> ’	299
57. ‘ <i>Kinh Túc Vị Tỳ-kheo Thuyết</i> ’	299
92. Lộ trình đi đến Niết-bàn	301
55. ‘ <i>Kinh Niết-bàn</i> ’	301
93. Cùng là đệ tử của Thế Tôn, nhưng tại sao có người chứng Niết-bàn và có người không chứng Niết-bàn.....	302
144. ‘ <i>Kinh Toán Số Mục Kiền Liên</i> ’	302
94. 5 pháp khiến cho tâm Tỳ-kheo được an tịnh	306
57. ‘ <i>Kinh Túc Vị Tỳ-kheo Thuyết</i> ’	306
95. 7 báu của chuyển luân thánh vương.....	308
58. ‘ <i>Kinh Thất Bảo</i> ’, 65. ‘ <i>Kinh Ô Điều Dụ</i> ’, 66. ‘ <i>Kinh Thuyết Bốn</i> ’	308
96. 7 Giác Chi.....	308
58. ‘ <i>Kinh Thất Bảo</i> ’	308
97. 4 Châu	309
60. ‘ <i>Kinh Tứ Châu</i> ’	309
98. 4 châu là 4 phương của nước Ấn Độ	312
99. Tất cả mọi pháp đều biến hoại.....	312
61. ‘ <i>Kinh Nghru Phán Dụ</i> ’	312
100. Duyên khởi	314

62. ‘ <i>Kinh Tần Bệ Sa La Vương Nghinh Phật</i> ’	314
86. ‘ <i>Kinh Thuyết Xứ</i> ’	315
97. ‘ <i>Kinh Đại Nhân</i> ’ (Giải thích 12 nhân duyên)	316
101. Nếu ngũ uẩn là vô thường vô ngã thì ai thọ nhận quả báo	316
62. ‘ <i>Kinh Tần Bệ Sa La Vương Nghinh Phật</i> ’	316
102. Đức Phật dùng thuyết nhân quả giáo dục xã hội ..	317
63. ‘ <i>Kinh Bệ Bà Lăng Kỳ</i> ’	317
64. ‘ <i>Kinh Thiên Sư</i> ’	317
103. Tỳ-kheo thụ hưởng vật chất phi pháp.....	317
65. ‘ <i>Kinh Ô Điều Dụ</i> ’	317
104. Vấn đề khát thực và lợi dưỡng	318
83. ‘ <i>Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên</i> ’	318
105. Tỳ-kheo thụ hưởng sự cúng dường đúng pháp	319
65. ‘ <i>Kinh Ô Điều Dụ</i> ’	319
106. Cách việc truyền thừa vương vị và dùng chính pháp cai trị của các vua Ấn Độ	320
67. ‘ <i>Kinh Đại Thiên Nại Lâm</i> ’	320
70. ‘ <i>Kinh Chuyển Luân Vương</i> ’	322
107. Sau khi Thế Tôn nhập diệt ai là người kế thừa	325
145. ‘ <i>Kinh Cù Mặc Mục Kiên Liên</i> ’	325
108. Truyền thừa chính pháp.....	330
67. ‘ <i>Kinh Đại Thiên Nại Lâm</i> ’	330

70. ‘ <i>Kinh Chuyển Luân Vương</i> ’	332
109. Sau khi Như Lai diệt độ, Tỳ-kheo lấy ‘giới’ làm thầy hay lấy ‘pháp’ làm thầy ?.....	334
145. ‘ <i>Kinh Cù Mặc Mục Kiên Liên</i> ’	334
110. Tỳ-kheo nên thừa tự Pháp không nên thừa tự tài vật	334
88. ‘ <i>Kinh Cầu Pháp</i> ’	334
111. Thế giới Cực lạc (Có liên quan đến Kinh A Di Đà)	335
68. ‘ <i>Kinh Đại Thiện Kiến Vương</i> ’	335
112. Bằng cách nào trang nghiêm thân để báo ân Phật?	341
69. ‘ <i>Kinh Tam Thập Dụ</i> ’	341
113. Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi	349
70. ‘ <i>Kinh Chuyển Luân Vương</i> ’	349
114. Có hay không có đời sau.....	349
71. ‘ <i>Kinh Bệ Tứ</i> ’	349
115. Tăng đoàn bị rạn nứt chia rẽ	356
72. ‘ <i>Kinh Trường Thọ Vương Bốn Khởi</i> ’	356
116. Cách đối xử với nhau	357
72. ‘ <i>Kinh Trường Thọ Vương Bốn Khởi</i> ’	357
117. Nguồn gốc của chứng đắc (8 điều giác ngộ của Đại nhân?)	358

4. ‘ <i>Kinh Bát Niệm</i> ’	358
118. Dục là nguồn gốc của khổ đau	359
75. ‘ <i>Kinh Tịnh Bất Động Đạo</i> ’	359
77. ‘ <i>Kinh Sa Kê Đế Tam Tộc Tính Tử</i> ’	360
119. Bản chất của dục vọng.....	361
99. ‘ <i>Kinh Khổ Ám</i> ’ (A), 100. ‘ <i>Kinh Khổ Ám</i> ’ (B)	361
120. Hạnh phúc của sự thụ hưởng dục lạc cũng giống như hạnh phúc của người gãi gẻ ngứa.....	362
153. ‘ <i>Kinh Man Nhân Đề</i> ’	362
121. 8 ví dụ về dục.....	365
200. ‘ <i>Kinh A Lê Tra</i> ’	365
203. ‘ <i>Kinh Bồ Lị Đa</i> ’	366
122. Không bệnh là đệ nhất Niết-bàn là tối thượng.....	372
153. ‘ <i>Kinh Man Nhân Đề</i> ’	372
123. Mục đích sống trong rừng núi của đức Phật.....	374
77. ‘ <i>Kinh Sa Kê Đế Tam Tộc Tính Tử</i> ’	374
124. Phật tán thán Tỳ-kheo sống nơi vắng vẻ	375
83. ‘ <i>Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên</i> ’	375
125. Bình đẳng trong việc xuất gia tu học Phật pháp...	376
154. ‘ <i>Kinh Bà La Bà Đường</i> ’	376
126. Nơi nào là nơi sống thích hợp cho người xuất gia?	377
107. ‘ <i>Kinh Lâm</i> ’ (A) và (B).....	377

132. ‘ <i>Kinh Lại Tra Hòa La</i> ’	382
127. Tại sao đức Phật thọ ký đệ tử việc thọ sanh	383
77. ‘ <i>Kinh Sa Kê Đé Tam Tộc Tính Tử</i> ’	383
128. Ma Ba Tuần khuyên Thế Tôn không nên trái ý Phạm Thiên	384
78. ‘ <i>Kinh Phạm Thiên Thỉnh Phật</i> ’	384
129. 6 thông	386
80. ‘ <i>Kinh Ca Hi Na</i> ’	386
130. Thế Tôn hiện thần thông	389
78. ‘ <i>Kinh Phạm Thiên Thỉnh Phật</i> ’	389
131. Thần thông là một trong 3 cách giáo dục của Phật	390
143. ‘ <i>Kinh Thương Ca La</i> ’	390
132. 4 vô lượng tâm	393
79. ‘ <i>Kinh Hữu Thắng Thiên</i> ’	393
133. Thời kỳ Trung A-hàm chư Tăng đã sống định cư, có phòng ốc	395
80. ‘ <i>Kinh Ca Hi Na</i> ’	395
134. Thời đức Phật các Tỳ-kheo tự may y	395
80. ‘ <i>Kinh Ca Hi Na</i> ’	395
135. Phóng dật là nhân của khổ đau	396
141. ‘ <i>Kinh Dự</i> ’	396
136. 4 thiên	397

157. ‘ <i>Kinh Hoàng Lô Viên</i> ’ (Xem 168. ‘ <i>Kinh Ý Hành</i> ’; 177. ‘ <i>Kinh Thuyết</i> ’).....	397
137. 4 loại thiền khác nhau.....	399
176. ‘ <i>Kinh Hành Thiền</i> ’.....	399
138. Pháp môn tu tập Tứ niệm xứ.....	413
98. ‘ <i>Kinh Niệm Xứ</i> ’.....	413
139. Tu tập pháp môn niệm thân.....	420
81. ‘ <i>Kinh Niệm Thân</i> ’.....	420
140. Quán bất tịnh.....	428
139. ‘ <i>Kinh Tứ Chi Đạo</i> ’.....	428
141. Các Tỳ-kheo tranh luận về lời Phật dạy.....	429
82. ‘ <i>Kinh Chi Li Di Hê</i> ’.....	429
142. Nguyên tắc tham gia thảo luận Phật pháp.....	430
82. ‘ <i>Kinh Chi Li Di Hê</i> ’.....	430
119. ‘ <i>Kinh Thuyết Xứ</i> ’.....	431
143. Chê trách người đua nịnh.....	433
82. ‘ <i>Kinh Chi Li Di Hê</i> ’.....	433
87. ‘ <i>Kinh Uế Phẩm</i> ’.....	434
144. Phương pháp trừ bệnh buồn ngủ.....	435
83. ‘ <i>Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên</i> ’.....	435
145. Những vấn đề cần tránh khi thuyết pháp.....	437
83. ‘ <i>Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên</i> ’.....	437

146. Pháp chân nhân và pháp không chân nhân	437
85. ‘ <i>Kinh Chân Nhân</i> ’	437
147. Uẩn, xứ, giới.....	443
86. ‘ <i>Kinh Thuyết Xứ</i> ’ (Cần tham khảo kinh số 163. ‘ <i>Kinh Phân biệt sáu xứ</i> ’	443
163. ‘ <i>Kinh Phân Biệt Sáu Xứ</i> ’	444
164. ‘ <i>Kinh Phân Biệt Quán Pháp</i> ’	445
148. 4 quả Sa môn.....	446
86. ‘ <i>Kinh Thuyết Xứ</i> ’	446
149. Người ô uế và người không ô uế	447
87. ‘ <i>Kinh Uế phẩm</i> ’	447
150. Ví dụ tấm gương	454
89. ‘ <i>Kinh Tỳ-kheo Thịnh</i> ’	454
151. Tứ tướng trong Kinh A-hàm	457
91. ‘ <i>Kinh Chu Na Vấn Kiến</i> ’	457
152. Phiền não khác nhau phải dùng phương pháp khác nhau để đoạn trừ	458
92. ‘ <i>Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Du</i> ’	458
153. Tu chỉ là sự kiểm tra lại tâm mình.....	459
110. ‘ <i>Kinh Tự Quán Tâm</i> ’	459
154. Tu chỉ là sự thay đổi cách suy tư	461
101. ‘ <i>Kinh Tăng Thượng Tâm</i> ’	461
192. ‘ <i>Kinh Niệm</i> ’	466

155. Cứu cánh chỉ có một	468
103. ‘ <i>Kinh Sư Tử Hống</i> ’	468
156. Pháp tu của phái lõa thể.	472
104. ‘ <i>Kinh Ưu Đàm Bà La</i> ’	472
157. Đức Phật không cấm bất cứ điều gì, Ngài chỉ cấm những việc làm liên hệ đến tham sân và si.....	474
110. ‘ <i>Kinh Tự Quán Tâm</i> ’ (B).....	474
158. Đề-bà-đạt-đa sanh vào địa ngục.....	475
112. ‘ <i>Kinh A Nô Ba</i> ’	475
159. Đi tìm lõi cây.....	476
115. ‘ <i>Kinh Mật Hoàn Dụ</i> ’	476
160. Sự kiện Cù Đàm Di xuất gia	476
116. ‘ <i>Kinh Cù Đàm Di</i> ’	476
161. Bồ tát: Thế Tôn cùng các Tỷ-kheo cùng Bồ tát... ..	482
121. ‘ <i>Kinh Thỉnh Thỉnh</i> ’	482
162. Người mù dẫn người mù.....	485
152. ‘ <i>Kinh Anh Vũ</i> ’	485
163. Tu tập như lên dây đàn	485
123. ‘ <i>Kinh Sa Môn Nhị Thập Úc</i> ’	485
164. Bát nạn	487
124. ‘ <i>Kinh Bát Nạn</i> ’ (Tương đương Tăng Nhất 36, “phẩm Bát Nạn” kinh số 1.)	487

165. 5 giới.....	490
128. ‘ <i>Kinh Ưu Bà Tắc</i> ’	490
166. 4 pháp tăng thượng tâm.....	492
128. ‘ <i>Kinh Ưu Bà Tắc</i> ’	492
167. Sự bần cùng của người xuất gia.....	494
125. ‘ <i>Kinh Bần Cùng</i> ’	494
168. Lời khuyên của đức Phật dành cho người tại gia, sống trong gia đình	495
135. ‘ <i>Kinh Thiện Sanh</i> ’	495
169. Tại gia: Người kiểm tài vật tối thượng.....	505
126. ‘ <i>Kinh Hành Dục</i> ’	505
170. Hữu học và vô học.....	509
127. ‘ <i>Kinh Phước Điền</i> ’	509
171. 7 điều không tốt cho người có tâm nóng giận.....	510
129. ‘ <i>Kinh Oán Gia</i> ’	510
172. Tỳ-kheo bị cư sĩ đuổi ra khỏi chùa.....	513
130. ‘ <i>Kinh Giáo</i> ’	513
173. Thời kỳ A-hàm người Ấn đã dùng thuyền vờn ra biển cả.....	514
136. ‘ <i>Kinh Thương Nhân cầu tài</i> ’	514
174. Phương tiện tìm phương hướng của người xưa khi đi biển	515
130. ‘ <i>Kinh Giáo</i> ’	515

175. Tuổi thọ càng ngày càng giảm, đời sống càng ngày càng túng thiếu là do lòng tham lam của con người	515
130. ‘ <i>Kinh Giáo</i> ’	515
176. Chuyện ma quỷ.....	517
131. ‘ <i>Kinh Hàng Ma</i> ’	517
177. Ma Ba Tuần phá hoại Phật pháp.....	518
131. ‘ <i>Kinh Hàng Ma</i> ’	518
178. Lễ lạy 6 phương và quan điểm của Phật đối với vấn đề này.....	522
135. ‘ <i>Kinh Thiện Sanh</i> ’	522
179. Giáo pháp của Thế Tôn chỉ là những phương tiện đưa người đến giải thoát.....	529
136. ‘ <i>Kinh Thương Nhân Cầu Tài</i> ’	529
180. Pháp nào là pháp cần phải và không cần phải tránh	532
169. ‘ <i>Kinh Câu Lôu Sáu Vô Tránh</i> ’	532
181. Lời dạy của Thế Tôn là chân thật	535
137. ‘ <i>Kinh Thế Gian</i> ’	535
182. Nước Ma-kiệt-đà và Bạt-kỳ thù nghịch nhau.....	536
142. ‘ <i>Kinh Vũ Thế</i> ’	536
183. Đức Phật khuyên vua A-xà-thế không đánh nước Bạt-kỳ vì 7 yếu tố.....	536
142. ‘ <i>Kinh Vũ Thế</i> ’	536
184. 7 nguyên tắc làm cho Tăng già không bị suy yếu	542

142. ‘ <i>Kinh Vũ Thế</i> ’	542
185. Có 4 hiện tượng khiến chúng ta tin tưởng Thế Tôn	544
146. ‘ <i>Kinh Tượng Tích Dụ</i> ’	544
186. Sự khác biệt giữa người tu tập và không tu tập	546
147. ‘ <i>Kinh Văn Đức</i> ’	546
187. Nỗi khổ của người tại gia và xuất gia khác nhau .	548
148. ‘ <i>Kinh Hà Khổ</i> ’	548
188. Niềm vui của người tại gia và xuất gia khác nhau	549
148. ‘ <i>Kinh Hà Khổ</i> ’	549
189. Ước mơ của vua là gì?.....	551
149. ‘ <i>Kinh Hà Dục</i> ’	551
190. Ước mơ của cư sĩ là gì?.....	551
149. ‘ <i>Kinh Hà Dục</i> ’	551
191. Ước mơ của người nữ là gì?	552
149. ‘ <i>Kinh Hà Dục</i> ’	552
192. Ước mơ của kẻ cướp là gì?.....	552
149. ‘ <i>Kinh Hà Dục</i> ’	552
193. Ước mơ của Sa-môn là gì?.....	553
149. ‘ <i>Kinh Hà Dục</i> ’	553
194. Giai cấp Bà-la-môn	553

151. ‘ <i>Kinh Phạm Chí A Nhiếp Hòa</i> ’ (Pāli M.93 Assalāyana-sutta).....	553
195. Trong 4 giai cấp, giai cấp nào phục vụ cho giai cấp nào	554
150. ‘ <i>Kinh Uất Sầu Ca La</i> ’	554
151. ‘ <i>Kinh Phạm Chí A Nhiếp Hòa</i> ’	555
196. Thế nào gọi là giai cấp Bà-la-môn	561
158. ‘ <i>Kinh Đâu Na</i> ’	561
197. Thế Tôn không chấp nhận chế độ phụng sự của 4 giai cấp	562
150. ‘ <i>Kinh Uất Sầu Ca La</i> ’ (Tham khảo 154. ‘ <i>Kinh Bà La Bà Đường</i> ’, 158. ‘ <i>Kinh Đâu Na</i> ’).....	562
198. Chân lý không tùy thuộc vào quan điểm chủ trương	565
152. ‘ <i>Kinh Anh Vũ</i> ’	565
199. Bồ thí đúng pháp	572
155. ‘ <i>Kinh Tu Đạt Đa</i> ’	572
200. Quá khứ hiện tại và vị lai.....	573
165. ‘ <i>Kinh Ôn Tuyên Lâm Tuyên</i> ’	573
166. ‘ <i>Kinh Thích Trung Thiên Thất Tôn</i> ’	576
201. Ý nghĩa khái niệm trung đạo.....	577
169. ‘ <i>Kinh Câu Lôu Sáu Vô Tránh</i> ’	577

202. Nên nói những lời nói nào và không nên nói những lời nói nào?.....	579
169. ‘ <i>Kinh Câu Lôu Sáu Vô Tránh</i> ’	579
203. Địa phương ngữ.....	581
169. ‘ <i>Kinh Câu Lôu Sáu Vô Tránh</i> ’	581
204. Thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn.....	582
172. ‘ <i>Kinh Tâm</i> ’	582
205. Thế nào gọi là Tỳ-kheo thông minh?.....	583
172. ‘ <i>Kinh Tâm</i> ’	583
206. Đàn nai và người thợ săn	584
178. ‘ <i>Kinh Lạp Sư</i> ’	584
207. 7 loại bố thí cho Tăng chúng	587
180. ‘ <i>Kinh Cù Đàm Di</i> ’	587
208. Bố thí cho từng người	589
180. ‘ <i>Kinh Cù Đàm Di</i> ’	589
209. Bố thí như thế nào để được phước đức?.....	589
180. ‘ <i>Kinh Cù Đàm Di</i> ’	589
210. Vô minh là nguồn gốc của phiền não	591
181. ‘ <i>Kinh Đa Giới</i> ’	591
211. Thế nào gọi là ngu si và trí tuệ.....	593
181. ‘ <i>Kinh Đa Giới</i> ’	593

212. Thế nào gọi là xứ, phi xứ?	593
181. ‘ <i>Kinh Đa Giới</i> ’	593
213. Những việc Tỳ-kheo cần phải làm	595
182. ‘ <i>Kinh Mã Ấp</i> ’ (A), tham khảo 183. ‘ <i>Kinh Mã Ấp</i> ’ (B)	595
214. Các đại đệ tử có quan điểm khác nhau về việc làm thế nào để cho Phật pháp được hưng thịnh	600
184. ‘ <i>Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm</i> ’	600
215. Hòa hợp thanh tịnh	604
185. ‘ <i>Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm</i> ’ (B)	604
216. Làm thế nào để biết một vị khác có thực tu thực chứng hay không?	605
186. ‘ <i>Kinh Câu Giải</i> ’	605
217. Quan điểm của Phật về ‘Nhất thiết trí, nhất thiết kiến’	607
188. ‘ <i>Kinh A Di Na</i> ’	607
196. ‘ <i>Kinh Châu Na</i> ’	610
212. ‘ <i>Kinh Nhất Thiết Trí</i> ’	610
218. 8 chính đạo.....	612
189. ‘ <i>Kinh Thánh Đạo</i> ’	612
219. Khái niệm ‘không’ trong Kinh A-hàm.....	612
190. ‘ <i>Kinh Tiểu Không</i> ’	612

191. ‘ <i>Kinh Đại Không</i> ’	614
220. Thế nào gọi là phụng sự chính pháp.....	615
191. ‘ <i>Kinh Đại Không</i> ’	615
221. Lý do Phật chế không ăn chiều	617
192. ‘ <i>Kinh Ca Lôu Ô Đà Di</i> ’	617
222. Dù chỉ là ngôi nhà rách, người vợ chột mắt cũng rất khó bỏ.....	619
192. ‘ <i>Kinh Ca Lôu Ô Đà Di</i> ’	619
223. Tỳ-kheo thân cận với Tỳ-kheo Ni	623
193. ‘ <i>Kinh Mâu Lê Phá Quần Na</i> ’	623
224. Lời nói.....	624
193. ‘ <i>Kinh Mâu Lê Phá Quần Na</i> ’	624
225. Thái độ Tỳ-kheo khi bị khiển trách.....	626
194. ‘ <i>Kinh Bạt Đà Hòa Lợi</i> ’	626
226. Một ngày ăn một bữa	628
195. ‘ <i>Kinh A Thấp Bối</i> ’	628
227. Có hai loại lạc: Lạc liên hệ giải thoát và lạc liên hệ khổ đau.....	628
195. ‘ <i>Kinh A Thấp Bối</i> ’	628
228. Tùy cơ thuyết giáo.....	630
195. ‘ <i>Kinh A Thấp Bối</i> ’	630
229. Sự kiện Kỳ-na giáo rạn nứt chia rẽ	634

196. ‘ <i>Kinh Châu Na</i> ’	634
230. Có phải Kinh Châu Na này ghi lại sự chia rẽ trong Tăng đoàn không?	635
196. ‘ <i>Kinh Châu Na</i> ’	635
231. Có liên quan đến Đại Thiên	636
196. ‘ <i>Kinh Châu Na</i> ’	636
232. Luật: Bảy phương pháp đình chỉ đấu tranh.....	638
196. ‘ <i>Kinh Châu Na</i> ’	638
233. Luật: Pháp Yết-ma.....	646
197. ‘ <i>Kinh Ưu Ba Li</i> ’	646
234. Thế nào gọi là người ngu si.....	648
199. ‘ <i>Kinh Si Tuệ Địa</i> ’	648
235. Địa ngục	649
199. ‘ <i>Kinh Si Tuệ Địa</i> ’	649
236. Làm được thân người là khó.....	650
199. ‘ <i>Kinh Si Tuệ Địa</i> ’	650
237. Thế nào là người trí tuệ?	651
199. ‘ <i>Kinh Si Tuệ Địa</i> ’	651
238. Phật pháp bị hiểu sai và sự nguy hiểm của nó	652
200. ‘ <i>Kinh A Lê Tra</i> ’	652
239. Hiểu đúng Phật pháp và sự lợi ích của nó.....	653
200. ‘ <i>Kinh A Lê Tra</i> ’	653

240. Giáo pháp như chiếc bè qua sông.....	655
200. ‘ <i>Kinh A Lê Tra</i> ’, (205. ‘ <i>Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết</i> ’)	655
241. Thế Tôn đối với những vấn đề khen chê	657
200. ‘ <i>Kinh A Lê Tra</i> ’	657
242. 3 loại trai giới.....	659
202. ‘ <i>Kinh Trì Trai</i> ’	659
243. Hai loại mong cầu.....	661
204. ‘ <i>Kinh La Ma</i> ’	661
244. 5 hạ phần kiết sử	663
205. ‘ <i>Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết</i> ’	663
245. Vấn đề đời trước đời sau và nhất thiết trí.....	664
212. ‘ <i>Kinh Nhất Thiết Trí</i> ’	664
246. Ngoại đạo phê bình Thế Tôn là người không biết biên tế đời trước đời sau	666
209. ‘ <i>Kinh Bộ Ma Na Tu</i> ’	666
247. Sự khác nhau giữa chết và diệt thọ tướng định.....	668
211. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	668
248. Sự khác nhau giữa các Định	668
210. ‘ <i>Kinh Tỳ Kheo Ni Pháp Lạc</i> ’	668
249. Mối liên hệ giữa thọ, tướng, tư.....	670
250. Mối quan hệ giữa 5 căn và ý căn (Abhidhamma).	671

211. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	671
251. Còn gì sau khi chết ?	671
211. ‘ <i>Kinh Đại Câu Hy La</i> ’	671
252. Bình đẳng giữa 4 giai cấp chỉ khác nhau hành nghiệp của mỗi người	673
212. ‘ <i>Kinh Nhất Thiết Trí</i> ’	673
253. Những việc làm người trí chê trách	676
214. ‘ <i>Kinh Bộ Hạ Đề</i> ’	676
254. 37 phẩm trợ đạo	678
222. ‘ <i>Kinh Lệ</i> ’	678
255. Những vấn đề ngoại đạo thảo luận	680
208. ‘ <i>Kinh Tiễn Mao</i> ’	680

LỜI TỰA

Phật giáo Bắc truyền có 4 bộ A-hàm (Āgama): “Kinh Trường A-hàm” (《長阿含經》), “Kinh Trung A-hàm” (《中阿含經》), “Kinh Tạp A-hàm” (《雜阿含經》), “Kinh Tăng Nhất A-hàm” (《增一阿含經》), tương đương với Kinh điển Nam truyền Pàli là “Kinh Trường Bộ” (Dīgha **Nikāya**), “Kinh Trung Bộ” (Majjhima **Nikāya**), “Kinh Tương Ưng Bộ” (Samyutta **Nikāya**), “Kinh Tăng Chi Bộ” (Anguttara **Nikāya**). Ngoài ra, Nam truyền còn có một bộ nữa là “Kinh Tiểu Bộ” (Khuddaka **Nikāya**) tương đương với Hán tạng “Bổn Sanh” (《本生》) và “Bổn Sự” (《本事》). Thế nhưng Phật giáo Bắc truyền không biên tập hai kinh này vào A-hàm, giống như Nam truyền có tất cả là 5 bộ **Nikāya** (Pannaca-**Nikāya**). Phải chăng các nhà biên tập Phật giáo Bắc truyền không chấp nhận nội dung của hai kinh này thuộc vào thời kỳ A-hàm? Đây là điều chúng ta cần phải nghiêm túc nghiên cứu để làm sáng tỏ vấn đề.

Các nhà nghiên cứu cho rằng hai hệ kinh điển này là nguồn tư liệu sớm nhất của Phật giáo, được kết tập dưới

triều vua A Dục (Asoka). Theo nguồn tư liệu Bắc truyền (Hán dịch) ghi lại, sự kiện này xảy ra vào khoảng hơn 100 năm sau khi Phật nhập diệt, tức thời vua A Dục. Nhưng nguồn tư liệu Phật giáo Nam truyền lại ghi rằng: sự kiện này xảy ra vào năm 218, sau khi Phật nhập diệt, cũng vào thời vua A Dục. Sự khác nhau ở đây về niên đại, tính từ sau khi Phật nhập diệt, sai biệt gần 100 năm nhưng điểm giống nhau giữa hai nguồn tư liệu này là đều xác định sự kiện kết tập vào thời vua A Dục. Ở đây, tôi không có ý thảo luận về niên đại đúng sai của hai nguồn tư liệu mà chỉ muốn nhấn mạnh một điều: hai nguồn tư liệu này được biên tập thành chữ viết sớm nhất của Phật giáo.

Năm (5) bộ Nikāya của Phật giáo Nam truyền nguyên là bản gốc viết bằng tiếng Pāli nhưng nguồn tư liệu Phật giáo Bắc truyền, hiện còn 4 bộ A-hàm được biên tập trong “Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh” ở quyển 1 và 2 chỉ là bản dịch, không phải bản gốc. Thế thì ở đây chúng ta đặt ra câu hỏi: Nếu như 4 bộ A-hàm là bản dịch thì bản gốc của nó là gì, bằng tiếng Pāli hay tiếng Phạn và hiện giờ nó ở đâu? Đây là những câu hỏi mà các nhà nghiên cứu thường thắc mắc. Dù gì đi nữa, cả hai nguồn tư liệu này chiếm một vị trí khá quan trọng trong lĩnh vực tìm hiểu Phật giáo Ấn Độ. Nó là hai nguồn tư liệu bổ sung cho nhau để làm cho Phật giáo Ấn Độ càng ngày càng được rõ ràng hơn.

Dẫu rằng: Phật giáo Việt Nam đối với công việc phiên dịch 2 bộ Đại Tạng Kinh Nam truyền và Bắc

truyền này sang Việt ngữ vẫn chưa hoàn tất nhưng riêng 5 bộ Nikāya và 4 bộ A-hàm, Phật giáo Việt Nam đã dịch xong. Từ nguồn Kinh tạng bằng Việt ngữ cho thấy trước năm 1975, 4 bộ A-hàm đã được Hòa thượng Thiện Siêu, Thanh Từ và các Tăng sinh của hai viện Hải Đức Nha Trang và Huệ Nghiêm Sài Gòn dịch sang Việt ngữ nhưng không biết vì lý do gì những bản kinh này vẫn chưa xuất bản vào thời đó, chỉ lưu truyền với nhau bằng bản quay Roneo. Riêng 5 bộ Nikāya của Phật giáo Nam truyền đã được Hòa thượng Thích Minh Châu dịch sang Việt ngữ trước năm 1975 và hai bộ đầu cũng đã được Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, tức “Kinh Trường Bộ” và “Kinh Trung Bộ”, phần còn lại, 3 bộ, phải chờ đến một thời gian sau khá lâu mới được xuất bản. Đến năm 1981, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ra đời, Ban In ấn và phát hành Đại Tạng Kinh Việt Nam cũng được thành lập. Vài năm sau đó, Viện đã tiến hành biên tập “Đại Tạng Kinh Việt Nam”. Qua 35 tập đã được Viện ấn hành chính là 5 bộ Nikāya và 4 bộ A-hàm. Từ khi Viện Nghiên cứu ấn hành các kinh điển này, không ít giới Phật tử cũng như Tăng, Ni người Việt Nam đã chịu ảnh hưởng tư tưởng của hai bộ kinh này. Theo tôi, nó sẽ là cơ sở cho việc nghiên cứu các hệ tư tưởng Phật học khác, ngay cả Phật giáo Đại thừa, không dừng lại ở đó mà nó còn là kiến thức cơ bản cho các Tăng Ni sinh khi đi du học ngành Phật học ở nước ngoài.

Ngoài bản dịch Kinh A-hàm vừa được đề cập, còn có một bản dịch chuẩn xác hơn, đó là bản dịch “Kinh

Trường A-hàm”, “Kinh Trung A-hàm” và “Kinh Tăng Nhất A-hàm” của Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và bản dịch “Kinh Tạp A-hàm” của Thượng tọa Thích Đức Thắng. Có thể nói, cho đến nay, ở Việt Nam, đây là bản dịch tốt nhất, có giá trị trong lĩnh vực học thuật cao. Điềm nổi bật của công trình dịch thuật này chính là phần chú thích, dịch giả đã bỏ nhiều thời gian so sánh đối chiếu với bản Pāli, trích dẫn và phân tích cho độc giả hiểu được nội dung của kinh và mở rộng tầm hiểu biết của mình với những bản kinh khác. Có thể nói, công trình phiên dịch này không những đóng góp cho Phật giáo Việt Nam một công trình dịch thuật tiêu chuẩn mà còn cống hiến cho nền văn hóa nước nhà ngày càng phong phú. Được biết bản dịch này đã được Hội Phật giáo thế giới Linh Sơn xuất bản nhưng trước mắt, tôi vẫn chưa có bản dịch này, phải sử dụng bản dịch trên websites: www.quangduc.com. Dẫu rằng: trên websites rất tiện lợi cho việc tìm tài liệu nhưng rất khó khăn cho người nghiên cứu khi trích dẫn. Đó là lý do tại sao trong tác phẩm này, khi trích dẫn, tôi không ghi rõ nhà xuất bản, năm xuất bản cũng như số trang cụ thể.

Như chúng ta được biết, “Kinh Trung A-hàm” là một trong 4 bộ kinh thuộc hệ A-hàm của Phật giáo Bắc truyền. Bản kinh này được ngài Phật Đà Da Xá (Buddhayasas) và Trúc Phật Niệm dịch sang Hán văn, Thích Tuệ Sỹ dịch sang Việt văn, được phân thành 18 phẩm, tổng cộng có 222 kinh. Một số học giả cho rằng,

bản “Trung A-hàm” và “Kinh Tập A-hàm” là bản kinh của phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivādin). Theo tôi, trong 4 bộ A-hàm, “Kinh Trung A-hàm” là bộ kinh quan trọng nhất vì nội dung của từng bài kinh trong Trung A-hàm không quá giản lược như các bài kinh trong “Tập A-hàm”, cũng không quá dài như kinh “Trường A-hàm” và cũng là bản kinh thể hiện quan điểm khá rõ ràng của đức Phật và là bản kinh ghi lại toàn bộ những quan điểm tư tưởng đã được đức Phật (và) cùng các đại đệ tử của Ngài thuyết giảng cho mọi thành phần trong xã hội, chủ yếu là người xuất gia, với những bài pháp có nội dung thật sâu sắc, mang tính thực tiễn và khoa học, ngược lại những quan điểm truyền thống và phi truyền thống ở Ấn Độ lúc bấy giờ, Ngài không đồng tình với lối tu khổ hạnh truyền thống hay tế tự vô ích, cũng không chấp nhận cuộc sống trụy lạc, đề cao sự hưởng thụ dục vọng. Với chủ trương muốn thành đạt mục đích giác ngộ giải thoát, hành giả cần phải có một thân thể khỏe mạnh và một tinh thần thật sáng suốt mới có thể thực hành giáo lý của Ngài, tránh xa những chàm bầy của thế gian. Những lời dạy đó, bất cứ ai trong chúng ta cũng đều có thể thực hành được và ai thực hành đúng như lời Ngài đã dạy thì người ấy chắc chắn sẽ đạt đến mục đích an lạc. Ngoài ra, còn có những bài pháp dành cho giới tại gia cư sĩ, từ giai cấp vua chúa quan lại cho đến người dân bình thường, cả những giới triết học và các tôn giáo tín ngưỡng. Tùy theo sự tiếp thu của từng đối tượng, đức Phật có những lời khuyên, lời giảng dạy

khác nhau với mục đích làm cho người nghe được giác ngộ giải thoát. Đây là toàn bộ nội dung ý nghĩa chính trong kinh này.

Tuy nhiên, “Kinh Trung A-hàm” là một bộ kinh khá dày, gồm 4 tập, mỗi tập trên 700 trang, với văn phong cổ xưa, khúc chiết, đặc biệt mang nặng tính logic, lại trùng lặp quá nhiều trong một bài kinh, dễ tạo cảm giác buồn chán cho người đọc. Hơn nữa, Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc, thích lối lý luận của Phật giáo Đại thừa. Do vậy, Kinh điển của Thượng Tọa Bộ lại càng ít được nghiên cứu trù tụng hơn, sự hiểu biết cũng vì thế mà bị hạn chế. Tôi nghĩ mang một trạng thái tâm lý như vậy, nó là bức tường ngăn cản sự hiểu biết, không bổ ích cho việc tu, việc học của chúng ta.

Rất may, những năm học đại học ở Học viện Phật giáo Việt Nam, tôi đã được học qua hệ kinh điển này từ Hòa thượng Minh Châu, Thượng tọa Thiện Nhơn, đến khi đi du học ở Đài Loan, được học với những giáo sư chuyên về Phật học, tôi lại được tiếp cận với những tác phẩm nổi tiếng nên tất cả những công trình nghiên cứu này đều rất chú trọng đến những bộ Kinh A-hàm hay Nikāya. Chính vì thế, trong thời gian học tập nghiên cứu ở đây, tôi vẫn tiếp tục nghiên cứu những bộ kinh này. Qua đó, nó giúp cho tôi hiểu về Phật học tương đối rõ ràng và trật tự hơn. Một kinh nghiệm nhỏ mà tôi muốn giới thiệu cùng những người muốn tìm hiểu Phật học là chúng ta cần phải có phương pháp nghiên cứu hữu hiệu,

nó mới giúp ta rút ngắn thời gian cho việc nghiên cứu, học tập. Phương pháp của tôi rất đơn giản là khi tôi đọc một quyển kinh, một quyển sách, ở trong đó có điểm nào cần lưu ý, có thể đó là ý kiến hay, thậm chí là quan điểm có thể tranh luận, tôi đều ghi chép vào sổ tay riêng của mình. Nhờ vậy, khi tôi viết một bài nghiên cứu không mấy (vất vả) khó khăn vì những gì mà tôi muốn thảo luận, nó đã nằm sẵn trong sổ tay của tôi rồi, không cần phải vất vả tìm tòi tài liệu, quyển sổ tay đã giúp tôi nhớ mọi điều.

Tác phẩm mà độc giả đang cầm trên tay chính là một phần quyển sổ tay của tôi, chuyên tra cứu những vấn đề trong “Kinh Trung A-hàm”. Có thể nói, đây là bản tóm tắt, đã lược bỏ những đoạn trùng lặp, phần còn lại là những vấn đề cốt yếu trong kinh này. Ở đây, điều mà chúng ta cần chú ý về những tiêu đề trong tác phẩm này, đó là ý kiến riêng của người biên soạn, nhưng nội dung của nó được sao chép lại từ bản dịch của Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, trên websites: www.quangduc.com, tức là nguyên văn của kinh điển.

Tác phẩm này được ra đời vì nhu cầu một số Tăng, Ni sinh đang theo học Phật học, cũng như một số Phật tử muốn tìm hiểu về Kinh tạng Phật giáo Thượng Tọa Bộ. Tôi mong rằng: Kinh nghiệm nhỏ này sẽ giúp cho Tăng, Ni sinh, những người nghiên cứu và Phật tử không phải mất nhiều thì giờ tìm kiếm nhưng nếu như đọc giả cảm thấy hứng thú, muốn tìm hiểu trọn ý nghĩa vẹn của những

đoạn trích dẫn này, tốt nhất nên đọc trọn bài kinh vì ý nghĩa của một đoạn kinh có thể liên quan đến những ý nghĩa khác.

Cách tra cứu và biên soạn của tác phẩm này không phải là cách hay nhất, chỉ là cách làm việc mang tính cá nhân. Do vậy, nơi đây, tôi rất mong nhận sự góp ý của các bậc thiện tri thức để làm nền tảng cho các tác phẩm xuất bản sau này. Mọi sự góp ý xin gửi về địa chỉ hanhbinhvn@yahoo.com.

Kính bút
Thích Hạnh Bình

1. Cuộc đời đức Phật

204. ‘Kinh La Ma’

Ta trước kia khi chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng suy nghĩ như vậy, “Ta thực sự lệ thuộc tật bệnh, không bỏ tìm cầu sự tật bệnh. Ta thực sự lệ thuộc già, chết, sầu bi ưu não, tạp uế nhưng không bỏ tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế. Vậy ta có nên tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn chăng?”.

“Ta vào thời thiếu niên trong trắng, mái tóc xanh mượt, cho đến thời tráng niên năm 29 tuổi, bấy giờ sống cực kỳ hoan lạc, vui đùa, trang sức, du hành. Ta vào lúc ấy mặc dù cha mẹ khóc lóc, thân thuộc không ai vui nhưng Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo; thủ hộ thân mạng thanh tịnh, thủ hộ khẩu và ý mạng thanh tịnh. Ta đã thành tựu giới thân ấy rồi, lại muốn tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, cho nên lại tìm nơi A-la-la Già-

la-ma (Pāli: Ālāra Kālāma) hỏi rằng: “Thưa A-la-la, tôi muốn theo pháp của người để tu học phạm hạnh được chăng?”. A-la-la trả lời rằng: “Này Hiền giả, không có gì là không được. Hiền giả muốn hành thì hành”. Ta lại hỏi: “Người làm thế nào để tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?”, A-la-la đáp: “Ta vượt qua tất cả thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Do đó, pháp của ta được tự tri, tự giác, tự tác chứng”. Ta lại suy nghĩ như vậy: “Không chỉ riêng A-la-la mới có niềm tin này. Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này”. A-la-la đối với pháp này đã tự tri, tự giác, tự tác chứng. Ta muốn chứng pháp này nên sống cô độc, viễn ly tại một nơi trống vắng, yên tĩnh. Sau khi tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, không bao lâu Ta chứng pháp ấy. Sau khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại tìm đến chỗ A-la-la Già-la-ma hỏi rằng: “Thưa A-la-la, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ?”. A-la-la trả lời Ta rằng: “Hiền giả, đó là pháp ta tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ”. A-la-la lại nói với Ta rằng: “Hiền giả, ấy là cũng như sự tác chứng của ta đối với pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như sự tác chứng của Hiền giả đối với pháp này, ta cũng vậy. Hiền giả, người hãy đến đây, cùng ta lãnh đạo đồ chúng này”. Đó là A-la-la đối xử

với Ta với địa vị Tôn sư, coi Ta ngang hàng, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ”.

“Ta lại suy nghĩ như vậy: “Pháp này không đưa đến trí; pháp này không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này để cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn”. Ta bèn bỏ pháp này đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn”.

“Rồi Ta đi đến chỗ Uất-đà-la La-ma Tử (Pāli: Udduka Rāmaputta), hỏi rằng: “Thưa Uất-đà-la, tôi muốn ở trong pháp của người mà học hỏi, có thể được chăng?”. Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng: “Hiền giả, không có gì là không được. Người muốn học thì học”. Ta lại hỏi: “Thưa Uất-đà-la, cha ngài là La-ma (Rāma), người tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp gì?”. Uất-đà-la La-ma Tử đáp: “Hiền giả, ta vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trụ. Hiền giả, pháp mà cha ta La-ma tự tri, tự giác, tự tác chứng là pháp này”. Ta lại suy nghĩ như vậy: “Không chỉ riêng La-ma mới có niềm tin này, Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng La-ma mới có sự tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng La-ma mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này. La-ma đã tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này, tại sao ta lại không tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?”. Vì Ta muốn chứng pháp này cho nên sống cô độc tại một nơi xa vắng, không nhân, yên tĩnh, tâm không

phóng dật, tu hành tinh cần. Sau khi Ta sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh, không bao lâu chứng được pháp ấy. Khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại đến Uất-đà-la La-ma Tử hỏi rằng: “Thưa Uất-đà-la La-ma Tử, cha ngài là La-ma, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tướng, phi vô tướng xứ, thành tựu an trụ?”. Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng: “Hiền giả, cha ta là La-ma, đây là pháp được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tướng, phi vô tướng xứ, thành tựu an trụ”. Uất-đà-la lại nói với Ta rằng: “Cũng như cha ta tác chứng pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như Hiền giả tác chứng pháp này, cha ta cũng vậy. Hiền giả hãy đến đây cùng ta lãnh đạo đồ chúng này”. Uất-đà-la đối xử với Ta ngang địa vị Tôn sư, coi Ta cũng như bậc Tôn sư, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ. Ta lại suy nghĩ như vậy: “Pháp này không đưa đến trí, không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này để đi tìm cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn’. Ta liền xả bỏ pháp ấy để đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.

“Rồi Ta đi về phía Nam núi Tượng Đỉnh (Pāli: Gayāsisa), đến tại Uất-bệ-la (Pāli: Uruvelā), một ngôi

làng của Phạm chí tên gọi là Tư Na (Pāli: Senā), đây là một khoảng đất xinh xắn, khả ái, núi rừng sầm uất, sông Ni-liên-thuyền (Pāli: Nerañjarā) với dòng nước trong xanh chảy lên bờ. Ta thấy khoảnh đất ấy bèn nghĩ rằng: “Nếu một thiện nam tử muốn học đạo, nên ở nơi này mà học. Ta cũng học đạo, vậy Ta hãy ở nơi này mà học. Rồi Ta ôm cỏ đến cây giác thọ (cây bồ đề). Đến nơi, Ta rải cỏ xuống, trải ni sư đàn lên và ngồi kiết già, kỳ hạn sẽ không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi nào chứng đắc Lộ tận. Và Ta không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi chứng đắc Lộ tận”.

“Ta tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không già không chết, không ưu bi sầu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp. “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa”.

“Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền nghĩ như vậy: “Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?”. Rồi Ta lại nghĩ rằng: “Ta có nên đi đến thuyết pháp cho A-la-la Già-la-ma trước chăng?”.

“Lúc bấy giờ có Thiên thần trụ trong hư không nói với Ta rằng: “Đại Tiên nhân, xin biết cho, A-la-la Già-la-

ma vừa mạng chung đến nay đã được bảy ngày”. Ta cũng tự biết A-la-la Già-la-ma đã mạng chung được bảy ngày. Ta lại nghĩ như vậy: “A-la-la Già-la-ma, thiết thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu được nghe pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp”.

“Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vậy: “Ta sẽ thuyết pháp cho Uất-đà-la La-ma Tử trước nhất chăng?”. Thiên thần lại trụ trong hư không nói với Ta rằng: “Đại Tiên nhân, xin biết cho, Uất-đà-la La-ma Tử mạng chung đến nay đã hai tuần thất”. Ta cũng tự biết Uất đầu la La-ma Tử mạng chung đã hai tuần thất. Ta lại nghĩ như vậy: “Uất-đà-la La-ma Tử thiết thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu nghe được pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp”.

“Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta liền suy nghĩ như vậy: “Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?”. Rồi Ta lại nghĩ rằng: “Xưa kia, năm Tỳ-kheo theo hầu hạ Ta, giúp Ta nhiều điều hữu ích. Khi Ta tu hành khổ hạnh, năm Tỳ-kheo ấy đã thừa sự Ta, nay Ta có nên thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo trước kia chăng?”. Rồi Ta lại nghĩ rằng: “Năm Tỳ-kheo thuở xưa ấy, bây giờ đang ở đâu?”. Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, Ta thấy năm Tỳ-kheo đang ở tại Ba-la-nại (Pāli: Bārāṇasi Isipatanam Migadāyo), Tiên nhân trú xứ, trong vườn Lộc Dã”.

“Ta tùy thuận trụ dưới gốc cây Giác thọ. Sau đó Ta thu vén y, ôm bát đi về Ba-la-nại, đến đô ấp Gia-thi. Bấy giờ, Di học Ưu-đà (Pāli: Upaka), từ xa trông thấy Ta đi đến, bèn nói với Ta rằng: “Hiền giả Cù-đàm, các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt ngời sáng. Hiền giả Cù-đàm, ai là Tôn sư? Theo ai học đạo? Tin tưởng pháp của ai?”. Lúc bấy giờ Ta liền nói bài kệ để trả lời Ưu-đà rằng:

Ta tối thượng, tối thắng;
Nhiễm trước pháp đã trừ;
Giải thoát, ái diệt tận;
Tự giác, ai tôn sư?
Bậc Vô đẳng, Đại hùng,
Tự giác, Vô thượng giác,
Như Lai, Thầy thiên, nhơn,
Biến tri, thành tựu lực.

“Ưu-đà hỏi rằng: “Hiền giả Cù-đàm tự cho là tối thắng chăng?”.

“Ta lại nói bài kệ trả lời rằng:

Đấng Tối thắng như vậy
Các lậu đã tận trừ.
Ta sát hại ác pháp,
Nên tối thắng là Ta.

“Ưu-đà lại hỏi Ta rằng: “Hiền giả Cù-đàm, bấy giờ muốn đi về đâu?”.

“Bấy giờ Ta nói bài kệ rằng:

Ta đến Ba-la-nại,
Dóng trống diêu cam lô,
Chuyên pháp luân vô thượng
Chưa ai chuyển trong đời.

“Ưu-đà lại nói với Ta rằng: “Hiền giả Cù-đàm, hoặc có thể là như vậy?”.

Rồi vị ấy bước sang con đường tắt mà đi trở lui.

“Ta một mình đi đến Tiên nhân trụ xứ, trong vườn Lộc Dã. Bấy giờ năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Ta đi đến, ai cũng lập giao ước với nhau rằng: “Chư Hiền, nên biết đó là Sa môn Cù-đàm đang đi đến. Người ấy đa dục, đa cầu, ăn với loại ẩm thực thù diêu bằng cơm gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật và bôi xoa thân thể bằng dầu mè nay lại đến đây. Các người cứ ngồi, chớ nên đứng dậy đón tiếp, cũng đừng làm lễ. Dành sẵn cho một chỗ đó nhưng đừng mời ngồi, hãy nói rằng: “Nếu bạn muốn ngồi, xin cứ tùy ý”. Rồi Ta đi đến chỗ năm Tỳ-kheo. Bấy giờ năm Tỳ-kheo không kham nổi uy đức tối thắng thù diêu của Ta, tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, người thì ôm y bát của Ta, người thì trái chỗ ngồi, người thì lấy nước cho Ta rửa chân. Ta nghĩ rằng: “Những người ngu si này sao lại không bền chí, đã tự mình thiết lập điều ước hẹn rồi lại làm trái điều giao hẹn”. Ta biết như vậy rồi bền ngồi trên chỗ ngồi mà năm Tỳ-kheo đã

dọn sẵn. Khi ấy năm Tỳ-kheo gọi thẳng tên họ Ta và xưng hô với Ta là “Bạn”.

“Ta nói với họ rằng: “Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các người đừng gọi thẳng tên họ Ta, cũng đừng gọi Ta là “Bạn”. Vì sao vậy? Ta vì tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Ta tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn. Đã sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp. “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”. Họ nói với Ta rằng: “Này bạn Cù-đàm, trước kia bạn hành như vậy, đạo tích như vậy, khổ hạnh như vậy mà còn chưa chứng được pháp thượng nhân, gần kề với Thánh tri, Thánh kiến, huống là ngày hôm nay đa dục, đa cầu, ăn với thực phẩm thù diệu với gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, bôi xoa thân thể bằng dầu mè chẳng?”.

“Ta lại nói rằng: “Này năm Tỳ-kheo, các người trước kia có bao giờ thấy Ta như vậy, với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời chẳng?”.

“Bấy giờ năm Tỳ-kheo lại trả lời với Ta rằng: “Trước kia, chúng tôi chưa từng thấy bạn với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời. Này bạn Cù-đàm, nay bạn với các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu khuôn mặt sáng ngời”.

“Ta lúc ấy nói với họ rằng: “Này năm Tỳ-kheo, có hai lối sống cực đoan mà những người học đạo không nên học. Một là đắm trước dục lạc, nghiệp hèn hạ, là lối sống của phàm phu. Hai là tự gây phiền, tự gây khổ, không phải là pháp Hiền Thánh, không tương ưng với cứu cánh. Này năm Tỳ-kheo, xả bỏ hai cực đoan ấy, có con đường giữa, thành minh, thành trí, thành tự định, đạt đến tự tại, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Đó là tám con đường chân chánh, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám”.

....đây là Khổ, biết như thật đây là Khổ tập, biết như thật đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo. Biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”. Vị ấy bây giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Vị ấy đã tự mình thấy rõ vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận. Cho nên, vị ấy tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm....¹

1. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 204. Kinh La Ma, Taiwan, 2000, trang 805~813.

2. Cuộc sống của đức Phật trước khi xuất gia

116. ‘Kinh Nhu Nhuận’

Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Chính Ta ngày trước ra đi xuất gia học đạo là ra đi từ chỗ ưu du, từ chỗ thông dong nhàn nhã, từ đời sống cực kỳ êm dịu. Khi Ta còn ở nhà, phụ vương Duyệt-đầu-đàn tạo cho Ta đủ thứ cung điện: cung điện để ở vào mùa xuân, cung điện để ở vào mùa hạ, cung điện để ở vào mùa đông”.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên cách điện không xa, người lại tạo không biết bao nhiêu là ao sen: ao hoa sen xanh, ao hoa sen hồng, ao hoa sen đỏ, ao hoa sen trắng. Trong các ao đó trồng đủ các loại hoa dưới nước: hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng. Nước luôn luôn đầy, hoa luôn luôn nở, mà những người sai dịch chăm sóc không thông suốt được hết”.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên trên bờ ao trồng các loại hoa: hoa Tu-ma-na, hoa Bà-sur, hoa Chiêm-bạc, hoa Tu-kiền-đề, hoa Ma-đầu-kiền-đề, hoa A-đề-muru-đa, hoa Ba-la-đầu”.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên người sai 4 người tắm rửa cho Ta. Tắm rửa cho Ta rồi lại xoa hương chiên-đàn đỏ vào khắp thân Ta. Xoa hương vào thân Ta rồi lại khoác vào mình Ta chiếc áo lụa thật mới. Trên, dưới, trong, ngoài đều mới mẻ. Suốt ngày đêm luôn luôn cảm

lọng che cho Ta, không để cho Thái tử đêm phải nhiễm sương, ngày bị nắng tấp”.

“Như nhà dân thường được ăn đại mạch thô, cơm gạo tẻ, cháo đậu, gừng, cho đó là đồ ăn bậc nhất nhưng người sai dịch thấp nhất của phụ vương Duyệt-đầu-đàn của Ta lại cho như vậy là rất dỡ, chỉ ăn nếp trắng và hào soạn mới cho là đồ ăn bậc nhất”.

“Lại nữa, nếu có cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như Đề-đế-la-hòa-tra, Kiếp-tân-xà-la, Hề-mễ-hà, Lê-nê-xa, Thi-la-mễ. Các loại cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như vậy Ta thường được ăn”.

“Ta nhớ khi xưa, lúc còn ở với phụ vương Duyệt-đầu-đàn, suốt 4 tháng hạ, mỗi khi lên trên chánh điện đều không có người nam; chỉ toàn là kỹ nữ để cùng vui chơi, không hề trở xuống”.

“Rồi khi Ta muốn đến viên quán thì liền có 30 danh kỹ thượng thặng được tuyển chọn với những hàng đại thuần đi dẫn đường hộ tống trước sau, không kể những tiểu tiết khác”.

“Ta có như ý tức đó và sự êm dịu cực kỳ này”.

“Ta còn nhớ khi xưa, lúc Ta thăm ruộng, người làm ruộng nghỉ ngơi trên đám ruộng, Ta đi đến dưới gốc cây Diêm-phù ngồi kiết già, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ lạc do viễn ly sanh, chúng đắc được Sơ

thiền, thành tựu và an trụ. Ta nghĩ rằng: “Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh nhưng thấy người tật bệnh thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích mà không tự quán sát mình”.

“Rồi Ta lại nghĩ: “Ta tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh. Nếu Ta thấy người tật bệnh mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy vì Ta cũng có trường hợp này”. Quán sát như vậy rồi thì tâm công cao phát khởi do không có tật bệnh liền tự tiêu diệt”.

“Ta lại nghĩ rằng: “Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già nhưng thấy người già cả thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích mà không tự quán sát mình”.

“Rồi Ta lại nghĩ: “Ta tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già. Nếu Ta thấy người già cả mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy vì Ta cũng có trường hợp này”. Quán sát như vậy rồi thì tâm công cao phát khởi do chưa đến tuổi già liền tự tiêu diệt”².

2. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Số 26, Kinh Trung A Hàm (II) - Phẩm Thứ 11: Phẩm Đại (Phần Đầu) - 116. Kinh Nhu Nhuyễn, Taiwan, 2000, trang 5~7.

3. Đức Phật được mô tả dưới góc độ thần thoại

32. ‘Kinh Vị Tăng Hữu Pháp’

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời tỉnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, con nghe rằng: Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diếp (Kassapa) bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh. Nếu Thế Tôn vào thời Phật Ca-diếp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diếp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất (Tusita). Nếu Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diếp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diếp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất. Thế Tôn sanh lên sau nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị trời sanh trước. Đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Do đó nên các vị trời Đâu-suất vui mừng hơn hờ, tán thán rằng: “Kỳ diệu thay, hy hữu thay, vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vị ấy sanh đến đây sau nhưng có ba việc thù thắng hơn

những vị trời Đâu-suất đã sanh đến trước; đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Nếu Đức Thế Tôn vào thời Phật Ca-diếp bắt đầu phát nguyện Phật đạo, tu hành phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất. Thế Tôn sanh lên sau nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị trời sanh trước. Đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Do đó nên các vị trời Đâu-suất vui mừng hơn hờ, tán thán rằng: “Kỳ diệu thay, hy hữu thay, vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vị ấy sanh đến đây sau nhưng có ba việc thù thắng hơn những vị trời Đâu-suất đã sanh đến trước; đó là thọ mạng, dung sắc và vinh dự nhà trời. Thế thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn mạng chung ở trời Đâu-suất, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quang đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được, thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này đều mỗi mỗi phát sanh nhận thức rằng: ‘Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!’. Nếu Đức Thế Tôn mạng chung ở trời Đâu-suất, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quang đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng

không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này đều mỗi mỗi phát sanh nhận thức rằng: “Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!” thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải. Nếu Đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn hình thể duỗi dài trụ trong thai mẹ. Nếu Đức Thế Tôn hình thể duỗi dài trụ trong thai mẹ thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn được bao che, trụ trong thai mẹ, không bị máu dơ làm cho ô ứ, cũng không bị tinh khí các thứ bất tịnh khác làm cho ô ứ. Nếu Đức Thế Tôn được bao che, trụ trong thai mẹ, không bị máu dơ làm cho ô ứ, cũng không bị tinh khí bất tịnh khác làm cho ô ứ thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu

quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này đều mỗi mỗi phát sanh nhận thức rằng: “Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!”. Nếu Đức Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả đất trời, có ánh sáng vi diệu quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến chỗ u tối, cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là nơi nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả nơi ấy đều được chiếu ngời. Chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm màu này đều mỗi mỗi phát sanh nhận thức rằng: “Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!” thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn thân thể duỗi dài mà ra khỏi thai mẹ. Nếu Đức Thế Tôn thân thể duỗi dài mà ra khỏi thai mẹ thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn được bao che khi ra khỏi thai mẹ, không bị máu dơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí và các vật bất tịnh khác làm cho ô uế. Nếu

Đức Thế Tôn được bao che khi ra khỏi thai mẹ, không bị máu dơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí và các thứ bất tịnh khác làm cho ô uế thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Khi Đức Thế Tôn mới sanh ra, có bốn vị thiên tử, tay cầm tám vải rất mịn đứng trước thai mẹ, làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: “Đồng tử này rấy kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hữu, có đại oai thần”. Nếu như Đức Thế Tôn mới sanh ra, có bốn vị thiên tử, tay cầm tám vải rất mịn đứng trước thai mẹ, làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: “Đồng tử này rấy kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hữu, có đại oai thần” thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi 7 bước không khiếp sợ, không kinh hãi, quan sát các phương. Nếu Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi 7 bước không khiếp sợ, không kinh hãi, quan sát các phương thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu này của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra thì ngay phía trước người mẹ bỗng hiện một hồ nước lớn, nước đầy tràn bờ, làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh. Nếu Thế Tôn vừa mới sanh ra thì ngay phía trước người mẹ bỗng hiện một hồ nước lớn, nước

đầy tràn bờ, làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, từ trên hư không nước mưa rưới xuống, một ấm, một lạnh, để tắm thân thể của Thế Tôn. Nếu khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, từ trên hư không nước mưa rưới xuống, một ấm, một lạnh, để tắm thân thể của Thế Tôn, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, chư Thiên ở trên hư không tấu lên âm nhạc của trời; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa Văn-đà-la của trời và bột hương chiên-đàn được rải lên Đức Thế Tôn. Nếu khi Đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, chư Thiên ở trên hư không tấu lên âm nhạc của trời; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa Văn-đà-la của cõi trời và bột hương chiên-đàn được rải lên Đức Thế Tôn, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Đức Thế Tôn ở tại nhà của cha là Bạch Tịnh vương, vào một ngày đi dự lễ hạ điền, ngồi dưới gốc cây Diêm-phù, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có lạc phát sanh do viễn ly, nhập Sơ thiền, thành tựu và an trụ. Bấy giờ là buổi xế, tất cả bóng của các cây khác đều đã ngả dần, chỉ có cây Diêm-phù là bóng cây không ngả, che mát thân của Đức Thế Tôn. Lúc

đó, Thích Bạch Tịnh đến quan sát công tác hạ điền, đi đến chỗ người làm ruộng hỏi rằng: “Này nông phu, Vương tử ở chỗ nào?”

Người ấy trả lời rằng: “Vương tử hiện đang ở dưới gốc cây Diêm-phù” rồi Thích Bạch Tịnh đi đến cây Diêm-phù. Bấy giờ là xế trưa, Thích Bạch Tịnh thấy bóng của tất cả các cây khác đều đã ngã, chỉ có bóng cây Diêm-phù là không ngã, để che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như vậy: “Vương tử này thật là kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao thế? Vì vào lúc xế trưa, tất cả các bóng cây đều ngã, chỉ có bóng cây Diêm-phù là không ngã, để che mát thân của vương tử”. Nếu vào buổi xế trưa tất cả cây đều ngã bóng, chỉ có bóng cây Diêm-phù không ngã, để che mát thân thể của Đức Thế Tôn, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng có một thời Đức Thế Tôn du hóa tại Bệ-xá-li, trong Đại lâm. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành Bệ-xá-li khát thực. Sau khi khát thực xong, xếp y, cất bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai, đi vào rừng, đến dưới một gốc cây Đa-la, trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết-già. Bấy giờ là lúc xế bóng, tất cả các bóng cây khác đều ngã, chỉ có bóng cây Đa-la là không ngã để che mát thân thể của Đức Thế Tôn. Bấy giờ vào lúc xế bóng, Thích Ma-ha-nam ung dung đi đến Đại lâm. Thích Ma-ha-nam thấy rằng: Vào buổi xế, tất cả bóng cây đều ngã chỉ trừ

bóng cây Đa-la là không ngả để che mát thân thể của Đức Thế Tôn, liền nghĩ như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vào buổi xế, tất cả bóng cây đều ngả, chỉ có bóng cây Đa-la là không ngả để che mát thân thể Cù-đàm’. Nếu lúc xế bóng, tất cả các bóng cây khác đều ngả, chỉ có bóng cây Đa-la là không ngả để che mát thân thể của Đức Thế Tôn, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng: Một thời Thế Tôn du hóa tại nước Bệ-xá-li, trong Đại lâm. Bấy giờ các Tỳ-kheo để bát ngoài chỗ đất trống, bát của Thế Tôn cũng có trong số ấy, có một con khỉ ôm bát của Thế Tôn mà đi. Các thầy Tỳ-kheo la ó, sợ nó làm bể bát của Thế Tôn. Nhưng Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: ‘Hãy để yên. Hãy để yên. Đừng la. Nó không làm bể bát đâu’. Thế rồi khỉ ôm bát của Thế Tôn mà đi, đến một cây Sa-la, chậm rãi leo lên, lấy đầy bát mật nơi cây Sa-la, rồi chậm rãi leo xuống, trở về chỗ Đức Phật, đem dâng bát mật ấy lên Đức Phật. Đức Thế Tôn không thọ nhận. Lúc ấy khỉ liền ôm bát qua một bên, dùng đũa gắp bỏ sâu. Sau khi nhặt bỏ sâu, nó ôm bát trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn lại không nhận. Khỉ lại ôm qua một bên, múc nước đổ vào trong mật rồi ôm trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn liền thọ nhận. Khi thấy Thế Tôn lấy bát mật rồi liền vui mừng hơn hờ, múa may nhảy nhót rồi bỏ đi. Nếu Đức Thế Tôn khiến con khỉ kia,

khi thấy Đức Thế Tôn lấy bát mật rồi vui mừng hơn hờ múa may nhảy nhót, rồi đi, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng một thời Đức Thế Tôn du hóa Bệ-xá-li, ở tại ngôi lầu cao, bên bờ ao Di hầu. Bấy giờ Thế Tôn đang phơi tọa cụ, rũ bụi, phủi đất. Lúc ấy có một đám mây đến trái thời che kín khắp hư không muốn mưa nhưng dừng lại chờ Đức Thế Tôn phơi tọa cụ, rũ bụi, phủi đất, xếp cát một nơi, rồi mang cát chổi; vào đứng trong nền nhà. Bấy giờ, đám mây lớn ấy thấy Đức Thế Tôn xếp cát tọa cụ rồi mới đổ mưa xuống rất lớn, từ cao cho đến thấp, nước ngập tràn lai láng. Nếu Đức Thế Tôn làm cho đám mây lớn kia thấy Thế Tôn xếp cát tọa cụ rồi mới mưa xuống thật to và từ đất cho đến thấp nước ngập tràn lai láng, con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe một thời Đức Thế Tôn du hóa tại Bạt-kỳ (Vajji.), ngồi dưới cây Sa-la thọ vương, trong rừng Ôn Tuyền. Bấy giờ là buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây Sa-la thọ vương là không ngả, để che mát thân thể Đức Thế Tôn. Khi ấy chủ vườn La-ma đi dạo xem vườn, thấy rằng vào buổi xế, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây Sa-la thọ vương là không ngả để che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần’. Vì sao vậy? Vì sao buổi xế tất cả bóng cây khác

đều ngã, chỉ trừ cây Sa-la thọ vương là không ngã bóng để che mát thân thể của Sa-môn Cù-đàm. Nếu Đức Thế Tôn vào buổi xế tắt cả bóng cây khác đều ngã, chỉ trừ bóng cây Sa-la thọ vương là không ngã để che mát thân thể của Thế Tôn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng có một thời Đức Thế Tôn ở trong miếu thần A-phù (Ātumā). Bấy giờ khi đêm đã tàn, vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y ôm bát vào thôn A-phù để khát thực. Sau khi khát thực xong, xếp y, cất bát, rửa chân tay xong, Ngài vắt Ni-sư-đàn lên vai, vào miếu thần ngồi thiền tịnh. Bấy giờ trời mưa đá rất to; sấm sét đánh chết 4 con trâu và 2 người cày. Lúc chôn cất 2 người chết ấy, đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động. Bấy giờ vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn rời chỗ ngồi tĩnh tọa đứng dậy, từ trong miếu thần đi ra, đến chỗ đất trống để kinh hành. Trong đám đông, có một người thấy Đức Thế Tôn vào lúc xế trưa rời chỗ tĩnh tọa đứng dậy, ở trong miếu thần đi ra, đến chỗ đất trống để kinh hành, liền đi đến chỗ Phật cúi đầu làm lễ rồi đi kinh hành theo sau Đức Phật. Đức Phật thấy người ấy ở phía sau nên hỏi rằng: ‘Vì có gì mà đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động vậy?’. Người ấy thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn khi trưa, trời mưa đá rất to; sấm sét đánh chết 4 con trâu và 2 người cày. Lúc chôn cất 2 người chết ấy, đám đông ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động. Bạch Thế Tôn vừa rời Ngài không nghe gì hết sao?’”.

“Thế Tôn trả lời rằng: ‘Ta không nghe các âm thanh ấy’.

“Lại hỏi rằng: ‘Vừa rồi Ngài ngủ hay sao?’

“Thế Tôn trả lời: ‘Không phải’.

“Lại hỏi Đức Thế Tôn: ‘Lúc ấy Ngài tỉnh mà không nghe các âm thanh ấy sao?’.

“Thế Tôn đáp: ‘Quả thật vậy’.

“Bấy giờ người kia liền suy nghĩ rằng: ‘Rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, sở hành của Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, rất là vắng lặng, rất là tịch tĩnh. Vì sao vậy? Vì lúc tỉnh mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn ấy. Nếu Đức Thế Tôn tỉnh thức mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn ấy; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn’.

“Con nghe rằng: Một thời Đức Phật trú tại Uất-bệ-la (Uruvelā.) bên bờ sông Ni-liên-nhiên (Nerañjarā), ngồi dưới cây A-xà-hòa-la Ni-câu-loại (Ajapāla-Nigrodha), lúc mới chứng đắc Phật đạo. Bấy giờ mưa lớn đến 7 ngày, từ cao đến thấp đều bị ngập nước, từng luồng nước lớn chảy xoáy ngang dọc, trong vùng đất trống đó, Đức Thế Tôn đi kinh hành, đến nơi nào thì nơi đấy có bụi bay lên. Nếu Đức Thế Tôn ở trong vùng có luồng nước xoáy ngang dọc, mà đi kinh hành, đến chỗ nào thì chỗ ấy có bụi bay lên; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng Ma vương trong suốt 6 năm theo Phật để tìm chỗ sơ suất mà không được, liền chán nản nên bỏ về. Nếu Đức Thế Tôn bị Ma vương trong suốt 6 năm theo tìm chỗ sơ suất mà không được, liền chán nản nên bỏ về; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Con nghe rằng Đức Thế Tôn, trong suốt 7 năm suy niệm về thân, luôn luôn suy niệm không gián đoạn. Nếu Đức Thế Tôn trong suốt 7 năm suy niệm về thân, luôn luôn không gián đoạn; con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ấy của Đức Thế Tôn”.

“Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng: “Này A-nan, người hãy nghe Như Lai nói mà thọ trì thêm pháp vị tăng hữu này nữa. Này A-nan, Như Lai biết thọ sanh, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết, chẳng có lúc nào chẳng biết. Này A-nan, Như Lai biết tư và tướng sanh, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết. Không lúc không biết. Cho nên, này A-nan hãy nên từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm pháp vị tăng hữu này.”³

3. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 32. Kinh Vị Tăng Hữu Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang_259~267.

4. Như Lai sanh ra và lớn lên từ thế gian nhưng không bị nhiễm pháp của thế gian

92. ‘Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ’

“Giống như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh từ trong nước, lớn lên trong nước, vượt lên khỏi mặt nước, không bị dính nước. Cũng như thế, Như Lai sanh từ trong thế gian, lớn lên trong thế gian, tu hành vượt trên thế gian, không đắm trước pháp thế gian. Vì sao? Vì Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, vượt khỏi tất cả thế gian”⁴.

5. Ngoại đạo cho rằng Như Lai là người có phép huyền thuật làm mê hoặc thế gian

133. ‘Kinh Ưu Ba Li’

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh thưa với Ni-kiền Thân Tử: “Con không muốn để cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyền hóa, có thể dùng chú thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ

4. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 92. Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 742.

Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử”⁵.

6. Thế Tôn là người nói với làm đi đôi với nhau

207. ‘Kinh Tiền Mao’ (A)

“Những gì là năm? Nay Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do giới vô thượng, khen ngợi Ta rằng: ‘Thế Tôn có giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm, việc làm đúng theo lời nói’. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân giới vô thượng mà khen ngợi Ta thì vị ấy nhân điều này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự thường theo Ta không rời”⁶.

7. Thế Tôn vì có 5 pháp khiến cho người khác tôn trọng

22. ‘Kinh Thành Tựu Giới’

Tôn giả Bạch Tịnh thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão nếu có năm pháp sẽ được các vị phạm hạnh khác tôn trọng, kính mến. Những gì là năm?”.

5. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 133. Kinh Ưu Ba Ly, Taiwan, 2000, trang 116.

6. Hán Dịch: Tam Tạng Tăng Già Đề Bà, Việt Dịch: Tuệ Sỹ, Kinh Trung A-Hàm Tập 2, 207. Kinh Tiền Mao (I), NXB Tôn Giáo, Hà Nội, 2008, trang 526.

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão tu tập các giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thâm nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh tâm lo sợ, thọ trì học giới. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có cấm giới ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng”.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy kiến thức rộng rãi; những pháp nào mà khoảng đầu hoàn hảo, khoảng giữa hoàn hảo, khoảng cuối cùng hoàn hảo, có nghĩa lý, có văn từ, hiển hiện phạm hạnh, thanh tịnh trọn đủ, vị ấy học rộng nghe nhiều các pháp như vậy, học tập nhuần nhuyễn cả ngàn lần, tâm ý tư duy quán sát, thấy rõ ràng và hiểu thấu sâu xa. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đa văn ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có bốn tâm tăng thượng, sống an lạc trong đời hiện tại, dễ được chớ không khó. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có thiền tư ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng”.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng khởi và suy tàn của các pháp, chứng đắc như thật trí, được sự sáng suốt của Thánh tuệ, phân biệt rõ ràng, chân chánh dứt hết khổ. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn có trí tuệ sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng”.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão đã dứt sạch các lậu, không còn kết sử, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn đã lậu tận ấy sẽ được các vị phạm hạnh kính mến tôn trọng”⁷.

8. Những nguyên nhân khiến vua Ba-tư-nặc cung kính Thế Tôn

213. ‘Kinh Pháp Trang Nghiêm’

Sau ba lần tự xưng tên họ, vua Ba-tư-nặc đánh lễ dưới chân Phật và lui ngồi một bên. Đức Thế Tôn hỏi: “Đại vương, Đại vương, thấy Ta có những nghĩa lợi nào mà tự hạ mình đánh lễ dưới chân và cúng dường cung kính như vậy?”.

Vua Ba-tư-nặc thưa: “Bạch Thế Tôn, con có sự lo ngại suy về pháp đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật khéo thú hướng’”.

7. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 22. Kinh Thành Tựu Giới, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 166-167.

“Bạch Thế Tôn, khi con ngồi trên đò tọa, con nhìn thấy mẹ tranh chấp với con, con tranh chấp với mẹ; cha tranh chấp với con, con tranh chấp với cha; cho đến anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc tranh chấp lẫn nhau. Trong khi tranh chấp, mẹ nói con xấu, con nói mẹ xấu, cha con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc nói xấu lẫn nhau. Người thân thích trong nhà còn như thế, huống nữa là người ngoài. Còn ở đây, con thấy chúng Tỳ-kheo, đệ tử của Thế Tôn theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh. Hoặc nếu có Tỳ-kheo nào gây ra ít nhiều tranh chấp, xả giới bỏ đạo cũng không nói xấu Phật, không nói xấu pháp, không nói xấu chúng Tăng, mà chỉ tự chê trách rằng: ‘Tôi xấu xa, thiếu đức hạnh. Tại sao như vậy? Vì tôi không thể theo Thế Tôn trọn đời tu hành phạm hạnh’. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Bạch Thế Tôn, lại nữa, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác đã ít nhiều học hành phạm hạnh, hoặc 9 tháng, hoặc 10 tháng nhưng lại xả bỏ để theo sắc phục trước kia rồi lại bị nhiễm ô bởi dục vọng, nhiễm dục, dính trước dục, bị dục trói chặt, kiêu ngạo, chấp thủ, thâm nhập, sống hoan lạc trong sự hành dục mà không thấy tai họa, không thấy xuất yếu. Bạch Thế Tôn, con thấy ở đây chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn tự nguyện trọn đời tu tập phạm hạnh, cho đến ức số. Ngoài đây ra con không thấy ở đâu có phạm hạnh thanh tịnh như vậy, như mái

nhà của Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng: ‘Pháp của Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí thân thể gầy còm tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng^[9] không ai muốn nhìn. Con tự nghĩ rằng: ‘Các Tôn giả này vì sao thân thể lại gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn. Các Tôn giả này ắt không tu phạm hạnh hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa cho nên các Tôn giả này thân hình gầy còm, tiều tụy, hình sắc xấu xa, mình nổi vẩy trắng không ai muốn nhìn’. Con đến hỏi họ: ‘Các Tôn giả vì sao thân hình tiều tụy gầy còm, tướng mạo xấu xí, mình nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn? Có phải các Tôn giả không thích tu hành phạm hạnh chăng? Hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả thân thể gầy còm tiều tụy?’. Những vị ấy đáp: ‘Đại vương, đây là bệnh trắng! Đại vương, đây là bệnh trắng (Pāli: bandhukarogo, bệnh truyền nhiễm)’.

“Bạch Thế Tôn, con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn, sống hân hoan đốn chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Thấy vậy, con nghĩ rằng: ‘Các Tôn giả này vì

sao được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng? Tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh? Các Tôn giả hoặc đã đạt đến ly dục hoặc chứng đắc tầng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú chứng đạt dễ dàng không khó. Cho nên các Tôn giả này mới được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng: tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Nếu sống trong dục lạc mà được hân hoan, đoan chánh, thì chính ta phải được đời sống hân hoan đoan chánh ấy. Vì sao? Vì ta hưởng thụ năm thứ diệu dục, một cách dễ dàng không khó. Nhưng các Tôn giả này đạt đến sự ly dục, chứng đắc tầng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú thành tựu dễ dàng không khó. Vì vậy cho nên các Tôn giả này sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn, do đó con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí thông minh trí tuệ, tự xưng mình thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc lòng các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người ai cũng đều nghe biết, đi đến nơi nào thấy đều đả

phá tông chủ của người mà tự lập luận điếm của mình và nói rằng: ‘Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm mà hỏi ông những điều như vậy, như vậy. Nếu ông trả lời được như thế này thì ta vặn hỏi thế kia. Nếu ông không trả lời được thì ta cũng vặn hỏi rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền tìm đến, nhưng khi gặp Phật thì lại chẳng dám hỏi lời nào hướng nữa là vấn nạn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hương’.

‘Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí, thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc lầu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến chỗ nào thấy đều đả phá tông chỉ người khác mà tự lập luận điếm của mình. Và nói rằng: ‘Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vậy như vậy. Nếu ông trả lời được thế này, ta lại vặn hỏi ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền đến tìm hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong Sa-môn Phạm chí này vui mừng hớn hờ, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là

toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác, thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc lòng các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thấy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà tự lập luận điểm của mình và nói rằng: ‘Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vậy, như vậy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi ông cách khác. Nếu ông không trả lời được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn Phạm chí này liền vui mừng phấn khởi, liền tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo; được Thế Tôn thọ nhận làm Ưu-bà-tắc; trọn đời quy y cho đến tận mạng. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện; chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc lòng các kinh, chế phục được cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thấy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà lập luận điểm của

mình mà nói rằng: ‘Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vậy, như vậy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền tìm đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn Phạm chí này vui mừng phấn khởi bèn theo Thế Tôn cầu xin xuất gia thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Thế Tôn bèn độ cho và truyền trao giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Khi các Tôn giả ấy xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo rồi, sống cô độc một nơi xa vắng, tâm không buông lung, tinh cần tu tập. Vị ấy sau khi sống cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tinh cần tu tập, đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ để thành tựu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ an trú, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Khi các Tôn giả ấy biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la-hán; chứng đắc A-la-hán rồi, bèn nói rằng: ‘Này chư Hiền, trước kia tôi gần bị suy vong gần bị hủy diệt. Vì sao vậy? Trước kia tôi không phải là Sa-môn tự xưng là Sa-môn; không phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, không phải A-la-hán tự xưng A-la-hán. Bây giờ chúng ta mới thực sự là Sa-môn, thực sự là phạm hạnh, thực sự là A-la-hán’. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn.

Do đó, con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con tự do trong quốc thổ của mình, muốn giết kẻ không lỗi lầm thì ra lệnh giết, muốn giết kẻ có lỗi lầm ra lệnh giết; nhưng khi con ngồi trên đò tọa, con vẫn không được tự do mà nói như vậy, ‘Các khanh hãy giữ im. Không ai hỏi việc nơi các khanh, mà chính là hỏi việc nơi ta. Các khanh không thể quyết đoán việc này, chỉ có ta mới có thể quyết đoán việc này’. Nhưng ở trong đó vẫn có người bàn cãi việc khác, không đợi người trước nói xong. Con đã nhiều lần thấy Thế Tôn thuyết pháp với đại chúng vây quanh. Bảy giờ có một người ngủ gật mà ngáy, thấy gây tiếng động, một người khác bèn nói rằng: ‘Ngài chớ có ngáy gây tiếng động. Ngài không muốn nghe pháp được Thế Tôn nói như cam lồ chăng?’ Người ấy nghe rồi tức thì im lặng. Con nghĩ rằng: ‘Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là Bạc Điều Ngự đại chúng. Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay! Vì sao vậy? Vì Ngài không cần dùng dao, dùng gậy nhưng tất cả đều đúng như pháp mà được an ổn khoái lạc’. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, hai viên thần tá Tiên Dur (Pāli: Isidatta) và Túc Cự (Pāli: Purāna) được con ban

phát tiền tài và con thường khen ngợi họ; đời sống họ do nơi con. Nhưng con không thể khiến cho hai vị thần tá này hạ ý cung kính, cúng dường, phụng sự con như họ hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, thuở xưa trong lúc xuất chinh, ngủ đêm trong một ngôi nhà nhỏ, con muốn thử hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cự khi ngủ quay đầu về phía nào, quay về phía con hay quay về phía Thế Tôn ở. Rồi hai vị thần tá Tiên Dư và Túc Cự, vào lúc đầu hôm, ngồi kiết già im lặng tĩnh tọa. Đến nửa hôm nọ nằm ngủ, đầu hướng về phía mà họ biết Thế Tôn đang ở còn chân thì quay về phía con. Thấy thế con suy nghĩ: ‘Hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cự này không quan tâm đến sự thù thắng trước mắt cho nên họ không hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự ta như hạ ý cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn’. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng: ‘Pháp được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng’.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là quốc vương, Thế Tôn cũng là Pháp vương. Con thuộc dòng Sát-lợi, Thế Tôn cũng thuộc dòng Sát-lợi. Con là người nước Câu-tát-la,

Thế Tôn cũng người nước Câu-tát-la. Con đã 80 tuổi, Thế Tôn cũng 80 tuổi. Con có thể trọn đời hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn”⁸.

9. Thế Tôn có 5 điểm đặc thù cho nên được mọi người cung kính cúng dường (5 điểm đó không phải là những vấn đề ăn ít hay ăn nhiều, là những điểm có liên quan đến trí tuệ)

207. ‘Kinh Tiễn Mao’ (A)

Thế Tôn nghe rồi liền hỏi Tiễn Mao rằng: “Ưu-đà-di, ông thấy Ta có bao nhiêu pháp khiến cho các đệ tử hầu hạ cung kính, tôn trọng và cúng dường, thường theo Ta không rời?”.

Dị học Tiễn Mao đáp rằng: “Tôi thấy Cù-đàm có năm pháp khiến đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời. Những gì là năm? Sa-môn Cù-đàm trí túc về thô y, khen ngợi tri túc về thô y. Bởi vì Sa-môn Cù-đàm trí túc về thô y, khen ngợi tri túc về vải thô nên tôi thấy tri túc đó là pháp thứ nhất mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến cho hàng đệ tử

8. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 213. Kinh Pháp Trang Nghiêm, Taiwan, 2000, trang 895~900.

phụng sự cung kính, tôn trọng cúng dường, thường theo không rời”.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi về tri túc đạm bạc. Bởi vì Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi về tri túc ăn uống đạm bạc nên tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có pháp thứ hai khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng cúng dường, phụng sự thường theo không rời”.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn ít. Vì Sa-môn Cù-đàm ăn ít và khen ngợi sự ăn ít nên tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có pháp thứ ba khiến các đệ tử cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời”.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ. Vì Sa-môn Cù-đàm tri túc như vậy nên tôi thấy đó là pháp thứ tư mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, thường theo không rời”.

“Lại nữa Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và ngợi khen tĩnh tọa. Vì vậy, tôi thấy đó là pháp thứ năm mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng hành thường theo không rời”.

“Đó là năm pháp mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng hành, thường theo không rời”.

Thế Tôn bảo rằng: “Này Ưu-đà-di, Ta không phải do năm pháp ấy mà khiến các đệ tử cung kính tôn trọng, cúng dường thừa sự, thường theo không rời. Này Ưu-đà-di, áo ta mặc được cắt theo con dao Thánh và nhuộm màu sắc xấu xa. Như vậy, y Thánh được nhuộm màu sắc xấu xa. Ưu-đà-di! Nhưng đệ tử Ta cũng có người trọn đời chỉ mặc áo phẩn tảo do người ta bỏ và cũng nói thế này: ‘Thế Tôn ta tri túc về thô y’, khen ngợi sự tri túc về thô y. Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử ta nhận sự tri túc về thô y mà khen ngợi Ta thì người đó do sự kiện này đã không cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Ta, cũng không theo Ta”.

“Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta ăn đồ ăn gạo nếp, nấu chín và không có hạt xép, vô lượng tạp vị. Ưu-đà-di, nhưng đệ tử Ta có người trọn đời khát thực, ăn đồ ăn đã bỏ, cũng lại nói rằng: ‘Thế Tôn ta tri túc về thô thực’, khen ngợi tri túc về thô thực. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân sự tri túc về ăn uống thô sơ mà khen ngợi Ta, người ấy nhân sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta chỉ ăn bằng một trái cây bệ-la (Pāli: veļuvāhāra, thức ăn bằng trái cây veļuva, một loại dưa) hoặc bằng nửa bệ-la. Nhưng đệ tử của Ta có người ăn bằng một câu-tha (kosāhāra, một bát cơm), hoặc bằng nửa câu-tha, cũng nói như vậy: ‘Thế Tôn ăn ít, khen ngợi sự ăn ít’. Nếu đệ tử Ta nhân sự ăn ít mà khen ngợi Ta, người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự và theo Ta”.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta hoặc ở trên lầu cao hoặc trên nhà rạp. Ưu-đà-di, nhưng đệ tử của Ta có người trải qua chín mươi tháng, suốt đêm ngủ ngoài trời, cũng nói như vậy: ‘Thế Tôn của Ta tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ’. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ nên khen ngợi Ta thì người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Ta và cũng không theo Ta”.

“Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta thường sống trong sự náo nhiệt giữa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Nhưng đệ tử của Ta có người quá nửa tháng mới nhập chúng một lần vì pháp thanh tịnh cũng nói như vậy: ‘Thế Tôn của Ta tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tọa’. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân sự tĩnh tọa mà khen ngợi Ta, vì ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta”.

“Ưu-đà-di, Ta không có năm pháp này, khiến hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Ưu-đà-di, Ta lại có năm pháp khác, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời.

(1) “Những gì là năm? Nay Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do giới vô thượng, khen ngợi Ta rằng: ‘Thế Tôn có giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm, việc làm đúng theo lời

nói’. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân giới vô thượng mà khen ngợi Ta thì vị ấy nhân điều này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự thường theo Ta không rời.

(2) “Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do vô thượng trí tuệ, khen ngợi Ta, ‘Thế Tôn có trí tuệ, cực đại trí tuệ, nếu có ai đến bàn luận hay đối đáp, Ngài đều khuất phục được. Nghĩa là đối với Chánh pháp luật, họ không thể nói. Đối với điều chính mình nói, họ cũng không thể nói’. Ưu-đà-di, nếu đệ tử nhân vô thượng trí tuệ, mà khen ngợi Ta, vị ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, theo Ta không rời”.

(3) “Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do vô thượng tri kiến, khen ngợi Ta rằng: ‘Thế Tôn biết khắp chứ không phải không biết; thấy khắp chứ không phải không thấy. Ngài nói pháp cho đệ tử có nhân chứ không phải không nhân, có duyên chớ không phải không duyên, có thể đáp chứ không phải không thể đáp, có xả ly chứ không phải không xả ly’. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân vô thượng tri kiến mà khen ngợi Ta, người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo ta không rời”.

(4) “Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do nhòm tòm mũi tên ái dục mà đến hỏi Ta về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ta liền trả lời về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ưu-đà-di, nếu có đệ tử đến

hỏi Ta được trả lời xứng ý, khiến được hoan hỷ, người đó nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời”.

(5) “Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta vì các đệ tử hoặc nói Túc mạng trí thông, tác chứng, hoặc nói Lưu tận trí thông tác chứng minh đạt. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta trong Chánh pháp luật này được thọ được độ, được đến bờ bên kia, không nghi không hoặc, ở trong thiện pháp không có do dự, người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, cúng dường, tôn trọng, phụng sự Ta, thường theo ta không rời”.

“Này Ưu-đà-di, Đó là năm pháp Ta có khiến cho các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo không rời”⁹.

10. Ngoại đạo cho rằng Như Lai là người phá hoại sự sống

153. ‘Kinh Man Nhân Đề’

Lúc ấy vào buổi xế trưa, dị học Man-nhàn-đề (Pāli: Māgandiya-paribbājaka, du sī Māgandiya) thong dong, tản bộ đến Đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà. Từ xa dị học Man-nhàn-đề thấy trên sàn rải cỏ ở tịnh thất ấy có dấu

9. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 207. Kinh Tiền Mao (I), Taiwan, 2000, trang 833~836.

nằm một bên hông, như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh. Trông thấy vậy, đệ học Man-nhàn-đề hỏi Bà-la-bà: “Trong Đệ nhất tịnh thất ấy, sà cỏ có dấu nằm một bên hông này của ai mà giống như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh như thế?”.

Phạm chí Bà-la-bà đáp: “Này Man-nhàn-đề, có Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, từ bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác. Ở trong tịnh thất đó, sà cỏ có dấu nằm một bên hông đó, như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh chính là của Sa-môn Cù-đàm”.

Đệ học Man-nhàn-đề nói: “Này Bà-la-bà, tôi nay phải thấy cảnh không đáng thấy, phải nghe theo điều không đáng nghe; nghĩa là phải thấy chỗ nằm của Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm ấy là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng...”¹⁰.

10. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 153. Kinh Man Nhân Đề, Taiwan, 2000, trang 325~326.

11. 32 tướng tốt

59. ‘Kinh Tam Thập Nhị Tướng’ (giống như kinh số 161. ‘Kinh Phạm Ma’)

Đức Thế Tôn dạy: “Này các Tỳ-kheo, các người muốn Như Lai nói về 32 tướng không? Bậc Đại nhân mà thành tựu 32 tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ 1.000 con trai dung mạo đẹp đẽ, dũng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lĩnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe”.

Phật nói: (1). “Bậc Đại nhân có lòng bàn chân bằng phẳng. (2). “Lại nữa, lòng bàn chân của Đại nhân có hình bánh xe. Bánh xe có đầy đủ ngàn tăm...(3). “Lại nữa, ngón chân của Đại nhân thon dài. (4). “Lại nữa, mu bàn chân Đại nhân thì ngay ngắn”. (5). “Lại nữa, ở phía sau hai bên mắt cá của gót chân Đại nhân thì đầy đặn bằng phẳng”. (6). “Lại nữa, hai mắt cá nơi bàn chân thì nhô

cao và đầy”. (7). “Lại nữa, lông trên thân thể của Đại nhân mọc hướng lên”. (8). “Lại nữa, ở chân tay Đại nhân có màng lưới giống như của chim nhận chúa”. (9). “Lại nữa, chân tay Đại nhân rất đẹp, mềm mại, xòe ra như hoa Đâu-la” (10). “Lại nữa, da thịt của Đại nhân mịn màng, bụi nước không dính được”. (11). “Lại nữa, từng sợi lông trên thân của Đại nhân, từng sợi lông một mọc ở lỗ chân lông, màu xanh lóng lánh như màu của ốc, xoay tròn về hướng phải”. (12). “Lại nữa, bắp đùi như bắp đùi của nai chúa”. (13). “Lại nữa, âm mã tàng của Đại nhân giống như của ngựa chúa tốt”. (14). “Lại nữa, thân hình Đại nhân cân xứng đẹp đẽ, giống như cây Ni-câu-loại, trên dưới tương xứng hoàn toàn”. (15). “Lại nữa, thân thể của Đại nhân không gù còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng mà duỗi tay, sò tận đầu gối”. (16). “Lại nữa, thân của Đại nhân màu hoàng kim giống như vàng ròng tía”. (17). “Lại nữa, thân của Đại nhân có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ”. (18). “Lại nữa, thân của Đại nhân phần trên lớn giống như thân sư tử”. (19). “Lại nữa, quai hàm của Đại nhân như sư tử”. (20). “Lại nữa, xương sống thẳng bằng”. (21). “Lại nữa, trên hai vai liên tiếp qua cổ đầy đặn bằng phẳng”. (22). “Lại nữa, Đại nhân có bốn mươi cái răng. Răng đều đầy đặn, không khuyết lở, trắng, trong, láng bạc nhất”. (23). “Lại nữa, tiếng nói đáng ưa như tiếng trời Phạm thiên, âm thanh như tiếng chim Gia-la-tỳ-già”. (24). “Lại nữa, Đại nhân có lưới rộng dài. Lưới rộng dài là lưới khi lè ra trùm khắp cả mặt”. (25).

“Lại nữa, mí mắt của Đại nhân rộng như của trâu chúa”. (26). “Lại nữa, mắt Đại nhân màu xanh biếc”. (27). “Lại nữa, đỉnh đầu Đại nhân có nhục kế tròn cân đối, tóc xoáy ốc về hướng phải”. (28). “Lại nữa, giữa hai lông mày của Đại nhân có sợi lông trắng mọc xoáy tròn về hướng phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân”¹¹.

12. Một trong hai con đường mà thái tử Tất Đạt Đa phải lựa chọn

161. ‘Kinh Phạm Ma’

Lại nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm thành tựu 32 tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân thì chắc chắn có hai trường hợp chân thực không sai lầm. Đó là nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chinh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ 1.000 người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân, chắc chắn thống lĩnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn.

11. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 59. Kinh Tam Thập Nhị Tướng, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 393.

Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bạc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe”¹².

13. Ma Ba Tuần yêu cầu đức Phật không nói pháp

78. ‘Kinh Phạm Thiên Thỉnh Phật’

Bấy giờ Ma vương liền bạch Thế Tôn rằng: “Đại Tiên nhân, ông thật khéo thấy, khéo biết, khéo thông suốt nhưng ông chớ nên giáo huấn, chớ nên diu dắt đệ tử, chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyện ái đệ tử. Chớ vì luyện ái đệ tử mà khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào nơi thấp kém, sanh trong loại thần kỳ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ an ổn khoái lạc trong đời hiện tại. Vì sao? Đại Tiên nhân, vì đó là tự gây phiền nhiệt vô ích. Đại Tiên nhân, xưa có Sa-môn, Phạm chí giáo huấn đệ tử, diu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe, luyện ái đệ tử. Vì luyện ái đệ tử nên khi thân hoại mạng chung, vị ấy đã sanh vào những nơi thấp kém, sanh làm thần kỳ nhạc. Đại Tiên nhân, vì thế tôi bảo ông chớ nên giáo huấn đệ tử và diu dắt đệ tử, cũng đừng nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyện ái đệ tử. Vì luyện ái đệ tử, sau khi thân hoại mạng

12. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 161. Kinh Phạm Ma, Taiwan, 2000, trang 392.

chung sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ khoái lạc trong đời hiện tại. Vì sao? Vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi”.

Khi ấy, Phật bảo rằng: “Ma Ba-tuần, người chẳng phải vì mong cầu nghĩa lợi cho Ta, chẳng phải vì mong cầu sự hữu ích, chẳng phải vì mưu cầu hoan lạc, cũng chẳng phải mưu cầu sự an ổn cho Ta mà nói với Ta rằng: ‘Đừng giáo huấn, đừng dắt đệ tử, đừng nói pháp cho đệ tử nghe, đừng luyện ái đệ tử. Vì sao? Vì luyện ái đệ tử thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào nơi thấp kém, sanh làm thần kỹ nhạc. Hãy sống mà hưởng thụ khoái lạc ngay trong đời hiện tại. Vì sao vậy? Đại Tiên nhân, vì đó là sự gây phiền nhọc vô ích mà thôi’. Ma Ba-tuần, Ta biết người đang nghĩ rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm này nói pháp cho đệ tử nghe, sau khi nghe xong, các đệ tử ấy sẽ ra khỏi cảnh giới của ta’. Nay ma Ba-tuần, vì thế cho nên người nói với Ta rằng: ‘Đừng giáo huấn, đừng dắt đệ tử, đừng nói pháp cho đệ tử nghe, cũng đừng luyện ái đệ tử thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cảnh giới thấp kém, sanh làm thần kỹ nhạc. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ khoái lạc an ổn ngay trong đời hiện tại. Vì sao vậy? Nay Đại Tiên nhân, vì đó là sự gây phiền nhọc vô ích mà thôi’.

“Ma Ba-tuần, nếu quả có Sa-môn, Phạm chí nào đã giáo huấn đệ tử, dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe và luyện ái đệ tử; vì luyện ái đệ tử nên thân hoại mạng chung đã sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc thì

Sa-môn, Phạm chí ấy chẳng phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, chẳng phải là Phạm chí mà tự xưng là Phạm chí, chẳng phải A-la-hán mà tự xưng là A-la-hán, chẳng phải Đẳng chánh giác mà tự xưng Đẳng chánh giác”.

“Này ma Ba-tuần, Ta là Sa-môn thực nên mới xưng là Sa-môn, thực là Phạm chí nên mới xưng là Phạm chí, thực là A-la-hán nên mới xưng là A-la-hán, thực là Đẳng chánh giác nên mới xưng là Đẳng chánh giác. Này ma Ba-tuần, nếu Ta có nói pháp hay không nói pháp cho đệ tử nghe thì người cũng nên đi đi. Nay Ta tự biết nên nói pháp cho đệ tử nghe hay không nên nói pháp cho đệ tử nghe”.

“Đó là sự thỉnh cầu Phạm thiên, sự chống đối của ma Ba-tuần, sự tùy thuận thuyết pháp của Đức Thế Tôn, cho nên kinh này gọi là “Phạm thiên thỉnh Phật”.¹³

14. Sự kiện Thế Tôn nhập Niết-bàn

68. ‘Kinh Đại Thiện Kiến Vương’

Một thời, Phật du hóa tại thành Câu-thi (Pāli: Kusinārā), trú trong rừng Sa-la của Hòa-bạt-đơn lực sĩ (Pāli: Upavattana-Mallā, bộ tộc Mallā ở Upavattana).

13. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 78. Kinh Phạm Thiên Thỉnh Phật, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 624.

Bấy giờ, vào lúc tối hậu, sắp nhập Niết-bàn, Đức Thế Tôn bảo: “Này A-nan, hãy đến giữa hai cây Sa-la song thọ (Pāli: yamaka-sālā) trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Như Lai vào giữa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn”.

Tôn giả A-nan vâng lời Đức Như Lai, liền đến giữa hai cây song thọ trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Sau khi trải chỗ nằm xong, trở lại chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài rồi đứng sang một bên, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, con đã trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Cúi mong Thế Tôn tự biết thời”.

Bấy giờ Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đến giữa hai cây song thọ, xếp tư y uất-đa-la-tăng trải lên chỗ nằm, gấp y tăng-già-lê làm gối. Ngài nằm nghiêng về hông bên phải, hai chân chồng lên nhau. Đây là lúc tối hậu, Phật sắp nhập Niết-bàn”¹⁴.

15. Kinh nghiệm tu tập của đức Thế Tôn

72. ‘Kinh Trường Thọ Vương Bản Khởi’

“Này A-na-luật-đà, thuở xưa lúc Ta chưa đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chân, cũng nhận được ánh

14. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 68. Kinh Đại Thiện Kiến Vương, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 487.

sáng mà thấy sắc. Giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất. A-na-luật-đà, Ta nghĩ: ‘Trong tâm Ta có tai hoạn nào khiến cho Ta mất định mà con mắt diệt; con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc, giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt?’. A-na-luật-đà, Ta hành tinh tấn, không biếng nhác, thân tĩnh chỉ an trú, có chánh niệm chánh trí, không có ngu si, được tĩnh chỉ nhất tâm. Nay A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Ta hành tinh tấn, không biếng nhác, tĩnh chỉ nơi thân, có chánh niệm chánh trí, an trú, không có si, được định tĩnh nhất tâm. Phải chăng trong đời không có gì để Ta thấy, để Ta biết chăng?’ Trong tâm Ta sanh tai hoạn về hoài nghi ấy. Nhân tai hoạn của hoài nghi ấy nên mất định mà con mắt diệt. Con mắt diệt rồi thì ánh sáng mà Ta nhận được để thấy sắc; giây lát sắc được thấy sắc và ánh sáng ấy liền diệt. A-na-luật-đà, nay Ta nên nghĩ rằng: ‘Trong tâm Ta không sanh tai hoạn của hoài nghi’. A-na-luật-đà, vì Ta muốn không sanh tai hoạn này nên sống cô độc viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên nhận được ánh sáng mà thấy sắc; giây lát, sắc được thấy kia và ánh sáng liền biến mất”.

“Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: ‘Do duyên nào, do nhân nào Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy ánh sáng rộng rãi’. Ta lại nghĩ: ‘Nếu Ta nhập định rộng rãi, nhờ nhập định rộng rãi nên nhãn căn thanh tịnh rộng rãi. Nhờ nhãn căn thanh tịnh rộng rãi nên Ta biết

ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi’. A-na-luật-đà, Ta biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. Nay A-na-luật-đà, bây giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này”.

“Này A-na-luật-đà, nếu trong tâm ta sanh tai hoạn về nghi, đối với tai hoạn ấy trong tâm Ta đã đoạn trừ, được thanh tịnh. Với vô niệm, thân bệnh tướng, thụy miên, tinh cần thái quá, giải đãi thái quá, sợ hãi, hỷ duyệt, tâm tự cao, đa dạng tướng, và sanh tai hoạn về không quán sắc, đối với những tai hoạn ấy tâm được thanh tịnh. Tu học, cực tu học về định có giác có quán; tu học, cực tu học về định không giác không quán; tu học, cực tu học về định thuần nhất; tu học, cực tu học về định hỗn hợp; tu học, cực tu học về định một phần ít; tu học, cực tu học về định quảng vô lượng. Ta có trí và kiến thanh tịnh, sáng suốt vô cùng, hướng đến an trú vào định, tinh cần tu tập đạo phẩm, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Nay A-na-luật-đà, bây giờ Ta thực hành trụ chỉ ấy”¹⁵.

15. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 72. Kinh Trường Thọ Vương Bốn Khởi, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 573-582.

16. Đức Phật không phải là nhà huyền thuật

20. ‘Kinh Ba La Lao’

“Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật. Thưa Cù-đàm, nếu ai nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật’, người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy có nói đúng sự thật không? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người ấy nói đúng pháp và như pháp chăng? Đối với như pháp, không có sai lầm và không bị chỉ trích chăng?”.

Đức Thế Tôn đáp: “Này Già-di-ni, nếu có ai nói như vậy, ‘Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật’ thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói chân thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói pháp như pháp, đối với pháp không có lỗi lầm, không bị chỉ trích. Vì sao thế? Này Già-di-ni, Ta biết huyền thuật ấy nhưng chính Ta không phải là nhà huyền thuật”¹⁶.

16. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 20. Kinh Ba La Lao, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 140.

17. Mười hiệu

8. ‘Kinh Thất Nhật’, 16. ‘Kinh Già Lam’, 20. ‘Kinh Ba La Lao’

“Này các Tỳ-kheo, Ta nay xuất hiện ở đời, là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là Đấng Chúng Hựu”¹⁷.

18. Mục đích đức Phật ra đời

8. ‘Kinh Thất Nhật’

“Ta nay đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt được chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não”¹⁸.

17. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 8. Kinh Thất Nhật, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 52.

18. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 8. Kinh Thất Nhật, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 52.

19. Nội dung giáo dục của Phật

115. ‘Kinh Mật Hoàn Dụ’

“Sa-môn Cù-đàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ? Và thuyết giảng những pháp gì?”.

Đức Thế Tôn đáp: “Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, thanh tịnh phạm hạnh, lia bỏ siểm khúc, dứt trừ hối, không đả trước nơi hữu, phi hữu, cũng không có tướng. Đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy”¹⁹.

20. Lòng bao dung của đức Phật

133. ‘Kinh Ưu Ba Li’

“Bạch Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Hôm nay con xin quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời con quy y cho đến khi chết”.

Đức Thế Tôn bảo: “Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp”.

19. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 115. Kinh Mật Hoàn Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 891~892.

Cư sĩ Ưu-ba-ly bạch: “Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: “Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp”.

“Bạch Thế Tôn, nếu như con mà làm đệ tử của các Sa-môn, Phạm chí khác thì họ đã cầm tràng phan, dù lọng đi tuyên bố khắp nơi Na-nan-đà, nói như thế này: ‘Cư sĩ Ưu-ba-ly đã làm đệ tử ta! Cư sĩ Ưu-ba-ly đã làm đệ tử ta!’. Nhưng Thế Tôn lại nói như thế này: “Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp”.

Cư sĩ Ưu-ba-ly lại bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con không cho các Ni-kiền đi vào nhà con. Chỉ có bốn chúng đệ tử Thế Tôn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi”.

Đức Thế Tôn bảo: “Cư sĩ, các Ni-kiền kia cùng với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau. Nếu họ có đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ”.

Ưu-ba-ly bạch: “Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: ‘Cư sĩ, các Ni-kiền kia đối với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau. Nếu họ có đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ’. Bạch Thế Tôn, ngày trước

con nghe nói Thế Tôn dạy như thế này: ‘Nên cho Ta, đừng cho người khác. Nếu cho Ta sẽ được phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn. Cho đệ tử Ta thì sẽ được phước lớn, cho đệ tử người khác thì không được phước lớn’.

Đức Thế Tôn bảo: “Cư sĩ, Ta không nói như thế. Ta không nói rằng: ‘Nên cho Ta chứ đừng cho người khác. Cho đệ tử Ta chứ đừng cho đệ tử người khác. Nếu cho Ta thì phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn. Cho đệ tử Ta sẽ được phước lớn, nếu cho đệ tử người khác thì không được phước lớn’. Cư sĩ, Ta nói như thế này: ‘Hãy cho tất cả tùy theo tâm hoan hỷ. Nhưng cho người không tinh tấn không được phước lớn. Cho người tinh tấn sẽ được phước lớn’.

Cư sĩ Ưu-ba-ly bạch: “Bạch Thế Tôn, xin nguyện không làm vậy. Con tự biết nên cho Ni-kiền hay không nên cho Ni-kiền. Bạch Thế Tôn, hôm nay một lần nữa con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời quy y cho đến khi chết”.²⁰

20. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 133. Kinh Ưu Ba Ly, Taiwan, 2000, trang 120~122.

21. Những điều kiện Tỳ-kheo phải có trước khi tu tập hay hoằng dương Phật pháp

1. ‘Kinh Thiện pháp’

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Nếu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp tất được hoan hỷ an lạc trong pháp Hiền thánh, thẳng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thủ thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo biết pháp. Nếu Tỳ-kheo không biết pháp, tức không biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thủ thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và thuyết nghĩa. Tỳ-kheo như vậy là không biết pháp. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ pháp, đó là biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thủ thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu và thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ pháp”.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Tỳ-kheo biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo biết nghĩa. Nếu Tỳ-kheo không biết nghĩa tức là Tỳ-kheo không biết nghĩa của

giáo thuyết này hay giáo thuyết kia; không biết điều này có nghĩa như thế kia, điều kia có nghĩa như thế này. Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ nghĩa, đó là biết nghĩa của giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Đó là Tỳ-kheo khéo biết rõ nghĩa”.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết thời? Đó là Tỳ-kheo biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo biết thời. Nếu có Tỳ-kheo không biết thời tức là không biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Tỳ-kheo như vậy là không biết thời. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ thời, đó là biết thời nào nên tu phương pháp thấp, thời nào nên tu phương pháp cao, thời nào nên tu phương pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ thời”.

“Thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ? Đó là Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo không biết tiết độ tức là Tỳ-kheo không biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ sự tiết độ, đó là biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói

năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ sự tiết độ”.

“Thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Tỳ-kheo tự biết mình có mức độ ấy tín, giới thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là biết mình. Nếu có Tỳ-kheo không biết mình tức là không tự biết mình có mức độ ấy tín, giới, văn, thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là không biết mình. Nếu có Tỳ-kheo khéo tự biết rõ mình, đó là biết mình có mức độ ấy tín, giới thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là khéo biết rõ mình”.

“Thế nào là Tỳ-kheo biết chúng hội? Tỳ-kheo biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo biết chúng hội. Nếu có Tỳ-kheo không biết chúng hội tức là không biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là chúng hội Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Tỳ-kheo như vậy là không biết chúng hội. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết rõ chúng hội, đó là biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết rõ chúng hội.

“Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Đó là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có tín và có bất tín, người có tín là hơn, người bất tín là kém. Người có tín lại có hai hạng: Thường đến gặp Tỳ-kheo và không thường đến gặp Tỳ-kheo. Người đến gặp thấy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đến gặp Tỳ-kheo là kém. Người thường đến gặp Tỳ-kheo lại có hai hạng: có lễ kính và không lễ kính. Người có lễ kính là hơn; người không lễ kính là kém. Người có lễ kính lại có hai hạng: có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là hơn, người không hỏi kinh là kém. Người có hỏi kinh lại có hai hạng: nhất tâm nghe kinh và không nhất tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là hơn, người không nhất tâm nghe kinh là kém. Người nhất tâm nghe kinh có hai hạng: nghe rồi thọ trì pháp và nghe rồi không thọ trì pháp. Người nghe rồi thọ trì pháp là hơn, người nghe rồi không thọ trì pháp là kém. Người nghe rồi thọ trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là hơn, người nghe pháp không quán sát nghĩa là kém. Hạng nghe pháp quán sát nghĩa lại có hai: biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp; và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp và thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp,

không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém. Hạng biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Tự làm ích lợi cho mình và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích cho mình và cũng không làm lợi ích cho người, không xót thương thế gian không cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người. Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn và khoái lạc cho trời người. Người ấy là bậc nhất là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người khác. Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thực tô, từ thực tô có tô tinh. Tô tinh là thứ bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời người, thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người²¹.

21. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, Số 26: Kinh Trung A Hàm (I) - Phẩm Thứ 1: Phẩm Bảy Pháp - 1. Kinh Thiện Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 5~9.

22. Lộ trình tu tập

2. ‘Kinh Trú Đạc Thọ’

Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia, lúc đó vị Thánh đệ tử như là chiếc lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú đạc ở cõi Tam thập tam thiên vàng úa.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, vói chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên rụng xuống”.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiên; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại như lá cây ở Tam thập tam thiên sanh trở lại”.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử giác và quán đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh thành tựu và an trụ Nhị thiên. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là sanh mạng lưới như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên sanh mạng lưới”.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không, thành tựu an trụ Tam thiên. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như cây Trú đạc ở Tam thập tam thiên nở nụ như mỏ chim”.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh thành tựu an trụ Tứ thiên. Vị Thánh đệ tử lúc đó được gọi là nở hoa như cái bát vậy cũng như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên nở hoa như cái bát”.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử các lậu đã tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; vị ấy biết một cách như thật rằng ‘Sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa’. Lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng giống như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên nở hoa tròn trịa. Đó là vị Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán, được Tam thập tam thiên tập hội tại chánh điện Thiên pháp hỏi han khen ngợi rằng: ‘Vị Thánh đệ tử tôn quý đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Đó là sự tập hội của các A-la-hán lậu tận, như Tam thập tam thiên cùng tập hội dưới cây Trú đặc vậy”²².

22. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 2. Kinh Trú Đại Thọ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 12~14.

23. Bảy thiện pháp

3. ‘Kinh Thành Dự’

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tâm sĩ, điều đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, xấu hổ pháp ác bất thiện, phiền não ô ế, là thứ khiến thọ các ác báo, gây nên gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ hai mà Thánh đệ tử có được”.

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành xấu thẹn, điều đáng xấu thẹn biết xấu thẹn, xấu thẹn pháp ác bất thiện, phiền não ô ế là thứ khiến thọ các ác báo, tạo gốc sanh tử. Đó là thiện pháp thứ ba mà Thánh đệ tử có được”.

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tiến, đoạn trừ các ác bất thiện pháp, tu các thiện pháp, luôn gắng sức bền chí, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện, không bỏ phương tiện Đó là thiện pháp thứ tư mà Thánh đệ tử có được”.

“Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng. Các pháp nào là toàn thiện ở khoảng đầu, toàn thiện ở khoảng giữa, toàn thiện ở khoảng cuối, có nghĩa có văn, thanh tịnh trọn đủ, phạm hạnh hiển hiện^[15], học rộng nghe nhiều các pháp như vậy; học đến cả ngàn lần, chú ý chuyên tâm quán sát, thấy rõ hiểu sâu^[17]. Đó là thiện pháp thứ năm mà Thánh đệ tử có được”.

“Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành nơi niệm, thành tựu chánh niệm; những điều đã học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu^[18], nhớ luôn không quên. Đó là thiện pháp thứ sáu mà Thánh đệ tử có được”.

“Lại nữa, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát pháp hưng suy. Do có trí như vậy, có thánh tuệ, có sự thấu hiểu, phân biệt rõ ràng mà diệt tận hoàn toàn sự khổ. Đó là thiện pháp thứ bảy mà Thánh đệ tử có được”.

“Những gì là bốn tầng thượng tâm, dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt được? Đó là Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền. Đó là tầng thượng tâm thứ nhất dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến”.

“Lại nữa, Thánh đệ tử giác và quán đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh thành tựu và an trụ Nhị thiền. Đó là tầng thượng tâm thứ hai dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến”.

“Lại nữa, Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không, thành tựu an trụ tâm. Đó là tầng thượng tâm thứ ba dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến”.

“Lại nữa, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm

thanh tịnh thành tựu an trụ Tứ thiền. Đó là tầng thượng tâm thứ tư dễ được không khó mà Thánh đệ tử đạt đến”.

“Nhu vậy, Thánh đệ tử được bảy thiện pháp, đạt đến bốn tâm tầng thượng dễ được không khó, không bị ma vương lung lạc, cũng không theo pháp ác bất thiện, không bị nhiễm bởi nhiễm ô, không còn thọ sanh trở lại”²³.

24. 7 loại phước của thế gian và xuất thế gian

7. ‘Kinh Thế Gian Phước’

Thế Tôn nói: “Có thế, này Châu-na, có bảy loại phước thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy?”.

“Này Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm cúng thí phòng xá, nhà gác cho đại chúng Tỳ-kheo. Đó là loại phước thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn”.

“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí giường nằm, đồ ngồi, đệm lông, thảm dệt, chăn len, ngọc cụ trong các

23. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 3. Kinh Thành Dự, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 17~19.

phòng xá. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí y phục mới mẻ, sạch sẽ, đẹp đẽ. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ ba, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn”.

“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, thường xuyên cúng thí chúng tăng cháo buổi sáng, thức ăn buổi trưa, lại cung cấp người làm vườn để sai bảo; hoặc gió, mưa, tuyết, lạnh, tự mình thân đến khu vườn mà cúng thí chu cấp thêm. Các Tỳ-kheo sau khi ăn, không lo gió, mưa, tuyết lạnh khiến y phục bị ướt át mà ngày đêm yên vui, tư duy thiền tọa vắng lặng. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn”.

“Có thể được Châu-na, lại có bảy loại phước xuất thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai đang trú ở nơi nào đó. Sau khi nghe, liền hoan hỷ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn”.

“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn”.

“Lại nữa, Châu-na, có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Với tâm thanh tịnh, đích thân tới thăm viếng, lễ kính, cúng dường. Sau khi cúng dường, thọ pháp ba tự quy, đối với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo mà thọ giới cấm^[11]. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

“Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian thì phước của người kia không thể tính được, có chùng ấy phước, có chùng ấy kết quả của phước, có chùng ấy phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng và không thể biết được con số đại phước.

“Châu-na, ví như từ châu Diêm-phù có năm con sông: Một là Hằng-già, hai là Dao-vưu-a, ba là Xá-lao-phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xi^[12], đều chảy về đại hải. Ở khoảng giữa của chúng, không thể tính

được số nước của bao nhiêu thăng hộc. Chỉ có thể nói là số nước nhiều không thể hạn, không thể lượng và không thể biết được.

“Cũng vậy, Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian thì phước của người kia không thể tính được, có chừng ấy phước, có chừng ấy kết quả của phước, có chừng ấy phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được con số đại phước”²⁴.

25. Ngã và vô ngã sở

6. ‘Thiện Nhân Vãng’

Phật dạy: “Những gì là bảy? Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu, vừa nhen đã tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ

24. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 7. Kinh Thế Gian Phước, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 43-45.

hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chúng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy”²⁵.

26. Có ngã hay không có ngã

97. ‘Kinh Đại Nhân’

“A-nan, nếu không có nhãn xúc, tất cả đều không có nhãn xúc thì giả sử tách rời nhãn xúc sẽ có duyên nhãn xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chẳng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, nếu không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, tất cả đều không có ý xúc thì giả sử tách rời ý xúc sẽ có duyên ý xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chẳng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của thọ, tập khởi của thọ, bản của thọ, duyên của thọ, gọi đó là xúc. Vì sao? Vì duyên xúc nên có thọ vậy.

25. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 6. Kinh Thiện Nhân Vãng, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 37.

“A-nan, nếu có người hỏi: ‘Xúc có duyên không?’ thì nên đáp rằng: ‘Xúc có duyên’. Nếu có người hỏi: ‘Xúc có duyên gì?’ thì nên đáp rằng ‘Duyên danh sắc’. Nên biết rằng duyên danh sắc có xúc.

“A-nan, sở hành, sở duyên có danh thân. Rời hành này, ly duyên này thì có hữu đối xúc chăng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”. “A-nan, sở hành, sở duyên có sắc thân. Rời hành này, ly duyên này thì có tăng ngữ xúc chăng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“Giả sử rời danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc, thì thiết xúc chăng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của xúc, tập khởi của xúc, bản của xúc, duyên của xúc, gọi đó là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có xúc.

“A-nan, nếu có người hỏi ‘Danh sắc có duyên chăng?’ thì nên đáp rằng ‘Danh sắc có duyên’. Nếu có người hỏi ‘Danh sắc có duyên gì?’ thì nên đáp rằng ‘Duyên thức’. Nên biết rằng duyên thức có danh sắc.

“A-nan, nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc, thì có thành thân này chăng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, nếu thức mới vào thai, liền ra tức khắc thì danh sắc hợp với tinh chẳng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, nếu thức của trẻ nhỏ, con trai hay con gái, bị đoạn hoại không còn thì danh sắc tăng trưởng dần được chẳng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của danh sắc, tập khởi của danh sắc, bản của danh sắc, duyên của danh sắc, gọi đó là thức. Vì sao? Vì duyên thức nên có danh sắc.

“A-nan, nếu có người hỏi ‘Thức có duyên chẳng?’ thì nên đáp rằng ‘Thức có duyên’. Nếu có người hỏi: ‘Thức có duyên gì?’ thì nên đáp rằng: ‘Duyên danh sắc’. Nên biết rằng duyên danh sắc có thức.

“A-nan, nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết chẳng? Có khổ chẳng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên biết rằng nhân của thức, tập khởi của thức, bản của thức, duyên của thức, gọi đó là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có thức.

“A-nan, đó là duyên danh sắc có thức; duyên thức cũng có danh sắc; do đó có tăng ngữ, do tăng ngữ có

truyền thuyết, do truyền thuyết mà có thể thi thiết là có, nghĩa là thức và danh sắc cùng đi đôi vậy.

“A-nan, thế nào là có một loại kiến chấp có thần ngã?”.

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn: “Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe xong, được biết ý nghĩa một cách rộng rãi”.

Phật nói: “A-nan, hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo tư niệm kỹ. Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa một cách rộng rãi”.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói: “A-nan, hoặc có kiến chấp thọ là ngã hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã nhưng thần ngã có cảm thọ, mà tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho rằng ngã không cảm thọ gì cả”.

“A-nan, nếu có người cho rằng ‘thọ là thần ngã’ thì nên hỏi người ấy rằng ‘Ông có ba cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ và không khổ không lạc thọ; trong ba cảm thọ này, ông cho thọ nào là ngã?’. A-nan, nên nói tiếp với người ấy: ‘Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ thì ngay lúc ấy hai cảm thọ kia, khổ thọ và không khổ không lạc thọ, diệt

mất. Lúc ấy chỉ có cảm thọ về lạc thọ nhưng lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt’. Nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người ấy há không nghĩ rằng: ‘Chẳng phải là ngã diệt chẳng?’ A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về khổ thọ thì lúc ấy hai cảm thọ kia, lạc thọ và không khổ không lạc thọ, diệt mất. Người ấy lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ nhưng khổ thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Nếu khổ thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: ‘Chẳng phải là ngã diệt chẳng?’ A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia, lạc thọ và khổ thọ, diệt mất. Người ấy lúc đó chỉ có cảm giác về không khổ không lạc thọ nhưng không khổ không lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt. Nếu không khổ không lạc thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: ‘Chẳng phải là ngã diệt chẳng?’ A-nan, thọ là pháp vô thường như vậy, chỉ xen lẫn khổ, lạc thì lại còn chấp rằng thọ là ngã chẳng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, thọ vô thường như vậy, chỉ xen lẫn khổ, lạc thì không nên chấp rằng thọ là ngã.

“A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã nhưng ngã có cảm thọ vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ thì nên nói với người ấy: ‘Nếu ông không có thọ thì thọ không thể có, không thể nói rằng cái này là sở hữu của tôi’. A-nan, người kia còn chấp như vậy: ‘Thọ không phải là ngã nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ’ nữa chẳng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vậy ‘Thọ không phải là ngã nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ’.

“A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ mà chỉ chấp rằng ngã không cảm thọ gì cả, thì nên nói với người ấy: ‘Nếu ông không có cảm thọ, hoàn toàn không có cảm thọ nhưng nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tịnh’. A-nan, người kia còn chấp: ‘Thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ’ nữa chăng?”.

“Bạch Thế Tôn, không”.

“A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vậy: ‘Thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ’. Đó gọi là một loại kiến chấp có ngã.

“A-nan, Thế nào là có loại kiến chấp không cho rằng có ngã?”.

Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn: “Thế Tôn là Pháp bản, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn nói điều đó. Con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi”.

Phật bảo: “A-nan, Hãy lắng nghe kỹ. Hãy khéo tư niệm kỹ. Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa một cách rộng rãi”.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói: “A-nan, nếu có người không cho rằng: ‘Thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ và cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ’. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiền lụy. Do không phiền lụy mà Bát-niết-bàn, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“A-nan, đó gọi là tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà thi thiết là có. Biết như vậy thì không còn gì để chấp thủ. “A-nan, nếu Tỳ-kheo chánh giải thoát như vậy thì không có kiến chấp rằng Như Lai còn hay Như Lai không còn sau khi chết; chấp Như Lai vừa còn, vừa không còn; Như Lai không phải còn hay không còn. Đó gọi là có một loại không thấy có ngã...”²⁶.

26. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 97. Kinh Đại Nhân, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 770.

27. Cuộc đời là vô thường

8. ‘Kinh Thất Nhật’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải ghê sợ nhòem tởm, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế, vì có lúc không mưa. Ngay khi không mưa ấy tất cả cây cối, trăm thứ lúa, thảy đều khô héo, đổ nát, chết cả, không thể nương tựa. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhòem tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát”²⁷.

160. ‘Kinh A Lan Na’

Nghe Đức Thế Tôn hỏi như vậy, các Tỳ-kheo thưa: “Bạch Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo chúng con, sau bữa ăn trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, bàn luận thế này: ‘Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại

27. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 8. Kinh Thất Nhật, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 47.

không thực hành, cũng chẳng cầu mong’. Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã bàn luận với nhau như vậy. Vì việc ấy, nên chúng con đã tụ tập ngồi ở giảng đường”²⁸.

28. 10 ví dụ về tính vô thường

160. ‘Kinh A Lan Na’

Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ? Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong”.

“Lại nữa, Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, giống như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất, tồn tại tạm thời không thể trường cửu; cũng vậy, này Ma-nạp ma, sanh mạng con người như hạt sương mai, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!”.

28. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 160. Kinh A Lan Na, Taiwan, 2000, trang 382.

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoát hiện thoát biến; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như bọt nước, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn rất lớn, tai hoạn quá nhiều!”.

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, giống như cây gậy ném xuống nước, nó sẽ trôi trở lên rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như cây gậy ném xuống nước, trôi lên rất nhanh, rất khó giữ được rất ít, quá ít vị ngọt, mà tai hoạn, khổ đau lại lớn, tai hoạn quá nhiều!”.

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, giống như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi đem ra ngay, để ở nơi có gió và nóng thì khô ráo liền; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi khô ráo ngay, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lớn, tai hoạn quá nhiều!”.

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hừng hực, sẽ tiêu tan rất

nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như miếng thịt tiêu tan kia, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn rất nhiều!”.

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, giống như trói tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như tên cướp bị trói dẫn đến dưới cây nêu để sát hại, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!”.

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, giống như gã đồ tể dẫn bò đi làm thịt; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như con bò bị dẫn đi làm thịt, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!”.

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: “Này các Ma-nạp ma, giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như vải dệt gần xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!”.

“Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử: ‘Này các Ma-nạp ma, giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt không phút nào ngừng; cũng vậy này Ma-nạp ma, mạng sống con người quá nhanh, không phút nào ngừng. Này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như dòng nước chảy nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’.

“Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: ‘Này các Ma-nạp ma, giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất hoặc rơi ngay xuống đất, có khi trúng chỗ đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; cũng vậy, này Ma-nạp ma, chúng sanh bị vô minh phủ kín, bị ái dục cuốn chặt, hoặc sanh vào địa ngục, sanh vào súc sanh hay loài ngạ quỷ, hoặc sanh cõi trời, hoặc sanh cõi người. Cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như trong tối mà liệng gậy xuống đất, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!’²⁹.

29. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 160. Kinh A Lan Na, Taiwan, 2000, trang 384~386.

29. Chuyện tiền thân

8. ‘Kinh Thất Nhật’

“Này các Tỳ-kheo, các người nghĩ sao? Xưa kia đại sư Thiện Nhân được hàng tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc, các người cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó, Ta là Thiện Nhân đại sư, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc; lúc đó ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diêm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Tha hóa. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó Ta nghĩ như vậy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục’. Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng dục. Thời ấy Ta và các đệ tử học đạo không hư uổng, được quả báo lớn”³⁰.

30. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 8. Kinh Thất Nhật, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 51-52.

30. Mục đích của việc xuất gia tu tập là giải thoát

9. ‘Kinh Thất Xa’

Tôn giả Xá-lê Tử vào lúc xế chiều, rời chỗ thiền tọa, đi đến chỗ Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử rằng: “Này Hiền giả, phải chăng Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?”.

Đáp rằng: “Đúng vậy”.

“Này Hiền giả, vì lý do gì, có phải vì giới thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?”.

Đáp rằng: “Thưa, không phải vậy”.

“Vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?”.

Đáp: “Không phải vậy”.

Lại hỏi: “Tôi vừa hỏi Hiền giả rằng: ‘Phải chăng Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?’ Hiền giả đáp: ‘Đúng vậy’. Rồi tôi hỏi Hiền giả: ‘Có phải vì giới thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?’ thì Hiền giả đáp: ‘Không phải vậy’; ‘Có phải vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến

thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh chăng?’ thì Hiền giả cũng lại đáp rằng: ‘Không phải vậy’. Nhưng theo ý nghĩa nào mà Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?’.

Đáp: “Này Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn vậy”.

Lại hỏi: “Thế nào, này Hiền giả, có phải vì giới thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?”.

“Đáp: “Không phải vậy”.

Lại hỏi: “Vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?”.

“Đáp: “Không phải vậy”.

Lại hỏi: “Tôi vừa hỏi Hiền giả, ‘Thế nào, này Hiền giả, có phải vì giới thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?’ Hiền giả đáp: ‘Không phải vậy’. ‘Vì tâm thanh tịnh, vì kiến thanh tịnh, vì nghi thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn chăng?’ Vậy những điều Hiền giả nói có ý nghĩa gì? Làm thế nào để biết được?”.

Đáp rằng: “Này Hiền giả: Nếu vì giới thanh tịnh mà Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn, thì đó là lấy hữu dư mà gọi vô dư. Nếu vì tâm thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh mà Đức Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn, thì tức là lấy hữu dư mà gọi là vô dư.

“Này Hiền giả, nếu lìa pháp đó mà Đức Thế Tôn thi thiết Vô dư Niết-bàn thì phạm phu cũng sẽ Bát-niết-bàn, bởi vì phạm phu cũng lìa pháp đó.

“Này Hiền giả, nhưng vì giới thanh tịnh, nên tâm thanh tịnh; vì tâm thanh tịnh nên kiến thanh tịnh; vì kiến thanh tịnh nên nghi cái thanh tịnh; vì nghi cái thanh tịnh nên đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh; vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri kiến thanh tịnh; vì đạo tích tri kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí thanh tịnh, nên Đức Thế Tôn Sa-môn Cù-đàm thi thiết Vô dư Niết-bàn”³¹.

31. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 9. Kinh Thất Xa, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 56-58.

31. Tôn giả Mãn Từ Tử

9. ‘Kinh Thất Xa’

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mãn Từ Tử ở nơi sanh quán của mình, được các Tỳ-kheo khen ngợi rằng: ‘Tự mình thiếu dục, tri túc và khen ngợi thiếu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lâu tận và khen ngợi lâu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ’”³².

32. A Nan là thị giả của Phật và những vấn đề liên quan đến việc này

33. ‘Kinh Thị Giả’

Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá.

Bấy giờ, có các đại đệ tử, là các Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn danh đức, được nhiều người biết đến; đó là Tôn giả Câu-lân-nhã (Añña-Kondañña), A-nhiếp-bối (Assaji), Tôn giả Thích-ca Vương Bạt-

32. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 9. Kinh Thất Xa, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 54.

đề (Bhaddiya), Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lê (Mahānāma Kolita), Tôn giả Hòa-phá (Vappa), Tôn giả Da-xá (Yasa), Tôn giả Bân-nậu (Punna), Tôn giả Duy-ma-la (Vimala), Tôn giả Già-hòa-ba-đề (Gavampati), Tôn giả Tu-đà-da, Tôn giả Xá-lê Tử (Sāriputta), Tôn giả A-na-luật-đà (Anurudha), Tôn giả Nan-đề (Nandiya), Tôn giả Kim-tì-la (Kimbila), Tôn giả Lê-ba-đá (Revata), Tôn giả Đại Mục-kiền-liên (Mahā-Moggallāna), Tôn giả Đại Ca-diếp (Mahā-Kassapa), Tôn giả Đại Câu-hi-la (Mahā-Kotthita), Tôn giả Đại Châu-na (Mahā-Cunda), Tôn giả Đại Ca-chiên-diên (Mahā-Kaccāyana), Tôn giả Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão, Tôn giả Da-xá Hành Trụ trưởng lão, rất nhiều các vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn danh đức, đại đệ tử, được mọi người biết đến, tương tự như vậy, cũng ở thành Vương Xá, tất cả đều trú gần ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng: “Hiện nay tuổi của Ta đã già; thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá già rồi nên Ta cần có thị giả. Các thầy hãy cử cho Ta một thị giả, làm sao để chăm sóc Ta, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời Ta nói mà không quên mất ý nghĩa”.

Lúc ấy Tôn giả Câu-lân-nhã liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa y, chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên mất ý nghĩa”.

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Này Câu-lân-nhã, thầy cũng tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá dài rồi. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Câu-lân-nhã, thầy nên lui về chỗ ngồi đi”.

Bấy giờ Tôn giả Câu-lân-nhã đánh lễ chân Phật rồi lui về chỗ ngồi.

Cũng như vậy, lần lượt Tôn giả A-nhiếp-bối, Tôn giả Thích-ca Vương Bạt-đề, Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ, Tôn giả Hòa-phá, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bân-nậu, Tôn giả Duy-ma-la, Tôn giả Già-hòa-ba-đề, Tôn giả Tu-đà-da, Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la, Tôn giả Lệ-ba-đá, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu-hi-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão.

Tôn giả Da-xá Hành Trụ trưởng lão, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo, chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không quên ý nghĩa”.

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Này Da-xá, thầy cũng tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã qua dài rồi. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Da-xá, thầy nên lui về chỗ ngồi đi”.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong đại chúng ấy, liền suy nghĩ như vậy: ‘Đức Thế Tôn muốn

tìm vị nào làm thị giả? Ý nghĩ đặt vào Tỳ-kheo nào? Muốn cho ai chăm sóc Ngài, xứng ý chớ không phải không xứng ý và ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không quên mất nghĩa? Có lẽ ta nên nhập định có hình tượng như thế, quan sát tâm của chúng Tỳ-kheo'. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập định có hình tượng như thế, biết Thế Tôn muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền xuất định, thưa với chúng Tỳ-kheo rằng: “Chư Hiền biết không, Đức Thế Tôn muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả. Ý Ngài đặt vào A-nan; muốn A-nan chăm sóc, xứng ý chớ không phải là không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa. Bấy giờ chúng ta nên cùng nhau đến chỗ Hiền giả A-nan khuyến dụ thầy ấy làm thị giả của Thế Tôn”.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng các Tỳ-kheo cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi xong, nói rằng: “Hiền giả A-nan, thầy có biết không, Đức Thế Tôn muốn chọn thầy làm thị giả; ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, vì thầy xứng ý Ngài chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa. A-nan, cũng như ngoài thôn xóm không bao xa, có một tòa lâu đài to lớn,

cửa sổ mở ra ở phía Đông, thì khi mặt trời mọc lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng vào vách phía Tây. Nay Hiền giả A-nan, Đức Thế Tôn cũng vậy, muốn chọn A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa. Nay Hiền giả A-nan, bây giờ thầy nên làm thị giả Đức Thế Tôn”.

Tôn giả A-nan thưa rằng: “Bạch Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ Đức Thế Tôn nổi. Vì sao thế? Vì với các Đức Phật Thế Tôn khó xứng ý, khó hầu hạ nghĩa là khó làm thị giả. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cũng như đối với một con voi rất hùng mạnh, đã hơn sáu mươi tuổi, kiêu ngạo, sức mạnh cường thịnh, đủ ngà, đủ vóc, khó làm xứng ý, khó gần gũi; nghĩa là khó coi sóc.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, với Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, cũng lại như vậy, khó xứng ý, khó gần gũi; nghĩa là khó làm thị giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, vì vậy tôi không thể lãnh trách nhiệm làm thị giả được.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nói rằng: “Nay Hiền giả A-nan, thầy hãy nghe tôi nói ví dụ, người có trí nghe ví dụ liền hiểu ý nghĩa của nó. Nay Hiền giả A-nan, cũng như hoa Ưu-đàm-bát-la đúng thời mới xuất hiện thế gian. Nay Hiền giả A-nan, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy. Đúng thời mới xuất thế.

Này Hiền giả A-nan, thầy nên mau làm thị giả Đức Thế Tôn rồi sẽ được kết quả lớn”.

Tôn giả A-nan lại bạch: “Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn chấp thuận ba điều nguyện của tôi thì tôi mới có thể làm thị giả. Những gì là ba? Tôi nguyện không đáp y của Thế Tôn, dù cũ hay mới; nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Phật; nguyện không gặp Thế Tôn phi thời. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn cho phép tôi nguyện ba điều ấy, tôi mới làm thị giả Đức Thế Tôn”.

Bấy giờ, sau khi khuyên Tôn giả A-nan làm thị giả rồi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đứng dậy đi quanh Tôn giả A-nan rồi trở về; đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi ngồi sang một bên, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, con đã khuyên dụ Hiền giả A-nan làm thị giả Phật. Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan, xin nơi Phật ba lời nguyện, nói rằng: ‘Những gì là ba? Nguyện không đáp y của Thế Tôn, dù cũ hay mới; nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Phật; nguyện không gặp Thế Tôn phi thời. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn cho phép tôi nguyện ba điều ấy, tôi mới làm thị giả Đức Thế Tôn”.

Đức Thế Tôn nói: “Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm ty, hoặc có vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vậy: ‘Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ Đức Thế Tôn’. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết

trước sẽ có những lời hiềm ty hoặc các đồng phạm hạnh, nói như vậy: ‘Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ Đức Thế Tôn’. Thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

“Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm ty, hoặc có vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vậy: ‘Tỳ-kheo A-nan vì đồ ăn nên hầu hạ Đức Thế Tôn’. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời hiềm ty hoặc các đồng phạm hạnh nói như vậy: ‘Tỳ-kheo A-nan vì đồ ăn nên hầu hạ Đức Thế Tôn’. Thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

“Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, biết lúc nào là thời nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào có thể bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn

loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, có lợi ích, loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được an ổn, có lợi ích; thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp; đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

“Này Đại Mục-kiền-liên, mặc dù Tỳ-kheo A-nan không có tha tâm trí, nhưng có thể khéo biết trước được Đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi Như Lai rời tỉnh tọa đứng dậy vào buổi xế, hôm nay Đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trụ như vậy, nhận xét đúng lời Ngài nói, chắc thật không thể sai khác. Đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Khi Tôn giả A-nan nói như vậy: ‘Thưa chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn đã hai mươi lăm năm, nếu do đó mà khởi tâm cống cao, không thể có sự kiện như vậy’. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, cho đến nay chưa hề gặp Đức Thế Tôn phi thời”. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, chưa từng

một lần bị Phật khiển trách, trừ có một lỗi, lỗi đó cũng vì người khác”. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, thọ trì không quên; nếu nhân điều đó mà khởi công cao, sự kiện như vậy không thể có”. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, chưa hỏi lần thứ hai, trừ có một câu, câu ấy như vậy cũng không dễ”. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, chưa hề thọ pháp từ người khác”. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, khởi đầu chưa có tâm này, rằng: ‘Tôi thọ trì pháp ấy để dạy lại người khác’. Nay chư Hiền, tôi chỉ muốn tự chế ngự, tự tịch tịnh, tự Bát-niết-bàn thôi”. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp. Nếu tôi vì thế mà khởi công cao, điều ấy

không thể có được. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: ‘Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vậy’. Nay chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời”. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có số đông Sa-môn, Phạm chí đệ học đến hỏi tôi sự việc gì, nếu vì thế mà tôi sợ sệt, hãi hùng, lông tóc dựng đứng; không thể có sự kiện ấy. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: ‘Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vậy’. Nay chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời”. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Lại nữa, có một thời, Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan trú tại nước Xá-vệ, trong núi Bà-la-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: “Này Hiền giả A-nan, thầy hầu hạ Đức Phật cho đến nay là hai mươi lăm năm, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?”

Tôn giả A-nan thưa rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng: “Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học. Tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm qua hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?”

Tôn giả Xá-lê Tử ba lần lặp lại câu hỏi: “Này Hiền giả A-nan, hai mươi lăm năm qua thầy hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?”

Tôn giả A-nan cũng ba lần lặp lại câu trả lời rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi rằng: “Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học. Tôi chỉ hỏi, trong 25 năm qua hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?”

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói rằng: “Này Hiền giả A-nan, đáp nhanh đi, đáp nhanh đi, này A-nan, thầy đừng xúc nhiều đến bậc thượng tôn trưởng lão.”

Lúc đó Tôn giả A-nan trả lời rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, 25 năm qua, tôi đã hầu hạ Đức Phật, tôi nhớ lại chưa hề có lần nào phát khởi dục tâm. Vì sao vậy? Vì tôi thường hướng đến Thế Tôn và các vị đồng phạm hạnh với tâm niệm hổ thẹn”. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

Lại nữa, có một thời Đức Thế Tôn du hóa thành Vương Xá, trú trong Nham Sơn. Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng: “Này A-nan, người nên nằm như cách nằm của sư tử”.

Tôn giả A-nan bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, sư tử, chúa tể của loài thú, nằm theo cách nào?”

Đức Thế Tôn đáp: “Này A-nan, sư tử, chúa tể của loài thú, ban ngày đi tìm ăn, xong rồi vào hang; khi muốn ngủ, bốn chân xếp chồng lên nhau, ngay đuôi ra sau, nằm bằng hông bên phải; qua đêm đến sáng hôm sau, quay lại sau nhìn thân thể. Nếu sư tử chúa tể của loài thú mà thân thể không ngay thẳng thì khi thấy rồi, nó không vui. Nếu sư tử chúa tể của loài thú mà thân thể được ngay ngắn khắp mọi phía thì khi thấy rồi nó liền vui mừng. Nó từ chỗ nằm đứng dậy, ở trong hang đi ra; đi ra rồi gầm gừ; gầm gừ rồi tự ngắm thân thể; tự ngắm thân thể rồi nhìn khắp bốn hướng, xoay nhìn khắp bốn hướng rồi liền rống lên ba lần, rống ba lần rồi liền đi tìm ăn. Cách thức nằm của sư tử chúa là như vậy”.

Tôn giả A-nan bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, cách thức nằm của sư tử, chúa tể của loài thú là như vậy. Còn cách nằm của Tỳ-kheo phải như thế nào?”.

Đức Thế Tôn đáp rằng: “Này A-nan, nếu Tỳ-kheo sống nơi thôn ấp, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, khoác y ôm bát, đi vào thôn khát thực, khéo hộ trì thân thể, nhiếp thủ các căn, trụ với chánh niệm. Vị ấy từ thôn ấp khát thực xong, xếp y cất bát, rửa sạch tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai đi đến chỗ rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, hoặc vào trong nhà trống, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Ban ngày hoặc kinh hành hoặc tọa thiền để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm

rồi. Lại vào đầu hôm hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Sau khi hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm vào lúc đầu hôm rồi, đến nửa đêm đi vào tĩnh thất để nằm, xếp làm tư Ưu-đa-la-tăng, trải lên giường, gấp y tăng-già-lê làm gối, nằm xuống phía hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc ý vào ấn tượng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, hằng hướng tâm niệm đến ý tưởng sẽ trở dậy. Sau đêm ấy liền nhanh chóng ngồi dậy, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Như thế là pháp nằm như sư tử của Tỳ-kheo”.

Tôn giả A-nan bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, cách nằm như sư tử của Tỳ-kheo là như vậy”.

Tôn giả A-nan lại nói như vậy: “Này chư Hiền, Đức Thế Tôn dạy tôi cách nằm giống như sư tử; từ đó trở đi chưa hề có lần nào tôi nằm nghiêng về bên hông trái”. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Lại nữa, có thời Đức Thế Tôn du hóa Câu-thi-na-kiệt (Kusināra), trụ trong rừng Sa-la của Hòa-bạt-đan lực sĩ. Bấy giờ là lúc tối hậu, Thế Tôn sắp nhập Bát-niết-bàn, Ngài bảo rằng: ‘Này A-nan, người hãy đi đến giữa hai cây Song thọ, trải giường đầu quay về hướng Bắc, cho Như Lai. Nửa khuya đêm nay Như Lai sẽ Bát-niết-bàn’.

Tôn giả A-nan vâng lời dạy của Như Lai, liền đến giữa hai cây Song thọ trái giường nằm, đầu quay về hướng Bắc cho Đức Như Lai. Trái giường rồi trở về nơi Đức Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng sang một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã trái giường nằm, đầu quay hướng Bắc, cho Đức Như Lai, ở giữa hai cây Song thọ. Kính mong Đức Thế Tôn tự nên biết thời”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đến giữa hai cây Song thọ, xếp làm tư Ưu-đà-la-tăng trái lên giường, gập y tăng-già-lê làm gối, nằm về hướng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau. Lúc tối hậu sắp Bát-niết-bàn, Tôn giả A-nan quạt hầu Phật, đưa tay gạt nước mắt, rồi nghĩ như vậy: ‘Trước kia, có chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái, thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Nếu họ nghe Đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn thì họ sẽ không còn đến để được thăm viếng Đức Thế Tôn mà cúng dường lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc mà thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái’.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo rằng: “Tỳ-kheo A-nan bây giờ ở đâu?”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật, đưa tay gạt nước mắt rồi nghĩ thế này: ‘Trước kia, có chúng Tỳ-kheo ở

các nơi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái, thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Nếu họ nghe Đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn thì họ sẽ không còn đến để được thăm viếng Đức Thế Tôn mà cúng dường lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc mà thăm viếng Đức Thế Tôn để cúng dường lễ bái”.

Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng: “Này A-nan, người chớ khóc lóc, cũng chớ buồn rầu. Vì sao vậy? Này A-nan, người hầu hạ Ta, thân hành từ hòa, khẩu và ý hành từ hòa, chưa từng có hai lòng, an lạc vô lường, vô biên, vô hạn. Này A-nan, nếu các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, trong đời quá khứ, có người thị giả nào hầu hạ cũng không thể hơn người được. Này A-nan, nếu các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, trong đời vị lai, có người thị giả nào hầu hạ cũng không thể hơn người được. Này A-nan, Ta, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, trong đời hiện tại, nếu có người nào làm thị giả, cũng không thể hơn người được. Vì sao vậy? A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, biết lúc nào là thời nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di

nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào có thể bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, có lợi ích loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được an ổn, có lợi ích; thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp.

“Lại nữa, này A-nan, người tuy không có tha tâm trí nhưng có thể khéo biết trước được Đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi Như Lai rời tĩnh tọa đứng dậy vào buổi xế, hôm nay Đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trụ như vậy, nhận xét đúng lời Ngài nói, chắc thật không thể sai khác”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn làm cho A-nan vui vẻ, bảo với các thầy Tỳ-kheo ấy rằng: “Vị Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp vị tăng hữu. Những gì là bốn? Đó là chúng Sát-lợi đến yết kiến Chuyển luân vương, nếu lúc ấy im lặng, họ thấy vậy liền vui vẻ, nếu lúc ấy có nói gì, họ nghe rồi liền vui vẻ. Tỳ-kheo A-nan cũng giống như vậy, nghĩa là có bốn pháp vị tăng hữu. Những gì là

bốn? Đó là chúng Tỳ-kheo khi đến gặp A-nan, nếu lúc ấy im lặng, thấy vậy liền vui vẻ, nếu lúc ấy có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. Chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di, nếu gặp A-nan, gặp lúc im lặng, thấy vậy liền hoan hỷ, nếu lúc ấy có nói gì, nghe rồi liền hoan hỷ.

“Lại nữa, A-nan thuyết pháp cho đại chúng, có bốn pháp vị tăng hữu. Những gì là bốn? Tỳ-kheo thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo bằng chí tâm, không phải không chí tâm. Chúng Tỳ-kheo kia cũng nghĩ như vậy: ‘Mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng. Chúng Tỳ-kheo kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không chán nản. Nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên ngồi im lặng’. Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di, bằng chí tâm, không phải không chí tâm. Chúng Ưu-bà-di ấy cũng nghĩ như vậy: ‘Mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng. Chúng Ưu-bà-di kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không chán nản. Nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên ngồi im lặng’”.

Lại nữa, một thời sau khi Thế Tôn Bát-niết-bàn không bao lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại Kim Cang trú ở thôn Kim Cang. Bấy giờ Tôn giả A-nan thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh trước sau. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cang Tử cũng đang ở trong đại chúng ấy. Tôn giả Kim Cang Tử trong tâm suy nghĩ như vậy: ‘Tôn giả A-nan này vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục

sao? Ta nên như vậy, và bằng định ấy mà quan sát tâm của Tôn giả A-nan’. Thế rồi Tôn giả Kim Cang Tử nhập định, và bằng định như vậy mà quan sát tâm của Tôn giả A-nan. Tôn giả Kim Cang Tử biết Tôn giả A-nan vẫn còn là hữu học nên chưa ly dục. Bây giờ Tôn giả ra khỏi tam muội, hướng về Tôn giả A-nan nói bài tụng rằng:

Núi rừng vắng tư duy,
 Khiến tâm trụ Niết-bàn,
 Cù-đàm Thiên không loạn,
 Sẽ sớm chứng tịch tĩnh.

Bây giờ Tôn giả A-nan vâng theo lời của Tôn giả Kim Cang Tử, rời bỏ chỗ đông mà sống một mình, tinh tấn, không tán loạn. Tôn giả rời bỏ chỗ đông, sống một mình, tinh tấn, không tán loạn, để đạt mục đích vì đó là một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; chỉ vì mục đích là thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời hiện tại, tự tri tự giác, tự chứng nghiệm, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa’.

Tôn giả A-nan biết pháp rồi cho đến chứng đắc A-la-hán. Tôn giả A-nan nói vậy: “Này chư Hiền, tôi ngồi trên giường, ngả đầu chưa đụng gối, liền đoạn tất cả lậu, chứng tâm giải thoát”. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tôn giả A-nan lại nói: “Này chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết già để Bát-niết-bàn”. Tôn giả A-nan liền ngồi kiết già mà Bát-niết-bàn. Nếu Tôn giả A-nan ngồi kiết già mà Bát-niết-bàn; thì đó là pháp vị tăng hữu của Tỳ-kheo A-nan”.³³

56. ‘Kinh Di Hê’

Một thời, Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà, trong một cái hang trong rừng Mãng nại, thôn Xà-đầu.

Bấy giờ Tôn giả Di-hê làm thị giả Phật...

Đức Thế Tôn cũng 3 lần nói rằng: “Này Di-hê, người nay có biết chăng? Ta một mình không có ai, không có thị giả. Người có thể ở lại ít lâu, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta rồi người có thể đến chỗ yên tĩnh khu rừng xoài kia mà học pháp đoạn trừ”.³⁴

33. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 33. Kinh Thị Giả, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 269-282.

34. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 56. Kinh Di Hê, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 375~376.

33. Xá-lợi-phất

9. ‘Kinh Thất Xa’

“Hôm nay tôi đã bàn luận với vị đệ tử ngang hàng Đức Thế Tôn mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn luận bàn mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn luận bàn mà không biết, cùng luận bàn với vị đệ tử tiếp tục vận chuyển pháp luân đã được vận chuyển mà không biết. Nếu tôi biết ngài là Xá-lê Tử thì tôi đã không trả lời nổi một câu, huống chi lại luận bàn sâu xa như thế. Lành thay! Lành thay! Tôn giả Xá-lê Tử là đệ tử của Đức Như Lai, trí biện hoàn hảo, thông minh, quyết định, an lạc vô úy, thành tựu sự chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phước cam lồ, ở trong cam lồ giới tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trụ. Vì Hiền giả đã hỏi những ý nghĩa vô cùng sâu xa. Hiền giả Xá-lê Tử, những người phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích, nếu gặp được Tôn giả Xá-lê Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những người phạm hạnh nên quán y trên đầu để đội Hiền giả Xá-lê Tử, vì để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái”.³⁵

35. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 9. Kinh Thất Xa, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 61.

31. ‘Kinh Phân biệt Thánh đế’

Tỳ-kheo Xá-lê Tử là bậc thông tuệ, tốc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ. Tỳ-kheo Xá-lê Tử thành tựu thật tuệ. Vì sao vậy? Vì ta nói sơ lược về bốn Thánh đế thế này thì Tỳ-kheo Xá-lê Tử có thể vì người khác mà giáo hóa toàn diện, quán chiếu toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết hiển thị, thú hướng.

“Khi Tỳ-kheo Xá-lê Tử giáo hóa toàn diện, quán sát toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết, hiển thị, thú hướng, làm cho vô lượng người đạt đến chánh quán. Tỳ-kheo Xá-lê Tử có khả năng hướng dẫn bằng chánh kiến vậy.

“Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có khả năng làm cho đứng vững nơi chân tế tối thượng, nghĩa là cứu cánh lậu tận. Tỳ-kheo Xá-lê Tử sanh ra các bậc phạm hạnh, cũng như sanh mẫu; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên trưởng dưỡng các bậc phạm hạnh cũng như dưỡng mẫu. Do đó các bậc phạm hạnh nên phụng sự, cung kính cúng dường, lễ bái Tỳ-kheo Xá-lê Tử và Mục-kiền-liên. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lê Tử và Đại Mục-kiền-liên mong cầu phước lợi và thiện ích, cũng cầu sự an ổn và khoái lạc cho các vị phạm hạnh”.³⁶

36. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 31. Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 246~247.

34. Xá-lợi-phất giải thích câu: Sanh đã tận....

23. ‘Kinh Trí’

Tôn giả Xá-lê Tử trả lời rằng: “Bạch Thế Tôn, nếu có vị phạm hạnh đến hỏi con rằng: ‘Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, biết thế nào, thấy thế nào, để có thể tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?’’. Bạch Thế Tôn, nếu có người phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như vậy: ‘Chư Hiền, sanh có nhân. Nhân của sự sanh ấy diệt tận, thì biết nhân của sự sanh diệt tận; tôi tự tuyên bố là chứng đắc trí, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?’’ Bạch Thế Tôn nếu có người phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như thế”.³⁷

37. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 23. Kinh Trí, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 171.

35. Xá-lợi-phất đi các nơi để giáo hóa chúng sanh

24. ‘Kinh Sư Tử Hống’

“Bạch Thế Tôn, con an cư mùa mưa ở nước Xá-vê vừa xong. Bạch Thế Tôn, bây giờ con muốn du hành trong nhân gian”.

Đức Phật nói rằng: “Này Xá-lê Tử, Thầy hãy đi đến nơi nào theo ý muốn. Những người nào chưa được hóa độ hãy khiến cho được hóa độ. Những người nào chưa được giải thoát hãy khiến cho họ được giải thoát. Những người nào chưa chứng Niết-bàn hãy cho chứng đắc Niết-bàn. Này Xá-lê Tử, Thầy hãy đi đến nơi nào theo ý muốn”.³⁸

36. Tỳ-kheo vu khống Xá-lợi-phất và lời giải thích của Xá-lợi-phất

24. ‘Kinh Sư Tử Hống’

Sau khi Tôn giả Xá-lê Tử ra đi chẳng bao lâu, có một vị phạm hạnh ở trước Đức Phật phạm vào pháp tương vi, vị ấy bạch Thế Tôn: “Hôm nay Tôn giả Xá-lê Tử sau khi khinh mạn con rồi đi du hành trong nhân gian”...

38. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 24. Kinh Sư Tử Hống, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 177.

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, nếu người nào không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?”.

“Bạch Thế Tôn, như một con trâu gãy sừng, rất nhường nhịn, hiền lành, dễ sai khiến, dễ chế ngự. Nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác; những nơi nó đi qua, không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn, con cũng vậy. Tâm con như con trâu gãy sừng, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?”

“Bạch Thế Tôn, như con của một người Chiên-đà-la bị chặt hai tay, tâm ý rất thấp hèn. Nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác, những nơi nó đi ngang qua không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn con cũng như thế. Tâm con như con của một người Chiên-đà-la bị chặt hai tay, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh

mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như mặt đất dung nạp tất cả đồ sạch, đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Đất không phải vì thế mà khởi sự thương ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như mặt đất kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không nào hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như dòng nước rửa sạch tất cả các đồ sạch, đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Nước ấy không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như nước kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không nào hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế

Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn lửa đốt cháy tất cả các đồ sạch, đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Lửa không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như lửa kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn gió thổi bay đi đồ sạch đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Gió cũng không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như gió kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?

“Bạch Thế Tôn, cũng như cây chổi quét sạch đồ dơ, đồ sạch, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Chổi vẫn không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như cây chổi kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không nã hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có niệm thân trên thân, vì sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian?”³⁹

37. Xá-lợi-phất giảng cho Tôn giả Cấp Cô Độc khi lâm trọng bệnh

28. ‘Kinh Giáo Hóa Bệnh’

“Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, Trưởng giả Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ dưới chân ngài, xin thăm hỏi Tôn giả Thánh thể có được an Khang, khỏe mạnh, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, Trưởng giả Cấp Cô Độc đang mang bệnh tật rất hiểm nghèo, nay đã đến hồi nguy kịch.

39. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 24. Kinh Sư Tử Hống, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 177-182.

Trưởng giả Cấp Cô Độc với tâm chí thiết rất muốn được gặp Tôn giả Xá-lê Tử nhưng cơ thể quá yếu đuối, không còn chút khí lực để đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử được. Lành thay, Tôn giả Xá-lê Tử, xin ngài hãy vì lòng từ, mong ngài đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc”.

Tôn giả Xá-lê Tử liền im lặng nhận lời. Bấy giờ sứ giả biết Tôn giả Xá-lê Tử đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng rồi ra về.

Sau khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lê Tử khoác y, ôm bát đi đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc thấy Tôn giả Xá-lê Tử từ đằng xa đi đến, muốn từ giường ngồi dậy. Tôn giả Xá-lê Tử thấy Trưởng giả Cấp Cô Độc muốn từ giường ngồi dậy, liền cản lại rằng: “Này Trưởng giả, chớ ngồi dậy. Còn giường khác đây, tôi sẽ ngồi riêng”.

Tôn giả Xá-lê Tử liền ngồi lên giường ấy, rồi hỏi rằng: “Bệnh trạng của Trưởng giả hôm nay thế nào? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn giảm dần không đến nỗi tăng thêm chăng?”.

Trưởng giả Cấp Cô Độc trả lời rằng: “Bệnh tình của con rất nguy kịch, ăn uống chẳng được gì cả. Sự đau đớn chỉ tăng thêm chứ không thấy giảm bớt chút nào”.

Tôn giả Xá-lê Tử bảo rằng: “Này Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si, thành tựu bất tín thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả ngày nay không hề

có sự bất tín mà chỉ có sự thượng tín. Do thượng tín ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thượng tín ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chó sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si do ác giới, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có ác giới, mà Trưởng giả chỉ có thiện giới. Do thiện giới ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thiện giới ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chó sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si không có đa văn, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có sự không đa văn. Do đa văn ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do đa văn ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chó sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có sự xan tham, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có xan tham mà chỉ có huệ thí. Do huệ thí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do huệ thí ấy sẽ chứng

quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có ác tuệ, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có ác tuệ mà chỉ có thiện tuệ. Do thiện tuệ ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do thiện tuệ ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Này Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có tà kiến, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà kiến mà chỉ có chánh kiến. Do chánh kiến ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh kiến ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chớ sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có tà chí, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà chí mà chỉ có chánh chí. Do chánh chí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh chí ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chó sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có tà giải, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà giải mà chỉ có chánh giải. Do chánh giải ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh giải ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chó sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có tà thoát, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà thoát mà chỉ có chánh thoát. Do chánh thoát ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh thoát ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì Trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

“Trưởng giả chó sợ. Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phạm phu ngu si nhân có tà trí, thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Còn Trưởng giả không hề có tà trí mà chỉ có chánh trí. Do chánh trí ấy Trưởng giả sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, lại sanh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do chánh trí ấy sẽ chứng quả Tu-đà-hàm hay quả A-na-hàm vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn”.

Bấy giờ bệnh trạng của Trưởng giả Cấp Cô Độc liền được thuyên giảm, bình phục như cũ, từ chỗ nằm ngồi

dậy, khen Tôn giả Xá-lê Tử rằng: “Lành thay! Lành thay! Ngài thuyết pháp cho bệnh nhân, thật kỳ diệu, thật hy hữu. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, khi con nghe xong bài pháp giáo hóa cho bệnh nhân ấy liền chấm dứt thống khổ, lại sanh khoái lạc vô cùng”.⁴⁰

38. Xá-lợi-phất dùng Tứ Đế giải thích Ngũ Uẩn (giống Abhidhamma)

30. ‘Kinh Tượng Tích Dụ’

Tôn giả Xá-lê Tử nói với các Tỳ-kheo rằng: “Này chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là, trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất. ...

“Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo Thánh đế.

“Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Đó là, sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét mà tụ hội là khổ, thương yêu mà biệt ly là khổ, mong cầu mà không được là khổ, nói tóm lược năm thủ uẩn là khổ.

40. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 28. Kinh Giáo Hóa Bệnh, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 205~209.

“Này chư Hiền, những gì là năm thủ uân? Đó là sắc thủ uân, thọ, tưởng hành và thức thủ uân.

“Này chư Hiền, cái gì là sắc thủ uân? Những gì có sắc, tất cả đều là bốn đại và bốn đại tạo.

“Này chư Hiền, những gì là bốn đại? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. “Này chư Hiền, cái gì là địa giới? Chư Hiền, địa giới có hai, có nội địa giới và có ngoại địa giới.

“Này chư Hiền, những gì là nội địa giới? Đó là những gì ở trong thân, được thâm nhiếp trong thân như vật cứng, có tính chất cứng, được chấp thọ bên trong. Đó là những gì? Đó là tóc, lông, móng, răng, da thô và mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, lá lách, ruột, bao tử, phân và những thứ khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâm nhiếp bên trong, có tính chất cứng, bị chấp thủ bên trong. Đó là nội địa giới.

“Này chư Hiền, ngoại địa giới, đó là lớn, là tịnh, là không đáng tởm. “Này chư Hiền, có lúc bị thủy tai, khi ấy ngoại địa giới tiêu diệt.

“Này chư Hiền, ngoại địa giới này cực kỳ lớn, cực kỳ tịnh, cực kỳ không đáng tởm. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy vong, pháp biến dịch, huống là xác thân tạm thời đình trú, được duy trì chấp thủ bởi tham ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn, suy nghĩ như vậy: ‘Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái

kia'. Đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vậy: 'Đây là ta, đây là của ta, ta là của cái kia'. Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận giữ, quở trách, thì vị ấy nghĩ như vậy: 'Ta sanh ra khổ này là từ nhân duyên, chứ không phải không có nhân duyên. Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc'. Vị ấy quán xúc là vô thường; rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng, vị ấy suy nghĩ như vậy: 'Ta sanh ra sự lạc này là từ nhân duyên chứ không phải không nhân duyên. Cái gì là duyên? Duyên vào lạc xúc'. Vị ấy quán xúc là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi giới mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó hoặc có người thơ ấu, niên thiếu, trung niên hay trưởng lão đến làm việc không xứng ý với vị ấy; hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dao, hoặc gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: 'Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bông bệ; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập'. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuê, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ như vậy: 'Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuê, không si, nhất tâm an định. Ta

thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn’.

“Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra. Nếu người khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ra, mà tâm người hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các người đã suy thoái. Các người nên nghĩ như vậy: Giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén, xẻ mạnh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ mạnh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, biếu mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biếu mãn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, kéo tu tập, biếu mãn tất cả thể gian, thành tựu và an trụ’.

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’.

“Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: ‘Ta ở

trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện'. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Nay chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả đại.

“Này chư Hiền, cái gì là thủy giới? Chư Hiền, thủy giới có hai; có nội thủy giới và có ngoại thủy giới. Chư Hiền, cái gì là nội thủy giới? Đó là ở trong thân, được thâm nhiếp bên trong thân, những gì là nước, thuộc về nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Đó là mồ, óc, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, tủy, nước dãi, nước tiểu, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâm nhiếp bên trong thân, những gì là nước, thuộc về nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Nay chư Hiền, đó là nội thủy giới....

“Này chư Hiền, thế nào là hỏa giới? Này chư Hiền, hỏa giới có hai; có nội hỏa giới và có ngoại hỏa giới. Này chư Hiền, thế nào là nội hỏa giới? Đó là ở trong thân, được thâm nhiếp ở trong thân, những gì là lửa, có tính chất nóng, được chấp thủ trong thân. Đó là những gì? Đó là, thân nóng hấp, thân nóng bức, bức rức, ẩm áp, và sự tiêu hóa ẩm thực, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâm nhiếp bên trong thân, thuộc tính nóng, được chấp thủ bên trong. Nay chư Hiền, đó là nội hỏa giới.

“Này chư Hiền, thế nào là phong giới? Này chư Hiền, ở đây phong giới có hai; có nội phong giới và ngoại phong giới. Này chư Hiền, thế nào là nội phong giới? Đó là ở trong thân, được thâm nhiếp ở trong thân những gì là gió, thuộc tính chuyển động của gió, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Đó là gió đi lên, gió đi xuống, gió trong bụng, gió ngang, gió co thắt lại, gió như dao cắt, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió thổi qua tay chân, gió của hơi thở ra, gió của hơi thở vào, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâm nhiếp bên trong thân, những gì là gió, thuộc tính chuyển động của gió, được chấp thủ bên trong. Này chư Hiền, đó là nội phong giới....

“Này chư Hiền, cũng như nhờ cây gỗ, nhờ bùn đất, nhờ cỏ và nước, che kín trong một khoảng không nên sanh ra cái tên gọi là ‘nhà’. Chư Hiền, nên biết, thân này cũng lại như vậy, nhờ gân cốt, nhờ da dẻ, nhờ thịt, máu bao bọc một khoảng không nên sanh ra cái tên gọi là ‘thân’.

“Này chư Hiền, như có người bị hư nhãn xứ bên trong, nên ngoại sắc không được ánh sáng rọi đến, thành ra không có niệm và nhãn thức không phát sanh. Này chư Hiền, nếu nội nhãn xứ không bị hư hoại thì ngoại sắc sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm, nên sanh ra nhãn thức.

“Này chư Hiền, nhãn xứ bên trong và sắc, cùng với nhãn thức biết ngoại sắc, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có

thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tướng thì đó là tướng uẩn. Nếu có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn.

“Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi’. Vì sao thế? Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sanh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy.

“Này chư Hiền, nếu nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ bên trong bị hư hoại thì các pháp bên ngoài sẽ không được ánh sáng rọi đến nên không có niệm, do đó ý thức không sanh khởi được. Này chư Hiền, nếu nội ý xứ không bị hư hoại thì pháp bên ngoài sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm nên sanh ra ý thức.

“Này chư Hiền, ý thức bên trong và pháp cùng với ý thức biết sắc pháp bên ngoài, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tướng thì đó là tướng uẩn. Nếu có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn.⁴¹

41. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 30. Kinh Tượng Tích Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 233~243.

39. Xá-lợi-phất giải thích Tứ Đế

31. ‘Kinh Phân biệt Thánh đế’

Sau khi Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi Tử nói với các Tỳ-kheo: “Này chư Hiền, Đức Thế Tôn vì chúng ta mà xuất hiện thế gian, vì mọi người mà giáo hóa, khai thị toàn diện, phân biệt, phơi mở, mở bày, thi thiết, hiển thị, thú hướng bốn Thánh đế này.

“Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo Thánh đế.

“Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Đó là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oằn tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, tóm lại ngũ thủ uẩn là khổ.

“Này chư Hiền, nói sanh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, sanh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, thành hình thì thành hình, hiện khởi năm uẩn rồi liền có mạng căn. Như vậy gọi là sanh.

“Này chư Hiền, sanh là khổ, đó là chúng sanh khi sanh thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Tâm cảm

nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện. Đây chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sanh là khổ.

“Đây chư Hiền, nói già là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đây chư Hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.

“Đây chư Hiền, già là khổ, là chúng sanh khi già thì thân cảm nghiệm khổ, ... (như trên)... Đây chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói già là khổ.

“Đây chư Hiền, nói bệnh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đây chư Hiền, bệnh là đầu đau, mắt đau, tai đau, mũi đau, mặt đau, môi đau, răng đau, lưỡi đau, nướu đau, cổ đau, phong sưng, ho hen, ói mửa, cứng họng, bệnh điên, bệnh động kinh, ung thư, mọc bướu, kinh nguyệt tràn,

viêm đỏ, nóng hực, khô héo, bệnh trĩ, mụn nhọt, kiết lý, và tất cả những bệnh tương tự như vậy, từ xúc mà sanh ra, không rời khỏi tâm, ở ngay trong thân. Như vậy gọi là bệnh. Nay chư Hiền, bệnh khổ là: Chúng sanh khi bệnh thì thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, (Như trên)... Nay chư Hiền, vì lẽ ấy nói bệnh là khổ.

“Nay chư Hiền, nói chết là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Nay chư Hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mạng chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết. Nay chư Hiền, chết là khổ. Đó là chúng sanh khi chết, thân cảm nghiệm khổ, (như trên)... cảm giác toàn diện. Nay chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói chết là khổ.

“Nay chư Hiền, nói oán tắng hội là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Nay chư Hiền, oán tắng hội, nghĩa là, chúng sanh thật có sáu nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy các ngoại xứ: xúc, thọ, tưởng, hành, á, cũng lại như vậy. Nay chư Hiền, chúng sanh thật có sáu giới: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Như vậy gọi là oán tắng hội khổ. Nay chư Hiền, oán tắng hội là khổ, đó là chúng sanh khi có sự tụ hội của những thứ oán ghét, thân cảm

nghiệm khô, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khô, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khô, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khô, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khô, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khô, cảm giác toàn diện. Nay chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói oán tắng hội là khô.

“Nay chư Hiền, nói ái biệt ly khô; nói thế là vì lẽ gì? Nay chư Hiền, ái biệt ly khô, đó là chúng sanh thật có sáu xứ bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, biệt ly không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khô. Cũng vậy, các ngoại xứ: xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy. Nay chư Hiền, chúng sanh quả thực có sáu giới: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới vốn nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, không gắn bó, không hòa hợp, không tập hợp, đó là khô. Như vậy gọi là ái biệt ly. Nay chư Hiền, ái biệt ly là khô nghĩa là chúng sanh khi xa cách nhau, thân cảm nghiệm khô, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khô, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khô, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khô, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khô, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khô, cảm giác toàn diện. Nay chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói ái biệt ly khô là khô.

“Nay chư Hiền, nói sở cầu bất đắc là khô; nói thế là vì lẽ gì? Nay chư Hiền, nghĩa là chúng sanh lệ thuộc vào

sanh pháp, không thể lìa xa sanh pháp, ước muốn rằng: ‘Mong tôi không sanh ra’, điều ấy quả thật không thể muốn mà được. Với sự già, sự chết, sự ưu sầu, buồn lo mà ước muốn rằng: ‘Mong tôi không có buồn lo’. Điều ấy không thể muốn mà được. Nay chư Hiền chúng sanh quả thật sanh là khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ thế này: ‘Nếu ta sanh khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao được đổi thành đáng yêu, đáng nghĩ nhớ’. Điều đó không thể muốn mà được. Nay chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh lạc đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vậy: ‘Nếu ta sanh ra lạc, đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và không biến dịch’. Điều ấy không thể muốn mà được.

“Nay chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng mà không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy suy nghĩ thế này: ‘Nếu ta sanh tư tưởng mà không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao nó đổi thành mà đáng yêu, đáng nghĩ nhớ’. Điều ấy không thể muốn mà được. Nay chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng, đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vậy: ‘Nếu tư tưởng ta sanh ra đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và không biến dịch’. Điều ấy không thể muốn mà được. Nay chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sở cầu bất đắc là khổ.

“Này chư Hiền, nói lược năm thủ uẩn là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đó là sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói năm thủ uẩn là khổ.

“Này chư Hiền, thời quá khứ là Khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ Thánh đế.

“Cái gì là ái tập Khổ tập Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý xứ. Trong đó nếu có ái, có cấu bần, có ô nhiễm, có đắm trước thì gọi là tập.

“Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng: ‘Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái tập Khổ tập Thánh đế’.

“Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyền thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bần, có ô nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập Khổ tập Thánh đế này. Cũng vậy, ngoại xứ xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy.

“Này chư Hiền, chúng sanh quả thực có sáu giới tham ái: đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới, trong đó nếu có ái, có cấu bản, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập.

“Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng ‘Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái tập Khổ tập Thánh đế.

“Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyền thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bản, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập Khổ tập Thánh đế này. Thời quá khứ là khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là ái diệt Khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thực có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Chúng sanh ấy giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tinh tịch; đó gọi là Khổ diệt.

“Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng ‘Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định

như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt Khổ diệt Thánh đế’.

“Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyền thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, đó không phải là tạo tác nghiệp, người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Cũng thế, ngoại xứ xúc, thọ, tưởng, tư, ái, cũng lại như vậy.

“Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới tham ái: Đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới; người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng ‘Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt Khổ diệt Thánh đế’.

“Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyền thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, đó không phải là tạo tác nghiệp, người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Thời quá khứ là khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được

thâm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.

“Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

“Này chư Hiền, thế nào là chánh kiến? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh. Hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó là sự giản trạch, giản trạch toàn diện, giản trạch quyết định, giản trạch pháp, nhận định, toàn diện nhận định, quán sát minh đạt. Đó là chánh kiến.

“Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó là sự tư sát, tư sát toàn diện, tùy thuận tư sát, điều nào nên niệm thì niệm, điều nào nên hy vọng thì hy vọng. Đó là chánh tư duy.

“Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó ngoài bốn diệu hành thuộc miệng, còn các ác hành khác nơi miệng đều viễn ly, đoạn trừ, không hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội. Đó là chánh ngữ.

“Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó ngoài ba diệu hành thuộc thân, còn các ác hành khác nơi thân đều viễn ly, đoạn trừ, không hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội. Đó là chánh nghiệp.

“Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó phải là mong cầu vô lý, không

do nhiều tham dục mà không biết vừa đủ, không làm các thứ xảo quyệt bùa chú, để sanh sống bằng tà mạng. Chỉ theo chánh pháp mà mong cầu y phục, chớ không phải với phi pháp, cũng theo chánh pháp để mong cầu thực phẩm, giường chõng, chớ không phải với phi pháp. Đó là chánh mạng.

“Này chư Hiền, thế nào là chánh tinh tấn? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu có phương tiện tinh tấn thì quả quyết, tinh cần để mong cầu, có khả năng để thú hưởng, chuyên chú không xả bỏ, cũng không suy thoái, quyết định hàng phục tâm mình. Đó là chánh tinh tấn.

“Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm tùy thuận niệm, phản chiếu giải thoát niệm, suy niệm, biến mãn suy niệm, liên tục ức niệm, tâm niệm không xao lãng. Đó là chánh niệm.

“Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không loạn, không tán, chuyên nhất. Đó là chánh định.

“Này chư Hiền, thời quá khứ là Khổ diệt đạo Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ diệt đạo Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói Khổ diệt đạo Thánh đế”.⁴²

42. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 31. Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 247~249.

40. Lợi ích của việc chánh tư duy và sự nguy hiểm của bất chánh tư duy

10. ‘Kinh Lậu Tận’

Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt chứ không phải do không tri, không kiến.

“Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt? Đó là do có chánh tư duy và không chánh tư duy^[5]. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng^[6]. Nếu có chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không sanh; đã sanh liền tiêu diệt.

“Những người phạm phu ngu si, không được nghe chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết thánh pháp, không điều ngự thánh pháp không biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh; đã phát sanh liền tiêu diệt. Vì không biết pháp như thật do đó pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm. Vì pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại

không niệm, nên dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh liền phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng.

“Thánh đệ tử đa văn được nghe Thánh pháp, được gặp bậc chơn tri thức, được điều ngự theo Thánh pháp, biết pháp như thật, nhưng nếu không có chánh tư duy, thì dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh liền phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Sau khi biết pháp như thật, pháp không nên niệm thì không niệm, pháp nên niệm liền niệm. Vì không niệm pháp không nên niệm và pháp nên niệm liền niệm, nên dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt”.⁴³

41. 7 loại phiền não

10. ‘Kinh Lậu Tận’

“Có bảy sự đoạn trừ lậu, phiền não, pháp ưu sầu. Những gì là bảy? Có lậu được đoạn do kiến, có lậu được

43. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 10. Kinh Lậu Tận, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 63-64.

đoạn do hộ, có lậu được đoạn do ly, có lậu được đoạn do dụng, có lậu được đoạn do nhân, có lậu được đoạn do trừ, có lậu được đoạn do tư duy.

“Thế nào là lậu được đoạn do kiến? Kẻ phàm phu không được nghe chánh pháp, không gặp bậc chơn trí thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết như thật về pháp, không có chánh tư duy nên suy nghĩ thế này: ‘Ta có đời quá khứ? Ta không có đời quá khứ? Do nhân duyên gì ta có đời quá khứ? Đời quá khứ ta như thế nào? Ta có đời vị lai? Ta không có đời vị lai? Do nhân duyên gì ta có đời vị lai? Ta có đời vị lai như thế nào?’ Người ấy hoài nghi về mình rằng: ‘Thân ta là gì, nó là thế nào? Nay chúng sanh này từ đâu đến, và sẽ đi về đâu? Trước kia do nhân gì mà có, và sẽ do nhân gì mà có?’” Người kia khởi tư duy không chánh như vậy rồi, trong sáu tà kiến, một tà kiến khởi lên cho rằng: ‘Quả thật có thần ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: ‘Quả thật không có thần ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: ‘Thần ngã thấy là thần ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: ‘Thần ngã thấy là phi thần ngã’. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: ‘Chính thần ngã ấy có thể thấy, có thể biết, có thể hành động, có thể sai khiến hành động, có thể đứng dậy, có thể sai khiến đứng dậy, sanh vào nơi này, nơi kia, thọ lãnh thiện báo, ác báo; quyết không từ đâu đến, quyết không phải đã có, quyết không phải sẽ có’. Đó tệ của kiến; bị kiến lay động, bị kết sử của kiến buộc chặt. Kẻ phàm phu ngu si vì thế mà phải chịu cái khổ của sanh, lão, bệnh, tử.

“Đa văn Thánh đệ tử được nghe Thánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, được chế ngự theo Thánh pháp, biết pháp như thật, biết như thật về Khổ, biết Khổ tập, biết Khổ diệt và biết như thật Khổ diệt đạo. Biết như thật như thế rồi, ba kết tận trừ. Khi ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi đã trừ hết, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc ác pháp, chắc chắn thăng tiến đến chánh giác, thọ sanh tối đa bảy đời trong thiên thượng và nhân gian. Sau bảy lần qua lại liền chứng đắc Khổ đế. Nếu không có tri kiến thì phát sanh phiền não, ưu sầu, có tri kiến thì không phát sanh phiền não, ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do kiến.

“Có lậu được đoạn trừ do hộ là gì? Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh vậy; nếu không phòng hộ nhãn căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn. Nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn, thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh, nếu không phòng hộ ý căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn, nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là có lậu được đoạn trừ do hộ.

“Có lậu được đoạn trừ do ly là gì? Tỳ-kheo khi thấy voi dữ thì nên xa lánh, ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, nhà tiểu, hầm hố, sông ngòi, suối sâu, vách

núi, ác tri thức, ác bằng hữu, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ, là những trường hợp phải nên xa lánh. Hãy nên xa lánh tất cả ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ. Nếu không xa lánh thì khởi sanh phiền não, ưu sầu. Nếu xa lánh thì không phát sanh phiền não, ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do ly.

“Có lậu được đoạn trừ do dụng là gì? Tỳ-kheo khi thọ dụng y phục, chẳng phải để cầu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để trang sức, chẳng phải để mập béo mà vì để làm thân thể ở đời lâu dài, trừ phiền não, ưu buồn, vì để thực hành phạm hạnh, vì muốn để bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới, và vì để sống lâu, an ổn, không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì để lúc mệt mỏi có nơi an nghỉ, để được tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để mưu lợi, không phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo, mà chỉ để trừ bệnh hoạn, để điều hòa mạng căn, để an ổn không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sanh phiền não, sầu lo, còn thọ dụng thì không sanh phiền não sầu lo. Đó là hữu lậu được đoạn trừ do dụng.

“Có lậu được đoạn trừ do nhân là gì? Tỳ-kheo tinh tấn đoạn trừ ác, bất thiện, tu tập thiện pháp, nên luôn luôn có ý tưởng trỗi dậy, chuyên tâm tinh tấn; thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy, thà để khô kiệt tất cả chớ không bỏ tinh tấn. Phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn. Tỳ-kheo lại phải chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy, dù gió hay nắng bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập, cũng đều có thể nhân chịu được. Dù thân mạng bệnh tật rất là đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng, và những điều không thể ưa vui được, tất cả đều chịu đựng được. Nếu không nhân chịu thì sanh phiền não, ưu buồn, còn nhân chịu được thì không sanh phiền não ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do nhân.

“Có lậu được đoạn trừ do trừ là gì? Tỳ-kheo nếu sanh khởi dục niệm mà không đoạn trừ, hay xả ly; sanh nhuế niệm, hại niệm mà không đoạn trừ xả ly. Nếu không trừ diệt thì sanh khởi phiền não, ưu buồn; còn nếu trừ diệt thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do trừ.

“Có lậu được đoạn trừ do tư duy là gì? Tỳ-kheo tư duy về giác chi thứ nhất là niệm, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định, cho đến tư duy về giác chi thứ bảy là xả, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; nếu không tư duy thì sanh phiền não, ưu sầu, còn có tư duy thì không

sanh phiền não ưu sầu. Đó là lậu được đoạn trừ do tu duy”.⁴⁴

42. 14 vấn đề siêu hình đức Phật không giải thích

220. ‘Kinh Kiến’

Đệ học Phạm chí bèn hỏi: “Sự kiện như vậy. Những quan điểm này bị gác lại, bị loại bỏ, không được giải thích tường tận, đó là, ‘Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?’ Sa-môn Cù-đàm có biết rõ các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết chăng?”

Tôn giả A-nan đáp: “Phạm chí, sự kiện như vậy. Đối với những quan điểm này, Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, ‘Thế giới hữu thường, hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt

44. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 10. Kinh Lậu Tận, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 64-68.

diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?’ Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, biết các quan điểm này đúng như lý ung phải biết”⁴⁵.

43. Đức Phật giải thích lý do tại sao Ngài không trả lời 14 vấn đề vô ký

221. ‘Kinh Tiền Dự’

Tôn giả Man Đổng tử vào lúc xế trưa, từ tỉnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi qua một bên mà bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con sống cô độc tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm, ‘Sự kiện như vậy. Những quan điểm này bị Đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, ‘Thế giới hữu thường hay vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?’ Ta không hài lòng với điều này, ta không nhẫn khả với điều này. Nếu Thế Tôn xác

45. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 220. Kinh Kiến, Taiwan, 2000, trang 935~936.

quyết rõ ràng, ‘Thế giới hữu thường’, Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng ‘Thế giới hữu thường’ thì Ngài hãy nói thẳng là không biết. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?’ Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng, ‘Điều này chơn thật, ngoài ra là hư vọng’, Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng, ‘Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng’, thì Ngài hãy nói thẳng là không biết”.

Đức Thế Tôn hỏi: “Này Man Đổng tử, trước kia Ta có nói như vậy với người rằng: ‘Hãy đến đây! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh rồi Ta sẽ nói cho nghe, ‘Thế giới hữu thường’... chẳng’?”

Man Đổng tử đáp: “Bạch Thế Tôn, không.”...

Đức Thế Tôn lại hỏi: “Này Man Đổng tử, trước kia người có nói với Ta rằng: ‘Nếu Thế Tôn xác quyết nói cho con biết rằng: ‘Thế giới hữu thường’ thì con sẽ theo Thế Tôn học phạm hạnh...’ chẳng’?”

Man Đổng tử đáp: “Bạch Thế Tôn, không”....

Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Man Đổng tử, rồi nói với các Tỳ-kheo rằng: “Nếu có

người ngu si nghĩ như vậy, ‘Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng: ‘Thế giới hữu thường’ thì Ta không theo Đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh...’. Những người ngu si ấy, chưa biết được gì thì nửa chừng mạng chung.

“Ví như một người bị trúng tên độc; do bị trúng tên độc nên đau đớn cùng cực. Người ấy được các thân thuộc đồng tình thương xót, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc nên tìm cầu y sĩ nhổ tên. Nhưng nó lại nói rằng: ‘Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người bắn tôi đó, họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, thuộc dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư, là người ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cây cung ấy làm bằng gỗ chấu, bằng gỗ dâu, bằng gỗ quỳ, hay bằng sừng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cần cung làm bằng gân bò, bằng gân hươu, nai hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cây cung đó màu đen, màu trắng, màu đỏ hay màu vàng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết dây cung đó làm bằng gân, bằng tơ, bằng sợi gai hay bằng võ gai? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cán tên này làm bằng gỗ hay bằng tre? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết tên được quán bằng gân bò, gân hươu nai, hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết đuôi

tên này kết bằng lông phiêu lẳng, lông kên kên, lông gà trống, hay lông hạc? Khoan hãy nhỏ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết mũi tên này thuộc loại mũi răng cưa, mũi nhọn, hay mũi bình phi đao? Khoan hãy nhỏ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người thợ vót tên này họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc?’ Nhưng nó chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

“Cũng vậy, nếu có người ngu si nghĩ như vậy, ‘Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng ‘Thế giới hữu thường’ thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh...’. Nhưng người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung....

“‘Thế giới hữu thường’, nhân nơi quan điểm này mà theo ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, ‘Thế giới hữu biên hay vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác, Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, nay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?’ Nhân nơi những quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

“‘Thế giới hữu thường’, vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô

biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác, Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?’ Vì có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

“‘Thế giới hữu thường’, vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên; thế giới vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?’ Vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

“‘Thế giới hữu thường’, vì không có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?’. Vì không có những quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy.

“Dù ‘Thế giới hữu thường’, thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, ảo não, như

vậy toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh. Cũng vậy, dù ‘Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?’ thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh.

“‘Thế giới hữu thường’, Ta không xác quyết điều này. Vì điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết điều này. Cũng vậy, ‘Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sanh mạng tức là thân hay sanh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?’ Ta không xác quyết điều này. Vì lý do gì mà Ta không xác quyết những điều này? Vì những điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải là căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết những điều này.

“Những pháp nào được Ta xác quyết nói đến? ‘Đây là khổ’, Ta xác quyết nói ‘Đây là khổ’, ‘Khổ tập, Khổ

diệt, Khổ diệt đạo tích’ Ta xác quyết nói. Vì những lý do gì mà Ta xác quyết nói những điều này? Vì những điều này tương ưng với cứu cánh, tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn, cho nên Ta xác quyết nói những điều này.

“Đó là, những gì thể nói thì Ta không nói, những gì có thể nói thì Ta nói, hãy thọ trì như vậy. Hãy học tập như vậy”⁴⁶.

44. Nghiệp

15. ‘Kinh Tư’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Nếu kẻ nào có ý tạo nghiệp Ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo. Hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không có ý, Ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ quả báo.

“Ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ khổ quả. Miệng có bốn nghiệp, ý có ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ báo, thọ khổ quả.

“Những gì là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, phải thọ khổ báo? Một là sát sanh, quá hung dữ, uống máu, cứ muốn sát hại, không thương xót

46. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 221. Kinh Tiễn Dự, Taiwan, 2000, trang 940-944.

chúng sanh, cho đến loài côn trùng. Hai là lấy của không được cho, đấm trước tài vật của kẻ khác, chiếm lấy với ý muốn trộm cắp. Ba là tà dâm; người kia chính mình xâm phạm tới người nữ có cha giữ gìn, hoặc có mẹ gìn giữ, hoặc được cả cha và mẹ giữ gìn, hoặc được chị em giữ gìn, hoặc được anh em gìn giữ, hoặc được cha mẹ vợ gìn giữ, hoặc được người thân thuộc gìn giữ, hoặc được người cùng dòng họ gìn giữ; hoặc được bảo vệ bằng đe dọa hình phạt hay roi vọt, hoặc đã được thuê, hoặc đã được hứa hôn, cho đến chỉ mới nhận tràng hoa làm tin. Đó là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

“Những gì là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo? Một là nói dối; người kia hoặc ở giữa đám đông, hoặc trong quyền thuộc, hoặc ở tại vương gia, nếu có ai kêu mà hỏi rằng: ‘Người có biết thì nói’. Nhưng nó không biết mà nói là biết, biết nói là không biết; không thấy nói là thấy, thấy nói không thấy. Vì mình, vì người, hoặc vì của cải, biết rồi mà lại nói dối. Hai là nói hai lưỡi; muốn ly gián người khác nên nghe nơi người này đem nói với người kia vì muốn phá hoại người này. Nghe nơi người kia đem nói với này vì muốn phá hoại người kia. Những kẻ hợp nhau muốn tạo ly tán; những kẻ đã ly tán lại muốn cho xa rời để kết bè đảng, vui thích bè đảng, khen ngợi bè đảng. Ba là nói thô ác; người ấy nếu có nói năng gì thì lời lẽ thô tục, hung bạo, tiếng dữ trái tai, không ai mến nổi, làm cho người

khác phải khổ não, khiến cho không được định tâm. Bốn là nói lời thêu dệt; người ấy nói không đúng lúc, nói không thành thật, nói lời không đúng nghĩa, nói lời không đúng pháp, nói không tịch tĩnh, lại còn khen ngợi sự không tịch tĩnh, trái ngược thời gian mà lại không khéo dạy dỗ, không khéo la mắng. Đó là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo, bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

“Những gì ba nghiệp của ý cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo? Một, tham lam; thấy tài vật và các tư cụ sanh sống của người khác thường tham lam ước muốn sao cho được về của mình. Hai là sân妒; trong ý ôm ấp oán ghét, nghĩ rằng: chúng sanh kia đáng giết, đáng trói, đáng bắt, đáng loại bỏ, đáng đuổi đi, mong cho kẻ kia thọ khổ vô lượng. Ba là tà kiến; sở kiến điên đảo, thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có bố thí, không có trai phước, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau; không có cha mẹ, trên đời không có bậc chân nhân đi đến chỗ chí thiện, khéo vượt qua, khéo hướng đến, ở đời này và đời sau mà tự chứng tri, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú. Đó là ba nghiệp do ý cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ ấy khổ báo.

“Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện của thân, tu thân thiện nghiệp, xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý, tu thiện nghiệp miệng và ý. Đa văn Thánh đệ tử đầy đủ

giới đức tinh tấn như vậy, thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi miệng và ý, lìa sân nhuế, lìa não hại, từ bỏ ngủ nghỉ, không trạo cử và cống cao, đoạn nghi, vượt kiêu mạn, chánh niệm, chánh trí, không còn ngu si, tâm vị ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai, ba, bốn phương và tứ duy, thượng, hạ, biến mãn, tâm đi đôi với từ, không thù không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô biên vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Người kia suy nghĩ rằng: ‘Tâm ta xưa kia vốn nhỏ hẹp, không khéo tu. Tâm ta nay đây khéo tu, quảng đại vô lượng’. Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sanh ra, liền có thể tu hành từ tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?”

Các Tỳ-kheo thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, không thể”.

“Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu từ tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu từ tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: ‘Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện.

Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa’. Nếu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa.

“Cũng vậy, tâm bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người ấy suy nghĩ như vậy: ‘Tâm ta trước vốn nhỏ hẹp, không khéo tu tập. Tâm ta nay đây rộng lớn vô lượng, được khéo tu tập’. Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sanh ra, liền có thể tu hành xả tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?”

Các Tỳ-kheo thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, không thể”.

“Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu xả tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu xả tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: ‘Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa’. Nếu có người thực hành xả tâm

giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa”.⁴⁷

11. ‘Kinh Diêm Dụ’

Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng: “Nếu tùy theo nghiệp được tạo tác của mỗi người mà thọ lấy quả báo của nó; như vậy, không có sự thực hành phạm hạnh, không thể diệt tận khổ. Nếu nói như vậy: ‘Tùy theo nghiệp được tạo tác của mỗi người mà thọ lấy quả báo của nó’. Như vậy, có sự tu hành phạm hạnh, có được dự diệt tận được khổ.

“Vì sao như vậy? Giả sử có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục? Nghĩa là, nếu có người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục.”⁴⁸

47. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 15. Kinh Tư, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 97~99.

48. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 11. Kinh Diêm Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 71~72.

16. ‘Kinh Già Lam’

Đức Thế Tôn nói rằng: “Này các người Già-lam, các người chớ sanh lòng ngờ vực. Vì sao vậy? Vì nhân có ngờ vực liền sanh ra do dự. Này các người Già-lam, các người tự mình không có tịnh trí để biết có đời sau hay không có đời sau. Này các người Già-lam, các người cũng không có tịnh trí để biết điều đã làm có tội hay không có tội. Này các người Già-lam, nên biết các nghiệp vốn sẵn có ba tập nhân. Những gì là ba? Này các người Già-lam, tham là tập nhân sẵn có của các nghiệp. Này các người Già-lam, nhuê và si là tập nhân sẵn có của các nghiệp.⁴⁹

45. Thân không làm ác miệng không nói ác không đồng nghĩa là người thiện, quan điểm của đức Phật về 3 nghiệp

179. ‘Kinh Ngũ Chi Vật Chủ’

Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói: “Này Vật chủ, nếu có bốn sự, ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chúng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói ác, không sống bằng tà mạng

49. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 16. Kinh Già Lam, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 102~103.

và không suy niệm niệm ác. Nay Vật chủ, nếu có bốn sự này, ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực”.

Ngũ Chi Vật chủ nghe Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói, không cho là phải, không cho là trái, từ chỗ ngồi đứng dậy, bước đi với ý niệm: “Với lời như vậy, ta phải đích thân đi đến Thê Tôn thưa hỏi nghĩa này”. Rồi ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên, đem những điều đã bàn luận với Dị học Sa-môn Văn-kì Tử thuật lại hết với Đức Phật.

Đức Thê Tôn nghe xong, nói rằng: “Nay Vật chủ, theo lời Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói, nếu quả thật như vậy thì trẻ sơ sanh tay chân mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, cũng sẽ thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Nay Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tướng về thân, hưởng nữa là tạo nghiệp ác của thân. Nó chỉ có thể cử động thân. Nay Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tướng về miệng, hưởng nữa là nói ác. Nó chỉ biết khóc. Nay Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tướng về niệm, hưởng nữa là niệm ác duy chỉ biết bập bẹ. Nay Vật chủ, trẻ sơ sanh còn không có tướng về mạng, hưởng nữa là sống tà mạng, duy chỉ suy niệm đến sữa mẹ. Nay Vật chủ, theo lời Dị học Sa-môn Văn-kì Tử nói, như vậy thì trẻ sơ sanh cũng thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.

“Này Vật chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực.

“Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói ác, không sống tà mạng và không suy niệm niệm ác. Này Vật chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực.

“Này Vật chủ, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ta chủ trương đó là giới.

“Này Vật chủ, niệm, Ta chủ trương đó là tâm sở hữu đi theo với tâm.

“Này Vật chủ, ta nói nên biết giới bất thiện. Nên biết giới bất thiện phát sanh từ đâu? Nên biết giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nên biết đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới bất thiện.

“Này Vật chủ, ta nói nên biết giới thiện. Nên biết giới thiện phát sanh từ đâu? Nên biết giới thiện bị diệt không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nên biết đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới thiện.

“Này Vật chủ, ta nói nên biết niệm bất thiện. Nên biết niệm bất thiện phát sanh từ đâu? Nên biết niệm bất thiện

bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nên biết đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện.

“Này Vật chủ, ta nói nên biết niệm thiện. Nên biết niệm thiện phát sanh từ đâu? Nên biết niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nên biết Hiền Thánh làm thế nào để diệt trừ niệm thiện.

“Này Vật chủ, thế nào gọi là giới bất thiện?

“Thân hành bất thiện, miệng, ý hành bất thiện. Đó gọi là giới bất thiện.

“Này Vật chủ, giới bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Thế nào gọi là tâm? Nếu tâm có dục, có nhuế, có si, nên biết giới bất thiện phát sanh từ tâm này.

“Này Vật chủ, giới bất thiện bị diệt trừ, không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân; xả bỏ nghiệp bất thiện về miệng, ý, tu tập nghiệp thiện về miệng, ý. Đây là giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Này Vật chủ, đệ tử Hiền thánh làm thế nào diệt trừ giới bất thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới bất thiện.

“Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.

“Này Vật chủ, giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Thế nào gọi là tâm? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này.

“Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

“Này Vật chủ, thế nào gọi là niệm bất thiện? Suy niệm về niệm dục, niệm nhuế, niệm hại. Đó gọi là niệm bất thiện.

“Này Vật chủ, niệm bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tưởng. Thế nào gọi là tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng.

“Này Vật chủ, chúng sanh do tưởng dục giới mà sanh niệm bất thiện tương ưng với dục giới. Nếu có tưởng thì

vì nhân nơi tướng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với dục giới.

“Này Vật chủ, chúng sanh do tướng nhuế giới, hại giới cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế và hại giới. Nếu có tướng thì vì nhân nơi tướng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới. Đó là niệm bất thiện phát sanh từ tướng này.

“Này Vật chủ, niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu và an trụ, đây là niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm bất thiện.

“Này Vật chủ, thế nào gọi là niệm thiện? Suy niệm về niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại. Đó gọi là niệm thiện.

“Này Vật chủ, niệm này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tướng. Thế nào gọi là tướng? Ta nói hành trạng của tướng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc vô dục tướng, vô nhuế tướng, vô hại tướng.

Này Vật chủ, chúng sanh do tướng trong vô dục giới cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô dục giới. Nếu có tướng thì vì nhân nơi tướng đó cho nên sanh niệm thiện, tương ưng với vô dục giới.

“Này Vật chủ, chúng sanh do tướng trong vô nhuế, vô hại giới cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới. Nếu có tướng thì vì nhân nơi tướng đó cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới. Đó là niệm thiện phát sanh từ tướng này.

“Này Vật chủ, niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu Đa văn Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu và an trụ, đây là niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ niệm thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện.

“Này Vật chủ, nếu Đa văn Thánh đệ tử do tuệ quán sát biết đúng như thật giới bất thiện, biết đúng như thật giới bất thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới bất thiện.

“Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

“Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm bất thiện, biết đúng như thật niệm bất thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm bất thiện.

“Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện.

“Vì sao vậy? Vì nhân chính kiến nên sanh chính chí, nhân chính chí nên sanh chính ngữ, nhân chính ngữ nên sanh chính nghiệp, nhân chính nghiệp nên sanh chính mạng, nhân chính mạng nên sanh chính phương tiện, nhân chính phương tiện nên sanh chính niệm, nhân chính niệm nên sanh chính định. Hiền thánh đệ tử đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát tất cả dâm, nộ, si.

“Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử đã chính tâm giải thoát như vậy rồi, liền biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh

đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Đó gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi, và A-la-hán lậu tận đã thành tựu mười chi.⁵⁰

46. Lý do nào trong xã hội có người giàu nghèo, đẹp xấu... khác nhau

170. ‘Kinh Anh Vũ’

“Bạch Cù-đàm, do nhân gì, do duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người mà có người cao kẻ thấp, có người đẹp kẻ xấu. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yếu; có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đoan chính, có người không đoan chính; lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức; lại thấy có kẻ sanh nhằm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thấy có kẻ thiện trí, có người ác trí”.

Đức Thế Tôn trả lời: “Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp”.

50. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 179. Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Taiwan, 2000, trang 552~557.

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch Thế Tôn rằng: “Sa-môn Cù-đàm nói vấn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể biết được. Mong Sa-môn Cù-đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe để tôi được hiểu rõ ý nghĩa”. ...

Đức Phật nói: “Này Ma-nạp, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

“Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm từ, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa

nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Nay Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.⁵¹

47. Quan điểm khác nhau giữa người trí và kẻ ngu về luật nhân quả

175. ‘Kinh Thọ Pháp (B) (Xem 174. ‘Kinh Thọ Pháp (A)

Thế gian này chân thật có bốn thọ pháp. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc.

“Thế nào là pháp thọ hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ? Hoặc có một người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc sát sinhsanh. Do nhân sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người đó tự mình, vui sướng, tự mình vui thích trong việc lấy của không cho, nói láo, cho đến tà kiến, nhân nơi tà kiến mà sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc, bất thiện, từ bất thiện mà sanh ra, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

51. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 170. Kinh Anh Vũ, Taiwan, 2000, trang 479~480.

“Đó là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai chịu quả báo khổ.

“Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai được quả báo lạc? Hoặc có người tự mình khổ, tự mình ưu, đoạn trừ việc sát sanh, do sự đoạn trừ việc sát hại mà sanh khổ, sanh ưu, người đó tự khổ, tự ưu; đoạn trừ việc lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến đoạn trừ tà kiến, do đoạn tà kiến mà sanh khổ sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, thiện sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

“Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ đặng quả báo lạc.

“Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ? Hoặc có người tự khổ, tự ưu và sát sanh, do sát sanh mà khổ, sanh ưu. Người đó tự khổ, tự ưu và lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, bất thiện từ bất thiện mà sanh, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

“Đó gọi là pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng phải thọ quả báo khổ.

“Sao gọi là thọ pháp hiện tại an vui mà tương lai cũng thọ quả báo an vui? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích, đoạn trừ sát sanh, do đoạn trừ sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người ấy tự mình vui sướng, tự mình vui thích, đoạn trừ lấy của không cho, tà

dâm, nói láo, cho đến tà kiến. Do đoạn trừ tà kiến cho nên sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc và tâm lạc từ thiện mà sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

“Như thế gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ, nhưng người kia do ngu si chẳng biết như thật rằng thọ pháp ấy hiện tại lạc, nhưng tương lai chịu lấy quả báo. Do không biết như thật nên tập hành không đoạn trừ. Sau khi tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý sanh; pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt. Cũng như thuốc A-ma-ni-được, một phần có sắc, có hương, có vị, nhưng có trộn chất độc; hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống thì sắc, hương và vị ngon miệng mà không tổn hại cổ họng, nhưng khi uống xong, vào trong bụng rồi lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu lấy quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật liền tập hành không đoạn trừ. Sau khi tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Nếu có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai chịu quả báo lạc, song người ấy ngu si không biết như thật rằng

thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai sẽ được quả báo an lạc. Khi đã không biết như thật liền không tập hành đoạn trừ. Sau khi không tập hành đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ, song người ngu si không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật, liền tập hành không đoạn trừ. Khi đã tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt.

“Cũng như đại tiểu tiện lại trộn lẫn độc, hoặc có người bị bệnh cho nên uống. Khi uống thì như nhớp, hôi thối, không có mùi vị, không ngon miệng mà lại tổn thương cuống họng, uống vào trong bụng lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Đã không biết như thật, bèn tập hành sự không đoạn trừ. Do tập hành sự không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc, nhưng người kia ngu si không biết như thật

rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc. Do không biết như thật nên không tập hành sự đoạn trừ. Do không tập hành sự đoạn trừ nên, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Người kia không biết như thật pháp nào nên tập hành, không biết như thật pháp nào không nên tập hành. Do không biết như thật pháp nào nên tập hành và không biết như thật pháp nào nên tập hành, do đó pháp không nên tập hành lại tập hành, pháp nên hành lại không hành. Do tập hành pháp không nên tập hành và không tập hành pháp nên tập hành, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

“Nếu có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ, người có trí tuệ biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Do biết như thật nên không tập hành nó, mà đoạn trừ nó. Do không tập hành nhưng đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Nếu có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ nhưng tương lai lại được quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành nó mà không đoạn trừ. Do tập hành mà không đoạn trừ, pháp không đáng thích,

không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh.

“Cũng như đại tiểu tiện có hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh uống; khi uống, sắc xấu, hôi thối, không mùi vị, không ngon miệng mà hại đau cuống họng, nhưng uống vào trong bụng lại thành thuốc. Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành nó mà không đoạn trừ. Do tập hành mà không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ, người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ. Do trí biết như thật, vị ấy không tập hành nó, nhưng đoạn trừ. Do không tập hành nó nhưng đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa

ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Cũng như tô mật hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống có sắc đẹp, có hương, có vị, ngon miệng mà không tổn thương cuống họng, uống vào bụng lại thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết một cách như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ; pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

“Người đó biết như thật rằng: Đây là pháp nên tập hành, biết như thật rằng đây là pháp không nên tập hành. Do biết như thật pháp nào nên tập hành và pháp nào không nên tập hành, vị ấy tập hành pháp nên tập hành, không tập hành pháp không nên tập hành. Do tập hành pháp nên tập hành và không nên tập hành pháp không nên tập hành, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.⁵²

52. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 175. Kinh Thọ Pháp (II), Taiwan, 2000, trang 519~524.

48. 4 hiện tượng nhân quả khác nhau dẫn đến quan điểm khác nhau giữa ngoại đạo và đức Phật

171. ‘Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp’

Phật nói:

(1) “Này A-nan, hoặc có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chỗ lành, sanh lên trời. Này A-nan, hoặc có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, sự thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chỗ ác, trong địa ngục.

(2) “Này A-nan, hoặc có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chỗ ác, trong địa ngục. Này A-nan, hoặc có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly và thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, trong cõi trời.

(3) “Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà

dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung, người ấy sanh về chốn lạnh, trong cõi trời. Nếu có vị Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ rằng: ‘Không có thân ác hành, cũng không có quả báo của thân ác hành. Không có khẩu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hành. Vì sao? Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ sự lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về cõi lạnh, trong cõi trời. Nếu có những trường hợp khác cũng tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về cõi lạnh, trong cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chính kiến. Ai thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà’. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, đều chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối’.

(4) “Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu

thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ rằng: “Không có thân diệu hạnh, không có quả báo của thân diệu hạnh, không có khẩu và ý diệu hạnh, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh”. Vì sao? Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ sự lấy của không cho từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có những trường hợp khác cũng tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Ai thấy như vậy gọi là chính kiến. Ai thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, đều chủ trương theo một chiều rằng: ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối’.

“Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: ‘Có thân ác hạnh, có quả báo của thân ác hạnh, có khẩu và ý ác hạnh, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hạnh’. Vì sao? Ta thấy kẻ kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho

đền không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, kia tất cả khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục. Ai thấy như vậy gọi là chính kiến; thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà'. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, đều chủ trương theo một chiều rằng: 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối'.

“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn mà thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: 'Có thân diệu hạnh, cũng có quả báo của thân diệu hạnh; có khẩu và ý diệu hạnh, cũng có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh. Vì sao? Ta thấy kẻ kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung nhất định sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Nếu lại có trường hợp khác tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ không cho mà lấy, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ sanh về nẻo lành, sanh trong cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chính kiến; thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà'. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng: 'Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối'.

“Này A-nan, ở trong đó, nếu vị Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như thế này, ‘Không có thân ác hành, không có quả báo của thân ác hành. Không có khẩu, ý ác hành, không có quả báo của khẩu và ý ác hành’. Ta không theo vị ấy. Nếu vị ấy nói như thế này, ‘Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn ác, sanh trong địa ngục’. Ta nghe theo vị ấy. Nếu nói như vậy, ‘Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ không cho mà lấy, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về chỗ lành, sanh lên trời’. Ta không nghe theo vị ấy. Nếu có ai nói như vậy, ‘Thấy như vậy mới là chính kiến, thấy khác là kẻ có trí tà’. Ta không nghe theo họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối’. Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

“Này A-nan, trong đó có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói thế này, ‘Không có thân diệu hạnh, cũng không có quả báo của thân diệu hạnh; không có khẩu, ý diệu hạnh, cũng không

có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh’. Ta không nghe theo vị ấy. Nếu nói thế này, ‘Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục’. Ta nghe theo vị ấy. Nếu có ai nói thế này, ‘Có những trường hợp khác tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục’. Ta không nghe theo họ. Nếu kia lại nói thế này, ‘Thấy như vậy mới là chính kiến, thấy khác là kẻ có trí tà’. Ta cũng không nghe họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối’. Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Nay A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

“Nay A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như vậy, ‘Có thân ác hạnh, cũng có quả báo của thân ác hạnh. Có khẩu, ý ác hạnh, cũng có quả báo của khẩu và ý ác hạnh’. Ta nghe theo vị ấy. Nếu kia nói như thế này, ‘Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục’. Ta nghe theo vị ấy. Nếu nói thế này, ‘Những trường hợp tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh,

không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục’. Ta không nghe theo họ. Nếu kia lại nói thế này, ‘Thấy như vậy mới là chính kiến, thấy khác là kẻ có trí tà’. Ta cũng không nghe họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối’. Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Nay A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

“Nay A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như thế này, ‘Có thân diệu hạnh, cũng có quả báo của thân diệu hạnh; có khẩu, ý diệu hạnh, cũng có quả báo của khẩu và ý diệu hạnh’. Ta nghe theo vị ấy. Nếu nói như vậy, ‘Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời’. Ta nghe theo họ. Nếu nói như vậy, ‘Nếu có những trường hợp tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời’. Ta không nghe theo họ. Nếu kia lại nói thế này, ‘Thấy như vậy mới là chính kiến, thấy khác là kẻ có trí tà’. Ta cũng không nghe họ. Bất cứ sở tri và sở kiến nào được cực lực mò mẫm, chủ trương theo

một chiều rằng ‘Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối’. Ta cũng không nghe họ. Vì sao? Nay A-nan, Như Lai biết những người đó là trường hợp khác.

“Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Ấy là, nếu trước kia nó đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ, cho nên ở trong đời hiện tại thọ báo xong, họ sanh về nơi đó. Hoặc do hậu báo cho nên người kia không vì nhơn này, không vì duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do xả ly và thủ hộ nên chưa tiêu hết, cần phải được thọ báo ở chốn lành; kia do nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc khi chết khởi các tâm, và tâm sở hữu pháp thuộc thiện tương ưng với chính kiến; kia nhờ nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Nếu trước kia họ đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do sự xả ly,

thủ hộ cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, cho nên sanh về nơi đó. Hoặc do bởi hậu báo cho nên họ không vì nhơn này, duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do không xả ly và không thủ hộ nên chưa tiêu hết, phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh tâm và các tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

“Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Kia do chính nhơn này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ mà chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở địa ngục; kia do nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, kia do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Kìa nhờ chính nhơn này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kìa nhờ nhơn này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc đến lúc chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ưng với chính kiến, kìa do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.⁵³

49. Sự khác nhau giữa quan điểm nghiệp của Phật giáo và Kỳ Na giáo

133. ‘Kinh Ưu Ba Li’

Đức Thế Tôn bèn hỏi: “Nhà khố hạnh Ni-kiền Thân Tử (Niganṭha-Nātaputta) chủ trương có bao nhiêu hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

53. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 171. Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp, Taiwan, 2000, trang 490~496.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: “Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử, không giảng dạy cho chúng tôi về những hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Nhưng người giảng dạy chúng tôi về sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp”.

Thế Tôn lại hỏi: “Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân Tử chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng: “Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử giảng dạy cho chúng tôi về ba sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Những gì là ba? Đó là sự trừng phạt bằng thân, sự trừng phạt bằng miệng và sự trừng phạt bằng ý.

Đức Thế Tôn lại hỏi: “Này Khổ Hạnh, thế nào, thân phạt, khẩu phạt, ý phạt có khác nhau không?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng: “Thưa Cù-đàm, đối với chúng tôi, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác”.

Đức Thế Tôn lại hỏi: “Này Khổ Hạnh, các sự trừng phạt này tương tự như vậy. Ni-kiền Thân Tử chủ trương trừng phạt nào nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Sự trừng phạt của thân chăng? Của khẩu chăng? Của ý chăng?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp rằng: “Thưa Cù-đàm, các sự trừng phạt này tương tự như vậy. Tôn sư tôi, Ni-

kiền Thân Tử chủ trương thân phật là nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Khẩu phật thì không phải vậy, ý phật thì nhẹ nhất, không bằng thân phật vốn “rất lớn lao, rất nặng nề”.

Thế Tôn lại hỏi: “Này Khổ Hạnh, ông nói thân phật nặng nhất chẳng?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: “Thưa Cù-đàm, thân phật nặng nhất.”

Đức Thế Tôn hỏi lại đến lần thứ ba: “Này Khổ Hạnh, ông nói thân phật nặng nhất chẳng?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng ba lần đáp lại: “Thưa Cù-đàm, thân phật nặng nhất”.

Đức Thế Tôn thẩm định ba lần Ni-kiền Trường Khổ Hạnh việc như vậy xong, bèn ngồi im lặng.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: “Sa-môn Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn đáp: “Này Khổ Hạnh, ta không giảng thuyết về những trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Ta chỉ giảng thuyết về nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp”.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: “Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

Thế Tôn lại đáp: “Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết về ba nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thế nào là ba? Là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp”.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh lại hỏi: “Cù-đàm, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác chăng?”

Thế Tôn lại đáp: “Ta nói, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác vậy”.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: “Thưa Cù-đàm, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Là thân nghiệp chăng? Khẩu nghiệp chăng? Ý nghiệp chăng?”

Thế Tôn lại đáp: “Này Khổ Hạnh, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thì không phải vậy”.

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: “Cù-Đàm chủ trương ý nghiệp nặng nhất chăng?”

Thế Tôn đáp: “Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất”⁵⁴.

54. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 133. Kinh Ưu Ba Ly, Taiwan, 2000, trang 111~113.

50. Quan điểm của Phật với vấn đề cầu nguyện, ước nguyện

173. ‘Kinh Phù Di’

Thưa Tôn giả Phù-di, có Sa-môn Phạm chí đi đến chỗ tôi và nói với tôi rằng: ‘Này Vương đồng tử, người nào có ước nguyện tu hành phạm hạnh một cách chân chính, người ấy tất sẽ chứng quả. Nếu người nào không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chính, người ấy tất sẽ chứng quả’. Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý gì, có thuyết gì chăng?”

Tôn giả Phù-di nói: “Này Vương đồng tử, tôi chưa được đích thân nghe Đức Thế Tôn nói, cũng chưa được nghe các vị phạm hạnh nói lại, nhưng này Vương đồng tử, có thể Đức Thế Tôn đã nói như vậy, ‘Người nào có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chính, người ấy tất sẽ chứng quả. Nếu người nào không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chính, người ấy tất sẽ chứng quả’”....

Đức Thế Tôn nói: “Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc

vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

“Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách tà vạy, tức là vắt nơi sừng con bò vậy. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chính kiến, chính kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chính nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân

chính, thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chính, là đúng đường lối.

Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa, cho bò ăn uống no nê rồi vắt sữa nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa, cho bò ăn no nê rồi vắt nơi vú nó, thì chắc chắn lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách chân chính, là vắt nơi vú con bò. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí chính kiến, chính kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chính, chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chính thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chính, là đúng đường lối....⁵⁵

51. Nghiệp không thể cầu nguyện van xin

17. ‘Kinh Già Di Ni’

Thế Tôn bảo rằng: “Này Già-di-ni, nay ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ

55. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 173. Kinh Phù Di, Taiwan, 2000, trang 506~512.

thế nào? Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thấy đều chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: ‘Các người, nam hoặc nữ, biếng nhác, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm nói dối, cho đến tà kiến. Các người nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời’. Như vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác kia, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến; có thể nào vì được số đông người đều đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời không?”

Già-di-ni thưa rằng: “Không thể được, bạch Thế Tôn”.

Phật khen rằng: “Lành thay, Già-di-ni, vì sao thế? Những người nam hay nữ kia, biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Nếu được số đông người đến chấp tay hướng về chúng, mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy,

duyên việc ấy khi thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ sanh lên cõi trời. Việc đó không thể có.

“Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa, có vực nước sâu, nơi đó có một người ôm tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước. Nếu có số đông người đến đều chấp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: ‘Mong tảng đá nổi lên, mong tảng đá nổi lên’. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chấp tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?”

Già-di-ni trả lời rằng: “Không thể được, bạch Thế Tôn!”

“Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, nếu được số đông người đến đều chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; điều đó không thể có được.⁵⁶

56. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 17. Kinh Già Di Ni, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 110-111.

52. Làm ác đọa địa ngục làm thiện sanh thiên không cần cầu nguyện

93. ‘Kinh Thủy Tịnh Phạm Chí’

Nếu có hai mươi một thứ ô uế làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

“Những gì là hai mươi một thứ ô uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụ miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siễm, tâm uế do vô tầm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật

“Nếu có hai mươi một thứ ô uế này làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

“Ví như cái áo bị cái bần đem cho nhà thợ nhuộm. Người thợ nhuộm nhận áo đó, hoặc dùng tro sạch, hoặc dùng bột giặt hay dùng nước chắt chà sát thật kỹ cho sạch cái áo dơ bần đó. Dù người thợ giặt dùng tro sạch, hoặc dùng bột giặt hay dùng nước chắt chà sát thật kỹ cho sạch, nhưng cái áo dơ bần ấy vẫn có màu dơ bần. Cũng như vậy, nếu có hai mươi một thứ ô uế làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Những gì là hai mươi một thứ ô uế? Đó là, tâm uế do tà

kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thuy miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật.

“Nếu có hai mươi một thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi một thứ ô uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thuy miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do dua siểm, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi một thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

“Ví như cái áo trắng sạch của loại vải dệt ở xứ Ba-la-nại, đem cho nhà thợ nhuộm. Người thợ nhuộm nhận áo đó, dùng hoặc tro sạch, hoặc dùng bột giặt hay dùng nước chắt chà xát thật kỹ cho thêm sạch cái áo trắng sạch bằng loại vải Ba-la-nại này. Người thợ giặt Ba-la-nại chà xát thật kỹ cho thêm sạch, nhưng cái áo trắng sạch loại

vải Ba-la-nại ấy vốn đã sạch lại càng trắng sạch thêm. Cũng vậy, nếu có hai mươi một thứ ô uế mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi một thứ ô uế? Đó là, tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do đua siểm, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi một thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

“Nếu ai biết được tà kiến là ô uế của tâm, sau khi biết liền đoạn trừ. Cũng như vậy, nếu ai biết được tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hồi quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú tàng, tâm uế do xan tham, tâm uế do tật đố, tâm uế do khi trá, tâm uế do đua siểm, tâm uế do vô tâm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn; nếu biết phóng dật là tâm uế, sau khi biết liền đoạn trừ.

“Tâm của vị ấy cùng đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Như vậy, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy, trên dưới, trùm khắp tất

cả cùng đi đôi với lòng từ, không kết, không oán, không giận, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

“Này Phạm chí, đó là phương pháp gột rửa nội tâm chứ không phải gột rửa ngoại thân”.⁵⁷

53. Tu là quán sát 3 nghiệp

14. ‘Kinh La Vân’

“Cũng vậy, này La-vân, nếu người sắp hành động với thân nghiệp thì hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: ‘Ta sắp làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình mà làm hay vì người khác?’ Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện, nó sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo’. Này La-vân, người nên bỏ thân nghiệp bất thiện sắp được làm ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: ‘Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp thiện, nó sẽ đưa đến lạc quả và sẽ thọ lấy lạc báo’. Này La-vân, người hãy thực hiện thân nghiệp sẽ làm ấy.

57. Hán Dịch: Tam Tạng Tăng Già Đề Bà, Việt Dịch: Tuệ Sỹ, Kinh Trung A-Hàm Tập 1, 93. Kinh Thủy Tịnh Phạm Chí, Tôn Giáo, Hà Nội, 2008, trang 715~717.

“Này La-vân, người hiện đang hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: ‘Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình làm hay vì người khác?’ Này La-vân, khi quán sát như vậy mà biết rằng: ‘Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp này tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và thọ lấy khổ báo’. Này La-vân, người nên bỏ thân nghiệp đang làm ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo’. Này La-vân, người hãy nên thực hiện thân nghiệp đang làm ấy.

“Này La-vân, nếu người đã hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: ‘Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, đã diệt tận, đã biến dịch. Nó là tịnh hay bất tịnh? Vì mình hay vì người khác?’ Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: ‘Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo’. Này La-vân, người hãy đến nơi người phạm hạnh, thiện tri thức, chí tâm phát lộ thân nghiệp đã tạo ra, xin ăn năn lỗi lầm, cẩn thận không giấu giếm, rồi phải khéo léo giữ gìn.

“Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà rằng: ‘Ta đã làm thân nghiệp. Thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận,

biến dịch, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo’. Nay La-vân, người nên ngày đêm vui mừng, an trụ chính niệm, chính trí.

“Vói khẩu nghiệp cũng lại như vậy.

“Này La-vân, nếu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc làm trong quá khứ đã sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, là vì mình làm hay vì người khác?’ Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, mà biết nhân việc làm trong quá khứ mà sanh ra ý nghiệp; ý nghiệp đã quá khứ, diệt tận, biến dịch. Ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo. Nay La-vân, người nên bỏ ý nghiệp trong quá khứ ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, mà rằng nhân việc làm trong quá khứ mà đã sanh ra ý nghiệp; ý nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Nay La-vân, người đến thọ nhận ý nghiệp quá khứ ấy.

“Này La-vân, nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sanh khởi ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc làm trong vị lai sẽ sanh ý nghiệp; ý nghiệp ấy là tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác?’ Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, mà biết rằng: ‘Nhân việc làm trong vị lai mà sẽ sanh ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất

tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo’. Nay La-vân, người nên xả bỏ ý nghiệp trong vị lai đó đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, liền biết rằng: ‘Nhân việc làm trong vị lai mà sanh ý nghiệp; ý nghiệp đó tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo’. Nay La-vân, người nên nhận lãnh ý nghiệp trong vị lai ấy.

“Nay La-vân, nhân việc làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp, hãy nên quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc đang làm trong hiện tại nên sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác?’ Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Nhân việc đang làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và sẽ thọ lấy khổ báo’. Nay La-vân, người nên xả bỏ ý nghiệp trong hiện tại ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Nhân có việc đang làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo’. Nay La-vân, người nên nhận lãnh ý nghiệp hiện tại ấy.⁵⁸

58. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 14. Kinh La Vân, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 92~94.

54. Đức Phật không chấp nhận thuyết định mệnh

13. ‘Kinh Độ’

“Ồ trong đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định đoạt’, Ta liền đến nơi người kia; đến rồi liền hỏi: ‘Này Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định đoạt chẳng? Người kia trả lời rằng: ‘Thật vậy’. Ta lại nói với người kia rằng: ‘Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn. Cũng vậy, chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn. Này chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn, mà cho là như thật, thì ở bên trong, nhân bên trong, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Này chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chính niệm, không có chính trí, thì không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được’. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Phạm chí kia.⁵⁹

59. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 13. Kinh Độ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 84.

55. Sự nguy hiểm của người không biết tầm quý

14. ‘Kinh La Vân’

Phật bảo: “Ta nói đạo của người kia cũng ít như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm không quý. Này La-vân, người kia cũng không có điều ác nào là không làm. Do đó, này La-vân nên học như thế này, không đùa giỡn và nói dối”...

“Này La-vân, cũng như nhà vua có thớt voi lớn, khi xông vào trận chiến đấu thì dùng chân trước, chân sau, đuôi, bộ chân, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Tượng sư thấy vậy, rồi suy nghĩ như thế này: ‘Thớt voi lớn này của nhà vua vẫn còn tiếc mạng sống. Vì sao thế? Vì thớt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, thì dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ gìn giữ chiếc vòi’. Này La-vân, nếu thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, vòi đều dùng tất cả. Tượng sư thấy vậy rồi liền suy nghĩ như thế này: ‘Thớt voi lớn của nhà vua này không còn tiếc mạng sống nữa. Vì sao thế? Thớt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng’. Này La-vân, nếu thớt voi lớn khi xông vào trận

giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng. Nay La-vân, Ta nói thốt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc, chiến đấu, không có việc dữ nào mà không làm, không ăn năn, không tàm, không quý. Nay La-vân, Ta nói rằng: Người kia cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, nay La-vân, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối”.⁶⁰

56. Ác hạnh Tỳ-kheo

94. ‘Kinh Hắc Tỳ-kheo

“Hoặc có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục. Nếu có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ,

60. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 14. Kinh La Vân, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 89-91.

không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người phạm giới, vượt giới, sứt mẻ giới, làm rách giới, ô uế giới và không khen việc trì giới. Nếu có người phạm giới, vượt giới, sứt mẻ giới, làm rách giới, ô uế giới, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người có sân triền, có phú kết, có bồn sển, tật đố, có dua siểm, dối trá, có vô tâm, vô quý, không khen tâm quý. Nếu có người có sân triền, có phú kết, bồn sển, tật đố, có dua siểm, dối trá, có vô tâm, vô quý, không khen tâm quý, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, không khen sự tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh. Nếu có người không tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, không khen sự tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, thì đó là

pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp. Nếu có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Hoặc có người không kính tọa, không khen kính tọa. Nếu có người không kính tọa, không khen kính tọa, thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến cho có ái niệm, không thể khiến cho có kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

“Những người như thế tuy nghĩ rằng: ‘Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự ta’, nhưng các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều ác này. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác này nên khiến

cho các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.⁶¹

57. Tư cách của vị Tỳ-kheo

26. ‘Kinh Cù Ni Sư’

Bấy giờ Tỳ-kheo Cù-ni-sư cũng trú tại thành Vương Xá, ở tại Vô sự thất, cười đùa kiêu ngạo, tháo động, không chính niệm như khi vợ Tỳ-kheo Cù-ni-sư vì có chút việc nên đến thành Vương Xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử cùng với chúng Tỳ-kheo sau giờ ngộ thực, vì có chút việc nên vân tập tại giảng đường. Tỳ-kheo Cù-ni-sư sau khi đã làm xong việc trong thành Vương Xá, đi đến giảng đường. Tôn giả Xá-lê Tử từ đằng xa trong thấy Cù-ni-sư đi đến. Nhân Cù-ni-sư mà bảo các Tỳ-kheo rằng: “Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, phải học sự kính trọng và biết tùy thuận quán sát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không kính trọng, không biết tùy thuận quán sát, thì sẽ bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...”

61. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 94. Kinh Hắc Tỳ Kheo, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 751~754.

“Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không cười giỡn, không tháo động. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay cười giỡn, tháo động, thì sẽ bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...”

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không nói những đề tài súc sanh. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay nói những vấn đề súc sanh, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...”

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học không kiêu ngạo và ít nói năng. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay kiêu ngạo và nói năng nhiều sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...”

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thủ hộ các căn. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà phần nhiều không chịu thủ hộ các căn, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...”

“Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết đủ trong sự ăn uống. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà ham ăn quá dư, quá nhiều, không biết đủ, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn:

‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...

“Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học tinh tấn không giải đãi. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà lại thường không tinh tấn, hay giải đãi, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’....

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học chính niệm và chính trí. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà không học chính niệm chính trí, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết thời và đúng thời; không đi vào thôn khát thực quá sớm, cũng chẳng trở về quá trễ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà vào thôn khát thực quá sớm và trở về quá trễ, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học biết ngôi và ngồi đúng chỗ; không lấn chỗ ngồi của vị Trưởng lão, bị Tỳ-kheo nhỏ khiển trách. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà chiếm chỗ ngồi của bậc trưởng lão, bị các Tỳ-kheo nhỏ quở trách, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về Luật và A-tì-đàm. Vì sao thế. Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về Luật và A-tì-đàm. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về Luật và A-tì-đàm, thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường quở trách cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế?’...”

“Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định. Vì sao thế? Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về tịch tĩnh giải thoát và ly sắc cho đến vô sắc định thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường quở trách cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự này mà làm gì? Vì sao thế?’...”

“Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học thảo luận về lậu tận trí thông. Vì sao thế. Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về lậu tận trí thông. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về lậu tận trí thông, thì làm cho các Tỳ-kheo khác thường quở trách cật vấn: ‘Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự này mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về lậu tận trí thông’. Nếu đến

ở giữa đại chúng cũng làm cho các Tỳ-kheo thường chỉ trích cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về lậu tận trí thông”.⁶²

58. Những việc cần làm gấp của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni

95. ‘Kinh Trụ Pháp’

“Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống nhiều với tham lam, sân nhuế tâm, thù miên triền, trạo cử và cống cao, nghi hoặc, thân tránh, ô uế tâm, bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định và sống với nhiều ác tuệ, thì Tỳ-kheo ấy vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên gấp rút tìm phương tiện học hỏi, hết sức tinh cần chính niệm, chính trí, nhẫn, không để thoái lui.

“Nhu người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút cầu phương tiện cứu đầu cứu áo. Cũng như thế, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chính niệm, chính trí, nhẫn, không để thoái lui.”⁶³

62. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 26. Kinh Cù Ni Sư, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 187~191.

63. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 95. Kinh Trụ Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 758.

59. Thế nào là Tỳ-kheo bị suy thoái hay tăng trưởng

96. ‘Kinh Vô’

Tôn giả Xá-lê Tử nói với các thầy Tỳ-kheo: “Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không được nghe pháp chưa từng nghe; pháp đã nghe thì lại quên mất. Giả sử có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng và đã được hiểu bởi tuệ, nhưng vị ấy không nhớ lại và không thấu hiểu. Này chư Hiền, đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni suy thoái tịnh pháp.

“Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni pháp chưa nghe thì được nghe; pháp đã nghe thì không quên mất. Giả sử có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng và đã được hiểu bởi tuệ, rồi vị ấy thường ghi nhớ và thấu hiểu, thì đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng trưởng tịnh pháp.⁶⁴

64. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 96. Kinh Vô, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 761.

60. Không nên vì người khác làm ác

27. ‘Kinh Phạm Chí Đà Chiên’

“Này Đà-nhiên, ông không tinh tấn lại phạm vào các giới cấm. Dựa thế vào vua để dối gạt Phạm chí, Cư sĩ; dựa thế Phạm chí, Cư sĩ để dối gạt vua”.

Phạm chí Đà-nhiên trả lời rằng: “Xá-lê Tử, nên biết, nay tôi còn sống tại gia, lấy gia nghiệp làm bản phận. Tôi còn phải lo cho mình được an ổn, cung cấp cha mẹ, săn sóc vợ con, cung cấp nô tỳ, phải nộp thuế cho vua, thờ tự thiên thần, cúng tế tổ tiên, và còn phải bố thí cho các Sa-môn, Phạm chí để sau này còn được sanh lên các cõi trời, mong được trường thọ, được quả báo an lạc. Xá-lê Tử, các việc ấy không thể nào bỏ đi, một mực theo đúng pháp”.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử bảo rằng: “Này Đà-nhiên, nay tôi hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Phạm chí Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì cha mẹ mà tạo các việc ác; vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng vào cõi ác, sanh vào địa ngục. Sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trời hành hạ rất khổ sở, người ấy hường về phía ngục tốt mà nói thế này: ‘Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao thế? Tôi đã vì cha mẹ tạo các nghiệp ác’. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt mà thoát khỏi sự khổ sở ấy không?”

Phạm chí Đà-nhiên trả lời rằng: “Không thể”.

61. 4 Vô Lượng Tâm

27. ‘Kinh Phạm Chí Đà Chiên’

Này Đà-nhiên, Thánh đệ tử đa văn có tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba bốn phương, tứ duy và thượng hạ, thấu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không sân hận, không não hại, bao la, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm câu hữu với bi, hỷ; với xả, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, với hai, ba bốn phương, tứ duy và thượng hạ, thấu khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không sân hận, không não hại, bao la, quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đà-nhiên, đó là Đức Thế Tôn, là Bạc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, có nói về bốn Phạm thất. Nếu một tộc tính nam tử hay một tộc tính nữ nào tu tập nhiều, đoạn dục, xả niệm tương về dục, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi Phạm thiên”⁶⁵.

65. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 27. Kinh Phạm Chí Đà Chiên, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 203.

62. Thế nào gọi là trí tuệ và trí tuệ có chức năng gì?

211. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: “Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ có nghĩa gì? Có sự thù thắng gì? Có công đức gì?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: “Trí tuệ có nghĩa yểm ly, có nghĩa vô dục, có nghĩa thấy như thật.”⁶⁶

63. Sự dị biệt giữa bất thiện và căn bản bất thiện

29. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

“Thế nào là biết bất thiện? Ác hành của thân là bất thiện, ác hành của khẩu là bất thiện, và ác hành của ý là bất thiện. Đó là biết bất thiện.

“Thế nào là biết bất thiện căn? Tham là căn của bất thiện, nhuế, và si là căn của bất thiện. Đó là biết căn của bất thiện.”⁶⁷

66. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 211. Kinh Đại Câu Hy La, Taiwan, 2000, trang 869.

67. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 29. Kinh Đại Câu Hy La, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 219~220.

211. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

Đại Câu-hy-la đáp: “Thân ác hành, khẩu và ý ác hành, đó là bất thiện vậy. Tham, nhuế, si, đó là bất thiện căn vậy. Đó là bất thiện và bất thiện căn.”...⁶⁸

64. Sự dị biệt giữa thiện và căn bản thiện

29. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

“Thế nào là biết thiện? Diệt hành của thân là thiện. Diệt hành của ý và khẩu là thiện. Đó là biết thiện.

“Thế nào là biết căn của thiện? Vô tham là căn của thiện, vô nhuế và vô si là căn của thiện. Đó là biết căn của thiện”.⁶⁹

211. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

“Thân diệt hạnh, khẩu và ý diệt hạnh, đó là thiện vậy. Không tham, không nhuế, không si, đó là thiện căn vậy. Đó là thiện và thiện căn.”⁷⁰

68. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 211. Kinh Đại Câu Hy La, Taiwan, 2000, trang 867.

69. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 29. Kinh Đại Câu Hy La, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 220.

70. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 211. Kinh Đại Câu Hy La, Taiwan, 2000, trang 868.

65. Người bất thiện

89. ‘Kinh Tỳ-kheo Thỉnh’

“Cũng như thế, ai nhiễm và hành nhiễm, cố ý phú tàng, lường gạt dối trá, xan tham, tật đố, vô tâm, vô quý, sân tộ ác ý, nói lời phẫn nộ, ha trách Tỳ-kheo ha trách, ha trách Tỳ-kheo khinh mạn, ha trách Tỳ-kheo phát lồ, nói lãnng ngoài đề để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phùng phục, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân”.⁷¹

66. Hữu lậu

29. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

Có, thừa Tôn giả Xá-lê Tử. Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về lậu tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu.

“Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba lậu là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó là biết như thật về lậu.

“Thế nào là biết như thật về tập của lậu? Do vô minh mới có lậu. Đó là biết như thật về tập của lậu.

71. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 89. Kinh Tỳ Kheo Thỉnh, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 726.

Thế nào là biết như thật về diệt của lậu? Do vô minh diệt thì lậu diệt. Đó là biết như thật về diệt của lậu.

“Thế nào là biết như thật về diệt đạo của lậu? Tám chi Thánh đạo từ chính kiến cho tới chính định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của lậu.

“Này Tôn giả Xá-lê Tử. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về lậu tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chính kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chính pháp”.⁷²

67. Định nghĩa các từ Phật học

29. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

(Nội dung bài kinh này, Tôn giả Câu Hy La giải thích các từ Phật học)

72. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 29. Kinh Đại Câu Hy La, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 222.

68. Ai thấy Duyên khởi, người ấy thấy Pháp

30. ‘Kinh Tượng Tích Dụ’

“Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi’. Vì sao thế? Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sanh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy”.⁷³

69. Con người nhận thức thế giới ngoại bằng biểu tượng?

30. ‘Kinh Tượng Tích Dụ’

“Này chư Hiền, như có người bị hư nhãn xứ bên trong, nên ngoại sắc không được ánh sáng rọi đến, thành ra không có niệm và nhãn thức không phát sanh. Này chư Hiền, nếu nội nhãn xứ không bị hư hoại thì ngoại sắc sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm, nên sanh ra nhãn thức.

“Này chư Hiền, nhãn xứ bên trong và sắc, cùng với nhãn thức biết ngoại sắc, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tưởng thì đó là tưởng uẩn. Nếu

73. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 30. Kinh Tượng Tích Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 243.

có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn.

“Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vậy: ‘Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi’. Vì sao thế? Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sanh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy.

“Này chư Hiền, nếu nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ bên trong bị hư hoại thì các pháp bên ngoài sẽ không được ánh sáng rọi đến nên không có niệm, do đó ý thức không sanh khởi được. Này chư Hiền, nếu nội ý xứ không bị hư hoại thì pháp bên ngoài sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm nên sanh ra ý thức.

“Này chư Hiền, ý thức bên trong và pháp cùng với ý thức biết sắc pháp bên ngoài, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tưởng thì đó là tưởng uẩn. Nếu có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn”.⁷⁴

74. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 30. Kinh Tượng Tích Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 243~244.

70. Xuất gia với lý do không chân chính

132. ‘Kinh Lại Tra Hòa La’

Lại nữa, Lại-tra-hòa-la, có bốn trường hợp suy vi, do suy vi nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Những gì là bốn? Bệnh suy, lão suy, tài sản suy, thân tộc suy.

“Lại-tra-hòa-la, thế nào là bệnh suy? Hoặc có người trường kỳ bị bệnh; bệnh tật rất nặng, quá đau đớn, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta trường kỳ bị bệnh; bệnh tật rất nặng, quá đau đớn. Ta thật có dục vọng nhưng không sống đời dục lạc được. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó, người ấy vì bệnh suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là bệnh suy.

“Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là lão suy? Hoặc có người tuổi già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta tuổi đã già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, ta thật có dục vọng nhưng không thể sống đời dục lạc, ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó, người ấy vì lão suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là lão suy.

“Lại-tra-hòa-la, thế nào là tài sản suy? Hoặc có người bản cùng cô thế, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta bản cùng cô thế,

ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo'. Sau đó, người ấy vì tài sản suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là tài suy.

“Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là thân tộc suy? Hoặc có người bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta nay bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó người ấy vì thân suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là thân suy”.⁷⁵

71. Mục đích xuất gia

77. ‘Kinh Sa Kê Đế Tam Độc Tính Tử

Đức Thế Tôn lại hỏi: “Này A-na-luật-đà, các người lúc còn nhỏ, là những đồng tử ấu thơ, trong trắng, tóc đen, thân thể thanh trắng, vui thích trong du hí, vui thích trong tắm gội, săn sóc nâng niu thân thể. Về sau, bà con thân thích và cha mẹ đều cùng lưu luyện, thương yêu, khóc lóc thảm thiết, không muốn cho các người xuất gia học đạo. Các người đã quyết chí cạo bỏ râu tóc, mặc áo

75. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 132. Kinh Lại Tra Hòa La, Taiwan, 2000, trang 103-104.

cà sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, không phải vì sợ giặc cướp, không phải vì sợ nợ nần, không phải vì sợ khủng bố, không phải vì sợ bần cùng, cũng không phải vì sợ không sống được mà phải xuất gia học đạo, mà chỉ vì nhòm tòm sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, sầu khổ, hoặc vì muốn đạt đến tận cùng của khối khổ đau vĩ đại này nên xuất gia học đạo. Nay A-na-luật-đà, các người vì những tâm niệm này mà xuất gia học đạo chẳng?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng: “Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy”.⁷⁶

72. Nếu cha mẹ không đồng ý thì không được xuất gia

132. ‘Kinh Lại Tra Hòa La’

“Bạch Thế Tôn, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia bị tù hãm trong những sự phiền toái, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Bạch Thế Tôn, xin cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo tịnh tu phạm hạnh.”

76. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 77. Kinh Sa Kê Đề Tam Tộc Tánh Tử, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 608.

Đức Thế Tôn hỏi: “Này con trai Cư sĩ, cha mẹ có cho phép ông ở trong Chính pháp luật này, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo không?”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, cha mẹ chưa cho con ở trong Chính pháp luật này chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Đức Thế Tôn dạy: “Này con trai Cư sĩ, nếu cha mẹ không cho phép ông sống trong Chính pháp luật này, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì Ta không thể độ ông xuất gia học đạo, cũng không thể truyền trao giới cụ túc”.⁷⁷

73. Ý chí xuất gia dũng mãnh của Lại Tra Hoà La

132. ‘Kinh Lại Tra Hoà La’

Đức Thế Tôn dạy: “Này con trai Cư sĩ, nếu cha mẹ không cho phép ông sống trong Chính pháp luật này, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì Ta không thể độ ông xuất gia học đạo, cũng không thể truyền trao giới cụ túc.

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bạch: “Bạch Thế Tôn, con sẽ phương tiện xin cha mẹ để con được phép ở trong

77. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 132. Kinh Lại Tra Hoà La, Taiwan, 2000, trang 93.

Chính pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Đức Thế Tôn dạy: “Này con trai Cư sĩ, tùy ước muốn của ông.”

Khi ấy Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe lời Phật dạy, cẩn thận ghi nhớ, cúi đầu lễ sát chân Phật, đi quanh ba vòng rồi ra về. Về đến nhà, ông thưa với cha mẹ: “Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền toả, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con trong Chính pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Cha mẹ của Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bảo: “Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nữ lìa xa, không nhìn thấy được mặt sao?”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ lại thưa đến lần thứ ba: “Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền toả, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con trong Chính pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Cha mẹ Lại-tra-hòa-la cũng lại bảo đến lần thứ ba: “Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nữa lìa xa, không nhìn thấy được mặt sao?”

Khi ấy Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền vật mình xuống đất, nói: “Từ nay con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào cha mẹ cho con ở trong Chính pháp luật này chí tìn lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Rồi Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bốn ngày, nhiều ngày không ăn. Bấy giờ cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đến bên con bảo rằng: “Lại-tra-hòa-la, người con mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay con không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, con hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn nằm im lặng không đáp. Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến thân bằng quyến thuộc và các quan viên nói rằng: “Mong quý vị hãy cùng đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên nó dậy.”

Thân bằng quyến thuộc của Lại-tra-hòa-la và các quan viên bèn cùng nhau đi đến chỗ Lại-tra-hòa-la bảo

rằng: “Này cậu Lại-tra-hòa-la, người cậu mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngòì trên giường tốt, nay không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, cậu hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn nằm im lặng không đáp: Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, nói rằng: “Mong các cậu đến chỗ Lại-tra-hòa-khuyên nó đứng dậy.”

Các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, liền cùng nhau đi đến bên Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, nói rằng: “Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, người bạn mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngòì trên giường tốt, nay bạn không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, bạn hãy mau đứng dậy sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn im lặng không đáp.

Khi ấy các thiện tri thức đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến chỗ cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nói rằng: “Hai bác nên cho Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ ở trong Chính pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu anh ấy thích

sống như vậy, thì ngay trong đời này còn có thể gặp nhau. Nếu anh ấy chán sống cảnh ấy thì tự nhiên sẽ trở về với cha mẹ. Nay nếu không cho anh ấy đi, nhất định anh ấy sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa. Như thế có ích gì?”

Khi ấy, cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe xong, liền nói với các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ rằng: “Chúng tôi nay cho Lại-tra-hòa-la ở trong Chính pháp luật mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu học đạo mà vẫn trở về cho chúng tôi gặp.”

Rồi các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền cùng nhau đến chỗ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nói rằng: “Này bạn, cha mẹ đã cho bạn ở trong Chính pháp luật mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Khi học đạo rồi, phải trở về thăm cha mẹ.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe như vậy, vui mừng khôn tả, hân hoan, sanh ái, sanh lạc, bèn đứng dậy, dần dần bồi dưỡng thân thể. Khi thân thể đã bình phục, liền rời khỏi thôn Thâu-lô-tra, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, cha mẹ đã cho con ở trong Chính pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo.”

Khi ấy Đức Thế Tôn độ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ xuất gia học đạo, truyền trao giới Cụ túc. Sau khi truyền trao giới Cụ túc, Đức Thế Tôn ở lại thôn Thâu-lô-tra một thời gian, sau đó Ngài thân y mang bát lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la sau khi xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Do sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, ngài đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là chỉ cầu hoàn thành vô thượng phạm hạnh, ở ngay đời này tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”. Tôn giả Lại-tra-hòa-la biết như pháp rồi, cho đến, chứng đắc quả A-la-hán”.⁷⁸

78. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 132. Kinh Lại Tra Hòa La, Taiwan, 2000, trang 93~96.

74. Tỳ-kheo cần phải biết hổ thẹn khi chưa làm trọn bốn phận

30. ‘Kinh Tượng Tích Dụ’

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo kia, nếu do Phật, Pháp và Chúng, mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện, thì này chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn, nên xấu hổ rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’.

“Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: ‘Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trú nơi xả tương ứng với thiện’. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là Tỳ-kheo học tất cả đại”.⁷⁹

79. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 30. Kinh Tượng Tích Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 236.

75. Tôn giả Bạc Câu La và đời sống tri túc của Ngài

34. ‘Kinh Bạc Câu La’

Một thời, sau khi Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, Tôn giả Bạc-câu-la (Bakkula, Bākula, hay Vakkula) du hóa tại thành Vương Xá, trong Trúc Lâm vườn Ca-lan đa.

Bấy giờ có một người đệ học, vốn là bằng hữu thân thiết với Tôn giả Bạc-câu-la khi ngài chưa xuất gia, vào buổi xế, loanh quanh đi đến chỗ Tôn giả Bạc-câu-la, chào hỏi rồi ngồi sang một bên. Đệ học nói rằng:...

“Hiền giả Bạc-câu-la, ngài đã theo học trong chính pháp luật này được bao lâu?”

Tôn giả Bạc-câu-la trả lời: “Này đệ học, tôi theo học trong chính pháp luật này đến nay đã là tám mươi năm.”

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vậy: “Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong chính pháp luật này đến nay là tám mươi năm, chưa từng khởi dục tưởng.”...

“Này chư Hiền, tôi thọ trì y phần tảo đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng thọ y của người cư sĩ, chưa từng cất may y, chưa từng nhờ người khác may hộ y, chưa từng dùng kim khâu y, chưa từng dùng kim khâu túi, dù là một sợi chỉ.”...

“Này chư Hiền, tôi khát thực đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ, chưa hề nhận lời mời của cư sĩ, chưa hề khát thực vượt thứ tự, chưa hề khát thực nơi các nhà lớn để nhận các thứ đồ ăn loại cứng, loại mềm rất dồi dào, rất tinh khiết và mỹ vị; chưa hề nhìn ngắm người nữ; chưa hề vào khu vực Tỳ-kheo-ni, chưa hề cùng Tỳ-kheo-ni hỏi chuyện, cho đến cũng chưa hề nói chuyện giữa đường.”...

“Này chư Hiền, tôi ở trong chính pháp luật này học đạo đã tám mươi năm, chưa hề nuôi Sa-di, chưa hề thuyết pháp cho bạch y; cho đến chưa hề nói cho họ chỉ bốn câu tụng.”...

“Này chư Hiền, tôi ở trong chính pháp luật này học đạo đã tám mươi năm, chưa hề có bệnh, cho đến dù chỉ nhưc đầu trong khoảng búng ngón tay; chưa hề uống thuốc, cho đến dù chỉ một Ha-lê-lặc...”

“Này chư Hiền, trong tám mươi năm qua, khi tôi ngồi kiết già, chưa từng dựa vào vách hay dựa vào cây.”..⁸⁰

80. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 34. Kinh Bạc Câu La, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 283~286.

76. Điểm đặc thù của biển

35. ‘Kinh A Tu La’

“Trong đại hải của con có tám pháp vị tăng hữu, khiến cho các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Những gì là tám?

“Bạch Thế Tôn, đại hải của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chéch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Bạch Thế Tôn, đại hải của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chéch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài; đó là pháp vị tăng hữu thứ nhất trong đại hải của con. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống ở trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, thủy triều trong đại hải của con chưa từng sai thời. Bạch Thế Tôn, nếu thủy triều trong đại hải của con chưa từng sai thời, thì đó là pháp vị tăng hữu thứ hai trong đại hải của con. Các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong đại hải của con rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong đại hải của con rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ; thì đó là pháp vị tăng hữu thứ ba trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong đại hải của con đều cùng một vị. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong đại hải của con cùng một vị; thì đó là pháp vị tăng hữu thứ tư trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong đại hải của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Bạch Thế Tôn, nếu trong đại hải của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu; thì đó là pháp vị tăng hữu thứ năm trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn (P: mahatam bhūtanam āvāso; trú xứ củ những sanh vật lớn). Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiên-thấp-hòa (P: gandhabba), La-sát (P: Rakkha), cá kình (P: makara), rùa, cá sấu, Bà-lư-nê (P: Vaguni), Đê-nghê (P: timi, một loại cá lớn), Đê-nghê-già-la (P: timingala), Đê-đê-nghê-già-la (P: timiramingala). Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên,

bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong đại hải. Bạch Thế Tôn, nếu có những vị thần cư trú trong đại hải của con; những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiên-thấp-hòa, La-sát, cá kinh, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghe, Đế-nghe-già-la, Đề-đế-nghe-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên, bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong đại hải; thì đó là pháp vị tăng hữu thứ sáu trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn, đại hải của con thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào mạng chung thì qua một đêm gió liền thổi tấp vào bờ. Bạch Thế Tôn, nếu đại hải của con thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào mạng chung thì qua một đêm gió liền thổi tấp vào bờ; thì đó là pháp vị tăng hữu thứ bảy trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong đại hải của con thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già (Yamunā), Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù (Sarabhū), A-di-la-ba-đề (Aciravatī), Ma-xí (Mahī). Tất cả đều chảy vào đại hải. Chảy vào đó rồi, thủy đều bỏ tên cũ, gọi chung là đại hải. Bạch Thế Tôn, nếu trong đại hải của con thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Chảy vào đó rồi, thủy đều bỏ tên cũ, gọi

chung là đại hải; thì đó là pháp vị tầng hữu thứ tám trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.⁸¹

77. 8 đặc điểm của Phật pháp

35. ‘Kinh A Tu La’ (Cũng giống 37. ‘Kinh Chiêm Ba’)

“Bạch Thế Tôn, trong Chính pháp luật của Thế Tôn có mấy pháp vị tầng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được bèn hoan lạc trong đó?”

Thế Tôn đáp: “Này Bà-la-la, trong Chính pháp luật của ta cũng có tám pháp vị tầng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được bèn hoan lạc trong đó. Những gì là tám?”

“Này Bà-la-la, giống như đại hải, từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Bà-la-la, Chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, dần dần thực hành, dần dần học tập, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa. Này Bà-la-la, nếu trong chính pháp Ta dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa, thì đó là pháp vị tầng

81. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 35. Kinh A Tu La, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 288-290.

hữu thứ nhất trong Chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích trú trong đó.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như thủy triều trong đại hải chưa từng sai thời. Này Bà-la-la, Chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới. Này Bà-la-la, nếu trong Chính pháp luật của Ta những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới; thì đó là pháp vị tầng hữu thứ hai trong Chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích trú trong đó.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong đại hải rất sâu không đáy, rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la, Chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu không đáy, rất rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la, nếu Chính pháp luật của Ta rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ; thì đó là pháp vị tầng hữu thứ ba trong Chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong đại hải cùng một vị mặn. Này Bà-la-la, Chính pháp của ta cũng giống như vậy, chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo. Này Bà-la-la, nếu Chính pháp luật của Ta chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo;

thì đó là pháp vị tăng hữu thứ tư trong Chính pháp luật của Ta, khiến các Tỳ-kheo thấy rồi thích sống trong đó.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Này Bà-la-la, Chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi. Này Bà-la-la, nếu trong Chính pháp luật của Ta cũng có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi; thì đó là pháp vị tăng hữu thứ năm trong Chính pháp luật của Ta. Khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích trú trong đó.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiên-thấp-hòa, La-sát, cá kình, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đê-nghe, Đê-nghe-già-la, Đê-đê-nghe-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên, bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong trong

đại hải. Nay Bà-la-la, Chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hượng A-la-hán, A-na-hàm, Hượng A-na-hàm, Tu-đà-hàm, Hượng Tu-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hượng Tu-đà-hoàn. Nay Bà-la-la, nếu trong Chính pháp luật của Ta, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hượng A-la-hán, A-na-hàm, Hượng A-na-hàm, Tu-đà-hàm, Hượng Tu-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hượng Tu-đà-hoàn; thì đó là pháp vị tăng hữu thứ sáu trong Chính pháp luật của Ta, khiến các Tỳ-kheo thích trú trong đó.

“Lại nữa, nay Bà-la-la, giống như đại hải thanh tịnh không dung chứa tử thi, nếu có người mạng chung trong biển, thì qua một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ. Nay Bà-la-la, Chính pháp luật của ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Nay Bà-la-la, nếu trong Chính pháp luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại

cách người ấy rất xa; đó là pháp vị tăng hữu thứ bảy trong Chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích trú trong đó.

“Lại nữa, này Bà-la-la, giống như đại hải thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vru-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đê, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Này Bà-la-la, Chính pháp luật của Ta cũng giống như thế; thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Này Bà-la-la, Chính pháp luật của ta cũng giống như thế; thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn; thì đó là pháp vị tăng hữu thứ tám trong Chính pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi ưa thích trú trong đó.⁸²

82. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 35. Kinh A Tu La, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 290-292.

78. Nguyên nhân xảy ra động đất

36. ‘Kinh Địa Động’

Thế Tôn đáp: “Này A-nan, có ba nguyên nhân khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. Những gì là ba?

“Này A-nan, cõi đất này y chỉ trên nước; nước y chỉ trên gió; gió y vào hư không. A-nan, có khi trong hư không nổi lên gió lớn. Gió nổi lên thì nước bị khuấy động. Nước bị khuấy động thì xảy ra động đất. Đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ...

Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan rằng: “Thật vậy, A-nan! Thật vậy, A-nan! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tăng hữu. Vì sao thế? Vì không bao lâu nữa, sau ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn; bấy giờ khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.”⁸³

83. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 36. Kinh Địa Động, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 295-297.

79. Đức Phật thuyết giảng cho Bà-la-môn, Sát-đế-lợi..., là phương tiện

36. ‘Kinh Địa Động’

“Lại nữa, này A-nan, Ta đi đến vô lượng trăm ngàn chúng Sát-lợi, cùng đàm luận khiến cho họ hài lòng. Sau khi cùng ngồi xuống ổn định, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng như vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy. Nếu họ có hỏi về ý nghĩa gì, Ta sẽ trả lời họ về ý nghĩa ấy. Lại nữa, Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Này A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tăng hữu. Cũng như vậy, đối với các chúng Phạm chí, Sa-môn và cư sĩ.

“Này A-nan, Ta đi đến vô lượng trăm ngàn thiên chúng trời Tứ vương, cùng đàm luận khiến cho họ hài lòng. Sau khi cùng ngồi xuống ổn định, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng như vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng như vậy. Nếu họ có hỏi về ý nghĩa gì, Ta sẽ trả lời họ về ý

nghĩa ấy. Lại nữa, Ta thuyết pháp cho họ, khuyên phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyên phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy”.⁸⁴

80. Tỳ-kheo xúc nhiều Thế Tôn và Đại chúng

37. ‘Kinh Chiêm Ba’

Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo kia rằng: “Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo làm đã việc bất tịnh”...

Vị Tỳ-kheo mà vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh; con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn thuyết pháp Tụng giải thoát.”

Đức Thế Tôn nói: “Này Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si sẽ mắc đại tội nếu gây phiền nhiễu cho Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà thuyết Tụng giải thoát thì

84. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 36. Kinh Địa Động, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 297~299.

đầu người kia sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, này Đại Mục-kiên-liên, từ nay về sau các thầy hãy thuyết Tụng giải thoát, Đức Như Lai không thuyết Tụng giải thoát nữa”.⁸⁵

81. Bốn đôi 8 vị

38. ‘Kinh Úc Già Trưởng Giả’ (A)

Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con ở giữa chúng Tỳ-kheo, hành sự bố thí, thì có chư Thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: ‘Này Trưởng giả, đây là vị A-la-hán, đây là vị Hương A-la-hán, đây là vị A-na-hàm, đây là vị Hương A-na-hàm, đây là vị Tu-đà-hàm, đây là vị Hương Tu-đà-hàm, đây là vị Tu-đà-hoàn, đây là vị Hương Tu-đà-hoàn. Vị này tinh tấn, vị này không tinh tấn’.⁸⁶

85. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 37. Kinh Chiêm Ba, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 302~303.

86. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 39. Kinh Úc Già Trưởng Giả (II), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 319.

82. Tứ Nhiếp Pháp

40. ‘Kinh Thủ Trường Giả’ (A)

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Này Thủ Trường giả, nay ông có một chúng rất đông này, Trường giả, ông dùng phương pháp gì để nhiếp hóa đại chúng này?”

Bấy giờ Thủ Trường giả thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, có bốn sự nhiếp, như Đức Thế Tôn đã dạy. Một là huệ thí, hai là ái ngôn, ba là dĩ lợi, bốn là đẳng lợi. Bạch Thế Tôn, con dùng bốn phương pháp ấy để nhiếp hóa đồ chúng này, hoặc là dùng bố thí, hoặc là dùng ái ngôn, hoặc là dùng lợi, hoặc là dùng đẳng lợi”.⁸⁷

83. Mục đích của việc giữ giới

42. ‘Kinh Hà Nghĩa’

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan từ chỗ độc cư tịnh tọa đứng dậy, đến trước Đức Phật, đánh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên, thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, giữ giới có ý nghĩa gì?”.

Đức Thế Tôn đáp: “Này A-nan, giữ giới có ý nghĩa là khiến cho không hối hận. Này A-nan, nếu ai giữ giới, người ấy được sự không hối hận”.

87. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 40. Kinh Thủ Trường Giả (I), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 321.

“Bạch Thế Tôn, không hối hận thì có ý nghĩa gì?”

“Này A-nan, không hối hận thì có ý nghĩa khiến cho được hân hoan. A-nan, nếu ai không hối hận, người ấy được sự hân hoan”.

“Bạch Thế Tôn, hân hoan có ý nghĩa gì?”

“Này A-nan, hân hoan có ý nghĩa là khiến cho có hỷ. Này A-nan, nếu ai hân hoan, người ấy có hỷ”.

“Bạch Thế Tôn, hỷ có ý nghĩa gì?”

“Này A-nan, hỷ có ý nghĩa là khiến cho tĩnh chỉ. Này A-nan, nếu ai có hỷ, người ấy có tĩnh chỉ của thân”.

“Bạch Thế Tôn, tĩnh chỉ có ý nghĩa gì?” “Này A-nan, tĩnh chỉ có ý nghĩa là khiến cho lạc. A-nan, nếu ai tĩnh chỉ người ấy có cảm thọ lạc”.

“Bạch Thế Tôn, lạc có ý nghĩa gì?”

“Này A-nan, lạc có nghĩa khiến cho có định. A-nan, nếu ai có lạc người ấy có định.

“Bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì?”

“Này A-nan, định có ý nghĩa là khiến cho thấy như thật, biết như chơn. A-nan, nếu ai có định người ấy thấy như thật, biết như chơn.

“Bạch Thế Tôn, thấy như thật, biết như chơn có ý nghĩa gì?”

“Này A-nan, thấy như thật, biết như chơn có ý nghĩa là khiến cho yếm ly. Này A-nan, thấy như thật, biết như chơn người ấy có sự yếm ly.

“Bạch Thế Tôn, yếm ly có ý nghĩa gì?”

“Này A-nan, yếm ly có ý nghĩa là khiến cho vô dục. A-nan, nếu ai yếm ly người ấy được vô dục.

“Bạch Thế Tôn, vô dục có ý nghĩa gì?”

“Này A-nan, vô dục có ý nghĩa là khiến cho giải thoát. Này A-nan, nếu ai vô dục thì người ấy được giải thoát hết thảy dâm, nộ, si.

“Cho nên, này A-nan, nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chí, nhân chí mà được lạc, nhân lạc mà được định.

“Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhân định mà có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Này A-nan, đó chính là các pháp hỗ trợ lẫn nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tốt, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia”.⁸⁸

88. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 42. Kinh Hà Nghĩa, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 333-335.

43. ‘Kinh Bất Tư’

“Này A-nan, đây là nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chí, nhân chí mà được lạc, nhân lạc mà được định.

“Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhân định mà có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.⁸⁹

48. ‘Kinh Giới’ (B)

Tôn giả Xá-lê Tử nói với các Tỳ-kheo rằng: “Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào phạm giới thì làm tổn hại gìn giữ các căn. Giữ giới thì không hối hận, hân hoan, hỷ, tinh chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Này chư Hiền, giống như cây nào mà rễ bị tổn hại thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá không thể thành được. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Nếu ai phạm giới thì làm tổn hại gìn giữ các căn, giữ giới, không

89. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 43. Kinh Bất Tư, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 338.

hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường không có sự hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

“Này chư Hiền, giống như cây nào mà rễ không hư thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá đều thành tựu. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu ai giữ giới thì thường không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn”.⁹⁰

84. Tại sao giới càng nhiều thì người chứng quả càng ít

143. ‘Kinh Thương Ca La’ (tham khảo 194. ‘Kinh Bạt Đà Hòa Lợi’)

“Này Ma-nạp, hôm qua, khi vua và các quân thần triệu tập đại hội, thảo luận những gì? Vì những duyên có nào mà cùng tập hội?”.

90. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 48. Kinh Giới (II), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 347.

Ma-nạp Thương-ca-la đáp: “Ngày hôm qua, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này là ‘Do nhân gì, duyên gì mà xưa kia Sa-môn Cù-đàm thiết lập học giới ít nhưng các Tỳ-kheo đắc đạo nhiều; và do nhân gì, duyên gì mà ngày nay khi Sa-môn Cù-đàm thiết lập học giới nhiều thì các Tỳ-kheo đắc đạo lại ít?’ Bạch Cù-đàm, ngày hôm qua, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này. Do sự kiện này mà triệu tập đại hội.”⁹¹

85. Liên quan đến giới Tỳ-kheo

63. ‘Kinh Bộ Bà Lăng Kỳ’, (Giống Kinh số 80. ‘Kinh Ca Hi Na’)

Này A-nan, thợ gốm Nan-đê-bà-la xa lìa lấy của không cho, đoạn trừ việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, vui lòng nhận những gì được cho; thường thích bố thí, hoan hỷ không bòn sẻn, không mong báo đáp; đối với tâm niệm không cho mà lấy, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đê-bà-la xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, siêng tu phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, lìa dục, đoạn dâm; đối với tâm niệm phi phạm hạnh, vị ấy đã tịnh trừ.

91. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 143. Kinh Thương Ca La, Taiwan, 2000, trang 228~299.

“Này A-nan, thợ đồ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nói chân thật, ưa chân thật, an trú nơi sự chân thật không chút di động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm niệm nói dối, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia, xúi dục phá hoại người này, không nghe chuyện người kia, rồi mách lại người này, xúi dục phá hoại người kia, ai chia lìa thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng; đối với tâm niệm nói hai lưỡi, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có những lời thô bạo, hung ác, trái tai, khiến mọi người không hoan hỷ, mọi người không thương mến, khiến người khác khổ não, không được định tĩnh, vị ấy đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã, nhu thuận, lọt tai, vừa lòng, khiến được hoan hỷ, được mến thương, khiến người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác định tĩnh, vị ấy nói những lời như vậy; đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về chỉ tức, nói về việc ưa

chỉ tức, nói việc thuận thời, thích hợp, khéo dạy, khéo quở trách; đối với tâm niệm ưa nói thù dật, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc kinh doanh buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu hộc, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không trông mong sự đo lường tà vậy, không vì chút lợi nhỏ mà lấn lướt, lừa dối người; đối với tâm niệm kinh doanh buôn bán, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nhận đàn bà góa, đồng nữ, đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, đồng nữ; đối với tâm niệm nhận đàn bà góa, đồng nữ, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nô tỳ, đoạn trừ việc nhận nô tỳ; đối với tâm niệm nhận nô tỳ, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đối với tâm niệm nhận voi, ngựa, trâu, dê vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận gà, heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo; đối với tâm niệm nhận gà, heo, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán

xá; đối với tâm niệm nhận ruộng đất, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận nếp, lúa, đậu sồng, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu sồng; đối với tâm niệm nhận nếp, lúa, đậu sồng, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc uống rượu, đoạn trừ việc uống rượu; đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng, đoạn trừ việc dùng giường sang, cao rộng; đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn; đối với tâm niệm đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem, đoạn trừ việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe, xem; đối với tâm niệm ca múa, xướng hát và đến xem, nghe, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu, đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu; đối với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gôm Nan-đê-bà-la lia việc ăn quá ngộ, đoạn trừ việc ăn quá ngộ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, học hạnh ăn đúng thời; đối với tâm niệm ăn quá ngộ, vị ấy đã tịnh trừ.

“Này A-nan, thợ gôm Nan-đê-bà-la trọn đời tay không cầm cuốc, không tạt tay đào đất, cũng không bảo người khác đào; nếu đất ở đê chặn nước lở ra, hoặc đất do chuột đào lên thì lấy làm đồ gôm đưa lên và nói với người mua rằng: ‘Các ngài, nếu có đậu oản, gạo giẻ, lúa mạch, đậu ma lớn nhỏ, đậu bẹ và hạt cải, sau khi trút xuống rồi, ngài cứ mang gôm này mà đi, tùy theo ý muốn’.⁹²

86. Cung kính, oai nghi

49. ‘Kinh Cung Kính’ (A)

“Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng các bậc phạm hạnh, mà pháp oai nghi đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Pháp oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giới thân đầy đủ, điều

92. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 63. Kinh Bệ Bà Lăng Kỳ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 426~428.

đó không thể xảy ra. Giới thân không đầy đủ mà định thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Định thân không đầy đủ mà tuệ thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Tuệ thân không đầy đủ mà giải thoát thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát thân không đầy đủ mà giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra.

“Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc phạm hạnh nên pháp oai nghi đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Pháp oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giới thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giới thân đầy đủ nên định thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Định thân đầy đủ nên tuệ thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Tuệ thân đầy đủ nên giải thoát thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát thân đầy đủ nên giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát tri kiến thân đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra”⁹³

93. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 49. Kinh Cung Kính (I), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 349~350.

87. Tàm quý

45. ‘Kinh Tàm Quý’ (A)

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Nếu có Tỳ-kheo nào không tàm không quý thì làm tổn hại ái và kính. Nếu không có ái và kính thì làm tổn hại tín. Nếu không có tín thì làm tổn hại chính tư duy. Nếu không có chính tư duy thì làm tổn hại chính niệm chính trí. Nếu không có chính niệm chính trí thì làm tổn hại gìn giữ các căn, giữ giới, không hồi hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn.

“Nếu Tỳ-kheo nào biết hổ thẹn thì có ái và kính. Nếu có ái và kính thì thường có tín. Nếu có tín thì thường có chính tư duy. Nếu có chính tư duy thì thường có chính niệm chính trí. Nếu có chính niệm chính trí thì thường giữ các căn, giữ giới, không hồi hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu giải thoát thì liền được Niết-bàn”.⁹⁴

94. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 45. Kinh Tàm Quý (I), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 341.

88. Không luận là xuất gia hay tại gia đức Phật chỉ khen ngợi người có chính hạnh

152. ‘Kinh Anh Vũ’

Đức Phật nói: “Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào làm điều tà hạnh, thì Ta không khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, thì kẻ ấy không được hiểu biết tốt, không biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu những kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, thì Ta không khen ngợi kẻ ấy.

“Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào thực hành chính hạnh, thì Ta khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chính hạnh, thì kẻ ấy chắc chắn được hiểu biết tốt, biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chính hạnh, thì Ta khen ngợi kẻ ấy.

“Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhưng nếu có Samôn, Phạm Chí nào có năng lực, thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều, vị ấy sẽ nói rằng: ‘Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng’.”⁹⁵

95. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 12: Phẩm Phạm Chí (phần sau) - 152. Kinh Anh Vũ, Taiwan, 2000, trang 311.

89. Nhân quả không phân biệt là người tại gia hay xuất gia

152. ‘Kinh Anh Vũ’

Đức Phật nói: “Này Ma-nạp, nếu sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người làm ruộng, có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

“Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo cũng lại như thế.

“Này Ma-nạp, người sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chính hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người làm ruộng có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chính hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chính hạnh, thì được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chính hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo lại cũng như thế.⁹⁶

90. Quá trình hình thành phiền não và đoạn trừ phiền não

51. ‘Kinh Bản Tế’, (giống như Kinh số 52, 53: ‘Kinh Thực’)

“Hữu ái có tập chứ không phải không tập. Tập của hữu ái là gì? Vô minh là tập. “Vô minh cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của vô minh là gì? Năm triền cái là tập. “Năm triền cái cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của năm triền cái là gì? Ba ác hành là tập. “Ba ác hành cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của ba ác hành là gì? Không thủ hộ các căn là tập. “Không thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không thủ hộ các căn là gì? Không chính niệm chính trí là tập. “Không chính

96. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 12: Phẩm Phạm Chí (phần sau) - 152. Kinh Anh Vũ, Taiwan, 2000, trang 312.

niệm chính trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không chính niệm chính trí là gì? Không chính tư duy là tập. “Không chính tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không chính tư duy là gì? Không có tín là tập. “Không có tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của không có tín là gì? Nghe pháp ác là tập. “Nghe pháp ác cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của nghe điều ác là gì? Gằn gũĩ ác tri thức là tập. “Gằn gũĩ ác tri thức cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của gằn gũĩ ác tri thức là gì? Người ác là tập.

“Nhu thế, có đủ người ác liền có đủ sự gằn gũĩ ác tri thức. Có đủ sự gằn gũĩ ác tri thức rồi liền có đủ sự nghe pháp ác. Có đủ sự nghe pháp ác rồi, liền có đủ sự sanh lòng bất tín. Có đủ sự sanh lòng bất tín rồi, liền không chính tư duy. Có đủ sự không chính tư duy rồi, liền có đủ sự không chính niệm chính trí. Có đủ sự không chính niệm chính trí rồi, liền có đủ sự không thủ hộ các căn. Có đủ sự không thủ hộ các căn rồi, liền có đủ ba ác hành. Đủ ba ác hành rồi, liền có đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái rồi, liền có đủ vô minh. Có đủ vô minh rồi, liền đầy đủ hữu ái.

Minh giải thoát cũng có tập, chứ không phải không tập. Tập của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là tập. Bảy giác chi cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là tập. Bốn niệm xứ có tập chứ không phải không tập. Tập của bốn niệm xứ là

gì? Ba diệu hành là tập. Ba diệu hành cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của ba diệu hành là gì? Thủ hộ các căn là tập. Thủ hộ các căn cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sự thủ hộ các căn là gì? Chính niệm chính trí là tập. Chính niệm chính trí cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chính niệm chính trí là gì? Chính tư duy là tập. Chính tư duy cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của chính tư duy là gì? Tín là tập. Tín cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của tín là gì? Nghe pháp thiện là tập. Nghe pháp thiện cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của nghe pháp thiện là gì? Gắn gũi thiện tri thức là tập. Gắn gũi thiện tri thức cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của sự gắn gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là tập.

“Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự gắn gũi thiện tri thức. Đủ sự gắn gũi thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chính tư duy. Có đủ chính tư duy liền có đủ chính niệm chính trí. Có đủ chính niệm chính trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn”⁹⁷.

97. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 51. Kinh Bốn Tể, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 353~355.

91. Sự lợi ích của việc gần gũi người thiện tri thức

54. ‘Kinh Tận Trí’

Nếu ai phụng sự thiện tri thức thì điều gì chưa nghe liền được nghe, điều gì đã nghe liền được bổ ích.

“Nhu vậy, nếu ai phụng sự thiện tri thức thì có tập phụng sự. Nếu đã phụng sự thì có tập đi đến. Nếu đã đi đến thì có tập nghe pháp thiện. Nếu đã nghe pháp thiện thì có tập lữ tai. Nếu có lữ tai thì có tập quán nghĩa của pháp. Nếu đã quán nghĩa của pháp thì có tập thọ trì pháp. Nếu đã thọ trì pháp thì có tập tụng đọc pháp. Nếu đã đọc tụng pháp thì có tập quán pháp nhãn. Nếu đã quán pháp nhãn thì có tập tín. Nếu đã có tín thì có tập chính tư duy. Nếu đã có chính tư duy thì có tập chính niệm chính trí. Nếu đã chính niệm chính trí thì có tập thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì có tập tận trí”.⁹⁸

57. ‘Kinh Tứ Vị Tỳ-kheo Thuyết’

Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ

98. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 54. Kinh Tận Trí, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 369~370.

tùng giải thoát, lại khéo thâm nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới.

“Nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết, vị ấy nói điều đáng nói, đúng theo nghĩa của bậc thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm chẳng bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiếu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về pháp diệt, nói về vô dục, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó.

“Nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng: Vị ấy chắc chắn thường tu hành tinh tấn, đoạn các pháp ác bất thiện, thường khởi tâm chuyên nhất kiên cố, vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện.

“Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng: Vị ấy chắc chắn tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chính diệt tận khổ đau”.⁹⁹

99. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 57. Kinh Túc Vị Tỳ Kheo Thuyết, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 382~383.

92. Lộ trình đi đến Niết-bàn

55. ‘Kinh Niết-bàn’

“Niết-bàn có tập chứ không phải không tập. Tập của Niết-bàn là gì? - Giải thoát là tập. “Giải thoát cũng có tập chứ không phải không tập. Tập của giải thoát là gì? Vô dục là tập.... Tập của vô dục là gì? Yếm ly là tập.... Tập của yếm ly là gì? Thấy như thật, biết như chơn là tập.... Tập của thấy như thật, biết như chơn là gì? Định là tập... Tập của định là gì? Lạc là tập.... Tập của lạc là gì? Chỉ là tập.... Tập của chỉ là gì? Hỷ là tập.... Tập của hỷ là gì? Hân hoan là tập... Tập của hân hoan là gì? Không hối hận là tập.... Tập của không hối hận là gì? Hộ giới là tập.... Tập của hộ giới là gì? Thủ hộ các căn là tập.... Tập của thủ hộ các căn là gì? Chính niệm chính trí là tập.... Tập của chính niệm chính trí là gì? Chính tư duy là tập.... Tập của chính tư duy là gì? Tín là tập... Tập của tín là gì? Khổ là tập... Tập của khổ là gì? Già chết là tập.... Tập của già chết là gì? Sanh là tập.... Tập của sanh là gì? Hữu là tập... Tập của hữu là gì? Thủ là tập. ... Tập của thủ là gì? Thọ là tập.... Tập của thọ là gì? Xúc là tập.... Tập của xúc là gì? Sáu xứ là tập.... Tập của sáu xứ là gì? Danh sắc là tập.... Tập của danh sắc là gì? Thức là tập... Tập của thức là gì? Hành là tập... Tập của hành là gì? Vô minh là tập.

“Nhu vậy, duyên vô minh có hành; duyên hành có thức; duyên thức có danh sắc; duyên danh sắc có sáu xứ; duyên sáu xứ có xúc; duyên xúc có thọ; duyên thọ có ái;

duyên ái có thủ; duyên thủ có hữu; duyên hữu có sanh; duyên sanh có già chết; duyên già chết có khổ. Tập khổ mới có tín; tập tín mới có chính tư duy; tập chính tư duy mới có chính niệm chính trí; tập chính niệm chính trí mới có thủ hộ các căn, hộ trì giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Có tập giải thoát mới chứng đắc Niết-bàn”¹⁰⁰.

93. Cùng là đệ tử của Thế Tôn, nhưng tại sao có người chứng Niết-bàn và có người không chứng Niết-bàn

144. ‘Kinh Toán Số Mục Kiền Liên’

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi: “Sa-môn Cù-đàm, đối với tất cả đệ tử răn dạy như vậy, khiển trách như vậy, tất cả đều đạt đến cứu cánh trí, nhất định đến Niết-bàn chăng?”

Thế Tôn đáp: “Này Mục-kiền-liên, không phải nhất định đạt đến. Hoặc có người đạt được, hoặc có người không”.

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi: “Cù-đàm, trong đó nhân duyên gì khi có Niết-bàn, có Niết-bàn đạo và Sa-

100. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 55. Kinh Niết Bàn, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 371~373.

môn Cù-đàm hiện tại là Đạo Sư đó, mà có Tỳ-kheo được răn dạy như vậy, được khiển trách như vậy, thì đạt đến cứu cánh Niết-bàn, nhưng một số khác lại không đạt đến?”

Thế Tôn nói: “Này Mục-kiền-liên, Ta muốn hỏi lại ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

“Này Mục-kiền-liên, ý ông nghĩ sao? Ông biết rõ thành Vương Xá ở đâu, am tường các con đường đến đó chăng?”

Toán số Mục-kiền-liên đáp: “Thật vậy, tôi biết rõ thành Vương Xá ở đâu và cũng am tường các con đường đến đó.”

Thế Tôn hỏi: “Này Mục-kiền-liên, nếu có một người muốn đi đến thành Vương Xá để yết kiến vua, người ấy hỏi rằng: ‘Tôi muốn đi đến thành Vương Xá để gặp vua, Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương Xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng?’ Ông nói với người ấy rằng: ‘Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy đi đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoại thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết’. Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn rồi, đi chưa bao lâu bèn bỏ con đường chính mà đi theo con đường lầm lẫn để trở lui lại. Những gì ngoại thành Vương Xá, rừng cây

xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại cây cối, bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, người ấy hoàn toàn không thấy, không biết gì hết.

“Lại có một người khác muốn đi đến thành Vương Xá để yết kiến vua. Người ấy hỏi ông rằng: ‘Tôi muốn đi đến thành Vương Xá để gặp vua, Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương Xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng?’

Ông nói với người ấy rằng: ‘Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy đi đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoại thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết’.

Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn, bèn từ đây đi về hướng Đông, đến thôn kia, từ thôn ấy đi đến ấp kia, lần lượt như vậy cho đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoại thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong đều được thấy hết, biết hết.

“Này Mục-kiền-liên, trong đó do nhân gì duyên gì, trong khi có thành Vương Xá, có con đường đến thành Vương Xá và có ông hiện tại là đạo sư đó, nhưng người thứ nhất nghe lời ông chỉ dẫn, chẳng bao lâu đã bỏ con đường chính mà đi theo con đường lầm lẫn trở lui lại, rồi những gì ở ngoại thành Vương Xá, những khu vườn xinh

đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả người ấy đều không thấy, không biết? Còn người thứ hai khi nghe theo lời ông chỉ dẫn, từ con đường chính lần lượt đi đến thành Vương Xá, những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thấy đều được thấy hết, được biết hết?”

Toán số Mục-kiền-liên đáp: “Này Cù-đàm, tôi hoàn toàn vô sự. Có thành Vương Xá đó, có con đường dẫn đến thành Vương Xá đó, tôi chỉ làm đạo sư. Người thứ nhất không tùy theo sự chỉ dẫn của tôi, bỏ con đường chính mà đi theo con đường lầm lẫn để trở lui lại. Những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, tất cả người ấy đều không thấy, không biết. Người thứ hai khi nghe theo lời tôi chỉ dẫn, từ con đường chính lần lượt đi đến thành Vương Xá, những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, lâu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, thấy đều được thấy hết, được biết hết.”

Thế Tôn nói rằng: “Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng vô sự. Có Niết-bàn đó, có con đường dẫn đến Niết-bàn đó, Ta chỉ là Đạo sư, giáo huấn các Tỳ-kheo như vậy, khiến trách các Tỳ-kheo như vậy, nhưng có người đạt đến cứu cánh Niết-bàn, có người lại không. Nay

Mục-kiền-liên, nhưng tùy theo sở hành của mỗi Tỳ-kheo mà Thế Tôn ghi nhận sở hành ấy, tức là cứu cánh lậu tận vậy.”¹⁰¹

94. 5 pháp khiến cho tâm Tỳ-kheo được an tịnh

57. ‘Kinh Túc Vị Tỳ-kheo Thuyết’

Tỳ-kheo, tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức. Tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ nhất.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, tu tập cấm giới, thủ hộ từng giải thoát, lại phải khéo thâm nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhất cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ hai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nên nói điều đáng nói, phù hợp nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyễn, làm cho tâm không bị che lấp, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tôn giảm lần lần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về

101. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 144. Kinh Toán Số Mục Kiền Liên, Taiwan, 2000, trang 238~240.

thieu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn trừ, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó. Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ ba.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thường tu hành tinh tấn, đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố; vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện. Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ tư.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chính diệt tận khổ đau. Tâm giải thoát chưa thuần thực mà muốn cho thuần thực thì đó là pháp tu tập thứ năm”.¹⁰²

102. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 57. Kinh Túc Vị Tỳ Kheo Thuyết, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 381~382.

95. 7 báu của chuyển luân thánh vương

58. ‘Kinh Thất Bảo’, 65. ‘Kinh Ô Điều Dụ’, 66. ‘Kinh Thuyết Bản’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu xuất hiện ở đời. Những gì là bảy? Xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu này xuất hiện ở đời.”¹⁰³

96. 7 Giác Chi

58. ‘Kinh Thất Bảo’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu xuất hiện ở đời. Những gì là bảy? Xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu này xuất hiện ở đời. Giống như vậy, lúc Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Chính Đẳng Chính Giác ra đời, thì nên biết rằng cũng có bảy báu giác chi xuất hiện ở thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, tức

103. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 58. Kinh Thất Bảo, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 387.

giác chi, định giác chi và xả giác chi. Đó là bảy. Lúc Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Chính Đẳng Chính Giác ra đời, thì nên biết rằng: Có bảy báu giác chi ấy xuất hiện ở thế gian.”¹⁰⁴

97. 4 Châu

60. ‘Kinh Tứ Châu’

Phật bảo A-nan: “Đúng như vậy, đúng như vậy! Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhòm tằm, ghê sợ dục cho đến chết. Người đời mà đối với dục có sự thỏa mãn, nhàm tằm, ghê sợ cho đến chết, quả là quá khó kiếm!

“Nhưng này A-nan, trong thế gian, những người đối với dục mà không thỏa mãn, không nhòm tằm, ghê sợ cho đến chết thì thật quá nhiều! Thật quá nhiều! Vì sao? Này A-nan, trong đời quá khứ, có nhà vua tên là Đảnh Sanh (Pāli: Muddhāvasitta) làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, ngự trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày

104. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 58. Kinh Thất Bảo, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 387.

khôi ngô, đồng mãnh, không khiếp sợ, nhiếp phục được người khác. Vị ấy thống lãnh khắp cả cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến cho an lạc.

“Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh Sanh ấy nghĩ rằng: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu; đầy đủ một ngàn người con. Ta muốn ngay ở cung điện này mưa báu bảy ngày, dâng đến tận đầu gối’. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, tức thì ở trong cung mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối.

“Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ rằng: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta nhớ đã từng nghe nơi người xưa nói rằng: Ở phương Tây có châu tên là Cù-đà-ni (tức Tây ngưu hóa châu), giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Cù-đà-ni. Sau khi đến, ta sẽ thống trị’. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà đi, cùng với bốn loại quân. Này A-nan, vua Đảnh Sanh trong phút chốc liền đến trú ở châu Cù-đà-ni kia.

“Này A-nan, sau khi đến ở, nhà vua đã ngự trị châu Cù-đà-ni suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm.

“Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta lại có thêm châu Cù-đà-ni. Ta đã từng nghe người xưa có nói rằng: Ở phương Đông có châu tên là Phất-bà-bệ-đà-đề (Pāli: Pūbbavideha, châu Thắng thân ở phương Đông.) giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Phất-bà-bệ-đà-đề. Sau khi đến, ta sẽ thống trị’. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà đi, cùng với bốn loại quân. Này A-nan, vua Đảnh Sanh trong phút chốc liền đến trú ở châu Phất-bà-bệ-đà-đề kia. Này A-nan, sau khi đến ở, nhà vua ngự trị châu Phất-bà-bệ-đà-đề suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm.

“Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: ‘Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày dâng đến đầu gối. Ta lại có thêm châu Cù-đà-ni, có thêm châu Phất-bà-bệ-đà-đề. Ta lại từng nghe người xưa có nói rằng: Ở phương Bắc có châu tên là Uất-đơn-viết (Bắc Câu-lô châu. Pāli: Uttara-kura.), giàu có,

hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc, họ tuy không có ngã tưởng, không có thọ dụng riêng, nhưng ta muốn cùng quyền thuộc đi xem châu Uất-đơn-viết, để thống trị’. Nay A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cuỡi hư không mà đi cùng với bốn loại quân”.¹⁰⁵

98. 4 châu là 4 phương của nước Ấn Độ

136. ‘Thương Nhân Cầu Tài (Trong Kinh này xác định rõ cõi Nam Diêm Phù Đề là phía Nam Ấn Độ, và phía Tây tức chỉ cho Tây Ngưu Hóa Châu)

99. Tất cả mọi pháp đều biến hoại

61. ‘Kinh Nghru Phán Dụ’

“Này Tỳ-kheo, người hãy quán sát rằng: Tất cả những gì sở hữu đều phải tiêu diệt, cả đến như ý túc cũng phải mất. Này Tỳ-kheo, người nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?”

Đáp: “Bạch Thế Tôn, vô thường”.

105. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 60. Kinh Tứ Châu, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 395-397.

Lại hỏi: “Vô thường là khô hay không phải khô?”

Đáp: “Bạch Thế Tôn, là khô và biến dịch.”

Lại hỏi: “Nếu là pháp vô thường, khô, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: ‘Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia’ chăng?”

Đáp: “Bạch Thế Tôn, không.” (Thọ, tưởng, hành, thức)

Lại hỏi: “Nếu là pháp vô thường, khô, biến dịch, thì Đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: ‘Cái này là ta, cái này là sở hữu của ta; ta là sở hữu của cái kia’ chăng?”

Đáp: “Bạch Thế Tôn, không.”

“Vậy thì, này Tỳ-kheo, người nên học như vậy: ‘Những gì có sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc gần hoặc xa; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, ta phải là sở hữu của cái kia’. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật. ‘Những gì có giác, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, ta phải là sở hữu của cái kia’. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật.

“Này Tỳ-kheo, nếu Đa văn Thánh đệ tử quán như thế thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán giác, tưởng, hành,

thức. Do nhàm chán mà vô dục; do vô dục nên giải thoát; sau khi giải thoát thì biết là giải thoát, biết đúng như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”¹⁰⁶

100. Duyên khởi

62. ‘Kinh Tản Bộ Sa La Vương nghinh Phật’

“Nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh nơi thân, ác hạnh nơi khẩu, ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến và thành tựu nghiệp tà kiến, thì do nhân duyên kia, khi thân này hoại diệt, mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu thiện hạnh nơi thân, thiện hạnh nơi khẩu, ý, không phỉ báng Thánh nhân, có chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến; thì do nhân duyên đó, khi thân này hoại diệt, mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ thiện, cho đến cõi trời. Ta biết chúng sanh kia như vậy nhưng không nói rằng: Đó là ngã, có thể cảm giác, có thể nói năng, làm và sai làm, đứng dậy và khiến đứng dậy, ở nơi này hay nơi kia thọ nhận nghiệp báo thiện ác. Ở đây, hoặc có suy nghĩ như vậy: Điều đó không hợp lý, điều đó không đứng vững, việc làm ấy đúng như pháp; nhân cái này mà cái kia sanh, nếu không nhân cái này thì cái kia không sanh;

106. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 61. Kinh Nghuru Phán Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 406~408.

cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt. Tức là duyên vô minh có hành cho đến duyên sanh mà có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt”.¹⁰⁷

86. ‘Kinh Thuyết Xứ’

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp: ‘Nếu có cái này thì có cái kia, nếu không có cái này thì không có cái kia. Nếu sanh cái này thì sanh cái kia, nếu diệt cái này thì diệt cái kia. Duyên vô minh, hành. Duyên hành, thức. Duyên thức, danh sắc. Duyên danh sắc, sáu xứ. Duyên sáu xứ, xúc. Duyên xúc, thọ. Duyên thọ, ái. Duyên ái, thủ. Duyên thủ, hữu. Duyên hữu, sanh. Duyên sanh, già chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt. A-nan, nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp này, họ sẽ được an ổn,

107. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 62. Kinh Tân Bê Sa La Vương Nghinh Phật, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 414.

được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh’.¹⁰⁸

97. ‘Kinh Đại Nhân’ (Giải thích 12 nhân duyên)

101. Nếu ngũ uẩn là vô thường vô ngã thì ai thọ nhận quả báo

62. ‘Kinh Tần Bệ Sa La Vương Nghinh Phật’

Bấy giờ, những người xứ Ma-kiệt-đà nghĩ rằng: “Nếu như sắc là vô thường; giác, tưởng, hành, thức là vô thường, thì ai làm, ai thọ nhận khổ, lạc?”

Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của những người xứ Ma-kiệt-đà, liền bảo các Tỷ-kheo rằng: “Hàng phàm phu ngu si không học, thấy ngã là ngã mà đắm trước nơi ngã, nhưng thực ra không có ngã, không có ngã sở. Ngã vốn không, ngã sở vốn không; pháp sanh thì sanh, pháp diệt thì diệt; thấy đều do nhân duyên hội tụ mà sanh khổ. Nếu không có nhân duyên thì các khổ liền diệt. Chúng sanh do duyên tụ hội liên tục mà sanh các pháp. Như Lai sau khi thấy chúng sanh liên tục sanh ra nên nói: ‘Có sanh có tử’. Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy đúng như thật về chúng sanh này, lúc tử lúc sanh,

108. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 86. Kinh Thuyết Xứ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 687-686.

hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại thiện xứ, hoặc bất thiện xứ, đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, và thấy đúng như thật”.¹⁰⁹

102. Đức Phật dùng thuyết nhân quả giáo dục xã hội

63. ‘Kinh Bộ Bà Lăng Kỳ’

Nội dung, Nan đề Bà la xa là người giữ giới, biết bố thí cúng dường Tam bảo, do đó trong đời đã được nhiều phước báo.

64. ‘Kinh Thiên Sứ’

Nội dung, dùng những hình ảnh trị tội trong ngục để khuyến khích người trong xã hội làm phước thiện.

103. Tỳ-kheo thụ hưởng vật chất phi pháp

65. ‘Kinh Ô Điều Dụ’

Giả sử có Tỳ-kheo nào nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo mang y ôm bát vào thôn khát thực mà không thủ hộ thân, không thủ hộ các căn,

109. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 62. Kinh Tần Bê Sa La Vương Nghinh Phật, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 413.

không an trụ chính niệm, nhưng vị ấy lại thuyết pháp; những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi, như được áo chần, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước xúc chạm mềm mại, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tẻ nhạt, hủ bại, không phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn.¹¹⁰

104. Vấn đề khát thực và lợi dưỡng

83. ‘Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên’

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu người đi vào làng khát thực, hãy nhằm tởm sự lợi lộc, nhằm tởm sự cúng dường, cung kính. Đối với lợi lộc, cúng dường, cung kính, tâm người đã phát khởi sự nhằm tởm rồi mới vào làng khát thực.

“Này Đại Mục-kiền-liên, đừng đem ý cao đại mà vào làng khát thực. Vì sao? Vì nhà trưởng giả có công việc gì đó, Tỳ-kheo đến khát thực khiến trưởng giả không chú ý. Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: “Ai phá hoại ta ở nhà trưởng

110. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 65. Kinh Ô Điều Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 449.

giả? Vì sao? Vì ta vào nhà trưởng giả khát thực mà trưởng giả không chú ý”. Nhân đó sanh ưu sầu, nhân ưu sầu mà sanh trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.¹¹¹

105. Tỳ-kheo thụ hưởng sự cúng dường đúng pháp

65. ‘Kinh Ô Điều Dụ’

Giả sử có Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y cầm bát vào thôn khát thực, khéo thủ hộ thân, gìn giữ các căn, vững vàng chính niệm. Từ thôn ấp khát thực rồi, ăn xong. Sau khi thu xếp y bát, rửa tay chân xong vắt Ni-sur-đàn lên vai, đi đến nơi vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, hoặc vào nhà trống, trải Ni-sur-đàn mà ngồi kiết già, chính thân, chính nguyện, chuyên niệm hướng nội, đoạn trừ tham lam, muốn cho mình được tâm không nào hại; thấy của cải và vật dụng sanh tồn của người khác không móng khởi tâm tham lam mong sẽ được về mình. Đối với tâm tham lam vị ấy đã tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thù miên, trạo hối, đoạn nghi, độ hoặc, ở trong thiện pháp không còn do dự. Đối với tâm nghi hoặc, vị ấy đã tịnh trừ. Vị ấy

111. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 83. Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 672.

đã tịnh trừ năm triền cái này, chúng làm cho tâm ô uế, trí yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến, chúng đắc quả thiền thứ tư, thành tựu và an trụ. Vị ấy chứng đắc định tâm như vậy, thanh tịnh không uế, không phiền, nhu nhuyễn, bất động, hướng đến chúng ngộ lậu tận trí thông, rồi vị ấy liền biết như thật rằng: ‘Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt và đây là khổ diệt đạo’. Biết như thật rằng: ‘Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt và đây là lậu diệt đạo’. Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu. Sau khi giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.¹¹²

106. Cách việc truyền thừa vương vị và dùng chính pháp cai trị của các vua Ấn Độ

67. ‘Kinh Đại Thiên Nại Lâm’

“– Nay Thái tử, hãy biết rằng Thiên sứ đã đến, đầu mọc tóc bạc. Nay Thái tử, ta đã hưởng lạc dục thế gian, nay lại muốn cầu dục lạc thiên thượng. Nay Thái tử, nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học

112. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 65. Kinh Ô Điều Dục, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 454.

đạo. Nay Thái tử, nay ta muốn đem bốn châu thiên hạ này phó thác cho con. Con hãy trị vì, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp; không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp, phi phạm hạnh. Nay Thái tử, về sau nếu con thấy Thiên sứ đến, đầu mọc tóc bạc, thì con nên đem việc quốc chính của nước này trao lại cho Thái tử của con, khéo dạy bảo nó và trao đất nước lại cho nó, rồi con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nay Thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên. Nay Thái tử, tại sao nay ta chuyển trao pháp kế thừa này cho con, bảo con cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên địa. Nay Thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị đứt tuyệt, không được tiếp nối, thì đó là nhân dân trở thành cực biên. Vì thế cho nên, nay Thái tử, nay ta chuyển trao cho con. Nay Thái tử, ta đã chuyển trao pháp kế thừa này cho con thì con phải chuyển trao pháp kế thừa ấy lại, chớ để cho nhân dân trở thành cực biên.¹¹³

113. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 67. Kinh Đại Thiên Nại Lâm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 479.

70. ‘Kinh Chuyển Luân Vương’

Vua Kiên Niệm nghe xong, bảo rằng: “– Này thái tử, thiên luân báu của ta di chuyển, rời khỏi chỗ cũ. Thái tử, chính ta từng nghe cổ nhân nói rằng ‘Nếu thiên luân báu của Chuyển luân vương di chuyển, rời khỏi chỗ cũ, thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua không tồn tại lâu nữa. Này thái tử, ta đã hưởng dục lạc nhân gian, nay ta sẽ cầu dục lạc thiên thượng. Này thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này thái tử, nay ta đem bốn châu thiên hạ này giao phó cho con, con hãy chỉnh trị giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để trong nước có người tạo ác nghiệp và phi phạm hạnh. Này thái tử, về sau nếu con thấy thiên luân báu rời khỏi chỗ cũ một ít thì con cũng phải đem việc quốc chính của nước này giao phó cho con của con, khéo dạy bảo và ủy thác giang sơn lại cho nó, rồi con cũng phải cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.

“Bấy giờ vua Kiên Niệm giao phó đất nước lại cho thái tử. Khéo dạy bảo xong, vua liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Sau khi vua Kiên Niệm xuất gia học đạo bảy ngày, thiên luân báu ấy biến mất, không thấy...

“– Con phải học pháp tương thừa. Nếu học pháp tương thừa thì vào ngày rằm thuyết Tụng giải thoát, sau khi tắm rửa và đi lên chính điện, thiên luân báu ấy chắc

chấn sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lợi sáng ngời.

“Vua Sát-lợi Đánh Sanh lại thưa cha rằng: “– Tâu Thiên vương, pháp tương thừa như thế nào mà Thiên vương muốn bảo con học, để lúc học rồi, vào ngày rằm, thuyết Tụng giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chính điện, thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lợi sáng ngời?”

“Vua Kiên Niệm bảo con rằng: “– Con hãy quán pháp như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Hãy vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm, tu hạnh bố thí. Bố thí cho những người nghèo khốn, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin; đem đồ ăn thức uống, áo chăn, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần và cung cấp đèn dầu đầy đủ. Nếu trong nước con có các bậc Thượng tôn danh đức, Sa-môn, Phạm chí, thì con phải tùy thời đi đến chỗ của các vị đó để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: ‘Thưa chư tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sanh? Thế

nào là mục đích của cuộc đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện, không thọ ác?’ Khi được nghe xong, phải thực hành đúng như lời các vị đã dạy. Nếu trong nước của con có kẻ bần cùng thì hãy lấy của cải cung cấp đầy đủ. Nay con, đó là pháp tương thừa, con nên khéo học. Con đã khéo học thì vào ngày rằm, thuyết Tụng giải thoát, sau khi tắm rửa và lên chính điện, chắc chắn Thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lợi sáng ngời.

“Vua Sát-lợi Đảnh Sanh sau đó liền quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, đã vì thái tử, hậu phi, thế nữ và các thân dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào các ngày mồng tám, mười bốn và mười lăm, tu hạnh bố thí. Bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa lại xin; đã đem cho đồ ăn thức uống, y, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quần và cung cấp dầu đèn đầy đủ. Nếu trong nước của vua có các bậc Thượng tôn danh đức, Sa-môn, Phạm chí thì vua tùy thời đích thân đến chỗ các vị hỏi pháp, thọ pháp thế này:

“Thưa chư tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích

của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?

“Nghe xong, nhà vua thực hành đúng như pháp những lời các vị đã dạy. Nếu trong nước của vua có kẻ bần cùng, nhà vua liền lấy của cải tùy thời cung cấp đầy đủ. Sau đó, vua Sát-lợi Đánh Sanh vào ngày rằm, thuyết Tụng giải thoát; sau khi tắm rửa và lên chính điện, Thiên luân bảo ấy từ phương Đông hiện đến, có ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lợi sáng ngời. Nhà vua đã được làm Chuyên luân vương, cũng thành tựu bảy báu, cũng được bốn đức như ý của con người...”¹¹⁴.

107. Sau khi Thế Tôn nhập diệt ai là người kế thừa

145. ‘Kinh Cù Mặc Mục Kiền Liên’

Một thời, sau khi Đức Phật Bát-Niết-bàn chưa bao lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại thành Vương Xá...

“Bạch A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Samôn Cù-đàm chăng?”

114. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 70. Kinh Chuyên Luân Vương, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 510~513.

Tôn giả A-nan đáp: “Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được.”

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: “Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được. Nhưng có Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập nên và nói rằng: ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa của các Tỳ-kheo’, và vị ấy nay là nơi nương tựa của các người?”

Tôn giả A-nan đáp: “Này Vũ Thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bạc Tri Kiến, được Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác trong lúc tại thế lập nên và nói rằng: ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.”

Đại thần Vũ Thế, nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: “Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập nên rằng: ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo’ và vị ấy nay là nơi nương tựa cho các người. Nhưng có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp và bái lập lên rằng: ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’, và vị ấy nay đang là nơi nương tựa của các người?”

Tôn giả A-nan đáp: “Này Vũ Thế, cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-

kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' và vị ấy nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: “Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng: ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Cũng không Tỳ-kheo nào được Tăng chúng hòa hiệp bái lập lên rằng ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho các người. Nay A-nan, nếu vậy các người hiện tại không có ai để nương tựa, nhưng cùng sống hòa hiệp, không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, khoái lạc du hành như trong lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế chẳng?”

Tôn giả A-nan đáp: “Này Vũ Thế, ông đừng nói rằng chúng tôi không có ai để nương tựa. Vì sao vậy? Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa.”

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà đáp rằng: “Bạch A-nan, những điều được nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vậy: ‘Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, Bạc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác trong lúc tại thế lập lên rằng: ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương

tựa cho các Tỳ-kheo' để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng: 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo' để vị ấy nay là nơi nương tựa cho chúng tôi'. Nhưng này A-nan, do nhân gì, duyên gì, nay lại nói rằng: 'Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa'?"

Tôn giả A-nan đáp: "Này Vũ Thế, chúng tôi không nương tựa nơi người, nhưng nương tựa nơi pháp. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi nương tựa nơi thôn ấp mà sống, vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tùng giải thoát, cùng tập hợp ngồi tại một chỗ. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu biết pháp, chúng tôi thỉnh vị ấy thuyết pháp cho chúng tôi. Nếu chúng Tăng ấy được thanh tịnh, chúng tôi hoan hỷ phụng hành pháp mà Tỳ-kheo ấy đã nói. Nếu chúng Tăng ấy không thanh tịnh, tùy theo pháp được nói, chúng tôi khuyên dạy làm cho đúng."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà bạch rằng: "Bạch A-nan, không phải các ngài khuyên dạy làm cho đúng, nhưng chính là pháp khuyên dạy làm cho đúng. Như vậy, A-nan, một ít pháp hay có nhiều pháp thấy đều có thể được tồn tại lâu dài, và như vậy A-nan, các ngài sống hòa hiệp không tranh chấp, an ổn, đồng nhất một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, khoái lạc du hành như lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế."

Đại thần Vũ Thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: "Này A-nan, có vị nào đáng tôn kính chăng?"

Tôn giả A-nan đáp: “Này Vũ Thế, có vị xứng đáng được tôn kính.”

Vũ Thế bạch rằng: “Bạch A-nan, những điều được nói sao lại trước sau không phù hợp nhau? A-nan vừa nói như vậy: ‘Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn, cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn trong lúc tại thế lập lên rằng: ‘Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để vị ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Cũng không có một Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng: ‘Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo’ để nay vị ấy đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Nhưng này A-nan, do nhân gì, duyên gì nay lại nói rằng: ‘Có vị xứng đáng được tôn kính?’”

Tôn giả A-nan đáp: “Này Vũ Thế, Thế Tôn, bậc Tri kiến, là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, đã có dạy về mười pháp đáng tôn kính. Nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào có mười pháp này, chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự Tỳ-kheo ấy.”

“Những gì là mười?”

“Này Vũ Thế, Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ Tùng giải thoát, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhất cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực hành trì tăng thượng giới thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự bác văn, đối với những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, đối với các pháp như vậy, học rộng nghe nhiều, tụng thuộc cho đến hàng nghìn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, hiểu sâu. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực đa văn thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

“Lại nữa, này Vũ Thế, Tỳ-kheo ấy xứng đáng là thiện tri thức, xứng đáng là thiện bằng hữu, xứng đáng là người bạn đồng hành tốt. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự xứng đáng là thiện tri thức, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.¹¹⁵

108. Truyền thừa chính pháp

67. ‘Kinh Đại Thiên Nại Lâm’

“Này A-nan, vua Đại Thiên thuở xưa ấy ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết vị ấy chính là Ta.

115. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 145. Kinh Cù Mặc Mục Kiền Liên, Taiwan, 2000, trang 243~248.

“Này A-nan, thuở xưa, Ta từ đời con đến đời con, từ đời cháu đến đời cháu, từ dòng họ đến dòng họ, lần lượt có đến tám vạn bốn ngàn Chuyển luân vương, từng cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhân vương, tu hành phạm hạnh, tại Di-tát-la này trú trong rừng xoài Đại Thiên. Bấy giờ Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, vì trời và vì người mà cầu nghĩa, lợi ích và an ổn khoái lạc. Khi ấy, Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, lúc ấy Ta không thoát ly khỏi sự sanh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc than, áo não; cũng chưa thể thoát ra ngoài mọi khổ đau.

“Này A-nan, nay Ta xuất hiện ở đời, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, Chúng Hữu. Nay Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, vì trời và người mà cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Vì đã rốt ráo phạm hạnh, nay Ta lìa khỏi sự sanh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc than, áo não. Nay Ta đã thoát mọi khổ đau.

“Này A-nan, nay Ta chuyển trao pháp kế thừa này cho ông, ông cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này lại, chớ để cho Phật pháp dứt đoạn.

“Này A-nan, thế nào là pháp kế thừa mà nay Ta chuyển trao cho ông và bảo ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật pháp đứt đoạn? Đó chính là Thánh đạo tám chi, từ chính kiến cho đến chính định là tám. Này A-nan, đó chính là pháp kế thừa mà nay Ta đã chuyển trao cho ông, và ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật chủng đứt đoạn.”¹¹⁶

70. ‘Kinh Chuyển Luân Vương’

“Này Tỳ-kheo, các người cũng phải như vậy, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại, nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất an lạc, thế lực cũng không suy.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại? Đó là Tỳ-kheo quán nội thân như thân, nội giác, nội pháp như pháp. Như thế gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại.

“Thế nào gọi là tuổi thọ của thầy Tỳ-kheo? Tỳ-kheo ấy tu dục định như ý túc, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, hướng dẫn đến xuất yếu, tu tinh tấn định, tu tâm định, tu

116. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 67. Kinh Đại Thiên Nại Lâm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 484~485.

tư duy định, như ý túc, y viển ly, y vô dục, y diệt tận, hướng đến xuất yếu. Đó là tuổi thọ của Tỳ-kheo.

“Thế nào là sắc của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng thường canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Đó là sắc của Tỳ-kheo.

“Thế nào là lạc của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc cảnh thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là lạc của Tỳ-kheo.

“Thế nào là lực của Tỳ-kheo? Đó là Tỳ-kheo diệt sạch các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong đời hiện tại tự tri tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Đó là lực của Tỳ-kheo. “Này Tỳ-kheo, Ta không thấy có lực nào không thể hàng phục được như lực của Ma vương, cho nên lậu tận Tỳ-kheo phải dùng lực của vô thượng trí tuệ mới hàng phục được.”¹¹⁷

117. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 70. Kinh Chuyên Luân Vương, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 525~526.

109. Sau khi Như Lai diệt độ, Tỳ-kheo lấy ‘giới’ làm thầy hay lấy ‘pháp’ làm thầy?

145. ‘Kinh Cù Mặc Mục Kiền Liên’

“Này Vũ Thế, chúng tôi không nương tựa nơi người, nhưng nương tựa nơi pháp. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi nương tựa nơi thôn ấp mà sống, vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tụng giải thoát, cùng tập họp ngồi tại một chỗ. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu biết pháp, chúng tôi thỉnh vị ấy thuyết pháp cho chúng tôi. Nếu chúng Tăng ấy được thanh tịnh, chúng tôi hoan hỷ phụng hành pháp mà Tỳ-kheo ấy đã nói. Nếu chúng Tăng ấy không thanh tịnh, tùy theo pháp được nói, chúng tôi khuyên dạy làm cho đúng.”¹¹⁸

110. Tỳ-kheo nên thừa tự Pháp không nên thừa tự tài vật

88. ‘Kinh Cầu Pháp’

Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: “Các người nên thực hành sự cầu pháp, đừng thực hành sự cầu ẩm thực. Vì sao? Vì Ta thương tưởng các đệ tử, muốn các đệ tử nên thực hành sự cầu pháp, chứ không thực hành sự cầu

118. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 145. Kinh Cù Mặc Mục Kiền Liên, Taiwan, 2000, trang 246.

âm thực. Nếu các người thực hành cầu âm thực, không thực hành sự cầu pháp, không những các người tự xấu xa, mà Ta cũng không được danh dự gì. Nếu các thầy thực hành sự cầu pháp, chứ không thực hành sự cầu âm thực, không những các thầy đã tự tốt đẹp mà Ta cũng được danh dự”.¹¹⁹

111. Thế giới Cự lạc (Có liên quan đến Kinh A Di Đà)

68. ‘Kinh Đại Thiện Kiến Vương’

Lúc ấy Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật. Tôn giả chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, còn có những thành lớn khác. Một là Chiêm-bà (Pāli: Campā), hai là Xá-vệ (Sāvatti), ba là Bệ-xá-ly (Vesali), bốn là Vương Xá (Rājagaha), năm là Ba-là-nại (Bārānasi), sáu là Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavattu). Sao Thế Tôn không nhập Niết-bàn ở các nơi ấy, mà quyết định tại thành bằng đất nhỏ hẹp này, một thành nhỏ hẹp nhất trong các thành?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo: “Này A-nan, người chớ nói rằng đây là thành đất nhỏ hẹp, là thành nhỏ nhất trong các thành. Vì sao? Vì thuở quá khứ, thành Câu-thi-

119. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 88. Kinh Cầu Pháp, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 717.

na này tên là Câu-thi vương thành (Pāli: Kūsavati), giàu có cùng tột, dân chúng đông đúc.

“A-nan, Câu-thi vương thành dài mười hai do-diên, rộng bảy do-diên.

“A-nan, ở đây dựng tháp canh cao bằng một người, hoặc hai, ba, bốn..., cho đến bảy người.

“A-nan, ở chung quanh bên ngoài Câu-thi vương thành, có bảy lớp hào. Hào ấy được xây bằng gạch bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy hào cũng trải cát bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

“Này A-nan, Câu-thi vương thành có bảy lớp tường thành bao bọc bên ngoài. Những lớp tường thành ấy cũng được xây bằng gạch bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

“Này A-nan, Câu-thi vương thành có bảy lớp hàng cây Đa-la (Pāli: tāla,) bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh bao bọc xung quanh. Cây Đa-la bằng vàng thì hoa, lá và trái bằng bạc. Cây Đa-la bằng bạc thì hoa, lá và trái bằng vàng. Cây Đa-la bằng lưu ly thì hoa, lá và trái bằng thủy tinh. Cây Đa-la bằng thủy tinh thì hoa, lá và trái bằng lưu ly.

“Này A-nan, ở giữa những cây Đa-la có đào nhiều hồ sen; hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen đỏ và hồ hoa sen trắng.

“Này A-nan, bờ hồ hoa ấy được đắp bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Ở đáy hồ thì rải cát bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Trong thành hồ ấy có thêm cấp bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh. Thêm cấp bằng vàng thì bậc chân bằng bạc, thêm cấp bằng bạc thì có bậc chân bằng vàng. Thêm cấp bằng lưu ly thì có bậc chân bằng thủy tinh. Thêm cấp bằng thủy tinh thì có bậc chân bằng lưu ly.

“Này A-nan, xung quanh hồ ấy có câu lan bằng bốn báu, lưới câu là vàng bạc, lưu ly, thủy tinh. Lan can bằng vàng thì lưới câu bằng bạc. Lan can bằng bạc thì lưới câu bằng vàng. Lan can bằng lưu ly thì lưới câu bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì lưới câu bằng lưu ly.

“Này A-nan, hồ ấy được trùm bởi màn lưới có chuông treo ở giữa. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

“Này A-nan, trong hồ ấy trồng nhiều loại hoa dưới nước như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng; thường có nước, có hoa, không có người trông giữ ngăn cấm vì thuộc về tất cả mọi người.

“Này A-nan, ở bờ hồ ấy có trồng nhiều loại hoa như hoa Tu-ma-na, hoa Bà-su, hoa Chiêm-bạc, hoa Kiện-đề, hoa Ma-đầu-kiện-đề, hoa A-đề-mâu-đa, hoa Ba-la đầu.

“Này A-nan, bên các bờ hồ sen ấy, có nhiều người nữ thân thể nõn nà, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, chẳng kém thiên nữ, tư dung đoan chính, ai nhìn cũng thấy vui thích, được trang sức đầy đủ các loại ngọc báu; những người nữ ấy bố thí tùy theo nhu cầu của mọi người như đồ ăn thức uống, áo, chăn, xe cộ, nhà cửa, giường nệm, đệm lông ngũ sắc, tô tó, đèn dầu... đem cung cấp đầy đủ.

“Này A-nan, lá cây Đa-la ấy lúc gió thổi thì phát ra âm thanh cực kỳ vi diệu, cũng như năm loại kỹ nhạc được nhạc sư tấu ba tấu lên thì có âm thanh hết sức hài hòa, tuyệt diệu. Này A-nan, lá cây ấy lúc gió thổi cũng lại như vậy.

“Này A-nan, trong thành Câu-thi ấy giả sử có người tội tệ thấp hèn hạ, muốn được thưởng thức năm loại kỹ nhạc, nếu cùng đến giữa những cây Đa-la thì đều được thưởng thức thỏa thích.

“Này A-nan, Câu-thi vương thành thường có mười hai loại tiếng không bao giờ gián đoạn, là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng đi bộ, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống bạc lạc, tiếng trống kỹ, tiếng ca, tiếng vũ, tiếng ăn, tiếng bố thí.

“Này A-nan, trong thành Câu-thi có vua tên là Đại Thiện Kiến, là vị Chuyển luân vương thông minh trí tuệ, có bốn loại quân chinh trị thiên hạ, tự do tự tại; là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý của con người.

“Này A-nan, bây giờ các Phạm chí, cư sĩ trong Câu-thi vương thành mang các loại châu báu, kiềm-bà-la báu, chở đến chỗ vua Đại Thiện Kiến, thưa rằng: “Tâu Thiên vương, các loại châu báu, kiềm-bà-la báu này, mong Thiên vương vì lòng từ mẫn mà nạp thọ”.

.....

“Này A-nan, đại chính điện ấy xung quanh có câu lan bằng bốn báu, vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì lưới câu bằng bạc. Lan can bằng bạc thì lưới câu bằng vàng. Lan can bằng lưu ly thì lưới câu bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì lưới câu bằng lưu ly.

“Này A-nan, đại chính điện ấy được che bằng màn lưới, trong đó treo các thứ chuông lắc. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông làm bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

“Này A-nan, đại chính điện ấy sau khi được kiến trúc đầy đủ, bốn vạn tám ngàn vua các tiểu quốc đi ra cách đại chính điện không xa, xây ao sen lớn.

“Này A-nan, ao sen lớn ấy dài một do-diên; rộng một do-diên.

“Này A-nan, ao sen lớn ấy được đắp gạch bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy ao được rải cát bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh.

“Này Na-nan, ao sen lớn ấy có thêm cấp bằng bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Tầng cấp bằng vàng thì thêm bằng bạc. Tầng cấp bằng bạc thì thêm bằng vàng. Tầng cấp bằng lưu ly thì thêm bằng thủy tinh. Tầng cấp bằng thủy tinh thì thêm bằng lưu ly.

“Này A-nan, chung quanh ao sen lớn có câu lan bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì lưỡi câu bằng bạc. Lan can bằng bạc thì lưỡi câu bằng vàng. Lan can bằng lưu ly thì lưỡi câu bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì lưỡi câu bằng lưu ly.

“Này A-nan, ao sen lớn ấy được che bởi màn lưới, trong đó treo các thứ chuông lắc. Chuông ấy làm bằng bốn báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc. Chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng. Chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh. Chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly.

“Này A-nan, trong ao sen lớn ấy có nhiều loại thủy hoa như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen đỏ, thường có nước ở hoa, có người gìn giữ, không thuộc về tất cả mọi người.

“Này A-nan, trong ao sen lớn ấy có nhiều loại lục hoa, như hoa Tu-ma-na, hoa Bà-sur, hoa Chiêm-bạc, hoa Tu-kiền-đề, hoa Ma-đầu-kiền-đề, hoa A-đề-mâu-đa, hoa Ba-la-lại...”¹²⁰

120. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 68. Kinh Đại Thiện Kiến Vương, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 488~493.

112. Bằng cách nào trang nghiêm thân để báo ân Phật?

69. ‘Kinh Tam Thập Dụ’

“Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có đầy đủ các thứ trang sức, lụa, tơ, gấm, len, nhẫn tay, xuyên cườm tay, chuỗi ngọc khuỷu tay, kiềng đeo cổ, vàng bạc, châu ngọc cài mái tóc. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng giống như thế, dùng giới đức để làm đồ trang sức. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để dùng làm đồ trang sức thì đều có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có năm nghi trượng, kiếm, lọng, thiên quan, phát trần cán bằng ngọc và giày cần ngọc để bảo vệ thân cho được an ổn. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng sự giữ gìn cấm giới để bảo vệ phạm hạnh, cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu cấm giới để bảo vệ phạm hạnh thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có người giữ cửa. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni lấy sự thủ hộ sáu căn làm người giữ cửa cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự thủ hộ sáu căn thì liền xả được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có tướng giữ cổng thành thông minh, có trí tuệ, có sự phân

biệt rõ ràng. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chính niệm làm tướng giữ công cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chính niệm thì liền xả được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có hồ tắm đẹp, trong mát, tràn đầy. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng dùng tinh tâm làm hồ tắm mát, cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu tinh tâm làm hồ tắm mát thì xả được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có người hầu tắm, thường phục vụ tắm rửa. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lấy thiện tri thức làm người hầu tắm cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc lấy thiện tri thức làm người hầu tắm, thì có thể xả được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có bột hương thoa thân, mộc cây, trầm thủy, chiên đàn, tô hợp, kê thiết, đô lương. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng giới đức làm bột hương cũng lại như vậy. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để làm bột hương thì xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có y phục tốt đẹp, như áo sơ-ma, áo gấm lụa, áo bạch điệp, áo da sơn dương. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng sự hồ

thẹn làm y phục cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự hổ thẹn làm y phục thì xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có giường ghé rất rộng, cao lớn. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng Tứ thiên làm giường ghé cũng giống như vậy. Nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu Tứ thiên thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có thợ hớt tóc rành nghề, thường phục vụ tắm gội, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chính niệm làm thợ hớt tóc cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng chính niệm làm thợ hớt tóc thì có thể xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có đồ ăn ngon lành mỹ diệu, đủ các mùi vị đặc biệt; này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng hỷ làm thức ăn, cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu hỷ làm thức ăn thì có thể tiêu diệt được điều ác, tu tập thiện pháp.

“Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có các thức uống như nước trái xoài, nước chiêm-ba, nước mía, nước nho, nước mật-ta-đề; này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng dùng pháp vị làm thức uống, cũng như vậy. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu pháp vị dùng làm thức uống thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có tràng hoa đẹp, như tràng hoa sen xanh, tràng hoa Chiêm-bạc, tràng hoa Tu-ma-na, tràng hoa Bà-sur, tràng hoa A-đề-mâu-đa, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba định là Không, Vô nguyện, Vô tướng làm tràng hoa cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu ba định Không, Vô nguyện, Vô tướng làm tràng hoa thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có phòng ốc, nhà cửa, lầu quán, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba thất là Thiên thất, Phạm thất và Thánh thất làm nhà cửa, cũng giống như thế. Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu ba thất dùng làm nhà cửa thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có người điễn thú, tức người giữ nhà, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm người giữ nhà cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng trí tuệ làm người giữ nhà thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có bốn loại thuế của các quốc ấp. Phần thứ nhất để cung cấp vua và hoàng hậu, cùng các thê nữ trong cung. Phần thứ hai cung cấp cho thái tử và quần thần. Phần thứ ba cung cấp cho toàn dân. Phần thứ tư cung cấp cho Sa-môn, Phạm chí. Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng dùng bốn niệm

làm tô thuế, giống như vậy. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn niệম xứ dùng làm thuế thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn chính đoạn làm bốn loại quân cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn chính đoạn làm bốn loại quân thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có bốn loại xe tải, như xe tải bằng voi, xe tải bằng ngựa, xe tải bằng xe, xe tải bằng người; nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn như ý túc làm xe tải cũng giống như vậy. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn như ý túc dùng làm xe tải, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng giống như vua và đại thần có các loại xe trang hoàng bằng các loại da vằn tốt của sư tử, cọp, beo dệt thành những thứ màu sắc lẫn lộn; thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chỉ quán làm xe cũng giống như vậy. Nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chỉ quán dùng làm xe có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có giá ngựa, tức là người đánh xe, thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chính niệម làm kẻ giá ngựa cũng lại như

vậy. Nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chính niệm dùng làm giá ngự thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có cây phước cực cao, thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem tâm mình làm cây phước cao, cũng giống như vậy. Nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào đem tâm mình làm cây phước cao thì liền có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có đường đi tốt đẹp, bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ đến các công viên, thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng Thánh đạo tám chi làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ Niết-bàn cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu Thánh đạo tám chi dùng làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, trực chỉ Niết-bàn, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có tướng quân thông minh, trí tuệ, có sự phân biệt rõ ràng, thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm tướng quân cũng giống như vậy. Nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu trí tuệ dùng làm tướng quân thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có đại chính điện cao rộng, sáng sủa, thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm đại chính điện cũng giống

như thế. Nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu trí tuệ làm đại chính điện thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần bước lên trên điện cao, quán sát những người dưới thấp qua lại, chạy nhảy, đi, đứng, ngồi, nằm, thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem vô lượng trí tuệ thăng lên cao điện để quán sát tâm mình, làm cho tâm tràm khắp, nhu nhuyễn, hoan hỷ, viễn ly. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu vô lượng trí tuệ làm cao điện để tự quán tâm mình, làm cho tràm khắp, nhu nhuyễn, hoan hỷ, viễn ly, thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có Tông chính khanh, thành am hiệu tông tộc, thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khi dùng bốn Thánh chủng làm Tông chính khanh cũng giống như vậy. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bốn thánh chủng dùng làm Tông chính khanh thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có lương y danh tiếng trị được các bệnh, thì nay Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chính niệm làm lương y cũng giống như thế. Nay Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu chính niệm dùng làm lương y thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Nay Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có chính ngự sàng, trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm

sắc, phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa trun, có chần đệm lót hai đầu để gối và trải thảm quý bằng da sơn dương, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng vô ngại định làm chính ngự sàng cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu vô ngại định làm chính ngự sàng thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần có ngọc báu danh tiếng, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bất động tâm giải thoát làm ngọc báu danh tiếng cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu bất động tâm giải thoát làm ngọc báu danh tiếng thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

“Này Xá-lê Tử, cũng như vua và đại thần tắm nước trong mát, thoa bột hương tốt khiến thân thể thơm sạch, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tự quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh, cũng giống như thế. Này Xá-lê Tử, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh thì có thể kính trọng, phụng sự Thế Tôn, Pháp và chúng Tỳ-kheo, cùng với giới, bất phóng dật, bố thí và định.”¹²¹

121. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 69. Kinh Tam Thập Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 502~507.

113. Hãy tự mình thấp đức lên mà đi

70. ‘Kinh Chuyển Luân Vương’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Này các Tỳ-kheo, hãy tự mình thấp lên ngọn đèn Chính pháp. Hãy nương tựa nơi pháp của chính mình, chớ đừng thấp lên ngọn đèn khác, đừng nương tựa một pháp khác (Pāli: Attadīpā bhikkhāve viharatha atta-saranā anañña-saranā. Dhammadīpā dhamma-saranā anañña-saranā.).

“Này chư Tỳ-kheo, nếu ai tự mình thấp lên ngọn đèn chính pháp, tự nương tựa nơi pháp của chính mình, không thấp lên ngọn đèn khác, không nương tựa một pháp khác, thì có thể cầu học, được lợi và phước vô lượng”.¹²²

114. Có hay không có đời sau

71. ‘Kinh Bệ Tứ’

Vua Bệ-tứ nghe xong, liền bảo người hầu: “Ngươi hãy đến các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề ấy, nói rằng: ‘Vua Bệ-tứ bảo các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề: ‘Này các ngươi hãy đợi, ta sẽ cùng các ngươi đến yết kiến Cưu-ma-la Ca-diếp ấy. Các người ngu si đừng để Sa-môn

122. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 70. Kinh Chuyển Luân Vương, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 509.

ấy lừa gạt nói rằng có đời sau, có chúng sanh hóa sanh. Ta thấy như vậy, chủ trương như vậy: ‘Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh’.’” ...

“Này Ca-diếp, tôi nay muốn hỏi, thầy có nghe chăng?”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp: “Vua Bệ-tứ, muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.”

Bấy giờ vua Bệ-tứ liền hỏi: “Này Ca-diếp, tôi quan niệm thế này, chủ trương thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh’. Ý Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp nghĩ sao?”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp: “Vua Bệ-tứ, tôi nay hỏi vua, vua hiểu thế nào trả lời thế ấy. Ý vua thế nào, mặt trời, mặt trăng này thuộc về thế giới này hay thế giới khác?”

Vua Bệ-tứ đáp: “Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh’.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng: “Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chăng?”

Vua Bệ-tứ đáp: “Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có sự ác. Này Ca-diếp, tôi có người thân bị bệnh trầm trọng. Tôi đi đến chỗ bệnh nhân; đến nơi, nói rằng: ‘Bạn nên

biết, ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh’. Nay bạn, trái lại có Sa-môn, Phạm chí quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: ‘Có đời sau, có chúng sanh hóa sanh’. Ta thường không tin chủ trương của những kẻ ấy. Những kẻ ấy lại bảo rằng: ‘Nếu có kẻ nam nữ làm việc ác, không tinh tấn, lười biếng, ganh ghét, bòn sẻn, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đấm trước của cải; do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, kẻ ấy chắc chắn đi vào ác xứ, sanh vào địa ngục’. Nay bạn, nếu Sa-môn, Phạm chí ấy nói như vậy mà đúng thì bạn là người ruột thịt của ta, đã làm việc ác, không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bòn sẻn, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đấm trước của cải; nếu thân hoại mạng chung, bạn chắc chắn sẽ sanh đến ác xứ, sanh vào địa ngục, thì bạn hãy trở lại tin cho ta hay thế này: ‘Này Bệ-tứ, trong địa ngục ấy khổ như thế này, đúng như bây giờ tôi đã chứng kiến’. Nay Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi nói đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại nói tin cho tôi hay như thế này: ‘Này vua Bệ-tứ, trong địa ngục kia, khổ như thế này’. Ca-diếp, nhân sự kiện này nên tôi nghĩ rằng: ‘Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh’.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: “Vua Bệ-tứ, tôi lại hỏi vua. Vua hiểu thế nào trả lời thế ấy. Nếu có thuộc hạ của vua bắt trói một tội nhân, đem đến trước vua, thưa rằng: ‘Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị’. Vua bảo, ‘Các khanh hãy đem trói chặt

hai tay ra đằng sau, bỏ nó lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như tiếng lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết, rồi đưa ra cổng thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao rồi chém đầu nó'. Thuộc hạ vâng lời, liền trói tay tội nhân ra đằng sau, bỏ lên lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết xong, đưa ra cổng thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao, muốn chém đầu nó. Tội nhân sắp chết nói với đao phủ rằng: 'Ông hãy hoãn cho tôi một lúc. Tôi muốn gặp cha mẹ, vợ con, tớ gái, người đưa tin. Hãy để tôi tạm thời ra đi'. Ý vua nghĩ sao? Người đao phủ có thể để cho tội nhân ấy tạm thời ra đi ít lâu không?"

Vua Bệ-tứ đáp: "Không thể, Ca-diếp."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp lại bảo: "Người thân của vua cũng lại như thế, đã làm việc ác, không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bòn sẻn, tham lam, không thi ân, không đại lượng, đấm trước của cải. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Lúc ngục tốt bắt ra hành hạ đau đớn, người thân của vua nói với ngục tốt rằng: 'Này các ngục tốt, các ông hãy khoan một lúc, chớ hành hạ ta đau đớn. Ta muốn tạm thời đi đến vua Bệ-tứ để báo cho vua hay rằng: 'Trong ngục tốt kia khổ như thế này, như thế này, mà tôi đã chứng kiến'. Ý vua thế nào? Ngục tốt kia có thể thả cho người thân của vua tạm thời ra đi không?"

Vua Bệ-tứ đáp: "Không thể, Ca-diếp."

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo rằng: “Vua hãy quán sát về đời sau cũng lại như vậy, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, thú hưởng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, thú hưởng ly nhuế; đoạn tuyệt si, thú hưởng ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diêu hoặc bất diêu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, vị ấy đã thấy hiện tượng ấy đúng như thật.”

Vua Bệ-tứ lại nói: “Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp, tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh’.”

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp rằng: “Vua Bệ-tứ, còn có sự ác nào mà qua cái này chẳng?”

Vua Bệ-tứ đáp: “Đúng như vậy, Ca-diếp, lại còn có sự ác này. Nay Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh trầm trọng, tôi đến chỗ bệnh nhân; đến rồi nói rằng: ‘Bạn nên biết, tôi quan niệm thế này, chủ trương thế này: ‘Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh’. Nay bạn thân yêu, trái lại có Sa-môn, Phạm chí quan niệm thế này, chủ trương như thế này: ‘Có đời sau, có chúng sanh hóa sanh’. Tôi thường không tin những kẻ kia về chủ trương của họ. Họ cho rằng: ‘Nếu có kẻ nam người nữ nào có diêu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn, không tham lam, có đại lượng,

có thi ân, cõi mở, phóng xả, cung cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho họ thường an lạc, bố thí, không tham đắm của cải; kẻ kia do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời'. Nay bạn thân yêu, nếu Sa-môn, Phạm chí nói như vậy mà đúng thì bạn là người thân ruột thịt của tôi, có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn, tham lam, có đại lượng, có thi ân, sống cõi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời thì bạn hãy trở lại tin cho ta hay như thế này: 'Này vua Bệ-tứ, trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này, đúng như bây giờ tôi đã chứng kiến'. 'Này Sa-môn, người thân ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại tin cho tôi hay, 'Này vua Bệ-tứ, trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này'. Ca-diếp, nhân sự kiện đó cho nên tôi nghĩ rằng: 'Không có đời sau, không có chúng sanh hóa sanh'."

Tôn giả Ca-diếp bảo: "Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ. Người trí nghe thí dụ này thì hiểu được nghĩa. Này vua Bệ-tứ, ví như ngoài thôn ấp kia có một hầm xí công cộng, sâu quá đầu người, đầy phần ở trong. Có một người rơi xuống, chìm tận đáy hầm ấy. Nếu có người khác thương xót, mong cầu sự phước lợi và hữu ích, sự an ổn khoái lạc cho người mắc nạn, liền thông thả kéo nạn nhân từ hầm xí lên; gạt phần bằng thanh tre, chùi

bằng lá cây, tắm bằng nước ấm. Sau khi tắm rửa sạch sẽ, đem bột hương thoa khắp thân thể, mời lên chính điện cho vui hưởng ngũ dục. Ý vua nghĩ sao? Há kẻ nạn nhân ấy lại tưởng nhớ hàm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen và muốn trở lại hay sao?”

Vua Bệ-tứ trả lời: “Không thể, Ca-diếp. Nếu có một kẻ nào khác tưởng tới hàm xí kia, hoan hỷ ngợi khen và muốn thấy thì nạn nhân kia cũng không thể ưa kẻ này, huống là chính nạn nhân lại tưởng nhớ hàm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lần nữa. Điều đó không thể xảy ra.”

“Vua Bệ-tứ, nếu vua có người thân có diệu hạnh, có tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bòn sẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến cho họ được an lạc, bố thí, không đấm trước của cải; người ấy do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh lên cõi trời được vui hưởng ngũ dục ở đó. Ý vua nghĩ sao? Há lại thiên tử ở cõi trời kia bỏ ngũ dục ở đó, tưởng nhớ ngũ dục ở nhân gian này? Hoan hỷ ngợi khen, muốn thấy lại nữa sao?”

Vua Bệ-tứ đáp: “Không thể, Ca-diếp. Vì sao? Vì ngũ dục nhân gian xú uế, ở nơi bất tịnh, rất đáng ghét, không thể hướng đến, không thể ưa thích, thô sấp bất tịnh. Nay Ca-diếp, so với ngũ dục nhân gian thì ngũ dục cõi trời là hơn, là tối thắng, là tối hảo, là tối thượng. Nếu thiên tử

cõi trời kia, xả bỏ ngũ dục ở đó, tưởng đến ngũ dục nhân gian, hoan hỷ ngợi khen, muôn thấy lại; điều đó không thể xảy ra.”

“Vua Bệ-tứ, vua nên quán sát về đời sau cũng giống như thế, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Nay vua Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hoặc bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy đã thấy sự kiện ấy đúng như sự thật.”¹²³... (Xin xem toàn bộ nội dung kinh này)

115. Tăng đoàn bị rạn nứt chia rẽ

72. ‘Kinh Trường Thọ Vương Bổn Khởi’

Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho vị ấy, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến rừng Hộ tự (16). Vào rừng Hộ tự, đến dưới gốc cây Ngài trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già. Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nghĩ rằng: “Ta đã thoát

123. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 71. Kinh Bệ Tứ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 528-534.

được nhóm Tỳ-kheo ở Câu-xá-di, một nhóm luôn luôn tranh chấp nhau, chèn ép nhau, thù nghịch nhau, giận hờn nhau, cãi vã nhau. Ta không hoan hỷ nghĩ đến phương ấy, nơi mà nhóm Tỳ-kheo Câu-xá-di đang trú”.¹²⁴

116. Cách đối xử với nhau

72. ‘Kinh Trường Thọ Vương Bốn Khởi’

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng: Con có thiện lợi, có đại công đức, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng phạm hạnh như thế. Bạch Thế Tôn, con thường hướng về các vị đồng phạm hạnh ấy, thực hành hạnh từ nơi thân nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau; thực hành hạnh từ nơi khẩu nghiệp, hạnh từ nơi ý nghiệp, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau không khác. Bạch Thế Tôn, con nay có thể tự nghĩ rằng: ‘Tự xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền’. Bạch Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm con, tùy thuận tâm chư Hiền. Bạch Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là không vừa lòng. Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn là như thế”.¹²⁵

124. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 72. Kinh Trường Thọ Vương Bốn Khởi, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 570.

125. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 72. Kinh Trường Thọ Vương Bốn Khởi, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 572.

117. Nguồn gốc của chứng đắc (8 điều giác ngộ của Đại nhân?)

4. ‘Kinh Bát Niệm’

Đức Thế Tôn đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo và nói: “Này chư Tỳ-kheo, Ta nói cho các người nghe về tám suy niệm của bậc Đại nhân. Các người hãy lắng nghe và khéo suy tư, ghi nhớ”.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn nói rằng: “Đây là tám pháp suy niệm của bậc Đại nhân:

Đạo từ vô dục chứ không phải từ hữu dục mà chứng đắc.

Đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tàm mà chứng đắc.

Đạo từ viễn ly chứ không phải từ chỗ ưa tụ hội, không phải từ sự sống chỗ tụ hội, không phải từ sự sống hội họp tụ hội mà chứng đắc.

Đạo từ tinh cần chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc.

Đạo từ chính niệm, chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc.

Đạo từ chỗ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc.

Đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc.

Đạo từ chỗ không hý luận, ưa sự không hý luận, hành sự không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ sự ưa hý luận, không phải từ sự hành hý luận, mà chứng đắc”.¹²⁶

118. Dục là nguồn gốc của khổ đau

75. ‘Kinh Tịnh Bất Động Đạo’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Dục là vô thường, hư ngụy, giả dối. Đã là pháp giả dối thì huyễn hóa, khi cuống, ngu si. Dầu là dục của đời nay hay là dục của đời sau, tất cả đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhân những thứ ấy mới sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại cho sự tu học của Thánh đệ tử.

“Đa văn Thánh đệ tử nên quán như vậy, ‘Thế Tôn nói rằng dục là vô thường, hư ngụy, giả dối, huyễn hóa, khi cuống, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, tất cả đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhân những thứ ấy, tâm mới sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham

126. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 74. Kinh Bát Niệm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 592~593.

lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử’.¹²⁷

77. ‘Kinh Sa Kê Đề Tam Tộc Tánh Tử

Đức Thế Tôn bảo: “Này A-na-luật-đà, các lậu ô uế là gốc của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, già, bệnh, chết; Như Lai không phải vì không diệt tận, không phải vì không biến tri mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải xả bỏ. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì nhân nơi thân này, nhân nơi sáu xứ, nhân nơi thọ mạng mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải xả bỏ. Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những nghĩa này mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải xả bỏ”.¹²⁸

127. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 75. Kinh Tịnh Bất Động Đạo, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 597~598.

128. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 77. Kinh Sa Kê Đề Tam Tộc Tánh Tử, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 610.

119. Bản chất của dục vọng

99. ‘Kinh Khổ Âm’ (A), 100. ‘Kinh Khổ Âm’ (B)

Đức Phật lại hỏi: “Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là, nhân bởi năm công đức của dục mà phát sanh lạc và hỷ. Vị ngọt của dục chỉ tốt cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì rất nhiều.

“Thế nào là tai họa của dục? Một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sanh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; nó phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Thiện nam tử bằng những phương tiện như thế, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu không kiếm được tiền của thì sanh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si dại, nói rằng: ‘Luống công làm lụng khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả’. Trái lại, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của nó sanh yêu quý, giữ gìn, chôn giấu. Vì sao vậy? Nó nghĩ: ‘Tài vật này của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu’. Kẻ đó giữ gìn, chôn giấu như vậy nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu hư

hại mắt thì sanh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: ‘Vật ta yêu quý, nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn’. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

“Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ tranh cãi lẫn nhau. Vì tranh cãi lẫn nhau như vậy nên mẹ nói xấu con, con nói xấu mẹ. Cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ nói xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy, huống nữa là người dung. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc”.¹²⁹

120. Hạnh phúc của sự thụ hưởng dục lạc cũng giống như hạnh phúc của người gãi ghế ngứa

153. ‘Kinh Man Nhân Đề’

“Này Man-nhân-đề, cũng như người bị bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét. Người ấy gãi, cào rách các mụn ghẻ, hơ lên bếp lửa. Này Man nhà đề, ông nghĩ thế

129. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 99. Kinh Khổ Ám (I), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 794~795.

nào? Nếu người bị bệnh cùi thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi các mụn, cào rách, rồi hơ lên bếp lửa, như vậy liệu trừ bệnh có kết quả, không làm hại các căn, thoát khỏi cùi hủi, thân thể khỏe mạnh, hoàn toàn bình phục như cũ được chăng?”

Man-nhàn-đề đáp: “Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì người mắc bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụn lở loét hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghê cùi làm sự thích thú.”

“Này Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụn rồi hơ lên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụn lở loét hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghê cùi làm sự thích thú. Này Man-nhàn-đề, cũng như thế, chúng sanh chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà cứ chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy, vì chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà cứ chạy theo dục, thì chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy ái dục làm sự khoái lạc. Nếu chúng sanh đó không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, sẽ an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể xảy ra. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái, mà là chạy theo dục.

“Này Man-nhàn-đề, cũng như vua và đại thần hưởng năm công đức của dục, dễ được, ù không khó. Nếu các vị ấy không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều đó không thể có được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục. Cũng vậy, Này Man-nhàn-đề, chúng sanh chưa ly dục, bị ham muốn dục nhai nuốt, bị hơi nóng của dục thiêu đốt, mà chạy theo dục, thì Này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm chó dục ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy dục ái làm sự hoan lạc. Nếu chúng sanh không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trụ, đang an trụ và sẽ an trụ với nội tâm tịch tĩnh, thì điều ấy không thể xả ra được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục.

“Này Man-nhàn-đề, cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa; có người xót thương, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc nên cho một thứ thuốc hay nào đó. Khi được cho thứ thuốc hay nào đó, trị bệnh có hiệu quả, không làm hư hoại các căn, người bệnh khỏi được bệnh cùi, thân thể tráng kiện, bình phục như cũ. Sau khi lành bệnh, nếu thấy ai mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụn, hơ lên bếp lửa, này Man-nhàn-đề, thấy vậy, người ấy có hoan hỷ ngợi khen chăng?”

Man-nhàn-đề đáp: “Dạ không, thưa Cù-đàm. Vì sao? Vì có bệnh mới cần thuốc, chứ không bệnh thì không cần.”¹³⁰

121. 8 ví dụ về dục

200. ‘Kinh A Lê Tra’

“Bạch Thế Tôn, chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy, ‘Dục có chướng ngại, Thế Tôn nói dục có chướng ngại. (1) Dục như bộ xương khô, Thế Tôn nói dục như bộ xương khô, (2) dục như miếng thịt, Thế Tôn nói dục như miếng thịt. (3) Dục như bó đuốc, Thế Tôn nói dục như cây đuốc trong tay. (4) Dục như hầm lửa, Thế Tôn nói dục như hầm lửa. (5) Dục như rắn độc, Thế Tôn nói dục như rắn độc. (6) Dục như mộng, Thế Tôn nói dục như mộng. (7) Dục như đồ vay mượn, Thế Tôn nói dục như đồ vay mượn. (8) Dục như trái cây, Thế Tôn nói dục như trái cây’. Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy.”¹³¹

130. Hán Dịch: Tam Tạng Tăng-Già-Đề-Bà, Việt Dịch: Tuệ Sỹ, Kinh Trung A-Hàm Tập 2, 153. Kinh Man Nhân Đề, NXB Tôn Giáo, Hà Nội, 2008, trang 38~39.

131. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 200. Kinh A Lê Tra, Taiwan, 2000, trang 749.

203. ‘Kinh Bồ Lị Đa’

“Này Cù-đàm, thế nào nói là trong Thánh pháp luật còn có Tám chi đoạn tuyệt tục sự khác đạt đến chứng ngộ?”

Thế Tôn đáp rằng: “Này Cư sĩ, cũng như một con chó đói, gầy ốm, mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tia hết thịt. Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như bộ xương khô’. Thế Tôn nói dục vọng như bộ xương khô, hoan lạc ít mà khổ não lại nhiều, đây đây nguy hiểm, nên xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi sự vật dục của thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều đó.

“Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống; hoặc quạ hoặc điều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những quạ điều khác đuổi theo để tranh giành. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Nếu quạ điều ấy không chịu xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ điều khác vẫn đuổi theo để dành giựt chăng?”

Cư sĩ đáp: “Thật sự như vậy, Cù-đàm.”

“Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu quạ điều ấy xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ điều khác có còn đuổi theo để giành giựt chăng?”

Cư sĩ đáp: “Không vậy, Cù-đàm.”

“Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như miếng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt; hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đây những nguy hiểm, hãy nên xa lìa đi’. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy nên tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như một người tay cầm một bó thuốc đang cháy, ngược gió mà đi. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy không liệng bỏ tức khắc, nhất định có cháy tay và các chi thể khác chăng?”

Cư sĩ đáp: “Thật sự như vậy, Cù-đàm.”

“Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy liệng bỏ tức khắc, sẽ còn bị cháy tay hay các chi thể khác nữa chăng?”

Cư sĩ đáp: “Không vậy Cù-đàm.”

“Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như bó thuốc đang cháy; Thế Tôn nói dục vọng như bó thuốc đang cháy, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đây những nguy hiểm hãy xa lánh đi’. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi dục vọng thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn, trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chứ không muốn đau đớn, rất ghét sự đau đớn; muốn sống chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người ấy lại nhảy vào hầm lửa này chăng?”

Cư sĩ đáp: “Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng: ‘Nếu rơi xuống hầm lửa, nhất định chết chứ không nghi ngờ. Dù không chết, nhất định chịu đựng đau đớn vô cùng’. Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc xa lìa, ước mong xa lìa, xả ly”.

“Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vậy, ‘Dục vọng như hầm lửa. Thế Tôn nói dục vọng như hầm lửa, hoan lạc ít mà khổ não nhiều đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi’. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc địa, màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc, chứ không muốn đau đớn, rất ghét đau đớn; muốn sống chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ

sao, người ấy há lại thò tay cho con rắn cắn, hay các chi thể khác và nói rằng: ‘Này, mổ đi! Này mổ đi!’ Như vậy chẳng?”

Cư sĩ đáp: “Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ rằng: ‘Nếu ta thò tay và các chi thể khác cho con rắn nó mổ, nhất định phải chết chứ không nghi ngờ. Dù không chết thì nhất định phải chịu đau đớn vô cùng’. Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xả ly”.

“Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vậy, ‘Dục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói dục vọng như con rắn độc, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi dục vọng thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như một người nằm mộng, thấy mình sung túc, nằm thứ dục lạc thỏa thích. Nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi’. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận, không dư tàn. Hãy nên tu tập sự kiện này.

“Này Cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao

tắm, hoặc voi ngựa, xe cộ, hoặc chen gắm mừng mền, hoặc nhẫn, vòng, xuyên, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ, hoặc tràng hoa vàng báu, hoặc danh y thượng phục, rồi nhiều người trông thấy bèn ca ngợi rằng: ‘Nhu vậy, tốt lành thay! Nhu vậy, sung sướng thay! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vậy’. Nhưng chủ nhân có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn, bèn tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt, những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng: ‘Nó là người vay mượn; thật sự là lừa gạt chứ không phải vay mượn. Vì sao? Vì chủ nhân của sở hữu có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Và rồi đã tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt’. Nay Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vậy, ‘Dục vọng như vay mượn. Thế Tôn nói dục vọng như vay mượn hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi’. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

“Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một gốc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Một người đi đến, đói, mệt mỏi, gầy ốm, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng: ‘Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Ta đang đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái. Nhưng dưới gốc không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Ta biết leo cây. Bây giờ ta có nên leo lên cây này chăng?’ Nghĩ xong,

bèn leo lên. Lại cũng có một người khác, đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái, cầm một cái búa rất lớn, bèn nghĩ rằng: ‘Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt nhưng dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về, ta không biết leo cây. Bây giờ ta có nên đốn ngã cây này chẳng?’, bèn đốn ngã cây ấy. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người trên cây nếu không xuống nhanh khi cây ngã xuống đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chẳng?”

Cư sĩ đáp: “Thật sự như vậy, Cù-đàm.”

“Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu người trên cây leo xuống nhanh, khi cây ngã xuống đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chẳng?”

Cư sĩ đáp: “Không vậy, Cù-đàm.”

“Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vậy, ‘Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục vọng như trái cây, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy lánh xa đi’. Nếu ai có sự xả ly dục ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập sự kiện này”¹³²

132. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 203. Kinh Bồ Lị Đa, Taiwan, 2000, trang 797~801.

122. Không bệnh là đệ nhất Niết-bàn là tối thượng

153. ‘Kinh Man Nhân Đề’

Dị học Man-nhàn-đề thưa: “Thưa Cù-đàm, tôi cũng đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn trưởng lão, học Phạm hạnh đã lâu, nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là an lạc tối thượng.”

Đức Thế tôn hỏi: “Nếu ông đã từng nghe các bậc kỳ cựu tôn đức trưởng lão học Phạm hạnh đã lâu nói rằng: Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng; thì Man nhân đề, thế nào là không bệnh, thế nào là Niết-bàn?”

Bấy giờ, Man-nhàn-đề dị học, đối với thân là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là chẳng phải tự ngã, nhưng lại dùng hai tay xoa bóp mà nói rằng: “Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn.”

Đức Thế Tôn bảo: “Này Man-nhàn-đề, cũng như người mù bẩm sanh, nghe người có mắt nói rằng: ‘Trắng tinh, không bản! Trắng tinh, không bản!’ Nghe như vậy, người mù đi tìm cái trắng tinh. Có người lừa dối, không mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn khoái lạc cho người mù, nên đem chiếc áo cáu ghét như bản, đến nói với người mù rằng: ‘Ông nên biết, đây là chiếc áo trắng tinh, không bản. Ông hãy cung kính đưa hai tay nhận lấy mà khoác

lên thân’. Người mù ấy liền hoan hỷ đưa hai tay cung kính thọ nhận, khoác lên thân mà nói rằng: ‘Trắng tinh, không bẩn! Trắng tinh không bẩn!’ Nay Man-nhàn-đề, người mù ấy tự mình biết mà nói lên như thế, hay không tự mình biết mà nói lên như thế? Tự mình thấy mà nói lên như thế, hay không tự mình thấy mà nói lên như thế?”

Man-nhàn-đề dị đạo đáp: “Thưa Cù-đàm, người ấy nói như vậy nhưng quả thật không biết, không thấy gì cả.”

Đức Thế Tôn nói: “Cũng vậy, Nay Man-nhàn-đề, ông như người mù không có mắt. Thân chính là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là không phải tự ngã. Thế mà ông dùng hai tay xoa bóp và nói rằng: ‘Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn’. Nay Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, ông còn không biết, há lại thấy biết Niết-bàn, được Niết-bàn chăng? Nói rằng thấy Niết-bàn thì quả không thể được. Nay Man-nhàn-đề, Như Lai, bậc Vô sở srước Đẳng chính giác nói rằng:

Không bệnh, lợi bậc nhất,
Niết-bàn, lạc tối thượng,
Chỉ con đường Bát chính,
Đến an ổn cam lồ.¹³³

133. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 153. Kinh Man Nhân Đề, Taiwan, 2000, trang 332.

123. Mục đích sống trong rừng núi của đức Phật

77. ‘Kinh Sa Kê Đề Tam Tộc Tính Tử

Đức Thế Tôn bảo: “Này A-na-luật-đà, không phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt đến, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì hai mục đích sau đây nên mới sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Một là, sống an lạc ngay trong đời hiện tại. Hai là, vì thương xót chúng sanh đời sau. Đời sau hoặc có chúng sanh học theo Như Lai, sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà, vì những mục đích ấy mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa”.¹³⁴

134. Hán Dịch: Tam Tạng Tăng Già Đề Bà, Việt Dịch: Tuệ Sỹ, Kinh Trung A-Hàm Tập 1, 77. Kinh Sa Kê Đề Tam Tộc Tánh Tử, NXB Tôn Giáo, Hà Nội, 2008, trang 590-591.

124. Phật tán thán Tỳ-kheo sống nơi vắng vẻ

83. ‘Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên’

Này Đại Mục-kiền-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng hợp hội thì có nhiều điều phải nói. Nếu có nhiều điều phải nói thì có trạo cử. Nếu có trạo cử thì tâm không tịch tĩnh. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu tâm không tịch tĩnh thì tâm rời xa định. Này Đại Mục-kiền-liên, do đó Ta nói là không thể hợp hội.

“Này Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp gì có thể cùng hợp hội? Này Đại Mục-kiền-liên, ở nơi rừng vắng kia, Ta nói pháp này có thể cùng hợp hội: núi rừng, dưới cây, chỗ an tĩnh không nhân, núi cao, hang đá, vắng bật âm thanh, viễn ly, không ác, không người, có thể tùy thuận mà tĩnh tọa. Này Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp này có thể cùng hợp hội”.¹³⁵

135. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 83. Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 671.

125. Bình đẳng trong việc xuất gia tu học Phật pháp

154. ‘Kinh Bà La Bà Đường’

Bấy giờ, có hai người thuộc dòng Phạm chí là Bà-tu-tra (Pāli: Vāsettha.) và Bà-la-bà (Pāli: Bhāradvāja.), cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Các Phạm chí khác thấy vậy, chỉ trích họ dữ dội, nói những lời rất gay gắt và cay đắng, rằng: “Dòng Phạm chí là hơn hết, không dòng nào bằng; dòng Phạm chí là da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi theo chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn đầu trọc kia bị trời buộc vào da đen, nên tuyệt tự, không con cái. Cho nên, các ông đã làm chuyện đại cực ác, phạm việc đại sai lầm.”...

Đức Thế Tôn nói: “Này Bà-tu-tra, những lời của các Phạm chí quá độc ác, hết sức vô lại. Vì sao? Vì họ ngu si, không khéo hiểu rõ, không biết ruộng tốt, không thể tự biết mình, dó đó mới nói như thế này, ‘Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên’. Vì sao? Này Bà-tu-tra, chính Ta, với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng này không chủ trương thọ sanh ưu thắng, không chủ trương chủng tộc, không chủ trương kiêu mạn, nói rằng: ‘Nó đẹp lòng

Ta; nó không đẹp lòng Ta’, không vì chỗ ngồi, không vì nước, không vì sở học kinh sách.

“Này Bà-tư-tra, chỗ nào có hôn nhân, nơi đó mới có thể nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói, ‘Nó đẹp lòng Ta, không đẹp lòng Ta’; vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách.

“Này Bà-tư-tra, nếu ai chủ trương thọ sanh, chủ trương chủng tộc, chủ trương kiêu mạn, người ấy cách biệt quá xa đối với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng của Ta.

Này Bà-tư-tra, nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói: ‘Nó đẹp lòng Ta, không đẹp lòng ta’, vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách thì cách biệt với sự chứng đắc Minh Hạnh vô thượng của ta.¹³⁶

126. Nơi nào là nơi sống thích hợp cho người xuất gia?

107. ‘Kinh Lâm’ (A) và (B)

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở. Hoặc không có chính niệm sẽ được chính

136. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 154. Kinh Bà La Bà Đường, Taiwan, 2000, trang 337~339.

niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, nếu không có chính niệm vẫn không được chính niệm, tâm chưa được định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm vẫn không được chính niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Nhưng những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác”.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm sẽ được chính niệm, tâm chưa được định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng để ở, hoặc không có chính niệm liền được chính niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm thì liền được chính niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô

thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn’.

“Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải ở lại khu rừng này”.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm sẽ được chính niệm, tâm chưa định sẽ được định, chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa hết sẽ được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm vẫn không có chính niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa được giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm

vẫn không được chính niệm, tâm chưa được định tĩnh, vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn chưa chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như: áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn’.

“Tỳ-kheo quán như vậy rồi, phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay trong đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt”.

“Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm liền được chính niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Và những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Đã nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm liền được chính niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang,

các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn. Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy, ‘Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chính niệm liền được chính niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn’.

“Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung.¹³⁷

132. ‘Kinh Lại Tra Hòa La’

Khi ấy, vua Câu-lao-bà với Tôn giả Lại-tra-hòa-la cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Vua nói với Tôn giả Lại-tra-hòa-la: “Có phải ngài vì gia đình suy sụp mà xuất gia học đạo chăng? Nếu vì không có tài vật nên sống đời học đạo, thì này Lại-tra-hòa-la, trong nhà của Câu-lao-bà vương gia này có nhiều tài vật, tôi sẽ xuất tài vật cho Lại-tra-hòa-la, khuyên Lại-tra-hòa-la xả giới bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, tùy ý tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Lại-tra-hòa-la, giáo

137. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 107. Kinh Lâm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 855-858.

pháp của Tôn sư rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn”.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, nói rằng: “Đại vương nay bằng sự bất tịnh mời tôi, không phải bằng sự thanh tịnh mà mời”.¹³⁸

127. Tại sao đức Phật thọ ký đệ tử việc thọ sanh

77. ‘Kinh Sa Kê Đế Tam Tộc Tính Tử

Đức Thế Tôn bảo: “Này A-na-luật-đà, không phải vì xu hướng của người mà nói, cũng chẳng phải vì lừa gạt người, cũng chẳng phải vì muốn vui lòng người mà khi đệ tử lâm chung, Như Lai ghi nhận vị này sẽ sanh chỗ này, vị kia sanh chỗ kia. Này A-na-luật-đà, chỉ vì những thanh tín thiện nam hay thanh tín thiện nữ với tín tâm nhiệt thành, với ái lạc cao độ, với hỷ duyệt cùng cực, sau khi đã nghe Chính Pháp Luật, tâm nguyện tu tập theo như vậy, cho nên lúc lâm chung của các đệ tử, Như Lai đã ghi nhận vị này sanh chỗ này, vị kia sanh chỗ kia. Nếu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung nơi ấy, được Phật ghi nhận đã đắc cứu cánh trí, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Hoặc nhiều lần trông thấy, hoặc

138. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 132. Kinh Lại Tra Hòa La, Taiwan, 2000, trang 102.

nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: ‘Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy’. Tỳ-kheo kia nghe xong nhớ rằng Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Chính Pháp Luật này, Tỳ-kheo kia có thể tâm nguyện tu tập như vậy, như vậy. Nay A-na-luật-đà, Tỳ-kheo ấy chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái”.¹³⁹

128. Ma Ba Tuần khuyên Thế Tôn không nên trái ý Phạm Thiên

78. ‘Kinh Phạm Thiên Thỉnh Phật’

Đức Thế Tôn bảo: “Này Phạm thiên, cái không thường, ông bảo là thường; cái không hằng, ông bảo là hằng; cái không trường tồn, ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yếu, ông bảo là xuất yếu mà ngoài sự xuất yếu ấy, không còn xuất yếu nào khác nữa để có đấng Tối thắng, Tối diệu, Tối thượng. Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy! Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy!”

139. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 77. Kinh Sa Kê Đề Tam Tộc Tính Tử, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 611.

Lúc đó, có ma Ba-tuần ở trong chúng, ma Ba-tuần nói với Đức Thế Tôn rằng: “Này Tỳ-kheo, chớ nên trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Tỳ-kheo, nếu ông trái điều Phạm thiên nói, nghịch điều Phạm thiên nói thì, Tỳ-kheo, cũng như người gặp vận may mà lại xua đuổi đi. Lời Tỳ-kheo nói ra, lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Này Tỳ-kheo, nếu ông trái lời Phạm thiên, chống đối thuyết của Phạm thiên thì, Tỳ-kheo, cũng như người từ núi cao rơi xuống, tuy dang tay chân quờ quạng hư không nhưng không bám víu được gì. Lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Này Tỳ-kheo, nếu ông trái điều Phạm thiên nói, nghịch điều Phạm thiên nói thì, Tỳ-kheo, cũng như người từ trên cây cao rơi xuống, tuy dang tay chân quờ quạng lá cành nhưng chẳng bám víu được gì. Lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo, tôi bảo ông rằng ông chớ nên trái điều Phạm thiên nói, chớ nên nghịch điều Phạm thiên nói. Vì sao? Vì Phạm thiên là đáng Phước hựu, là Hóa công, là đáng Tối tôn, là đáng Năng tác, là đáng Sáng tạo, là Tổ phụ của tất cả chúng sanh đã sanh và sẽ sanh. Tất cả đều do Ngài sanh ra. Những gì Ngài biết là trọn biết, những gì Ngài thấy là trọn thấy”.¹⁴⁰

140. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh

129. 6 thông

80. ‘Kinh Ca Hi Na’

“Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, học chứng nghiệm Như ý túc trí thông.

“Này chư Hiền, tôi đã được vô lượng Như ý túc; đó là, phân một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một thời trụ một, có tri có kiến, không trở ngại bởi vách đá, chẳng khác nào đi giữa hư không, vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, ngồi kiết già mà bay lên không trung như chim bay. Ngay mặt trời này, mặt trăng này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tôi sờ bắt được, thân tôi cao đến Phạm thiên.

“Này chư Hiền, khi tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không tạp uế, không buồn phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi học chứng nghiệm Thiên nhĩ trí thông. Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhĩ nghe âm thanh loài người và không phải loài người, gần xa, hay và không hay.

“Này chư Hiền, khi tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được bất động tâm, tôi học chứng nghiệm Tha tâm trí thông. Này

chư Hiền, chúng sanh khác suy nghĩ, hành động, tôi dùng tha tâm trí biết được tâm của họ đúng như thật. Tâm có dục, tôi biết đúng như thật là tâm có dục. Tâm không dục, tôi cũng biết đúng như thật là tâm không dục. Nếu có giận, có nghi, không giận, không nghi, có ướ, không ướ, định tâm, tán loạn, cao thấp, lớn nhỏ, tu hay không tu, định hay không định, tôi đều biết đúng như thật. Không có tâm giải thoát, tôi biết không có tâm giải thoát. Có tâm giải thoát tôi cũng biết đúng như thật có tâm giải thoát.

“Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không ô ướ, không buồn phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi học Úc túc mạng trí thông. Này chư Hiền, có hạnh nghiệp, có tướng mạo, tôi đều nhớ xưa kia trải qua vô lượng, nào là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô số thành hoại kiếp. Chúng sanh đến đó, đã từng sanh chỗ đó, tên họ như vậy, danh tự như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ được vui như vậy, sống lâu như vậy, sống lâu rồi chết như vậy, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Tôi sanh chỗ này, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ như vậy, vui sướng như vậy, sống lâu như vậy, sống lâu rồi chết như vậy.

“Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh không ô ướ, không buồn phiền, nhu nhuyễn, khéo an trụ, được tâm bất động, tôi học Sanh tử trí thông. Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhãn thanh tịnh, nhìn xa hơn người, thấy chúng sanh này lúc chết lúc sanh, sắc đẹp sắc

xấu, vi diệu hoặc không vi diệu, qua lại chỗ thiện, chỗ bất thiện, tùy chỗ tạo nghiệp của chúng sanh này mà thấy họ đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, thì chúng sanh ấy, bởi nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về khẩu và diệu hạnh về ý, không phỉ báng Thánh nhân, chính kiến, thành tựu nghiệp chính kiến, thì chúng sanh ấy, bởi nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh lên cõi thiện, sanh lên thiên giới.

“Này chư Hiền, tôi với định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, bèn hướng đến sự tác chứng lậu tận trí thông. Tôi liền biết như thật rằng: ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Cũng biết như thật: ‘Đây là lậu’, ‘Đây là lậu tập’, ‘Đây là lậu diệt’, ‘Đây là lậu diệt đạo’. Tôi đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

...

“Này chư Hiền, như con voi lớn của vua, hoặc có bảy báu, hoặc giảm tám, lấy lá đa-la mà che đi, như tôi che phủ nơi lục thông này.

“Này chư Hiền, đối với sự chứng đắc của tôi về Như ý túc trí thông, nếu có gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này chư Hiền, đối với Thiên nhĩ thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này chư Hiền, đối với Tha tâm trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này chư Hiền, đối với Túc mạng ý thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này chư Hiền, đối với Sanh tử trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

“Này chư Hiền, đối với Lộ tận trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời”.¹⁴¹

130. Thế Tôn hiện thần thông

78. ‘Kinh Phạm Thiên Thịnh Phật’

Lúc ấy, Đức Phật nghĩ rằng: “Ta hãy như vậy mà hóa hiện như ý túc, phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi cùng khắp cõi trời Phạm thiên, rồi ẩn hình trong đó, khiến cho

141. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 80. Kinh Ca Hi Na, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 643~644.

Phạm thiên và quyền thuộc của Phạm thiên chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ta”.

Nghĩ xong, Đức Thế Tôn hiện như ý túc như vậy, phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi khắp cõi trời Phạm thiên. Phạm thiên và quyền thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ngài. Bảy giờ Phạm thiên và quyền thuộc mới nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Vì đã phóng hào quang chiếu sáng, chiếu rọi khắp cả trời Phạm thiên, rồi tự ẩn hình trong đó, khiến cho chúng ta chỉ được nghe tiếng mà không thấy hình”.¹⁴²

131. Thần thông là một trong 3 cách giáo dục của Phật

143. ‘Kinh Thương Ca La’

“Có ba thị hiện là, như ý túc thị hiện, chiêm niệm thị hiện, giáo huấn thị hiện.

“Ở đây, nếu có một Sa-môn, Phạm chí có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần, đối với như ý túc, tâm được tự tại, hành vô lượng công đức của như ý

142. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 78. Kinh Phạm Thiên Thịnh Phật, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 624.

túc như vậy; nghĩa là phân một làm thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Đây Ma-nạp, đó là thị hiện bằng như ý túc.

“Đây Ma-nạp, thế nào là chiêm niệm thị hiện? Hoặc có một Sa-môn, Phạm chí do nơi tướng trạng của người khác mà chiêm đoán được ý tưởng của họ, rằng: ‘Nó có ý nghĩ như thế này, nó có ý nghĩ như thế kia, nó thật sự có ý nghĩ’; vô lượng chiêm đoán thì không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viễn vông. Hoặc giả không do nơi tướng trạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, nhưng do nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân mà đoán biết được ý tưởng của người khác rằng: ‘Nó có ý nghĩ như thế này, nó có ý nghĩ như thế kia, thật sự nó có ý nghĩ như vậy’ vô lượng chiêm đoán, không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thiết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và các loài phi nhân, nhưng do tâm niệm của người khác, tâm tư của người khác, ngôn thuyết của người khác. Sau khi nghe tiếng rồi đoán biết

được ý tưởng của người khác rằng: ‘Nó có ý tưởng như thế này, nó có ý tưởng như thế kia, nó thật sự có ý tưởng như vậy’ vô lương chiêm nghiệm đoán, không ít chiêm đoán, nhưng tất cả thấy đều chắc thật, chứ không phải là những giả thuyết viễn vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không nghe tiếng của chư Thiên và loài phi nhân để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không do nơi tâm niệm của người khác, nhưng do nơi tâm tư, nơi ngôn thuyết của người khác để sau khi nghe rồi, đoán biết ý tưởng của người khác, nhưng do thấy người khác nhập vào định không giác không quán, sau khi thấy bèn nghĩ rằng: ‘Nhu Hiền giả này thì không có niệm, không có tư, sở nguyện như ý. Hiền giả kia ra khỏi định này với niệm như vậy. Vị ấy ra khỏi định này sẽ có tâm niệm như vậy, như vậy’. Người này cũng đoán biết việc quá khứ, cũng đoán biết việc tương lai, cũng đoán biết việc hiện tại, những điều được làm từ lâu, những điều được nói từ lâu, cũng đoán biết những nơi yên tĩnh, sống nơi yên tĩnh, cũng đoán biết tất cả pháp tâm và tâm sở hữu. Đó gọi là thiện bằng sự chiêm niệm.

“Này Ma-nạp, thế nào là giáo huấn thị hiện? Ở đây có một Sa-môn, Phạm chí tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần

làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Rồi vị ấy giảng thuyết lại cho người khác rằng: ‘Ta tự hành đạo như vậy, tích như vậy, và sau khi hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Rồi người đó cũng tự hành đạo như vậy, tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chúng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Rồi người đó cũng lại thuyết giảng cho người khác. Cứ như vậy... lần lượt truyền đi cho đến vô lượng trăm ngàn. Đây Ma-nạp, đó gọi là sự thị hiện bằng giáo huấn.¹⁴³

132. 4 vô lượng tâm

79. ‘Kinh Hữu Thắng Thiên’

“Thế nào là đại tâm giải thoát? Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở chỗ vô sự hoặc đến gốc cây, chỗ yên tịnh, y trên một gốc cây, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biên mãn, thành tựu an trụ, chỉ với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y trên

143. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 143. Kinh Thương Ca La, Taiwan, 2000, trang 230~232.

một cây, thì hãy y trên hai, hay ba gốc cây, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biển mãn, thành tựu an trú, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y trên hai, hay ba gốc cây thì hoặc y trên một khu rừng. Nếu không y trên một khu rừng thì hoặc y trên hai, ba khu rừng. Nếu không y trên hai, ba khu rừng, nên y trên một thôn. Nếu không y trên một thôn thì nên y trên hai, ba thôn. Nếu không y trên hai, ba thôn thì hoặc y trên một nước. Nếu không y trên một nước, thì nên y trên hai, ba nước. Nếu không y trên hai, ba nước thì hoặc y vào đại địa, cho đến đại hải, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biển mãn, thành tựu an trú, với giới hạn bằng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Đó là đại tâm giải thoát.

“Tài Chủ, thế nào là vô lượng tâm giải thoát? Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở chỗ vô sự, hoặc đến gốc cây, chỗ yên tịnh trồng trái, tâm đi đôi với từ, biển mãn một phương, thành tựu và an trú. Như vậy, hai, ba, bốn phương, trên dưới cùng khắp nơi, tâm đi đôi với từ, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biển mãn tất cả thế gian. Cũng như vậy, tâm đi đôi với hỷ, bi, xả, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biển mãn tất cả thế gian. Đó là vô lượng tâm giải thoát”¹⁴⁴.

144. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 79. Kinh Hữu Thắng Thiên, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 630.

133. Thời kỳ Trung A-hàm chư Tăng đã sống định cư, có phòng ốc

80. ‘Kinh Ca Hi Na’

Bấy giờ, Tôn giả A-nan khát thực, sau khi vào Xá-vệ, ăn xong, sau buổi trưa, rửa tay chân, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai, tay cầm chìa khóa cửa, đến khắp các phòng gặp các Tỳ-kheo, liền nói rằng:....¹⁴⁵

134. Thời đức Phật các Tỳ-kheo tự may y

80. ‘Kinh Ca Hi Na’

Bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan qua núi Sa-la-la nham, ngồi trước mặt chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy trong núi Sa-la-la nham có tám trăm Tỳ-kheo và Đức Thế Tôn cũng ngồi chung may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có trong chúng. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo: “Đại Mục-kiền-liên, Ta có thể vì A-na-luật-đà trải rộng khuôn khổ tám y, cắt rọc rời khâu may lại thành y”.

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai hữu, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà

145. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 80. Kinh Ca Hi Na, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 637.

bạch rằng: “Cúi mong Đức Thế Tôn trải rộng khuôn khổ tâm y, các vị Tỳ-kheo sẽ cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại thành y”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền vì Tôn giả A-na-luật-đà trải rộng khuôn khổ tâm y, các vị Tỳ-kheo cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại. Ngay trong ngày hôm ấy may xong ba y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Đức Thế Tôn lúc ấy biết ba y của Tôn giả A-na-luật-đà đã may xong, liền bảo rằng:...¹⁴⁶

135. Phóng dật là nhân của khổ đau

141. ‘Kinh Dụ’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như làm ruộng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới làm được ruộng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng

146. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 80. Kinh Ca Hi Na, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 638.

dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

“Cũng như hạt giống, các loại hạt giống, các loại thảo mộc, trăm giống lúa, cây thuốc được phát sanh, trưởng dưỡng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới được sanh trưởng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất”.¹⁴⁷

136. 4 thiền

157. ‘Kinh Hoàng Lô Viên’ (Xem 168. ‘Kinh Ý Hành’; 177. ‘Kinh Thuyết’)

“Này Phạm chí, Ta ôm cỏ khô đi đến cây Giác thọ, rãi cỏ xuống gốc cây, trải ni-sur-đàn lên mà ngồi kiết già, quyết ngồi ngay ngắn, thề cho đến khi dứt sạch các lậu mới thôi. Rồi Ta ngồi ngay ngắn cho đến khi dứt sạch các lậu. Sau khi ngồi ngay ngắn, Ta ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đạt được Thiền thứ nhất, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy

147. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 141. Kinh Dụ, Taiwan, 2000, trang 209~210.

giờ Ta chứng đắc Tâm tăng thượng thứ nhất, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên đến Niết-bàn.

“Lại nữa, này Phạm chí, sau khi Ta giác quán dứt sạch, bên trong tịch tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, đạt được Thiền thứ hai, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc Tâm tăng thượng thứ hai, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

“Lại nữa, này Phạm chí, Ta ly hỷ, ly dục, xả, vô cầu, an trú chính niệm, chính trí mà thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là Thánh xả, có niệm, an trụ lạc, đạt được Thiền thứ ba, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ chứng đắc Tâm tăng thượng thứ ba, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

“Lại nữa, này Phạm chí, Ta diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đạt được Thiền thứ tư, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc Tâm tăng thượng thứ tư, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng,

không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn khoái lạc, khiến lên Niết-bàn”.¹⁴⁸

137. 4 loại thiền khác nhau

176. ‘Kinh Hành Thiền’

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Trong thế gian quả thật có bốn loại hành thiền. Những gì là bốn? Hoặc (1) có hành thiền xí thanh mà gọi là suy thoái. Hoặc (2) có hành thiền suy thoái mà gọi là xí thanh. Hoặc (3) có hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Hoặc (4) có hành thiền xí thanh thì biết như thật là xí thanh.

(1) “Tại sao gọi là người hành thiền xí thanh mà cho là suy thoái?

“Người hành thiền kia ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ và lạc phát sanh do ly dục, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Tâm người đó tu tập chính tư duy, đang từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền đó lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định’. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng’.

148. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 157. Kinh Hoàng Lô Viên, Taiwan, 2000, trang 367.

Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền, giác và quán đã tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc phát sanh do định, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó gọi là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta lia bồn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định’. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền ly hỷ và dục, xả, an trụ vô cầu, chính niệm, chính trí mà thân có cảm giác lạc, điều được Thánh nói là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, từ đệ Tam thiền hướng đến đệ Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta lia bồn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định’. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị đó do không biết như

thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thành mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền định, khổ diệt, lạc diệt, hỷ và ưu vốn đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, từ đệ Tứ thiền hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định’. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tứ thiền hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thành mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu tướng, không tư duy bất cứ loại tướng nào, nhập vô lượng không, thành tựu an trụ nơi Vô lượng không xứ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, từ Vô lượng không hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta lia bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định’. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị đó do không biết như thật như vậy,

nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, thành tựu an trụ Vô lượng thức xứ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ: ‘Tâm ta lìa bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định’. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh mà nói là thoái chuyển vậy.

“Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả thức vô lượng xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, từ Vô sở hữu xứ hướng đến phi tướng phi vô tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ rằng: “Tâm ta lìa bốn tướng mà hướng đến chỗ khác, nên mất vô xứ Vô sở hữu xứ, diệt mất định”. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến phi tướng phi vô tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh mà nói là thoái chuyển vậy.

(2) “Thế nào là hành thiền suy thoái mà cho là xí thành?”

“Vị hành thiền ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Nhị thiền, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yểm ly mà nhập Sơ thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Nhị thiền. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền với giác và quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Tam thiền. Nhưng vị ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yểm ly mà nhập Nhị thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Tam thiền. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thành.

“Vị hành thiền ly hỷ, ly dục, xả, an trụ vô cầu, chính niệm, chính trí mà thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm an trụ lạc, chứng đệ Tam thiền, thành tựu và an trụ. Vị ấy tư duy trong những tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Tứ thiền. Nhưng vị ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yếm ly mà nhập Tam thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Tứ thiền. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng không xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Tứ thiền hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yếm ly mà nhập Tứ thiền, nhưng không nên bằng tư duy về những tưởng hạn hẹp khác mà vào Vô lượng không xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không tư duy bất cứ loại tướng nào, nhập vô lượng không, chúng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng thức xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yếm ly mà nhập Vô lượng không xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Vô lượng thức xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền vượt qua Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chúng Vô lượng thức xứ ấy, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tư tướng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tướng tương ưng với yếm ly mà nhập Vô lượng thức xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào Vô sở hữu xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thành.

“Lại nữa, vị hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng hạn hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, nhưng vị ấy lại nghĩ rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với yếm ly mà nhập Vô sở hữu xứ, nhưng không nên bằng tư duy về những tướng hạn hẹp khác mà vào đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thịnh.

(3) “Thế nào là hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái?

“Vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, chứng Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trụ, nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Vô sở hữu xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Phi hữu tướng phi vô tướng xứ; diệt định vậy’. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ ấy, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ung Vô lượng thức xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô sở hữu xứ; diệt định vậy’. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ung Vô lượng không xứ, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy bèn nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng thức xứ; diệt định vậy’. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả các sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không suy niệm bất cứ loại tướng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm

tương tương ưng sự ái lạc sắc, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ; diệt định vậy’. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tương ưng đệ Tam thiên, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất đệ Tứ thiên; diệt định vậy’. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly hỷ, ly dục, xả, an trụ vô cầu, chính niệm, chính trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi được Thánh xả, niệm, an trú lạc trụ, chứng đệ Tam thiên, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tương ưng đệ Nhị thiên, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất đệ Tam thiên; diệt định’. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý,

không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, giác và quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, mà chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng Sơ thiền, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất đệ Nhị thiền; diệt định’. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Nhưng vị ấy không chấp thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên niệm tưởng tương ưng sự ái lạc dục, bèn thối thất trở lại đó. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Tâm ta lìa khỏi bốn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Sơ thiền, diệt định vậy’. Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thoái ý, không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

(4) “Thế nào là hành thiền mà xí thành thì biết như thật là xí thành?”

“Vị hành thiền ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Sơ thiền hướng đến đệ Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị ấy bèn nghĩ rằng: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy ly hỷ, ly dục, xả, vô cầu, an trụ, chính niệm, chính trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, an trụ lạc trụ, chứng đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tam thiền hướng đến Tứ thiền, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi

từ Tam thiên hướng đến Tứ thiên, đó là tịch tịnh thù thắng'. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh thì biết như thật là xí thanh.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tứ thiên hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Tứ thiên hướng đến Vô lượng không xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh thì biết như thật là xí thanh.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không tư duy bất cứ loại tướng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh thì biết như thật là xí thanh.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ ấy,

thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rời từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rời từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh thì biết như thật là xí thanh.

“Lại nữa, vị hành thiền ấy vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Tâm vị ấy tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rời từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng. Vị hành thiền ấy bèn nghĩ như vậy: ‘Tâm ta tu tập chính tư duy, khoái lạc tịch tịnh, rời từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, đó là tịch tịnh thù thắng’. Vị ấy biết như thật rồi bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Hành thiền như vậy là xí thanh thì biết như thật là xí thanh.¹⁴⁹

149. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 176. Kinh Hành Thiền, Taiwan, 2000, trang 525~533.

138. Pháp môn tu tập Tứ niệm xứ

98. ‘Kinh Niệm Xứ’

“Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chính pháp. Đó là Bốn niệm xứ.

“Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm triền cái, tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chính trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chính tận.

“Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác ở vị lai cũng đều đoạn trừ năm triền cái là thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chính trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ.

“Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Ta cũng đều đoạn trừ năm triền cái làm tâm ô uế, tuệ yếu kém. Ta cũng lập tâm chính trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chính tận.

“Bốn niệm xứ là những gì? Đó là, quán thân như thân, quán thọ như thọ, quán tâm như tâm và quán pháp như pháp.

“Thế nào gọi là niệm xứ **quán thân như thân**?

“Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đi, đứng thì biết mình đứng, ngồi thì biết mình ngồi, nằm thì biết mình nằm,

ngủ thì biết mình ngủ, thức thì biết mình thức, ngủ say thì biết mình ngủ say. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo biết rõ chính xác khi vào lúc ra, khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng, nghi dung chững chạc, khéo khoác tăng-già-lê và cầm bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ chính xác. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân....

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo-niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra. Thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài. Thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thân hành tĩnh chỉ thở vào, học khẩu hành tĩnh chỉ thở ra. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân....

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh, ‘trong

thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu'. Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng, 'đây là hạt lúa, hạt gạo, kia là hạt cải, cỏ, rau'; cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh: 'Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo quán sát giới trong thân rằng: 'Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới'. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn; cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: 'Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới'. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm

tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu, hay đã được chôn lấp, đang bị rửa nát hư hoại. Quán rồi tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, rửa nát gần hết, xương vãi khắp đất. Quán rồi tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’, Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, da, thịt, máu, huyết tiêu cả, chỉ còn xương dính gân. Quán rồi tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm,

cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng trong nghĩa địa thấy xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rời tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân; Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát bể vụn. Quán rời tự so sánh: ‘Thân ta rời cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Tỳ-kheo khéo giữ tướng trạng tu quán, khéo nhớ điều niệm, cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thân như thân như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thân như thân.

“Thế nào gọi là niệm xứ **quán thọ như thọ**? Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc, khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ, khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khổ khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thọ như thọ, quán ngoại thọ như thọ, lập niệm tại thọ, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

“Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thọ như thọ như vậy, gọi là niệm xứ quán thọ như thọ.

“Thế nào gọi là niệm xứ **quán tâm như tâm**? Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có ô uế hay không ô uế, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn; tụ hay không tụ, định hay không định,

giải thoát hay không giải thoát. Cũng như vậy, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát; có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán nội tâm như tâm, lập niệm tại tâm, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy là Tỳ-kheo quán tâm như tâm.

“Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm xứ quán tâm như tâm.

“Thế nào gọi là niệm xứ **quán pháp như pháp**? Khi con mắt duyên sắc, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết; bên trong thật không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết. Nội kết chưa sanh, bây giờ sanh, biết đúng như thật. Nội kết đã sanh và được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết, nội kết chưa sanh bây giờ sanh; biết đúng như thật nội kết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán sáu xứ bên trong...”¹⁵⁰

150. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 98. Kinh Niệm Xứ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 783-789.

139. Tu tập pháp môn niệm thân

81. ‘Kinh Niệm Thân’

Đức Phật nói: “Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đang đi, đứng thì biết mình đang đứng, ngồi thì biết mình đang ngồi, nằm thì biết mình đang nằm, ngủ thì biết mình đang ngủ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo biết rõ mình khi vào, khi ra, khéo quán sát phân biệt, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngược; nghi dung chững chạc, khoác Tăng-già-lê ngay ngắn và ôm bát chỉnh tề; đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ như thực. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện, liền bằng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng thẳng lên thân cây, rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy,

Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên trên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu mang đi khắp nơi, tự do đánh đập; cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo-niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào; niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra; thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài; thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thở vào thân hành tĩnh chỉ, học thở ra khẩu hành tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành

ting tấn, đoạn trừ các tai họa của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như người hầu tắm, bỏ bột tắm đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai họa của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi trong sạch không nhơ, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào một cách tự nhiên, tức thì đầy suối nước tự phun lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như

thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, cọng, hoa, lá đều nhuần thấm, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo ở trong thân này biến mãn với tâm thanh tịnh, ý cởi mở, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, không chỗ nào là không phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, biến mãn với tâm thanh tịnh, ý cởi mở, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn.

Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo-niệm quang minh tướng, khéo thọ, khéo trì, nhớ rõ điều niệm; như phía trước, phía sau cũng vậy; như phía sau, phía trước cũng vậy; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy, tâm không điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tâm tu quang minh, không khi nào còn bị bóng đen che lấp. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán sát tướng, khéo tiếp thu, khéo ghi nhớ, khéo được tư niệm bởi ý. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán sát tướng, khéo tiếp thu, khéo ghi nhớ, khéo được tư niệm bởi ý. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh. Tức là, trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm giải, nước tiểu. Như một cái bồn chứa đủ loại hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng, ‘Đây là hạt lúa, gạo; kia là hạt cải, củ, rau’. Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh. Tức là, trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm giải, nước tiểu. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: ‘Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới’. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: ‘Trong thân này của ta có địa giới, thủy

giới, hòa giới, phong giới, không giới, thức giới’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán xác chết mới chết, từ một, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ, điều bươi mỏ, sài lang cấu xé; hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, đang bị rữa nát hư hoại. Quán sát rồi, tự so sánh: ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt sặc xanh, rữa nát, bị chim thú ăn một nửa, xương cốt nằm rải rác trên mặt đất. Tỳ-kheo thấy rồi, tự so sánh, ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa, thân chết không còn da thịt, máu, mà chỉ còn gân nối liền với xương. Thấy rồi, tự so sánh, ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mát khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Thấy rồi tự so sánh, ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bẻ vụn. Thấy rồi tự so sánh, ‘Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi’. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật.

Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai họa của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân”.¹⁵¹

140. Quán bất tịnh

139. ‘Kinh Túc Chi Đạo’

Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới thành tựu giới hãy thường xuyên đi đến một nghĩa địa mà quán sát các tướng trạng tử thi: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng bộ xương khô. Vị ấy sau khi ghi nhận kỹ những tướng trạng tử thi này rồi trở về trụ xứ của mình, rửa sạch tay chân, trải ni-sur-đàn trên giường, ngồi kiết già và suy niệm về các tướng trạng này: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng những đốt xương dính liền. Vì sao vậy? Nếu Tỳ-kheo tu tập bằng các tướng trạng này sẽ đoạn trừ nhanh chóng những bệnh tham dục, sân nhuế trong tâm.”¹⁵²

151. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 81. Kinh Niệm Thân, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 650~656.

152. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 139. Kinh Túc Chi Đạo, Taiwan, 2000, trang 203.

141. Các Tỳ-kheo tranh luận về lời Phật dạy

82. ‘Kinh Chi Li Di Hê’

Bấy giờ một số đông các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, có ít việc cần làm nên tụ họp ngồi ở giảng đường để quyết định sự tranh luận. Tức là bàn luận những vấn đề về pháp luật, về lời Phật dạy. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử (Pāli: Citta-Hathisāriputta) cũng hiện diện trong chúng.

Trong khi một số đông các Tỳ-kheo đang bàn luận những vấn đề về Pháp Luật, về lời Phật dạy, thì ngay trong lúc đang bàn luận ấy, Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử không đợi cho các Tỳ-kheo nói pháp xong, mà cứ nói xen ào vào, lại không có thái độ cung kính, không quan sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão.¹⁵³

153. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 82. Kinh Chi Ly Di Lê, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 661.

142. Nguyên tắc tham gia thảo luận Phật pháp

82. ‘Kinh Chi Li Di Hê’

Trong khi một số đông các Tỳ-kheo đang bàn luận những vấn đề về Pháp Luật, về lời Phật dạy, thì ngay trong lúc đang bàn luận ấy, Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử không đợi cho các Tỳ-kheo nói pháp xong, mà cứ nói xen ào vào, lại không có thái độ cung kính, không quan sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Câu-hi-la (Pāli: Mahā-kotthika) cũng có mặt trong chúng, nói với Tỳ-kheo Chát-đa-la Tượng Tử rằng: “Hiền giả nên biết, trong khi một số đông Tỳ-kheo đang nói những vấn đề về Pháp Luật và về lời Phật dạy này, thì Hiền giả chớ nói xen vào ở khoảng giữa. Đợi các Tỳ-kheo nói xong, nhiên hậu Hiền giả mới nói. Hiền giả hãy có thái độ cung kính và quán sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão. Chớ đem sự không cung kính, không khéo quán sát để thưa hỏi các ngài”.¹⁵⁴

154. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 82. Kinh Chi Ly Di Lê, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 661.

119. ‘Kinh Thuyết Xứ’

Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Ở đây có ba thuyết xứ, chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó nói mà nói rằng: ‘Ta thấy, nghe, hiểu, biết’, Tỳ-kheo nói mà nói rằng: ‘Đây là điều tôi biết’.

“Những gì là ba? Tỳ-kheo nhân vấn đề quá khứ nói mà nói như vậy: ‘Trong thời quá khứ có’. Tỳ-kheo nhân vấn đề vị lai nói mà nói như vậy: ‘Trong thời vị lai có’. Tỳ-kheo nhân vấn đề hiện tại nói mà nói như vậy: ‘Trong thời hiện tại có’.

“Đó gọi là ba thuyết xứ chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó nói mà nói rằng: ‘Ta thấy, nghe, hiểu biết’. Tỳ-kheo nói mà nói rằng: ‘Đây là điều tôi biết’. Do điều được thuyết, khéo tập được nghĩa, do không thuyết, không khéo tập được nghĩa.

“Hiền Thánh đệ tử với hai tai nhất tâm nghe pháp. Vị ấy sau khi với hai tai nhất tâm nghe pháp, đoạn một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc một pháp. Vị ấy sau khi đã đoạn được một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc một pháp rồi, liền được chính định. Hiền Thánh đệ tử sau khi đã được chính định, liền đoạn trừ hết tất cả dâm, nộ, si. Như vậy là Hiền Thánh đệ tử chứng đắc tâm giải thoát, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh của ta đã dứt,

phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Do điều được nói nên có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này với câu hỏi xác quyết mà không trả lời xác quyết, với câu hỏi phân biệt mà không trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà không trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà không trả lời xả trí. Như vậy, Hiền giả này không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận.

“Nếu Hiền giả này với câu hỏi xác quyết mà trả lời xác quyết, với câu hỏi phân biệt mà trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà trả lời xả trí. Như vậy, Hiền giả này có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận.

“Lại nữa, do điều được nói nên lại có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này không an trụ trên xứ phi xứ, không an trụ trên sở tri, không an trụ trên thuyết dụ, không an trụ trên đạo tích; như vậy thì Hiền giả này không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận.

“Nếu Hiền giả này an trụ trên xứ phi xứ, an trụ trên sở tri, an trụ trên thuyết dụ, an trụ trên đạo tích; như vậy thì Hiền giả này có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận.

“Do điều được nói, với (1) lời nói trầm tĩnh, (2) xả bỏ sở kiến của mình, (3) xả bỏ ý kết oán, (4) xả bỏ tham dục, (5) xả bỏ sân nhuế, (6) xả bỏ si ám, (7) xả bỏ kiêu mạn, (8) xả bỏ bất ngữ, (9) xả bỏ tật đố, (10) không háo thắng, (11) không ép người, (12) không chấp chặt khuyết điểm, (13) nói nghĩa nói pháp. Sau khi nói nghĩa nói pháp, khuyên dạy, rồi lại khuyên dạy cho bỏ, tự mình hoan hỷ, khiến người kia cùng hoan hỷ. Thuyết nghĩa như vậy, thuyết sự như vậy, là Thánh thuyết nghĩa, là Thánh thuyết sự; nghĩa là đã cứu cánh tận diệt hết lậu.”¹⁵⁵

143. Chế trách người dua nịnh

82. ‘Kinh Chi Li Di Hê’

“Này chư Hiền, nếu không biết tâm của kẻ khác thì đừng vội nói là người ấy xứng đáng hay không xứng đáng. Lý do vì sao? Vì hoặc có một người lúc ở trước Đức Thế Tôn và trước các bậc phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão, khả tầm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người ấy khéo léo thủ hộ, nhưng sau đó, khi không còn ở trước Đức Thế Tôn và trước các bậc phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tầm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch

155. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 119. Kinh Thuyết Xứ, Taiwan, 2000, trang 13~15.

y tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo”.¹⁵⁶

87. ‘Kinh Uế Phẩm’

“Cũng như thế, Tôn giả Xá-lê Tử, nếu như có kẻ đua nịnh, dối trá, ganh tị, không tín, giải đãi, không chính niệm, không chính trí, không định, không tuệ, tâm nó cuồng mê, không giữ các căn, không tu hạnh Sa-môn, không hiểu biết phân biệt; Tôn giả Xá-lê Tử vì biết tâm của nó nên nói pháp này.

“Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có người không đua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, có tấn, không giải đãi, có chính niệm, chính trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, giữ gìn các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo thì người ấy nghe Tôn giả Xá-lê Tử nói pháp giống như kẻ đói muốn được ăn, khát muốn được uống, tức thì được ăn và uống như ý vậy”.¹⁵⁷

156. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 82. Kinh Chi Ly Di Lê, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 662.

157. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 87. Kinh Uế Phẩm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 715.

144. Phương pháp trừ bệnh buồn ngủ

83. ‘Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên’

“Này Đại Mục-kiền-liên, ngươi đang đắm trước thụy miên. Này Đại Mục-kiền-liên, ngươi đang đắm trước thụy miên.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn: “Quả thật vậy, bạch Đức Thế Tôn”.

Phật lại nói: “Này Đại Mục-kiền-liên, nếu như sở tướng nào gây buồn ngủ, ngươi chớ tu tập tướng ấy và cũng đừng phát triển nó. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, quảng bá và tụng đọc. Như vậy thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, rồi diễn rộng ra cho người khác nghe. Như vậy thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, tâm suy niệm, tâm suy tư. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy dùng hai tay day hai lỗ tai. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của người không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và dội ướt thân thể. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của người không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, xem khắp bốn phương, ngược nhìn các vì sao. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của người không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, đến khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, thủ hộ các căn, tâm an trụ bên trong, khởi hậu tiền tướng. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của người không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy, trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già. Như vậy, thụy miên mới có thể được diệt trừ.

“Nếu thụy miên của người không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy trở vào thất, gấp tư y Ưu-đa-la-tăng, trải trên giường, gấp Tăng-già-lê làm gối, nằm hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi minh tướng, lập chính niệm chính trí và luôn luôn khởi ý tưởng muốn trôi dạt. Này Đại Mục-kiền-liên, đừng ham lạc thú giường nệm, đừng ham lạc thú ngủ nghỉ, đừng ham tài lợi, đừng đắm trước danh dự”.¹⁵⁸

158. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 83. Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 669-671.

145. Những vấn đề cần tránh khi thuyết pháp

83. ‘Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên’

“Này Đại Mục-kiền-liên, khi người thuyết pháp, đừng vì tranh luận. Nếu có tranh luận thì có nhiều lời, nhân nhiều lời mà có trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

“Này Đại Mục-kiền-liên, khi người thuyết pháp đừng nói to, nói mạnh, như sư tử. Này Đại Mục-kiền-liên, khi người thuyết pháp hãy hạ ý mà thuyết pháp, không ráng sức, tiêu diệt sức, dẹp bỏ sức, hãy thuyết pháp bằng sự không dùng cường lực, như sư tử”.¹⁵⁹

146. Pháp chân nhân và pháp không chân nhân

85. ‘Kinh Chân Nhân’

“Ta sẽ nói cho các người nghe về pháp chân nhân, và pháp không phải chân nhân (Pāli: Sappurisa-dhamma). Hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm”.

Các Tỳ-kheo thọ giáo lắng nghe.

159. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 83. Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 672.

Phật nói: “Thế nào là pháp không phải chân nhân? Ở đây có một người thuộc dòng dõi hào quý, xuất gia học đạo và những người khác thì không như vậy. Người ấy nhân vì dòng dõi hào quý mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải nhân bởi dòng dõi hào quý mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không phải dòng dõi hào quý mà xuất gia học đạo, thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng đến pháp và thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người đoạn chính, khả ái, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì mình đoạn chính, khả ái mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do vẻ đoạn chính khả ái này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không đoạn chính khả ái nhưng thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó được cúng dường cung kính’. Như vậy vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có một người hùng biện, luận giỏi, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì hùng biện, luận giỏi mà quý mình khinh người.

Đó gọi là điều của kẻ không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do tài hùng biện, luận giỏi này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặ có người nào đó không có tài hùng biện, luận giỏi, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thứ hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặ có người thuộc hàng Trưởng lão, quen biết với vua, nổi tiếng với mọi người và có đại phước, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì là Trưởng lão, vì quen biết với vua, vì nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do Trưởng lão, không phải do quen biết với vua, nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặ có người nào đó không phải là Trưởng lão, không quen biết với vua, không nổi tiếng với mọi người và cũng không có đại phước, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thứ hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặ có người tụng kinh, trì luật, học A-tỳ-đàm, thuộc lâu A-hàm, học nhiều kinh sách, người khác

không được như vậy. Người kia nhân vì thuộc lâu A-hàm, học nhiều kinh sách nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do thuộc lâu A-hàm, học nhiều kinh sách mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không thuộc lâu A-hàm, cũng không học nhiều kinh sách, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người mặc y phẩn tảo, nhiếp ba pháp phục, trì y bất mạn, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì trì y bất mạn nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do trì y bất mạn này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không trì y bất mạn nhưng thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người thường đi khát thực, cơm chỉ ngang bằng năm thặng, chỉ khát thực hạn cuộc nơi bảy nhà, chỉ ăn một bữa, quá giờ ngộ không uống nước trái cây, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì quá giờ ngộ không uống nước trái cây mà quý

mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp thượng nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do sự quá giờ ngộ không uống nước trái cây này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không dứt bỏ sự quá giờ ngộ uống nước trái cây, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người ở chỗ rừng vắng sơn lâm, dưới gốc cây, hoặc ở núi cao hay nơi đất trống, hoặc nơi gò mả, hoặc có thể biết thời; người khác không được như vậy. Người kia nhân vì biết thời mà quý mình khinh người. Đó không phải là pháp chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do sự biết thời này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không biết thời nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người vừa được Sơ thiên; người kia nhân vì được Sơ thiên mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Về Sơ thiên, Đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kế chấp thì gọi là ái vậy. Do đó

người ấy được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự cúng đấng pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Lại nữa, hoặc có người được đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền; được Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì được phi hữu tướng phi vô tướng xứ nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Phi hữu tướng phi vô tướng, Đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kẻ chấp thì gọi đó là ái, do đó người ấy được cúng dường cung kính’. Như vậy, vị này thú hưởng sự cúng đấng pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

“Các người hãy nhận biết pháp chân nhân và pháp không phải chân nhân. Sau khi biết được pháp thượng nhân và pháp không phải chân nhân rồi, hãy dứt bỏ pháp không phải chân nhân và hãy học pháp chân nhân”.¹⁶⁰

160. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 85. Kinh Chân Nhân, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 679~682.

147. Uẩn, xứ, giới

86. ‘Kinh Thuyết Xứ’ (Cần tham khảo kinh số 163. ‘Kinh Phân Biệt Sáu Xứ’)

Đức Thế Tôn bảo rằng: “A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm thủ uẩn: sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Nay A-nan, năm thủ uẩn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm thủ uẩn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu nội xứ: nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. A-nan, sáu nội xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu nội xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu ngoại xứ: sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. A-nan, sáu ngoại xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu ngoại xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. A-nan, sáu thức thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên

thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu thức thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh”.¹⁶¹

163. ‘Kinh Phân Biệt Sáu Xứ’

Đức Phật, bảo rằng: “Này các thầy Tỳ-kheo, sáu xứ, nên biết, là bên trong vậy; sáu xúc xứ nên biết bên trong; mười tám ý hành nên biết bên trong; ba mươi sáu đạo kiếm nên biết bên trong. Trong đó đoạn trừ cái kia, thành tựu cái này, vô lượng thuyết pháp nên biết bên trong. Có ba ý chỉ, là những điều mà bậc Thánh phải tu tập. Sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng, đó là bậc Vô thượng Điều ngự con người, là điều ngự người thú hướng tất cả phương”. Như vậy là phân biệt lục xứ.

“Nói rằng: ‘Sáu xứ nên biết bên trong’, do nhơn gì mà nói như thế? Đó là xứ là mắt; xứ là tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nói rằng ‘sáu xứ nên biết bên trong’ là nhơn đó mà nói.

“Nói rằng: ‘Sáu xúc xứ nên biết bên trong’, do nhơn gì mà nói như vậy? Đó là xúc con mắt thì thấy sắc, xúc lỗ tai thì nghe tiếng, xúc của mũi thì ngửi mùi, xúc của lưỡi thì nếm vị, xúc của thân thì cảm giác, xúc bởi ý thì biết

161. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 86. Kinh Thuyết Xứ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 686.

pháp. Nói rằng: ‘Sáu xúc xú nên biết bên trong’ là hơn đó mà nói”.¹⁶²

164. ‘Kinh Phân Biệt Quán Pháp’

“Này chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói: “Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn? – Chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo con mắt thấy sắc, thức ăn tướng của sắc, thức đắm trước vị lạc của tướng của sắc, thức bị trói buộc bởi vị lạc của tướng của sắc; vị ấy bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên hướng ra ngoài, bị phân rải, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý vị ấy nhận thức pháp, thức chạy theo pháp tướng, thức đắm trước vị lạc của pháp tướng, thức bị trói buộc bởi vị lạc của pháp tướng, vị ấy bị vị của vị ngọt của pháp tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn.

“Này Chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn.

“Này chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn?

“Này chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đắm trước lạc

162. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 163. Kinh Phân Biệt Lục Xúc, Taiwan, 2000, trang 423~424.

của sắc tướng, thức không bị trói buộc bởi lạc của sắc tướng, vị ấy không bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý Tỳ-kheo nhận thức pháp, thức không chạy theo pháp tướng, thức không đắm trước lạc của pháp tướng, thức không bị trói buộc bởi lạc của pháp tướng. Vị ấy không bị vị ngọt của pháp tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị chi phối, tán loạn”.¹⁶³

148. 4 quả Sa môn

86. ‘Kinh Thuyết Xứ’

“A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn quả Sa-môn, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, tối thượng A-la-hán quả. A-nan, bốn quả Sa-môn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn quả Sa-môn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh”.¹⁶⁴

163. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 164. Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Taiwan, 2000, trang 433~434.

164. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 86. Kinh Thuyết Xứ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 691.

149. Người ô ứ và người không ô ứ

87. ‘Kinh Uế phẩm’

Tôn giả Xá-lê Tử nói với các thầy Tỳ-kheo: “Này chư Hiền, thế gian có bốn hạng người. Những gì là bốn? Hoặc có một hạng người bên trong thật có ô ứ mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô ứ. Hoặc có một hạng người bên trong thật có ô ứ nhưng tự biết, biết như thật bên trong có ô ứ. Hoặc có một hạng người bên trong thật không có ô ứ mà không tự biết, không tự biết bên trong thật không có ô ứ. Hoặc có một hạng người bên trong thật không có ô ứ và tự biết, biết như thật bên trong thật không có ô ứ.

“Chư Hiền, nếu một người bên trong thật có ô ứ mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô ứ, thì trong loài người, người này là tối hạ tiện.

Nếu một người bên trong thật có ô ứ nhưng tự biết như thật, biết như thật bên trong thật có ô ứ, thì trong loài người, người này là tối thắng. Nếu có một người bên trong thật không có ô ứ mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật không có ô ứ, thì trong loài người, người này là tối hạ tiện.

Nếu có một người bên trong thật không có ô ứ mà tự biết, biết như thật bên trong thật không có ô ứ, thì trong loài người, người này là tối thắng”.

Lúc ấy, có một thầy Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lê

Tử bạch rằng: “Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, vì nhân gì, duyên gì mà hai hạng người trước đều có ô uế, tâm ô uế, mà một người được nói là tối hạ tiện và một người được coi là tối thắng? Và do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người sau không có ô uế, không làm ô uế tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện và một người được coi là tối thắng?”

Khi đó, Tôn giả Xá-lê Tử trả lời vị Tỳ-kheo kia rằng:

“Hiền giả, nếu có một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có ô uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không cầu phương tiện, không tinh cần học. Người ấy khi mạng chung, với ô uế làm ô uế tâm, do mạng chung với ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Vì người ấy do mạng chung với ô uế làm ô uế tâm.

“Này Hiền giả, cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi dơ làm dơ. Người ấy mang về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, cũng không phơi nắng, lại để chỗ nhiều bụi bặm nên đồng càng dính thêm bụi bặm dơ. Hiền giả, cũng vậy, nếu có một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có ô uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không cầu phương tiện, không tinh cần học, nó mạng chung với sự ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với sự ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh

vào chỗ bất thiện. Vì sao? Bởi vì nó mạng chung với ô uế làm ô uế tâm.

“Này Hiền giả, nếu có một người biết như thật rằng: ‘Trong ta có ô uế, trong ta quả thật có ô uế này’, thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ ô uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm.

“Này Hiền giả, cũng như có người từ chợ, quán, hoặc từ nhà người làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi bặm làm dơ bẩn. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi bặm, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng và không để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu có một người biết như thật rằng: ‘Trong ta có ô uế; trong ta quả thật có ô uế này’, thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ ô uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm.

“Hiền giả, nếu một người không biết như thật rằng: ‘Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này’, thì nên biết người ấy không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những

pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm.

“Hiền giả, cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng, mua về một cái mâm đồng không có bụi dơ. Người ấy mang mâm về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, không thường phơi nắng, để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng chắc chắn dính bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người không biết như thật rằng: ‘Trong ta không có ô uế; trong ta thật không có ô uế này’, thì nên biết, người kia không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Nó chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm.

“Hiền giả, nếu một người biết như thật rằng: ‘Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này’, thì nên biết, người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết

an lành, sanh vào nẻo thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có ô úế, không làm ô úế tâm.

“Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng không có bụi dơ, sạch bóng. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng, không để chỗ bụi bặm. Như vậy, cái mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng: ‘Trong ta không có ô úế; trong ta quả thật không có ô úế này’, thì nên biết người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có ô úế, không làm ô úế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô úế, không làm ô úế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có ô úế, không làm ô úế tâm.

“Hiền giả, do nhân này, duyên này mà hai hạng người trước mặc dù đều có ô úế làm ô úế tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện, và một người được coi là tối thắng. Và cũng do nhân này, duyên này mà hai hạng người sau mặc dù đều không có ô úế, không làm ô úế tâm, nhưng một người được nói là tối hạ tiện, và một người được coi là tối thắng”.

.....

Bạch Tôn giả Xá-lê Tử, Ngài nói ô uế; những gì là ô uế?”

Tôn giả Xá-lê Tử đáp rằng: “Này Hiền giả, vô lượng pháp ác bất thiện từ dục mà sanh, đó là ô uế. Vì sao? giả sử có một người tâm sanh ước muốn như vậy, ‘Ta đã phạm giới, mong rằng người khác đừng biết ta phạm giới’. Hiền giả, nhưng có người khác biết nó phạm giới, bởi vì người khác biết nó phạm giới, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy, ‘Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ kín đáo, chứ đừng quở trách ta phạm giới ở trong chúng’. ...

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy, ‘Ta đã phạm giới, mong rằng bị người hơn mình trách mắng, chứ đừng bị người kém mình trách mắng ta phạm giới’. ...

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy: ‘Mong rằng ta ngồi trước mặt Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, chứ không phải vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Đức Thế Tôn thưa hỏi Đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe’....

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy: ‘Lúc các Tỳ-kheo vào làng, mong rằng ta đi trước

nhất, các Tỳ-kheo theo sau ta mà vào làng, đừng để một Tỳ-kheo nào khác mà khi các Tỳ-kheo vào làng đi trước nhất, và các Tỳ-kheo đi theo sau mà vào’. ...

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy, ‘Khi các Tỳ-kheo đã vào trong, thì mong rằng ta ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác mà khi các Tỳ-kheo đã vào trong lại ngồi chỗ cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất’....

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy: ‘Các Tỳ-kheo ăn xong, sau khi thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; đừng có Tỳ-kheo nào khác sau khi các Tỳ-kheo ăn xong thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ’....

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy: ‘Khi các cư sĩ đi đến chúng viên, mong rằng ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận, đừng có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến chúng viên cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ’....

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy: ‘Mong rằng ta được nhà vua quen biết, được các Đại thần, Phạm chí, cư sĩ và nhân dân trong nước biết đến và kính trọng’. ...

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy: ‘Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kính trọng’....

“Hiền giả, giả sử có người tâm sanh ước muốn như vậy: ‘Mong ta được các dụng cụ sanh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, đừng có Tỳ-kheo nào được các dụng cụ sanh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang’. Nay Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sanh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang. Do bởi có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sanh hoạt như: quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện”.¹⁶⁵

150. Ví dụ tấm gương

89. ‘Kinh Tỳ-kheo Thỉnh’

Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không thể vui mừng. Do đó mong cầu đoạn trừ dục.

165. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 87. Kinh Uê Phẩm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 703~709.

“Này chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết mình không có ác dục, niệm dục tức thì vui mừng, rằng: ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý’, cho nên vui mừng.

“Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì vui mừng rằng: ‘Mặt ta sạch’, nên vui mừng. Chư Hiền, cũng như vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không vui mừng và mong cầu đoạn trừ dục. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có ác dục, niệm dục thì vui mừng rằng: ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý’ nên vui mừng. Cũng như thế, ta nhiễm và hành nhiễm hay không nhiễm và hành nhiễm? Có ý phú tàng hay không có ý phú tàng? Lường gạt dối trá hay không lường gạt dối trá? Xan tham tật đố hay không xan tham tật đố? Vô tà vô quý hay không vô tà vô quý? Sân tộ ác ý hay không sân tộ ác ý? Nói lời phẫn nộ hay không nói lời phẫn nộ? Ha trách Tỳ-kheo ha trách hay không ha trách Tỳ-kheo ha trách? Ha trách Tỳ-kheo khinh mạn hay không ha trách Tỳ-kheo khinh mạn? Ha trách Tỳ-kheo phát lồ hay không ha trách Tỳ-kheo phát lồ? Nói lãn ngoài đề để tránh né hay không nói lãn ngoài đề để tránh né? Che giấu và hờn giận hay không che giấu và hờn giận? Thù ghét phùng phục hay không

thù ghét phùng phục? Bằng hữu ác và đồng bọn ác hay không bằng hữu ác và đồng bọn ác? Vong ân không biết ân hay không vong ân không biết ân? Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ‘ta có vong ân không biết ân’ thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng: ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý’, cho nên vui mừng.

“Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì được vui mừng rằng: ‘Mặt ta sạch sẽ’, cho nên vui mừng. Chư Hiền, cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo mà biết được ta có vong ân không biết ân, thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng: ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học tôn pháp’, cho nên vui mừng. Do vui mừng cho nên có hỷ, nhân hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên được cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên được định tâm.

“Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử do định tâm nên thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên được yểm ly, do yểm ly nên được vô dục, do vô dục nên được giải thoát, do giải thoát mà được tri giải thoát, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm

hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh’.”¹⁶⁶

151. Tứ tướng trong kinh A-hàm

91. ‘Kinh Chu Na Vấn Kiến’

“Bạch Thế Tôn, trong đời, các kiến chấp phát sanh và phát sanh, tức các chủ trương có thân ngã (Pāli: attā), có chúng sanh (satta), có nhân (puggala), có thọ (āyu), có mạng (jīva), có thế gian (loka) . Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly và khiến cho các tà kiến khác không tiếp diễn, không bị chấp thủ?”

Bấy giờ Thế Tôn nói rằng: “Chu-na, trong đời, các kiến chấp phát sanh và phát sanh, tức các chủ trương có thân ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng, có thế gian. Chu-na, nếu muốn các pháp diệt tận không dư, thì phải biết như vậy, thấy như vậy mới có thể khiến cho các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly và khiến cho các kiến chấp khác không tiếp diễn, không bị chấp, hãy học pháp tiệm giảm”.¹⁶⁷

166. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 89. Kinh Tỳ Kheo Thịnh, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 728~729.

167. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 91. Kinh Chu Na Vấn Kiến, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 735.

152. Phiền não khác nhau phải dùng phương pháp khác nhau để đoạn trừ

92. ‘Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ’

Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: “Hoặc có pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ. Hoặc có pháp do nơi miệng mà diệt, không do nơi thân mà diệt. Hoặc có pháp không do nơi thân và miệng diệt trừ nhưng do tuệ kiến để diệt trừ.

“Thế nào là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng diệt trừ? Tỳ-kheo có thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, dễ dính trước nơi thân, các thầy Tỳ-kheo thấy vậy khiển trách Tỳ-kheo ấy rằng: ‘Hiền giả, thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi thân? Hiền giả, nên bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện’. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ.

“Thế nào là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ? Tỳ-kheo khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ và dính trước nơi miệng. Các thầy Tỳ-kheo thấy vậy quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: ‘Hiền giả, khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi miệng? Hiền giả, nên bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện’. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ khẩu

hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ.

“Thế nào là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, nhưng chỉ do tuệ kiến để diệt trừ? Tham lam không từ thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Cũng như thế, tranh tụng, nhuế, hận, sân triền, phú kết, bồn sển, tật đố, lừa gạt, dua siểm, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến không do nơi thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Đó gọi là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ”.¹⁶⁸

153. Tu chỉ là sự kiểm tra lại tâm mình

110. ‘Kinh Tự Quán Tâm’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Nếu có Tỳ-kheo không thiện xảo quán tâm người khác, hãy thiện xảo tự quán sát tâm của chính mình. Nên học như vậy.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm? Tỳ-kheo nếu có quán này, chắc chắn được nhiều lợi ích. ‘Ta thường hành tham lam hay thường hành không tham lam? Ta thường hành tâm sân nhuế hay thường hành tâm không sân nhuế? Ta thường hành thù miên triền hay thường hành không thù miên triền? Ta thường hành trạo

168. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 92. Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dự, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 741~742.

hối, cống cao hay thường hành không trạo hối, cống cao? Ta thường hành nghi hoặc hay thường hành không nghi hoặc? Ta thường hành thân tránh hay thường hành không thân tránh? Ta thường hành tâm ô uế hay thường hành tâm không ô uế? Ta thường hành tín hay thường hành bất tín? Ta thường hành tinh tấn hay thường hành giải đãi? Ta thường hành suy niệm hay thường hành không suy niệm? Ta thường hành tâm định hay thường hành tâm không định? Ta thường hành ác tuệ hay thường hành không ác tuệ?’

“Nếu Tỳ-kheo khi quán liên biết, ‘Ta thường hành tham lam, tâm sân nhuế, thù miên triền, trạo hối, cống cao, nghi hoặc, thân tránh, tâm ô uế, bất tín, giải đãi, không suy niệm, không tâm định, thường hành ác tuệ’. Tỳ-kheo ấy muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chính niệm, chính trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển. Ví như bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chính niệm, chính trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển”.¹⁶⁹

169. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 110. Kinh Tự Quán Tâm (II), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 867~868.

154. Tu chỉ là sự thay đổi cách suy tư

101. ‘Kinh Tăng Thượng Tâm’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải thường xuyên suy niệm năm tướng. Thường xuyên niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm được tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

“Năm tướng đó là những gì? Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương ưng thiện, nêu sanh niệm bất thiện, vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

“Cũng như người thợ mộc hay học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác bất thiện không sanh nữa. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng

tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ nhất này. Do suy niệm tướng này, niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng, tương ưng với thiện, nếu sanh niệm bất thiện, Tỳ-kheo đó quán rằng: “Suy niệm ác này có tai họa, suy niệm này là bất thiện, suy niệm này là ám, suy niệm này bị người trí ghét, suy niệm này nếu đầy đủ thì không thể chứng đắc trí thông, không chứng đắc giác đạo, không chứng đắc Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện’. Vì Tỳ-kheo đó quán sự ác như vậy, niệm bất thiện sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi liền tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

“Như có người thiếu niên đẹp trai, khả ái, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp đẽ, lấy hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc khiến rất tinh khiết. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc xác người đã thâm xanh, sinh chướng, thối rữa, chảy nước dơ, đeo tròng vào cổ người ấy, người ấy liền ghét sự dơ bẩn nên không hỷ, không lạc. Tỳ-kheo cũng vậy, Tỳ-kheo quán rằng: ‘Niệm ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là ác, niệm này người trí ghét. Nếu đầy đủ niệm này thì không thể chứng đắc trí thông, không chứng đắc giác đạo, không chứng đắc Niết-bàn vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện’. Tỳ-kheo đã quán sự ác như vậy, niệm bất thiện đã sanh liền trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất,

đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, và khi quán niệm ác có tai họa mà lại sanh niệm bất thiện nữa, Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện. Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

“Nhu người có mắt, cảnh sắc nằm trong ánh sáng nhưng không muốn nhìn. Người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lánh thân đi, ý các người nghĩ sao, cảnh sắc nằm trong ánh sáng, người đó có thể cảm nhận được tướng dạng của sắc không?”

Đáp rằng: “Thưa không”.

“Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm

bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa cũng sanh niệm bất thiện, và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa cũng lại sanh niệm bất thiện; vì Tỳ-kheo đó vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, khiến không sanh niệm ác bất thiện. Khi đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần niệm ấy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định.

“Như có người đi đường, bước nhanh trên đường, người đó nghĩ rằng: ‘Tại sao ta đi nhanh? Giờ ta hãy đi chậm được chăng?’ Người đó liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: ‘Tại sao ta đi chậm mà chẳng đứng lại?’ Người đó liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: ‘Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chăng?’ Người đó liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: ‘Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chăng?’ Người đó liền nằm xuống. Như vậy là người đó đang thực hành pháp đình chỉ dần dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế. Đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy mà giảm dần niệm ấy để không sanh niệm ác bất thiện. Khi đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy, giảm dần niệm ấy, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt, niệm ác diệt rồi, tâm liền

được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải suy niệm luôn luôn tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng, tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa mà cũng sanh niệm bất thiện, khi không suy niệm về niệm ác cũng sanh tiếp niệm bất thiện, và khi phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, cũng lại sanh tiếp về niệm bất thiện nữa; Tỳ-kheo đó nên quán như vậy. Tỳ-kheo, vì nhân niệm này mà sanh niệm bất thiện, Tỳ-kheo đó liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm để tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm, khiến không niệm ác bất thiện.

“Khi vị Tỳ-kheo đó dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, nắm vững và hàng phục nó, Tỳ-kheo cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm để không sanh niệm ác bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được

tăng tướng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

“Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm thì cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

“Nếu Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà không sanh niệm ác, khi quán niệm ác có tai họa cũng không sanh niệm ác, khi không suy niệm về niệm đó cũng không sanh niệm ác, khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy cũng không sanh niệm ác, và khi dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm cũng lại không sanh niệm ác nữa, thì liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm”.¹⁷⁰

192. ‘Kinh Niệm’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Thuở xưa, khi chưa chứng quả giác ngộ Vô thượng chính tận, Ta nghĩ rằng: ‘Ta hãy chia các suy niệm làm hai phần, niệm dục,

170. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 101. Kinh Tăng Thượng Tâm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 809~813.

niệm nhuế, niệm hại làm một phần. Niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, làm một phần khác.’

“Sau đó, Ta liền chia các niệm làm hai phần, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, làm một phần. Niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, làm một phần khác.

“Ta thực hành như vậy. Sống viễn ly, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm dục, Ta liền biết là đang sanh niệm dục, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng: Hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn, nó liền tiêu diệt nhanh chóng.

“Nếu lại sanh niệm nhuế, niệm hại, Ta liền biết là đang sanh niệm nhuế, niệm hại, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng: Hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn, nó liền được tiêu diệt nhanh chóng.

“Khi sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ; sanh niệm nhuế, niệm hại cũng không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy rằng: Nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện. Ví như vào tháng cuối xuân, vì đã trồng lúa nên đất thả bò không được rộng. Người chăn bò thả bò nơi đầm ruộng, bò vào đất người, nó liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao vậy? Vì người chăn bò biết rằng nhân nơi đó mà có

lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói. Do đó, chặn bò cầm roi đến ngăn lại. Ta cũng như vậy, sanh niệm dục, không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tổng khứ. Sanh niệm nhuế, niệm hại cũng không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tổng khứ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

“Tỳ-kheo tùy theo sự tư duy, tùy theo sự suy niệm của mình mà tâm sanh ham thích trong đó”.¹⁷¹

155. Cứu cánh chỉ có một

103. ‘Kinh Sư Tử Hống’

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Phạm chí. Trong bất cứ chúng hội, các người hãy chân chính rống tiếng rống như sư tử vậy. Nay các Tỳ-kheo, nếu có người Dị học đến hỏi các người, ‘Này chư Hiền, các ông có hành gì, lực gì, trí gì mà các ông nói như vậy: ‘Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Phạm chí’”.

171. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 102. Kinh Niệm, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 815~816.

Trong bất cứ chúng hội các ông đều chân chính rỗng tiếng rỗng sự tử như vậy?”.

“Này các Tỳ-kheo, các người nên trả lời Dị học ấy như vậy: ‘Này chư Hiền, Đức Thế Tôn của tôi là bậc có trí, có kiến; là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, thuyết giảng bốn pháp. Nhân nơi bốn pháp này mà chúng tôi nói như vậy: ‘Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Phạm chí. Trong bất cứ chúng hội mà chúng tôi đều chân chính rỗng tiếng rỗng sự tử như vậy.’”

“Bốn pháp đó là những gì? Này chư Hiền, chúng tôi tin tưởng Đấng Tôn Sư, tin Pháp, tin sự thành mãn của giới đức, đồng đạo có ái kính, có phụng sự chân thành.

“Này chư Hiền, Đức Thế Tôn của chúng tôi là bậc có trí, có kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói như vậy: ‘Ở đây có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư. Ngoài ra không có Sa-môn, Phạm chí; Dị học hoàn toàn không có Sa-môn, Phạm chí. Trong bất cứ chúng hội chúng tôi đều chân chính rỗng tiếng rỗng sự tử như vậy.’”

“Này các Tỳ-kheo, nếu Dị học cũng có thể lại nói: ‘Này chư Hiền, chúng tôi cũng tin đấng Tôn sư, tức Tôn sư của chúng tôi; tin pháp, tức pháp của chúng tôi; tin sự thành mãn của giới đức, tức giới của chúng tôi; cũng ái

kính bạn đồng đạo, phụng sự chân thành, là bạn đồng đạo xuất gia và tại gia của chúng tôi. Nay chư Hiền, giữa hai lời nói này, của Sa-môn Cù-đàm và của chúng tôi, có gì hơn chẳng? Có ý gì chẳng? Có sai biệt gì chẳng?’ Thì này các Tỳ-kheo, các người nên hỏi Di học như vậy: ‘Nay chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều?’ Nay các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Nay chư Hiền, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhiều’. Thì này các Tỳ-kheo, các ông hỏi tiếp Di học: ‘Nay chư Hiền, người có dục mà được cứu cánh, hay người không có dục mới được cứu cánh?’ Nay các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy, ‘Nay chư Hiền, người không có dục mới được cứu cánh, không phải người có dục mà được cứu cánh’.

Thì này các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Di học, ‘Nay chư Hiền, người có nhuế mà được cứu cánh, hay người không có nhuế mà được cứu cánh?’ Nay các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Nay chư Hiền, người không có nhuế mà được cứu cánh, không phải người có nhuế mà được cứu cánh’. Nay các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Di học: ‘Nay chư Hiền, người có si mà được cứu cánh hay người không có si mà được cứu cánh?’ Nay các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Nay chư Hiền, người không có si mà được cứu cánh, không phải người có si mà được cứu cánh’. Thì này các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Di học: ‘Nay chư Hiền, người có ái, có thủ mà được cứu cánh, hay người không có ái, không có thủ

mà được cứu cánh?’ Nay các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Này chư Hiền, người không có ái, không có thù mà được cứu cánh, không phải người có ái, có thù mà được cứu cánh’. Thì nay các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Di học: ‘Này chư Hiền, người không có tuệ, không có thuyết tuệ mà được cứu cánh, hay người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mà được cứu cánh?’ Nay các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Này chư Hiền, người có tuệ, có thuyết tuệ mà được cứu cánh; không phải người không có tuệ, không thuyết tuệ mà được cứu cánh’. Thì nay các Tỳ-kheo, các người hãy hỏi tiếp Di học: ‘Này chư Hiền, người có tắng, có tránh mà được cứu cánh, hay người không có tắng có tránh mà được cứu cánh?’ Nay các Tỳ-kheo, nếu Di học trả lời như vậy: ‘Này chư Hiền, người không có tắng, không có tránh mà được cứu cánh; không phải người có tắng có tránh mà được cứu cánh’. Thì nay các Tỳ-kheo, các người hãy nói với Di học như vậy: ‘Này chư Hiền, như vậy là các ông nói có một cứu cánh, không phải nhiều cứu cánh’.

“Người không có dục mà được cứu cánh, không phải người có dục mà được cứu cánh. Người không có nhuế mà được cứu cánh, không phải người có nhuế mà được cứu cánh. Người không có si mà được cứu cánh, không phải người có si mà được cứu cánh. Người không có ái, không có thù được cứu cánh, không phải người có ái, có thù mà được cứu cánh. Người có tuệ, có thuyết tuệ mà được cứu cánh; không phải người không có tuệ, không có

thuyết tuệ mà được cứu cánh. Người không có tăng, không có tránh mà được cứu cánh; không phải người có tăng, có tránh mà được cứu cánh”.¹⁷²

156. Pháp tu của phái lõa thể.

104. ‘Kinh Ưu Đàm Bà La’

Đức Thế Tôn trả lời: “Này Vô Nhuê! Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xóc xĩa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời, không làm khách được chào đón, không làm khách được lưu, không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai, không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lằng xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm, hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống; hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được, và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến

172. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 103. Kinh Sứ Từ Hồng, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 821~824.

bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến chỗ vô sự, y nơi vô sự; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá, hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có soi lỗ, hoặc mặc da toàn soi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hỏm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm cỏ, lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn hựu Đại đức, chấp tay hướng về kia. Những sự như vậy thọ khổ vô lượng, học hạnh nóng bức”.¹⁷³

173. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 104. Kinh Ưu Đàm Bà La, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 830~832.

157. Đức Phật không cấm bất cứ điều gì, Ngài chỉ cấm những việc làm liên hệ đến tham sân và si

110. ‘Kinh Tự Quán Tâm’ (B)

“Ta nói, không được cất chứa tất cả y nhưng cũng nói được quyền cất chứa tất cả y áo. Loại y nào Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, y áo như vậy Ta nói không được cất chứa. Loại y nào Ta nói được quyền cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, y áo như vậy Ta nói được quyền cất chứa. Cũng như y áo, về uống ăn, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy.

“Ta nói không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được quen thân tất cả mọi người. Người thế nào mà Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, người như vậy Ta nói không được quen thân. Người thế nào mà Ta nói được quyền quen thân? Nếu quen thân người, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, người như vậy Ta nói được quyền quen thân.

“Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành và pháp không nên tập hành rồi, pháp không nên tập hành thì không tập hành,

pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện”.¹⁷⁴

158. ĐỀ-bà-đạt-đa sanh vào địa ngục

112. ‘Kinh A Nô Ba’

Đức Thế Tôn ngoảnh lại, hỏi: “A-nan, Đề-bà-đạt-đa vì phóng dật nên sẽ bị đọa lạc rất cực khổ, chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, ông có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Ta đã xác định Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt chăng?”¹⁷⁵

...

174. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 110. Kinh Tỳ Quán Tâm (II), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 868.

175. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 112. Kinh A Nô Ba, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 877.

159. Đi tìm lỗi cây

115. ‘Kinh Mật Hoàn Dụ’

“Này chư Hiền, ví như có người tìm lỗi cây. Vì muốn tìm lỗi cây nên người ấy cầm búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ đã thành rễ, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lỗi. Người ấy không đụng đến rễ, thân, cành, lỗi, mà chỉ đụng đến nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang ở đây mà chư Hiền lại bỏ Ngài đến tôi để hỏi nghĩa này. Vì sao vậy? Này chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn là Bạc có mắt, là Bạc có trí. Ngài là Pháp, là Bạc Pháp Chủ, là Pháp tướng, là Bạc nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó chư Hiền nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này, rằng: ‘Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa gì?’ Nếu như Đức Thế Tôn có nói gì thì chư Hiền hãy khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ”¹⁷⁶.

160. Sự kiện Cù Đàm Di xuất gia

116. ‘Kinh Cù Đàm Di’

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi một bên mà bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư

176. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 115. Kinh Mật Hoàn Dụ, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 894.

được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chính này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba: “Thôi! Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chính này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo’. Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, nguyện suốt đời tịnh tu phạm hạnh!”. Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản lần thứ ba, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái chân căng bết bùn, mình mảy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc. Tôn giả A-nan trông thấy Cù-đàm-di Đại Ái chân căng bết bùn, mình mảy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc, liền hỏi: “Cù-đàm-di, vì có gì mà chân căng bết bùn, mình mảy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc như vậy?”

Cù-đàm-di Đại Ái đáp: “Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chính này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo”.

Tôn giả A-nan nói: “Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến Đức Phật thưa hỏi việc này cho”.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bạch: “Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan”.

Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chính chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?”

Đức Thế Tôn nói: “Thôi! Thôi! A-nan, người chớ nên nghĩ rằng ‘Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chính này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo’. A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chính này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không tồn tại lâu dài. A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình này có được hưng thịnh lâu không?”

“Bạch Thế Tôn, không thể vậy”.

“Cũng vậy, này A-nan, nếu có nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chính này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài.

“A-nan, ví như trong ruộng lúa dế, ruộng lúa tẻ có sanh cỏ uest thì ruộng lúa kia chắc chắn bị hư hại. Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chính này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài”.

Tôn giả A-nan lại bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích. Vì sao? Vì sau khi thân mẫu Thế Tôn mất, Cù-đàm-di Đại Ái đã bảo dưỡng Đức Thế Tôn”.

Đức Thế Tôn nói: “Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta mất. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Cù-đàm-di Đại Ái nhiều lợi ích...”

Rồi, này A-nan, giả như người này cúng dường người kia y phục, ăn uống, tọa cụ, thuốc thang, các vật dụng cho cuộc sống, cho đến trọn đời, chẳng lẽ nào lại không được đền ơn.

“Này A-nan, Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, ví như người thợ đánh cá và đệ tử của người thợ đánh cá đắp đập ở khoảng nước sâu để giữ nước, không cho chảy ra ngoài; cũng vậy, này A-nan, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“Tám pháp đó là những gì?

(1). “A-nan, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ nhất. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

(2). “A-nan, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ hai. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

(3). “A-nan, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ ba. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

(4). “A-nan, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự kiện, thấy, nghe và nghĩ. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tư. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

(5). “A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ năm. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

(6). “A-nan, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ sáu. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

(7). “A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ bảy. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

(8). “A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tám. Nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

“A-nan, Ta đã vì nữ nhân tuyên bố tám pháp tôn sư này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. A-nan, nếu Cù-đàm-di Đại Ái phụng trì tám pháp tôn sư này thì được ở trong Pháp Luật chân chính mà xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni”.¹⁷⁷

177. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập III, Bộ A Hàm III, Kinh Trung A Hàm Số 1, 116. Kinh Cù Đàm Di, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, trang 900~904.

161. Bồ tát: Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo cùng Bồ tát

121. ‘Kinh Thỉnh Thỉnh’

Bấy giờ vào ngày mười lăm trong tháng, là ngày Đức Thế Tôn nói Tụng giải thoát vào giờ Tụ tứ (Pāli: Pavāranā). Ngài đến trước chúng Tỳ-kheo trải tọa cụ ngồi xuống rồi nói với các Tỳ-kheo: “Ta là Phạm Chí, đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu. Ta là Phạm Chí, sau khi đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu, thì các người là con chân chính của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các người là con chân chính của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp, thì các người hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau.”

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử cũng đang hiện diện trong chúng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lê Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai, sửa y, chấp tay hướng về Thế Tôn, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn vừa nói: ‘Ta là Phạm Chí đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu. Ta là Phạm Chí, sau khi đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu, thì các người là con chân chính của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các người là con chân chính của Ta, thọ sanh từ miệng,

hóa sanh từ pháp, thì các người hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau'. Bạch Thế Tôn, đối với những ai chưa điều ngự, Thế Tôn khiến cho điều ngự; những ai chưa tịch tĩnh, khiến cho tịch tĩnh; những ai chưa độ thoát, khiến cho độ thoát; những ai chưa giải thoát khiến cho giải thoát; những ai chưa tịch diệt, khiến cho tịch diệt, chưa đắc đạo khiến cho đắc đạo, chưa thi thiết phạm hạnh khiến cho thi thiết phạm hạnh. Thế Tôn là Bạc Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Đạo, Thuyết Đạo. Đệ tử của Thế Tôn sau đó được đắc pháp, lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách. Sau khi lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách sẽ vâng theo lời dạy của Thế Tôn mà nhất hướng tu hành, được tự tại như ý, khéo biết Chính pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì con đối với thân, khẩu, ý hành chăng?"

Khi ấy, Thế Tôn nói: "Này Xá-lê Tử, Ta không phiền gì đối với thân, khẩu, ý hành của thầy cả. Vì sao vậy? Này Xá-lê Tử, thầy là bậc thông tuệ, đại tuệ, túc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thân tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ. Này Xá-lê Tử, thầy đã thành tựu thật tuệ. Này Xá-lê Tử, ví như vua Chuyển luân vương có vị thái tử không trái phạm lời khuyên dạy, tất bái lãnh sự truyền thừa của phụ vương và sau này cũng có thể truyền thừa lại. Cũng vậy, này Xá-lê Tử, Ta chuyển vận pháp luân, thầy cũng có thể chuyển vận pháp luân. Này Xá-lê Tử, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của thầy."

Tôn giả Xá-lê Tử chấp tay hướng về Thế Tôn, thưa rằng: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân,

khẩu, ý hành của con; nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn có phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm thầy Tỳ-kheo chăng?”

Đức Thế Tôn nói: “Này Xá-lê Tử, Ta cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Này Xá-lê Tử, năm trăm Tỳ-kheo này đều đã chứng đắc vô trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã tận và đã đạt được thiện nghĩa, chính trí, chính giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo mà trước kia Ta đã thọ ký cho rằng: Ngay trong đời này sẽ chứng đắc cứu cánh trí, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Này Xá-lê Tử, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này.”

Tôn giả Xá-lê Tử ba lần lặp lại chấp tay hướng về Đức Thế Tôn thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con và cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này. Như vậy, bạch Thế Tôn, trong số năm trăm Tỳ-kheo này, có bao nhiêu thầy đã chứng đắc ba minh đạt? Bao nhiêu thầy đã chứng đắc câu giải thoát? Bao nhiêu thầy đã chứng đắc tuệ giải thoát?”

Thế Tôn nói: “Này Xá-lê Tử, trong số năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc ba minh đạt; chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc câu giải thoát; còn các

Tỳ-kheo kia đều chứng đắc tuệ giải thoát. Nay Xá-lê Tử, trong chúng này không có nhánh, không có cành lá, cũng không có đốt, mà chỉ có lõi chắc thật, thanh tịnh, đều đã chân chính trụ vị.”¹⁷⁸

162. Người mù dẫn người mù

152. ‘Kinh Anh Vũ’

Đức Thế Tôn nói: “Ví như một đám người mù dắt nhau, người trước không thấy người ở sau, cũng không thấy người ở giữa; người giữa không thấy người ở trước, cũng không thấy người ở sau; người ở sau không thấy người ở giữa, cũng không thấy người ở trước. Nay Ma-nạp, Ta nói các Phạm chí cũng như vậy. Nay Ma-nạp, trước người nói là do tin, sau đó người nói là do nghe.”¹⁷⁹

163. Tu tập như lên dây đàn

123. ‘Kinh Sa Môn Nhị Thập Úc’

Đức Thế Tôn nói: “Sa-môn, nay Ta hỏi người; hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý người nghĩ sao, khi

178. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 121. Kinh Thịnh Thịnh, Taiwan, 2000, trang 21~24.

179. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 12: Phẩm Phạm Chí (phần sau) - 152. Kinh Anh Vũ, Taiwan, 2000, trang 315.

ngươi sống tại gia, giỏi đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng đàn; có phải vậy chăng?”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc thưa: “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Thế Tôn lại hỏi: “Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn căng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp: “Bạch Thế Tôn, không!”

Đức Thế Tôn lại hỏi: “Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn chùng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa chăng?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp: “Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn lại hỏi: “Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn vừa phải, không căng quá, cũng không chùng quá, thì tiếng đàn có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp: “Bạch Thế Tôn, đáng ưa.”

Đức Thế Tôn nói: “Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy ngươi hãy phân biệt thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên buông lung.”¹⁸⁰

180. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 123. Kinh Sa Môn Nhị Thập Úc, Taiwan, 2000, trang 34~35.

164. Bát nạn

124. ‘Kinh Bát nạn’ (Tương đương Tăng Nhất 36, “phẩm Bát Nạn” kinh số 1.)

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Người tu phạm hạnh có tám nạn, tám phi thời. Những gì là tám?”

“Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào chốn địa ngục. Đó là nạn thứ nhất đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào loài súc sanh, vào loài ngựa quỳ, sanh vào cõi trời Trường thọ, sanh ở xứ biên địa mọi rợ, không tín, vô ân, không biết báo đáp, không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Đó là nạn thứ năm đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải,

Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh nhưng lại điếc, câm, ú ớ như dê kêu, dùng tay thay lời, không thể nói nghĩa thiện ác. Đó là nạn thứ sáu, việc phi thời thứ sáu đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện ác, nhưng lại có tà kiến và điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Không bố thí, không trai tỵ, không chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo của thiện ác, không có đời này đời khác, không cha không mẹ, ở đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tỵ tri, tỵ giác, tỵ tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ’. Đó là nạn thứ bảy đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện ở thế gian, cũng không

thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy lại sanh nhằm chôn vãn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác và có chính kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Có bố thí, có trai tỵ, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tỵ tri, tỵ giác, tỵ tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ’. Đó là nạn thứ tám, việc phi thời thứ tám đối với người tu phạm hạnh.

Người tu phạm hạnh có một điều không nạn, một việc đúng thời. Thế nào là một điều không nạn, một việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh? Lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy sanh nhằm chôn vãn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác, có chính kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Có bố thí, có trai tỵ, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tỵ tri, tỵ giác, tỵ tác

chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ’. Đó là điều không tai nạn, việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh.”¹⁸¹

165. 5 giới

128. ‘Kinh Ưu Bà Tắc’

“Này Xá-lê Tử, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử gìn giữ, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tầng thượng tâm, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được. Xá-lê Tử, thầy nên xác nhận rằng Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không còn sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến tới quả vị Chính giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa. Sau bảy lần qua lại cõi trời, nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau.

“Xá-lê Tử, thế nào là bạch y Thánh đệ tử khéo gìn giữ và thực hành năm pháp? Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sanh, vứt bỏ dao gậy, có tâm tầm quý, tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ nhất mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

181. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 124. Kinh Bát Nạn, Taiwan, 2000, trang 41~43.

“Lại nữa, này Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, dứt trừ việc lấy của không cho. Khi nào cho mới lấy, vui với việc cho mới lấy, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không mong đền trả, không tham lam, thấy tài vật của kẻ khác không lấy về mình. Người ấy đối với việc không cho mà lấy tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ hai mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm, dứt trừ tà dâm. Người nữ kia hoặc có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ, hoặc cả cha cả mẹ cùng giữ, hoặc anh em giữ, hoặc chị em giữ, hoặc gia nương giữ, hoặc thân tộc giữ, hoặc người cùng họ giữ, hoặc là vợ của người khác, hoặc có phật gậy, khủng bố, hoặc đã có ước hẹn bằng tài hóa, cho đến bằng một tràng hoa; đối với tất cả những người nữ ấy, không xâm phạm đến. Người ấy đối với tà dâm, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ ba mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa nói dối, dứt trừ nói dối; nói lời chân thật, ưa sự chân thật, an trụ nơi sự chân thật, không dòi dỏ sai chạy. Tất cả những lời nói đều đáng tin, không lừa dối thế gian. Người ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ tư mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử lìa rượu, bỏ rượu. Người ấy đối với việc uống rượu, tâm đã tịnh trừ.

Đó là pháp thứ năm mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo”.¹⁸²

166. 4 pháp tăng thượng tâm

128. ‘Kinh Ưu Bà Tắc’

Này Xá-lê Tử, thế nào là bạch y Thánh đệ tử được bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ chứ không phải khó được? Đó là bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu. Nhớ nghĩ Như Lai như vậy rồi, nếu có những ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử nương vào Như Lai, tâm tịnh được hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ nhất, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp chắc chắn đưa đến cứu cánh, không phiền, không nhiệt, hằng hữu, không di

182. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 128. Kinh Ưu Bà Tắc, Taiwan, 2000, trang 57~59.

động. Quán pháp như vậy, biết pháp như vậy, nhớ nghĩ pháp như vậy rồi nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử chuyên vào pháp, tâm tịnh được hỷ. Nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ hai.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử niệm chúng Tăng, Thánh chúng của Như Lai là những bậc thiện thú hướng, chính thú hướng, như lý hành, pháp tùy pháp hành, chúng ấy thật có A-la-hán hướng, A-la-hán quả, có A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, có Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, có Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả. Đó là bốn cặp tám bậc, là chúng của Như Lai thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng cúng, là ruộng phước an lành của thế gian. Người ấy nhớ nghĩ chúng của Như Lai như vậy, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử chuyên vào chúng của Như Lai, tâm được hoan hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ ba, hiện pháp lạc trú dễ được chứ không phải khó được.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử tự niệm tướng giới, giới này không sút mẻ, không rách nát, không ô uế, không cấu bẩn, vững như mặt đất, không hư vọng, đó là điều mà Đức Phật ngợi khen, thọ trì đầy đủ tốt đẹp. Người ấy tự nhớ nghĩ giới như vậy, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, sâu khổ, nhớp nhơ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào giới, tâm định được hỷ. Nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sâu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ tư, đối với hiện pháp lạc trú dễ được chứ không phải khó được”.¹⁸³

167. Sự bần cùng của người xuất gia

125. ‘Kinh Bần Cùng’

“Đó là, ở đời, người có tham dục lại bần cùng là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác mà khát mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi nợ là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ bắt trời là đại

183. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 128. Kinh Ưu Bà Tắc, Taiwan, 2000, trang 59~60.

bất hạnh. Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ cấm giới, không nghe nhiều, không bố thí, không trí tuệ; đối với thiện pháp, dù có nhiều kim ngân, lưu ly, thủy tinh, ma ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi xa cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyền châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo nàn cô thế. Như vậy, trong Thánh pháp của Ta, gọi là sự bần cùng, bất thiện”.¹⁸⁴

168. Lời khuyên của đức Phật dành cho người tại gia, sống trong gia đình

135. ‘Kinh Thiện Sanh’

Này con trai Cư sĩ, chúng sanh có bốn loại nghiệp, bốn loại ô uế. Những gì là bốn? Này con trai Cư sĩ, sát sanh là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh; lấy vật không được cho, tà dâm, vọng ngôn, là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh.”

“Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà bị nhiều tội lỗi. Bốn việc đó là gì? Đó là đi theo dục, đi theo sân hận, đi theo sợ hãi và đi theo ngu si.”

“Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà được nhiều phước. Bốn việc đó là gì? Đó là không đi theo dục,

184. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 125. Kinh Bản Cùng, Taiwan, 2000, trang 46.

không đi theo sân hận, không đi theo sợ hãi và không đi theo ngu si.”

“Này con trai Cư sĩ, kẻ mong cầu của cải nên biết sáu điều phi đạo. Sáu điều đó là gì? Một là với mọi chơi bời mà mong cầu tài vật là phi pháp. Hai là rong chơi không phải lúc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Ba là đam mê rượu chè mà mong cầu tài vật là phi pháp. Bốn là gần gũi ác tri thức mà mong cầu tài vật là phi pháp. Năm là đam mê kỹ nhạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Sáu là quen lười biếng mà mong cầu tài vật là phi pháp.

“Này con của vị Cư sĩ, với kẻ chơi bời bài bạc, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là, thắng thì sanh oán thù. Hai là, thua thì sanh xấu hổ. Ba là, mắc nợ thì ngủ không yên. Bốn là, khiến kẻ thù vui mừng. Năm là, khiến thân thuộc lo âu. Sáu là, nói giữa đám đông không ai tin dùng. Này con trai Cư sĩ, người chơi bài bạc thì làm việc không kinh doanh. Làm việc không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có được. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

“Này con trai Cư sĩ, với người rong chơi không phải lúc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là không tự giữ mình. Hai là không giữ gìn tài vật. Ba là không giữ gìn vợ con. Bốn là bị người nghi ngờ. Năm là sanh nhiều khổ họa. Sáu là bị người hủy báng. Này con trai Cư sĩ, người rong chơi không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không

kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

“Này con của vị Cư sĩ, với người đam mê rượu chè, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là tài sản hiện tại bị tổn thất. Hai là thân bị nhiều bệnh hoạn. Ba là đấu tranh càng tăng trưởng. Bốn là để lộ chỗ kín. Năm là tổn thất danh tiếng. Sáu là mất trí, thành ngu. Này con của vị Cư sĩ, người đam mê rượu thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

“Này con nhà Cư sĩ, người gàn gỏi tri thức ác, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là thân cận giặc cướp. Hai là thân cận kẻ lừa gạt. Ba là thân cận kẻ say sưa. Bốn là thân cận kẻ buông lung. Năm là tụ hội chơi bời. Sáu là lấy đó làm thân hữu, lấy đó làm bạn đồng hành. Này con nhà Cư sĩ, người gàn gỏi ác tri thức thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

Này con trai Cư sĩ, với người đam mê kỹ nhạc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là mê nghe ca. Hai là mê xem vũ. Ba là mê đánh nhạc. Bốn là mê xem lắc chuông. Năm là thích vỗ tay. Sáu là thích tụ

hội đồng người. Nay con nhà Cư sĩ, người đam mê kỹ nhạc không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

Này con nhà Cư sĩ, với người lười biếng, nên biết có sáu tai họa. Sáu món đó là gì? Một là quá sớm, không làm việc. Hai là quá trễ, không làm việc. Ba là quá lạnh, không làm việc. Bốn là quá nóng, không làm việc. Năm là quá no, không làm việc. Sáu là quá đói, không làm việc. Nay con nhà Cư sĩ, người lười biếng không phải lúc thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.”

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn hạng người không thân cận, tuồng như thân cận. Bốn hạng người đó là gì? Một là biết việc, thì chẳng phải thân cận in tuồng thân cận (Tuệ Sĩ: Pāli: aññadatthu-haro, hạng người vật gì cũng lầy. Hình như, trong bản Hán, aññad (khác) được hiểu là aññā(d) (biết); atthu, động từ khả năng cách: mong nó là; được hiểu là attha: sự việc.). Hai là trước mặt nói lời dịu ngọt, thì chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Ba là lời nói thì chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn là bạn đưa đến chỗ ác thì chẳng thân cận in tuồng như thân cận.”

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp nên người biết việc dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp ấy là gì? Một là do biết việc mà đoạt của. Hai là cho ít lấy nhiều. Ba là hoặc vì sợ mà làm. Bốn là hoặc vì lợi mà hùa theo.”

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp, trước mặt nói lời dịu ngọt, dù chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là bày ra những việc hay đẹp. Hai là xúi làm các việc ác. Ba là trước mặt ngợi khen. Bốn là sau lưng nói việc xấu.”

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp, ngôn ngữ dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là chấp nhận việc đã qua. Hai là bàn bạc việc ngày ma. Ba là dối trá không nói thật. Bốn là việc hiện tại thì hồng; nhận nói rằng ‘tôi sẽ làm’ nhưng không làm.”

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp bạn dẫn đến chỗ ác, dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là xúi các việc bài bạc. Hai là xúi đi rong chơi không phải thời. Ba là xúi uống rượu. Bốn là xúi thân cận kẻ ác.”

“Này con nhà Cư sĩ, nên biết, có bốn hạng bạn lành. Những gì là bốn? Một là cùng chịu khổ vui, nên biết đó là bạn lành. Hai là thương tưởng, nên biết đó là bạn lành. Ba là khuyên điều lợi, nên biết đó là bạn lành. Bốn là giúp đỡ, nên biết đó là bạn lành.”

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cùng khổ cùng vui. Bốn trường hợp đó là gì? Một là quên mình, vì bạn. Hai là quên tài sản vì bạn. Ba là quên vợ con vì bạn. Bốn là biết nghe lời.”

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà thương tưởng, nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là dạy cho diệu pháp. Hai là ngăn cấm ác pháp. Ba là khen ngợi trước mặt. Bốn là khước từ oán gia.”

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cầu lợi, nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là bộc lộ việc kín ra. Hai là không che giấu việc kín. Ba là được lợi nên vui mừng. Bốn là không được lợi, không buồn.”

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà giúp đỡ, nên biết bạn lành. Những gì là bốn? Một là biết bạn hết của cải. Hai là biết của cải hết, liền cung cấp vật. Ba là thấy buồn lung nên khuyên ngăn. Bốn là thường thương tưởng.”

“Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh, có sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như đối với phương Đông, con đối với cha mẹ cũng vậy. Người con phải có năm điều thờ kính, phụng dưỡng cha mẹ. Năm điều đó là gì? Một là tăng thêm của cải. Hai là cáng đáng mọi việc. Ba là dâng lên cha mẹ những gì người muốn. Bốn là không tự tác, không trái ý. Năm là tất cả vật riêng của mình đều

dâng hết cha mẹ. Người con làm năm việc như trên để phụng dưỡng, thờ kính cha mẹ.

“Cha mẹ cũng lấy năm việc để chăm sóc các con. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu con cái. Hai là cung cấp không thiếu. Ba là khiến con không mang nợ. Bốn là gả cưới xứng đáng. Năm là cha mẹ có của cải vừa ý đều giao hết cho con. Cha mẹ bằng năm điều ấy mà chăm sóc các con.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Đông có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Đông là giữa con và cha mẹ. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ hiếu với cha mẹ, chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Đông, phương Nam có hai trường hợp phân biệt. “Học trò đối với thầy nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì? Một là khéo cung kính vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ, hầu hạ. Ba là hăng hái. Bốn là nghề nghiệp giỏi. Năm là hay thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính, phụng dưỡng Sư trưởng.

“Sư trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì? Một là dạy cho nên nghề. Hai là dạy dỗ nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là đặt đệ ở những chỗ lành. Năm là gửi gắm bậc thiện tri thức. Sư trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Nam có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Nam là giữa học trò và thầy. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ thuận đối với Sư trưởng, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Tây, người chồng đối với vợ cũng vậy. Người chồng nên lấy năm việc mà yêu thương, cấp dưỡng vợ. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm việc để thương yêu, cấp dưỡng vợ.

“Người vợ phải lấy mười ba điều khéo léo kính trọng chồng. Mười ba điều ấy là gì? Một là thương yêu kính trọng chồng. Hai là cung phụng, kính trọng chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là trông nom các công việc. Năm là khéo tiếp đãi bà con. Sáu là trước mặt đưa mắt hầu đọi. Bảy là sau lưng thì cử chỉ yêu thương. Tám là lời nói thành thật. Chín là không khóa kín cửa phòng. Mười là thấy đến thì ca ngợi. Mười một là trải sẵn giường mà đọi. Mười hai là bày dọn đồ ăn uống ngon lành, sạch sẽ, dồi dào. Mười ba là cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Người vợ lấy mười ba việc ấy để khéo léo kính trọng chồng.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Tây có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Tây là giữa vợ với chồng. Này

con nhà Cư sĩ, nếu người từ mẫn với vợ, chắc có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Bắc, chủ nhà đối với tôi tớ cũng như vậy. Người chủ nhà nên lấy năm điều thương mến chu cấp cho tôi tớ. Năm điều ấy là gì? Một là tùy sức mà sai làm việc. Hai là tùy lúc mà cho ăn. Ba là tùy lúc cho uống. Bốn là hết ngày thì cho nghỉ. Năm là bệnh hoạn cho thuốc thang. Chủ nhà lấy năm việc trên mà thương xót cung cấp cho tôi tớ.

“Tôi tớ cũng nên lấy chín điều mà phụng sự chủ nhà. Chín điều ấy là gì? Một là tùy thời mà làm việc. Hai là chuyên tâm vào công việc. Ba là làm tất cả việc. Bốn là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Năm là sau lưng thì thương kính mà làm. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ hoạn nạn thì không bỏ đi. Tám là đi phương xa thì nên khen ngợi chủ. Chín là khen chủ nhà là dễ dãi. Tôi tớ lấy chín điều ấy khéo léo phụng sự chủ nhà.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Bắc có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Bắc là giữa chủ nhà và tôi tớ. Này con nhà Cư sĩ, nếu có người thương xót tôi tớ, chắn chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Dưới, bằng hữu đối với bằng hữu cũng vậy. Thân hữu nên lấy năm việc để ái kính cung cấp thân hữu. năm việc ấy là gì? Một là ái kính. Hai là không khinh mạn. Ba là không đối

gạt. Bốn là cho tặng đồ quý. Năm là tìm cách giúp đỡ. Thân hữu lấy năm việc trên để ái kính, cung cấp thân hữu.

“Thân hữu này cũng lấy năm việc để nhớ nghĩ đến thân hữu. Năm việc đó là gì? Một là biết của cải hết. Hai là khi biết của cải hết thì cung cấp của cải. Ba là thấy buồn lung thì khuyên răn. Bốn là thương nhớ. Năm là gặp hoạn nạn thì cho nương tựa. Thân hữu lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thân hữu.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy, phương Dưới có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh là thân hữu đối với thân hữu vậy. Này con nhà Cư sĩ, nếu người thương xót thân hữu, chắc chắn có sự tăng ích chứ không phải có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Trên, thí chủ đối với Sa-môn, Phạm chí cũng vậy. Thí chủ nên lấy năm điều để tôn kính, cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Năm điều đó là gì? Một là không đóng kín cửa. Hai là thấy đến thì tán thán. Ba là trải giường mà đợi. Bốn là làm các món ăn uống ngon sạch, dồi dào, mà cúng. Năm là đúng như pháp mà hộ trì. Người thí chủ lấy năm điều trên cung kính cúng dường Sa-môn, Phạm chí.

“Sa-môn, Phạm chí cũng lấy năm việc để khéo nhớ nghĩ đến thí chủ. Năm việc ấy là gì? Một là dạy cho có tín, hành tín và niệm tín. Hai là dạy các giới cấm. Ba là dạy nghe rộng. Bốn là dạy bố thí. Năm là dạy cho có tuệ,

hành tuệ và lập tuệ. Sa-môn, Phạm chí lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thí chủ.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Trên có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương trên là giữa thí chủ và Sa-môn, Phạm chí. Này con nhà Cư sĩ, nếu người nào tôn kính cúng dường Sa-môn, Phạm chí thì chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn nhiếp sự. Bốn việc ấy là gì? Một là huệ thí. Hai là lời nói khả ái. Ba là làm lợi cho người. Bốn là có lợi cùng chia.”¹⁸⁵

169. Tại gia: Người kiểm tài vật tối thượng

126. ‘Kinh Hành Dục’

Đức Thế Tôn dạy: “Này Cư sĩ, ở đời gồm có mười hạng người hành dục. Những gì là mười?”

“Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an

185. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 135. Kinh Thiện, Taiwan, 2000, trang 166~177.

vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu

của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Nhưng khi có của cải rồi lại bị đắm nhiễm, hệ lụy. Khi đã

bị hệ lụy, đắm nhiễm, không thấy được tai hoạn, không biết đến sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết được sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

“Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là thấp hèn nhất.

“Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được

lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối thượng.

“Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết sự xuất yếu khi tiêu dùng, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu”.¹⁸⁶

170. Hữu học và vô học

127. ‘Kinh Phước Điền’

Đức Thế Tôn dạy: “Này Cư sĩ, ở đời có hai hạng người phước điền. Những hạng người nào là hai? Một là hạng học nhân (Pāli: sekha), hai là hạng vô học nhân (Pāli: asekha).

“Hạng hữu học có mười tám, hạng vô học có chín.

186. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 126. Kinh Hành Dục, Taiwan, 2000, trang 51~53.

“Này Cư sĩ, mười tám hạng người hữu học là những ai? Là tín hành, pháp hành, tín giải thoát, kiến đảo, thân chứng, gia gia (Pāli: Kolankola), nhất chủng, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, trung Bát-Niết-bàn, sanh Bát-Niết-bàn, hành Bát-Niết-bàn, vô hành Bát-Niết-bàn, thượng lưu sắc cứu cánh (Pāli: uddhamsotakanittha-gāmī). Đó là mười tám hạng hữu học.

“Này Cư sĩ, chín hạng người vô học là những ai? Tu pháp, thăng tấn pháp, bất động pháp, thối pháp, bất thối pháp, hộ pháp, hộ tắc bất thối bất hộ tắc thối, thật trụ pháp, tuệ giải thoát, câu giải thoát. Đó là chín hạng vô học.”¹⁸⁷

171. 7 điều không tốt cho người có tâm nóng giận

129. ‘Kinh Oán Gia’

“Oán gia thì không muốn oán gia có sắc đẹp. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sắc đẹp? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không xả bỏ sân nhuế, thì người ấy tuy luôn tắm gội, dùng danh hương thoa mình, nhưng sắc thân vẫn xấu. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ

187. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 127. Kinh Phước Điền, Taiwan, 2000, trang 55~56.

sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ nhất gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành. Vì sao oán gia không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy tuy nằm trên giường vua, trải bằng thảm lông chim, phủ bằng gấm vóc lụa là, có nệm mềm, hai đầu kê gối, được phủ bằng thảm quý, bằng da sơn dương, nhưng giấc ngủ vẫn âu lo, đau khổ. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ hai để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn. Vì sao oán gia không muốn oán gia có lợi lớn? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy đáng lẽ được lợi, hai điều ấy không trái nhau, thật là bất lợi lớn. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ ba để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu. Vì sao oán gia không muốn oán gia có bằng hữu? Người hay sân nhuế bị tác động bởi tâm sân nhuế, bị chi phối bởi tâm sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy nếu có bằng hữu thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm

không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ tư để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sự khen ngợi? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy danh ô tiếng xấu đồn khắp. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ năm để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia quá giàu sang. Vì sao oán gia không muốn oán gia quá giàu sang? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy tạo nghiệp thân, khẩu, ý như vậy khiến mất nhiều tài vật. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ sáu để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn để oán gia khi thân hoại mạng chung được đến chỗ an lành, sanh ở cõi trời. Vì sao oán gia không muốn oán gia đến chỗ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thân khẩu ý tạo ác nghiệp. Người ấy sau khi thân, khẩu, ý tạo ác nghiệp, thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ bảy để

gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế”.¹⁸⁸

172. Tỳ-kheo bị cư sĩ đuổi ra khỏi chùa

130. ‘Kinh Giáo’

Bấy giờ, Tôn giả Đàm-di (Pāli: Dhammika thera), vị tôn trưởng địa phương làm chủ Phật-đồ (Pāli: sattasu āvāsesu), được mọi người tôn sùng, tính tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn thô lỗ, hay mắng nhiếc các vị Tỳ-kheo. Vì vậy, các vị Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn sống ở đó. Các Ưu-bà-tắc địa phương thấy các vị Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn ở đó, liền nghĩ rằng: “Các vị Tỳ-kheo địa phương này vì sao lại bỏ đi, không muốn sống ở đây?” Rồi các vị Ưu-bà-tắc địa phương nghe được rằng: “Tôn giả Đàm-di, vị tôn trưởng địa phương, làm chủ Phật-đồ, được mọi người tôn sùng, tính tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn thô lỗ, hay mắng nhiếc các Tỳ-kheo. Vì vậy các Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn sống ở đó.”

Các vị Ưu-bà-tắc nghe việc ấy rồi, liền cùng nhau kéo đến Tôn giả Đàm-di, xua đuổi ông ra khỏi các chùa địa phương.¹⁸⁹

188. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 129. Kinh Oán Gia, Taiwan, 2000, trang 63~65.

173. Thời kỳ A-hàm người Ấn đã dùng thuyền vượt ra biển cả

136. ‘Kinh Thương Nhân Cầu Tài’

Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Thuở xưa, tại châu Diêm-phù, có một số đông thương nhân cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn. Họ suy nghĩ như vậy: “Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình.”

Họ lại suy nghĩ rằng: “Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mững bè.”

Sau đó mỗi người trong bọn họ đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mững bè rồi đi vào biển cả.

“Khi họ đi vào biển cả, vua cá là Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Các thương nhân này mỗi người đều tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mững bè, rồi trôi đi về các phía”.¹⁹⁰

189. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 130. Kinh Giáo, Taiwan, 2000, trang 69~70.

190. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 136. Kinh Thương Nhân Cầu Tài, Taiwan, 2000, trang 181~182.

174. Phương tiện tìm phương hướng của người xưa khi đi biển

130. ‘Kinh Giáo’

Đàm-di, thưở xưa, ở châu Diêm-phù này có các thương nhân đi thuyền ra biển, mang theo con ó tìm bờ. Bọn người ấy ra biển chưa bao xa, họ thả con ó tìm bờ. Nếu con ó tìm bờ đến được bờ của biển cả, nó sẽ vĩnh viễn không trở lại thuyền. Nếu con ó tìm bờ không đến được bờ của biển cả, nó sẽ trở lại thuyền. Người cũng vậy, này Đàm-di, bởi vì người bị các Ưu-bà-tắc địa phương xưa đuổi ra khỏi các chùa địa phương nên người mới trở về chỗ Ta. Thôi, đủ rồi Đàm-di, còn cần gì phải nói điều đó nữa.¹⁹¹

175. Tuổi thọ càng ngày càng giảm, đời sống càng ngày càng túng thiếu là do lòng tham lam của con người

130. ‘Kinh Giáo’

Đức Thế Tôn dạy: “Này Đàm-di, thưở xưa, khi con người sống đến tám vạn tuổi. Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này cực kỳ giàu

191. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 130. Kinh Giáo, Taiwan, 2000, trang 70.

sang hạnh phúc, dân cư đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng một con gà bay.

“Khi con người sống đến tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, chỉ có các bệnh như vậy: đại tiện, tiểu tiện, lòng dục, ăn uống và già.

“Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, có một vị vua tên là Cao-la-bà, thông minh trí tuệ, làm Chuyển luân vương, có bốn loại binh chủng chinh trị thiên hạ; là Pháp vương hành theo chính pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu; đó là bảy báu. Có đủ một ngàn người con, tướng mạo đoan chính, dũng mãnh vô úy, có thể khuất phục mọi kẻ địch. Vua ấy thống lãnh tất cả cõi đất đai cho đến biển cả, không cai trị bằng đao gậy mà chỉ bằng chính pháp trị hóa, khiến được an ổn.

“Đàm-di, vua Cao-la-bà có một gốc cây tên là Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương. Đàm-di, Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có năm cành. Cành thứ nhất dành cho vua và hoàng hậu ăn. Cành thứ nhì dành cho thái tử và các quan ăn. Cành thứ ba dành cho nhân dân trong nước ăn. Cành thứ tư dành cho Sa-môn, Phạm chí ăn. Cành thứ năm dành cho cầm thú ăn. Đàm-di, quả của cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương lớn bằng cái hủ hai thăng, mùi vị như mật nguyên chất. Đàm-di, quả Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không ai canh giữ

mà cũng chẳng ai trộm cắp. Về sau có một người đói khát gầy còm, nhan sắc tiều tụy, muốn được ăn quả, nó đến cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương ăn quả rồi bẻ gãy cành cây hái quả đem về. Trên cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có một vị trời nương ở đó. Ông ấy nghĩ rằng: ‘Lạ thay, người ở châu Diêm-phù vô ân, không biết báo đáp. Vì sao? Vì nó ăn quả nơi cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương rồi bẻ gãy cành cây, hái quả đem về. Mong cho cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, không sanh quả nữa!’ Tức thì cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả.

“Rồi lại có một người đói khát, gầy còm, nhan sắc tiều tụy, muốn được ăn quả, đi đến cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả, tức thì đến vua Cao-la-bà tâu rằng: ‘Tâu Thiên vương, nên biết, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả nữa’.”¹⁹² ...

176. Chuyện ma quỷ

131. ‘Kinh Hàng Ma’

Lúc bấy giờ Đại Mục-kiên-liên đang coi việc dựng thiền thất cho Phật. Trong lúc Tôn giả đang kinh hành

192. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 130. Kinh Giáo, Taiwan, 2000, trang 71~73.

trên khoảng đất trống, bấy giờ Ma vương hóa hình nhỏ xíu, chui vào trong bụng của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ như vậy, “Bụng ta cảm thấy nặng, giống như đang ăn phải hạt đậu. Ta hãy nhập Như kỳ tượng định, bằng Như kỳ tượng định ta nhìn vào bụng xem.”

Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đi đến cuối đường kinh hành, trải Ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, nhập như kỳ tượng định, bằng như kỳ tượng định mà nhìn vào bụng mình, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thấy Ma vương đang ở trong đó. Tôn giả bèn ra khỏi định, nói với Ma vương: “Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiều Như Lai, cũng chớ xúc nhiều đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ.”¹⁹³

177. Ma Ba Tuần phá hoại Phật pháp

131. ‘Kinh Hàng Ma’

Này Ba-tuần, lúc ấy ác ma nghĩ rằng: ‘Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, bị tuyệt chủng, không con cái, học thiên, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét. Giống như con lừa trợn ngày mang

193. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 131. Kinh Hàng Ma, Taiwan, 2000, trang 79.

nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch, nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; Sa-môn thợ đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét’.

“Giống như con mèo ngồi rình bên hang chuột, vì muốn bắt chuột nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn thợ đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“Cũng giống như con cú mèo ở giữa đồng củi khô, vì muốn bắt chuột nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn thợ đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“Giống như con chim hạc ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn thợ đầu này bị da đen trói chặt, bị tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“Chúng dò xét cái gì? Dò xét với mục đích gì? Dò xét để mong cái gì? Chúng nó loạn trí, phát cuồng, bại hoại. Ta chẳng biết chúng nó ở đâu đến, cũng chẳng biết

chúng nó đi về đâu, chẳng biết chúng nó sống ở đâu, chẳng biết chúng nó chết như thế nào, sanh như thế nào? Ta hãy dạy bảo các Phạm chí, Cư sĩ rằng: ‘Người hãy đi đến mà chửi, mà đập, mà phá, mà rửa xả Sa-môn tinh tấn kia’. Vì sao vậy? Khi bị chửi, bị đập, bị phá, bị rửa xả, biết đâu chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ lợi dụng.

“Bấy giờ ác ma bèn xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí. Các Cư sĩ, Phạm chí ấy chửi, đập phá, rửa xả Sa-môn tinh tấn. Các Cư sĩ, Phạm chí ấy hoặc dùng cây đánh, hoặc lấy đá ném, hoặc vác gậy đập, có khi gây thương tích Sa-môn tinh tấn, có khi làm rách toạc áo, có khi làm bể bình bát. Bấy giờ trong số Cư sĩ Phạm chí ấy do nhân duyên này thân hoại mạng chung phải đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Chúng sanh vào đó rồi, suy nghĩ như vậy, ‘Ta phải thọ khổ này, lại phải thọ cực khổ hơn nữa. Vì có sao? Vì chúng ta đã đối xử tàn ác với Sa-môn tinh tấn vậy’”.

....

Này ma Ba-tuần, lúc đó ác ma lại nghĩ: ‘Bằng sự việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không thể được. Bấy giờ ta hãy xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí rằng: ‘Các người hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn’. Biết đâu do sự phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn, chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng’.

“Này ma Ba-tuần, các Cư sĩ, Phạm chí kia sau khi bị ác ma xúi dục, họ đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-

môn tinh tấn. Họ lấy áo trải lên mặt đất mà nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên mà đi. Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Hoặc có Phạm chí trải tóc lên mặt đất, nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên tóc mà đi. Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Hoặc có Cư sĩ, Phạm chí hai tay bung đủ các loại ẩm thực, đứng bên dưới đọi và nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin nhận vật thực này, xin cứ mang đi tùy ý mà thọ dụng, để cho tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Các Cư sĩ, Phạm chí thành tín thấy Sa-môn tinh tấn, cung kính bồng bế vào nhà, đem đủ thứ tài vật ra cho Sa-môn tinh tấn và nói rằng: ‘Xin thọ nhận cái này, xin thọ dụng cái này, xin mang cái này đi, tùy ý mà thọ dụng’. Lúc bấy giờ trong số các Cư sĩ, Phạm chí đó có người chết, do nhân duyên này thân hoại mạng chung được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh vào đó, họ bèn nghĩ ‘Ta đáng thọ hưởng sự an lạc này, lại sẽ thọ hưởng cực lạc hơn nữa. Vì sao thế? Vì chúng ta đã làm các việc lành với Sa-môn tinh tấn vậy’.

“Này ma Ba-tuần, đệ tử của Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đấng Chính Giác, sau khi được phụng kính, cúng dường, lễ sự, họ đi đến Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đấng Chính Giác. Lúc đó Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đấng Chính Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đệ tử vây quanh.

Khi Đức Giác-lich-câu-tuân-đại Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chính Giác trông thấy từ xa các đệ tử được phụng kính, cúng dường, lễ sự đang đi đến, thấy vậy, ngài bảo các Tỳ-kheo rằng: ‘Các người có thấy chăng? Ác ma xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí rằng: ‘Các người hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn’. Biết đâu do phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn, chúng sẽ nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng. Nay các Tỳ-kheo, các người hãy quán các hành vô thường, quán các pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán đoạn để cho bọn ác ma không thể lợi dụng’...”¹⁹⁴

178. Lễ lạy 6 phương và quan điểm của Phật đối với vấn đề này

135. ‘Kinh Thiện Sanh’

Khi người cha sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trôi trần, khéo dạy khéo quở rằng: “Này Thiện Sanh! Sau khi cha mất, con phải chấp tay mà lạy sáu phương rằng: ‘Ồ phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

194. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 131. Kinh Hàng Ma, Taiwan, 2000, trang 81~85.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Thiện Sanh, con trai Cư sĩ, nghe cha dạy xong, thưa rằng: “Con xin vâng theo lời cha dạy bảo.”

Sau khi cha mất, vào mỗi sáng sớm, Thiện Sanh tắm gội xong, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương: “Ồ phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”....

Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy, Ngài nói rằng: “Này con trai Cư sĩ, Ta nói có sáu phương, chớ không nói là không có. Này con trai Cư sĩ, nếu có người khéo phân biệt sáu phương, xa lìa những nghiệp ác bất thiện ở

bốn phương, người đó ngay trong đời này đáng được cung kính, tôn trọng. Sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ sanh đến thiện xứ, sanh vào cõi trời. Nay con trai Cư sĩ, chúng sanh có bốn loại nghiệp, bốn loại ô uế. Những gì là bốn? Nay con trai Cư sĩ, sát sanh là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh; lấy vật không được cho, tà dâm, vọng ngôn, là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh.”

“Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà bị nhiều tội lỗi. Bốn việc đó là gì? Đó là đi theo dục, đi theo sân hận, đi theo sợ hãi và đi theo ngu si”.

“Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà được nhiều phước. Bốn việc đó là gì? Đó là không đi theo dục, không đi theo sân hận, không đi theo sợ hãi và không đi theo ngu si.”

“Này con trai Cư sĩ, kẻ mong cầu của cải nên biết sáu điều phi đạo. Sáu điều đó là gì? Một là với mọi chơi bời mà mong cầu tài vật là phi pháp. Hai là rong chơi không phải lúc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Ba là đam mê rượu chè mà mong cầu tài vật là phi pháp. Bốn là gần gũi ác tri thức mà mong cầu tài vật là phi pháp. Năm là đam mê kỹ nhạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Sáu là quen lười biếng mà mong cầu tài vật là phi pháp.

....

“Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh, có sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như đối với phương Đông, con đối với cha mẹ cũng vậy. Người con phải có năm điều thờ kính, phụng dưỡng cha mẹ. Năm điều đó là gì? Một là tăng thêm của cải. Hai là cáng đáng mọi việc. Ba là dâng lên cha mẹ những gì người muốn. Bốn là không tự tác, không trái ý. Năm là tất cả vật riêng của mình đều dâng hết cha mẹ. Người con làm năm việc như trên để phụng dưỡng, thờ kính cha mẹ.

“Cha mẹ cũng lấy năm việc để chăm sóc các con. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu con cái. Hai là cung cấp không thiếu. Ba là khiến con không mang nợ. Bốn là gả cưới xứng đáng. Năm là cha mẹ có của cải vừa ý đều giao hết cho con. Cha mẹ bằng năm điều ấy mà chăm sóc các con.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Đông có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Đông là giữa con và cha mẹ. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ hiếu với cha mẹ, chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Đông, phương Nam có hai trường hợp phân biệt. “Học trò đối với thầy nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì? Một là khéo cung kính vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ, hầu hạ. Ba là hăng hái. Bốn là nghề nghiệp giỏi. Năm là hay thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính, phụng dưỡng Sư trưởng.

“Su trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì? Một là dạy cho nên nghề. Hai là dạy dỗ nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là đặt đê ở những chỗ lành. Năm là gửi gắm bậc thiện tri thức. Su trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Nam có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Nam là giữa học trò và thầy. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ thuận đối với Su trưởng, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Tây, người chồng đối với vợ cũng vậy. Người chồng nên lấy năm việc mà yêu thương, cấp dưỡng vợ. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm việc để thương yêu, cấp dưỡng vợ.

“Người vợ phải lấy mười ba điều khéo léo kính thuận chồng. Mười ba điều ấy là gì? Một là thương yêu kính trọng chồng. Hai là cung phụng, kính trọng chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là trông nom các công việc. Năm là khéo tiếp đãi bà con. Sáu là trước mặt đưa mắt hầu đợi. Bảy là sau lưng thì cử chỉ yêu thương. Tám là lời nói thành thật. Chín là không khóa kín cửa phòng. Mười là thấy đến thì ca ngợi. Mười một là trải sẵn giường mà đợi. Mười hai là bày dọn đồ ăn uống

ngon lành, sạch sẽ, dồi dào. Mười ba là cúng dường Samôn, Phạm chí. Người vợ lấy mười ba việc ấy để khéo léo kính trọng chồng.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Tây có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Tây là giữa vợ với chồng. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ mẫn với vợ, chắc có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Bắc, chủ nhà đối với tôi tớ cũng như vậy. Người chủ nhà nên lấy năm điều thương mến chu cấp cho tôi tớ. Năm điều ấy là gì? Một là tùy sức mà sai làm việc. Hai là tùy lúc mà cho ăn. Ba là tùy lúc cho uống. Bốn là hết ngày thì cho nghỉ. Năm là bệnh hoạn cho thuốc thang. Chủ nhà lấy năm việc trên mà thương xót cung cấp cho tôi tớ.

“Tôi tớ cũng nên lấy chín điều mà phụng sự chủ nhà. Chín điều ấy là gì? Một là tùy thời mà làm việc. Hai là chuyên tâm vào công việc. Ba là làm tất cả việc. Bốn là trước mặt thì đưa mắt hầu đợ. Năm là sau lưng thì thương kính mà làm. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ hoạn nạn thì không bỏ đi. Tám là đi phương xa thì nên khen ngợi chủ. Chín là khen chủ nhà là dễ dãi. Tôi tớ lấy chín điều ấy khéo léo phụng sự chủ nhà.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Bắc có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Bắc là giữa chủ nhà và tôi tớ.

Này con nhà Cư sĩ, nếu có người thương xót tôi tớ, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Dưới, bằng hữu đối với bằng hữu cũng vậy. Thân hữu nên lấy năm việc để ái kính cung cấp thân hữu. Năm việc ấy là gì? Một là ái kính. Hai là không khinh mạn. Ba là không dỗi gạt. Bốn là cho tặng đồ quý. Năm là tìm cách giúp đỡ. Thân hữu lấy năm việc trên để ái kính, cung cấp thân hữu.

“Thân hữu này cũng lấy năm việc để nhớ nghĩ đến thân hữu. Năm việc đó là gì? Một là biết của cải hết. Hai là khi biết của cải hết thì cung cấp của cải. Ba là thấy buồn lung thì khuyên răn. Bốn là thương nhớ. Năm là gặp hoạn nạn thì cho nương tựa. Thân hữu lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thân hữu.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy, phương Dưới có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh là thân hữu đối với thân hữu vậy. Này con nhà Cư sĩ, nếu người thương xót thân hữu, chắc chắn có sự tăng ích chứ không phải có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Trên, thí chủ đối với Sa-môn, Phạm chí cũng vậy. Thí chủ nên lấy năm điều để tôn kính, cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Năm điều đó là gì? Một là không đóng kín cửa. Hai là thấy đến thì tán thán. Ba là trải giường mà đợi. Bốn là làm các món ăn uống ngon sạch, dồi dào, mà cúng. Năm là đứng

như pháp mà hộ trì. Người thí chủ lấy năm điều trên cung kính cúng dường Sa-môn, Phạm chí.

“Sa-môn, Phạm chí cũng lấy năm việc để khéo nhớ nghĩ đến thí chủ. Năm việc ấy là gì? Một là dạy cho có tín, hành tín và niệm tín. Hai là dạy các giới cấm. Ba là dạy nghe rộng. Bốn là dạy bố thí. Năm là dạy cho có tuệ, hành tuệ và lập tuệ. Sa-môn, Phạm chí lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thí chủ.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Trên có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương trên là giữa thí chủ và Sa-môn, Phạm chí. Này con nhà Cư sĩ, nếu người nào tôn kính cúng dường Sa-môn, Phạm chí thì chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao”.¹⁹⁵

179. Giáo pháp của Thế Tôn chỉ là những phương tiện đưa người đến giải thoát

136. ‘Kinh Thương Nhân Cầu Tài’

“Này các Tỳ-kheo, Ta nói ví dụ này là muốn cho biết nghĩa. Ví dụ ấy là nói nghĩa này:

“Pháp của Ta được thuyết giảng khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn không trống, không khuyết, cũng

195. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 135. Kinh Thiện Sanh, Taiwan, 2000, trang 163~177.

như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời, người.

“Pháp của Ta được khéo giảng thuyết như vậy, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người, đối với pháp ấy, nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: ‘Con mắt là ta; ta sở hữu con mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ta; ta sở hữu ý’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như bọn thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: ‘Mắt không phải là ta. Ta không sở hữu con mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý không phải là ta. Ta không sở hữu con mắt’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn. Ví như thương nhân cỡi trên Mao mã vương an ổn mà giải thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, khéo giảng thuyết như vậy, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: ‘Sắc là ta. Ta sở hữu sắc. Thanh, hương, vị, xúc và pháp là Ta. Ta sở hữu pháp’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như bọn thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu các Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: ‘Sắc không phải là ta. Ta không sở hữu sắc. Thanh, hương, vị, xúc và pháp không là Ta. Ta không sở hữu pháp’, Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân kia cỡi trên Mao mã vương mà an ổn được thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: ‘Sắc ấm là ta. Ta sở hữu sắc ấm. Thọ, tưởng, hành, và thức ấm là ta. Ta sở hữu thức ấm’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: ‘Sắc ấm không là ta. Ta không sở hữu sắc ấm. Thọ, tưởng, hành, và thức ấm không là ta. Ta không sở hữu thức ấm’, Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân cỡi trên Mao mã vương mà an ổn thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: ‘Đất là ta. Ta sở hữu đất. Cho đến nước,

lửa, gió, không và thức là ta. Ta sở hữu thức’, Vị Tỳ-kheo kia chắc chắn bị hại, giống như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng: ‘Đất là không ta. Ta không sở hữu đất. Cho đến nước, lửa, gió, không và thức không là ta. Ta không sở hữu thức’, vị Tỳ-kheo kia chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân nhờ ngồi trên lưng Mao mã vương đưa đến chỗ an lành.”¹⁹⁶

180. Pháp nào là pháp cần phải và không cần phải tránh

169. ‘Kinh Câu Lâu Sáu Vô Tránh’

“‘Pháp hữu tránh và pháp vô tránh’. Sao gọi là pháp hữu tránh? Nếu có lạc tương ưng với dục, cùng đi với, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh phạm phu, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện gì mà pháp này là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Nếu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải chính hạnh, không

196. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 136. Kinh Thương Nhân Câu Tài, Taiwan, 2000, trang 189~191.

tương ưng với nghĩa, thì pháp này là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Xa lìa hai cực đoan ấy, có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, thành định, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và Niết-bàn, pháp này là vô tránh.

“Vì những sự kiện nào mà pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc về chính hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh. Kết sử hữu mà không đoan tận, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

“Kết sử hữu diệt tận, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chính hạnh, cho nên nói pháp này không tranh chấp, không mong cầu nội lạc.

“Không cầu nội lạc, pháp ấy là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà gọi pháp ấy là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, nên nói pháp này là hữu tránh.

“Mong cầu ở nội lạc, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu

sâu, thuộc về chính hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Trong đó, nếu có sự lạc nào không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc của bệnh, gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn, có sống chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói pháp ấy không nên tu. Pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

“Trong đó nếu có sự lạc nào là lạc của bậc Thánh, sự lạc nào của vô dục, lạc do ly dục, lạc của tịch tịnh, của chính giác, không thức ăn, không có sống chết, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói pháp ấy nên tu, pháp này là pháp vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chính hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh”.¹⁹⁷

197. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 169. Kinh Câu Lâu Sâu Vô Tránh, Taiwan, 2000, trang 471~473.

181. Lời dạy của Thế Tôn là chân thật

137. ‘Kinh Thế Gian’

Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: “Nhu Lai đã tự mình giác ngộ về thế gian và cũng nói lại cho người khác. Nhu Lai biết thế gian. Nhu Lai tự giác ngộ về sự tập khởi của thế gian và cũng nói lại cho người khác. Nhu Lai đoạn trừ thế gian tập. Nhu Lai tự giác ngộ sự diệt tận của thế gian và cũng nói cho người khác. Nhu Lai chứng ngộ thế gian diệt. Nhu Lai tự giác ngộ đạo tích của thế gian và cũng nói cho người khác. Nhu Lai tu thế gian đạo tích.

“Nếu có tất cả những gì cần được hiểu biết một cách toàn diện, tất cả những gì điều đó Nhu Lai đã biết, thấy, giác, ngộ, chứng đắc. Vì sao vậy? Nhu Lai từ đêm chứng ngộ Vô thượng chính đẳng chính giác cho đến ngày hôm nay vào lúc ban đêm sẽ đi vào tịch diệt trong Vô dư Niết-bàn giới; trong khoảng thời gian giữa đó, nếu những gì được nói ra, được ứng đối từ chính miệng của Nhu Lai, tất cả những điều ấy đều là chắc thật, không hư vọng, không ra ngoài sự Như, cũng không phải là điên đảo. Đó là sự chắc thật, là sự chân thật.

“Nếu nói về sự tử như thế nào, thì hãy nói về Nhu Lai cũng như vậy. Vì sao vậy? Nhu Lai ở giữa đại chúng nếu có giảng thuyết thì đó chính là tiếng rống của Sư tử.

“Đối với tất cả thế gian, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ trời đến người, Nhu Lai là Phạm Hữu. Nhu

Lai là Bạc Chí Lãnh vì không phiền cũng không nhiệt.
Như Lai là Bạc Chân Thật không hư vọng”.¹⁹⁸

182. Nước Ma-kiệt-đà và Bạt-kỳ thù nghịch nhau

142. ‘Kinh Vũ Thế’

Bấy giờ vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bê-đà-đề Tử (Pāli: Ajātasattu Vedehiputta, Ajātasattu, con trai của bà Vedehi.) cùng với nước Bạt-kỳ (Pāli: Vajjī) thù nghịch nhau, thường ở giữa quyền thuộc nhiều lần nói rằng: “Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách.”¹⁹⁹

183. Đức Phật khuyên vua A-xà-thế không đánh nước Bạt-kỳ vì 7 yếu tố

142. ‘Kinh Vũ Thế’

Đại thần Vũ Thế cùng với Đức Thế Tôn nói lời chào hỏi rồi ngồi sang một bên, thưa rằng: “Thưa Cù-đàm, vua

198. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 137. Kinh Thế Gian, Taiwan, 2000, trang 193~194.

199. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 12: Phẩm Phạm Chí (phần đầu) - 142. Kinh Vũ Thế, Taiwan, 2000, trang 215.

nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đê Tử thăm hỏi Thánh thể có được an vui không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Sa-môn Cù-đàm, vua nước Ma-kiệt-đà là Vị Sanh Oán Bệ-đà-đê Tử, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau, thường ở giữa quyền thuộc và nhiều lần nói rằng: ‘Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách’. Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này Ngài dạy như thế nào?”

Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo rằng: “Này Vũ Thế, xưa kia Ta đã từng đi đến nước Bạt-kỳ. Nước đó có ngôi chùa tên là Giá-hòa-la. Lúc ấy, này Vũ Thế, Ta giảng nói pháp không suy thoái cho người nước Bạt-kỳ nghe. Người nước Bạt-kỳ có thể vâng thọ và thực hành bảy pháp không suy thoái đó. Này Vũ Thế, nếu người dân nước Bạt-kỳ thực hành được bảy pháp không suy thoái mà không trái phạm thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy vi được.”

Đại thần Vũ Thế bạch Đức Thế Tôn: “Sa-môn Cù-đàm, về việc này chỉ nói một cách tóm tắt, chứ không phân biệt rộng rãi. Chúng con không thể hiểu được nghĩa này. Kính xin Sa-môn Cù-đàm phân biệt rộng rãi để chúng con được biết ý nghĩa này.”

Đức Thế Tôn bảo: “Này Vũ Thế, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói rộng rãi ý nghĩa này cho ông nghe.”

Đại thần Vũ Thế vâng lời, lắng nghe.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, Đức Thế Tôn quay lại hỏi A-nan rằng: “Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo chẳng?”

Tôn giả A-nan bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo.”

Đức Thế Tôn liền bảo đại thần Vũ Thế: “Nếu người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: “Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán?”

“Bạch Đức Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế: “Nếu người nước Bạt-kỳ cùng chung hội họp, cùng chung làm công việc của người Bạt-kỳ và cùng giải tán thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: “Người có từng nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm, những điều đã thi thiết thì không

cải đổi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành chăng?”

“Bạch Đức Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm; những điều đã thi thiết thì không cải đổi; những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế: “Nếu nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa thi thiết thì không thi thiết thêm; những điều đã thi thiết thì không cải đổi; những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: “Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ không ý thể mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ không ý thể mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế: “Nếu người nước Bạt-kỳ không ý thể mà xâm phạm vợ của người và con gái của người khác thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: “Ngươi có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì những người nước Bạt-kỳ cùng nhau

tôn kính, cung phụng, cúng dường chăng? Và họ có nghe lời dạy của những bậc ấy mà làm theo chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn kính thì những người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ nghe theo lời dạy của những bậc ấy mà làm theo.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế: “Này Vũ Thế, nếu người nước Bạt-kỳ có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ nghe lời dạy của những bậc ấy mà làm theo, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: “Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nếu có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế: “Nếu nước Bạt-kỳ có chùa cũ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu tập tục đã làm, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: “Người có từng nghe người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sanh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang chăng?”

“Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sanh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang.”

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ Thế: “Nếu người nước Bạt-kỳ thấy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì mong hằng an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu dụng sanh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.

“Này Vũ Thế, người nước Bạt-kỳ đã thực hành bảy pháp không suy thoái này. Nếu vâng giữ bảy pháp không suy thoái này thì nước Bạt-kỳ tất thắng, không thể suy vi được.”²⁰⁰

200. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 12: Phẩm Phạm Chí (phần đầu) - 142. Kinh Vũ Thế, Taiwan, 2000, trang 216~220.

184. 7 nguyên tắc làm cho Tăng già không bị suy yếu

142. ‘Kinh Vũ Thế’

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo rồi nói với các thầy Tỳ-kheo: “Nay Ta sẽ nói cho các người nghe về bảy pháp không suy thoái. Các người hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ.”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: “Kính vâng.”

Phật nói: “Những gì là bảy?

(1) “Nếu chúng Tỳ-kheo thường xuyên hội họp, tụ tập đông đảo thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

(2) “Nếu chúng Tỳ-kheo cùng chung hội, cùng chung làm việc chung và cùng giải tán thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

(3) “Nếu chúng Tỳ-kheo đối với những việc chưa thi thiết thì không thêm; những việc đã thi thiết thì không thay đổi; những giới luật do Ta nói ra được phụng hành nghiêm chỉnh; thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

(4) “Nếu chúng Tỳ-kheo không bị chi phối bởi hữu ái đưa đến vị lai, hiện hành với hỷ dục, ái lạc đời sống như vậy như kia, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

(5) “Nếu chúng Tỳ-kheo có bậc trưởng lão thượng tôn đồng học phạm hạnh, các Tỳ-kheo thấy đều tôn kính, cung phụng, cúng dường và nghe theo lời dạy của các vị ấy, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

(6) “Nếu chúng Tỳ-kheo đối với rừng vắng, sườn núi cao, chỗ thanh tịnh nhàn cư, vắng bật không có tiếng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoan lạc an trụ không rời, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

(7) “Nếu chúng Tỳ-kheo thấy đều ủng hộ các vị phạm hạnh, hết sức tôn trọng, ái kính, thường mong muốn các vị phạm hạnh chưa đến thì đến, đã đến rồi thì hằng mong an trụ lâu dài, thường không để các vị ấy thiếu thốn những nhu dụng sanh sống như quần áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang, thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.

“Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành bảy pháp không suy thoái này, thọ trì, không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.”²⁰¹

201. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 12: Phạm Phạm Chí (phần đầu) - 142. Kinh Vũ Thế, Taiwan, 2000, trang 220~222.

185. Có 4 hiện tượng khiến chúng ta tin tưởng Thế Tôn

146. ‘Kinh Tượng Tích Dụ’

Phạm chí Sanh Văn hỏi: “Có biết Sa-môn Cù-đàm ở nơi trống vắng yên tĩnh học trí tuệ chăng?”

Dị học Ti-lô đáp: “Phạm chí, hạng người nào mà có thể biết Thế Tôn ở nơi trống vắng yên tĩnh học trí tuệ? Nay Phạm chí, nếu biết Thế Tôn ở nơi trống vắng yên tĩnh, học trí tuệ thì cũng phải bằng Thế Tôn. Nhưng, nay Phạm chí, kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa (Pāli: Samanne Gotame cattāri padāni, bốn dấu chân nơi Sa-môn Gatama.) và do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin tưởng Thế Tôn là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.

“Nay Phạm chí, cũng như thợ săn voi rành nghề, đi rảo trong một khu rừng, ở giữa rừng cây nhìn thấy dấu chân voi to lớn, thấy rồi thì nhất định tin tưởng con voi này phải là rất lớn mới có dấu chân như vậy. Nay Phạm chí, tôi cũng như vậy. Trong kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa, do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

“Bốn cú nghĩa ấy là thế nào?”

“Này Phạm chí, các luận sĩ Sát-lợi có trí tuệ, học rộng, quyết định, có thể khuất phục người đời, không thứ gì là không biết, rồi đem những điều được thấy mà tạo tác văn chương, lưu hành trong thế gian. Họ nghĩ như vậy, ‘Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vậy, nếu trả lời được, Ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, Ta khuất phục rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, hỏi còn không dám, há lại nói đến sự khuất phục. Này Phạm chí, kinh thư mà tôi đã đọc dùng được cho cú nghĩa thứ nhất này. Nhân ý nghĩa này, tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

“Cũng vậy, những Phạm chí có trí tuệ, những Cư sĩ có trí tuệ, những luận sĩ Sa-môn có trí tuệ, đa văn, quyết định, có khả năng khuất phục người đời, không điều gì là không biết, rồi đem những điều được thấy tạo tác văn chương lưu hành thế gian. Họ nghĩ như vậy, ‘Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vậy, nếu trả lời được, Ta lại hỏi nữa. Nếu không trả lời được, Ta khuất phục rồi bỏ đi’. Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, hỏi còn không dám, há lại nói đến sự khuất phục. Này Phạm chí, kinh thư mà tôi đã đọc dùng được cho cú nghĩa thứ tư này. Nhân ý nghĩa này, tôi nhất định tin rằng Thế Tôn là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, pháp được nói bởi Thế

Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.

“Này Phạm chí, kinh thơ mà tôi được đọc có bốn cú nghĩa này. Tôi do bốn cú nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.”²⁰²

186. Sự khác biệt giữa người tu tập và không tu tập

147. ‘Kinh Văn Đức

Này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp cốt để mưu cầu lợi ích, nhưng công nghiệp của họ thất bại, không thành. Khi những công nghiệp của họ thất bại không thành, họ không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình, áo não; cũng không phát cuồng. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp mà những công nghiệp ấy thất bại không thành; dù những công nghiệp ấy đã thất bại không thành, họ vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo não; cũng không phát si phát cuồng,

202. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 146. Kinh Tượng Tích Dự, Taiwan, 2000, trang 256~257.

này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có những yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu phiền muộn, khóc than; không vật mình áo não, cũng không phát si phát cuồng. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử có những yêu thương mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt, chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than; không vật mình áo não, cũng không phát si phát cuồng, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu này thay đều vô thường, nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu thay đều vô thường nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng tài vật sở hữu thay đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng những sở hữu tài vật thay đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín lìa bỏ gia đình sống không gia đình học đạo, này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này.

“Lại nữa, này Phạm chí, Đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dũ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các thứ bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thầy đều có thể nhẫn nại. Này Phạm chí, nếu Đa văn Thánh đệ tử có thể kham nhẫn đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dũ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thầy đều có thể nhẫn nại, thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này”²⁰³...

187. Nội khổ của người tại gia và xuất gia khác nhau

148. ‘Kinh Hà Khổ’

Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi: “Cù-đàm, người tại gia có những sự khổ nào? Và người xuất gia có những khổ nào?”

Đức Thế Tôn trả lời rằng: “Người tại gia vì không được tự do mà khổ. Người xuất gia vì tự do mà khổ.”

203. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 147. Kinh Văn Đức, Taiwan, 2000, trang 266~267.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: “Cù-đàm, tại sao người tại gia vì không được tự do mà khổ? Và tại sao người xuất gia vì tự do mà khổ?”

Thế Tôn đáp: “Nếu người tại gia mà tiền tài không tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh thấy đều không tăng trưởng; súc mục, lúa, gạo cùng nô tỳ, sai dịch cũng không tăng trưởng; lúc bấy giờ người tại gia ưu sầu, khổ não. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng mang nhiều sầu bi.

“Này Phạm chí, nếu người xuất gia học đạo mà sống theo dục vọng, theo sân nhuế, ngu si, lúc bấy giờ xuất gia học đạo có nhiều ưu sầu khổ não. Do sự kiện này mà có người xuất gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng chất nhiều sầu bi.

“Này Phạm chí, như vậy người tại gia vì không được tự do mà khổ, và người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ.”²⁰⁴

188. Niềm vui của người tại gia và xuất gia khác nhau

148. ‘Kinh Hà Khổ’

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: “Cù-đàm, tại gia có những gì là hoan lạc? Và xuất gia học đạo có những gì là hoan lạc?”

204. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 148. Kinh Hà Khổ, Taiwan, 2000, trang 271~272.

Thế Tôn đáp: “Tại gia vì tự do mà được hoan lạc, xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc”.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: “Cù-đàm, tại sao tại gia vì tự do mà được hoan lạc? Và tại sao xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc?”

Thế Tôn đáp: “Này Phạm chí, nếu người tại gia mà được tiền tài tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh đều được tăng trưởng; súc mục, lúa gạo và nô tỳ, sai dịch cũng đều được tăng trưởng. Lúc bấy giờ tại gia là khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

“Này Phạm chí, người xuất gia học đạo sống không tùy theo dục vọng, không tùy theo sân nhuế, lúc bấy giờ xuất gia học đạo là khoái lạc hoan hỷ. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

“Này Phạm chí, như vậy người tại gia vì tự do mà được hoan lạc, người xuất gia vì không tự do mà được hoan lạc.”²⁰⁵

205. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 148. Kinh Hà Khổ, Taiwan, 2000, trang 272.

189. Ước mơ của vua là gì?

149. ‘Kinh Hà Dục’

Phạm chí Sanh Văn hỏi rằng: “Cù-đàm, người Sát-lợi ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập bằng cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp: “Người Sát-lợi ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng gươm dao, y cứ trên nhân dân, lấy tự do làm mục đích.”²⁰⁶

190. Ước mơ của Cư sĩ là gì?

149. ‘Kinh Hà Dục’

Phạm chí Sanh Văn hỏi: “Người Cư sĩ ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp: “Người Cư sĩ ước muốn được tài vật. Thực hành nơi trí tuệ. Thiết lập bằng kỹ thuật. Y cứ trên nghề nghiệp. Lấy sự cứu cánh của nghề nghiệp làm mục đích”.²⁰⁷

206. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 149. Kinh Hà Dục, Taiwan, 2000, trang 277.

207. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 149. Kinh Hà Dục, Taiwan, 2000, trang 277~278.

191. Ước mơ của người nữ là gì?

149. ‘Kinh Hà Dục’

Phạm chí Sanh Văn hỏi: “Cù-đàm, đàn bà ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp: “Đàn bà ước muốn được đàn ông. Thực hành sự trang điểm. Thiết lập bằng con cái. Y cứ trên sự không đối thủ. Lấy tự do làm mục đích.”²⁰⁸

192. Ước mơ của kẻ cướp là gì?

149. ‘Kinh Hà Dục’

Phạm chí Sanh Văn hỏi: “Cù-đàm, trộm cướp ước muốn cái gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp: “Trộm cướp ước muốn lấy của không cho. Thực hành nơi chỗ lén lút. Thiết lập bằng gươm dao. Y cứ nơi bóng tối. Lấy sự không bị khám phá làm mục đích”.²⁰⁹

208. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 149. Kinh Hà Dục, Taiwan, 2000, trang 278.

209. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 149. Kinh Hà Dục, Taiwan, 2000, trang 278.

193. Ước mơ của Sa-môn là gì?

149. ‘Kinh Hà Dục’

Phạm chí Sanh Văn hỏi: “Sa-môn ước muốn gì? Thực hành cái gì? Thiết lập cái gì? Y cứ trên sự gì? Có mục đích gì?”

Thế Tôn đáp: “Sa-môn ước muốn được chân lý, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng giới, y cứ trên vô xứ, lấy Niết-bàn làm mục đích.”²¹⁰

194. Giai cấp Bà-la-môn

151. ‘Kinh Phạm Chí A Nhiếp Hòa’ (Pāli M.93 Assalāyana-sutta)

“Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.”²¹¹

210. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 149. Kinh Hà Dục, Taiwan, 2000, trang 278~279.

211. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 151. Kinh Phạm Chí A Nhiếp Hòa, Taiwan, 2000, trang 293.

195. Trong 4 giai cấp, giai cấp nào phục vụ cho giai cấp nào

150. ‘Kinh Uất Sầu Ca La’

Phạm chí Uất-sầu-ca-la bèn hỏi rằng: “Thưa Cù-đàm, Phạm chí thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tính, tức thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ (Pāli: Vessa), cho Công sư (Pāli: Sudda Thủ-đà-la)”.

“Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, tức là Phạm chí phải phụng sự Phạm chí; Sát-lợi, Cư sĩ và Công sư cũng phải phụng sự Phạm chí. Này Cù-đàm, bốn chủng tính này phải phụng sự Phạm chí.

“Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi tức là Sát-lợi phải phụng sự cho Sát-lợi; Cư sĩ và Công sư cũng phải phụng sự cho Sát-lợi. Này Cù-đàm, ba chủng tính này phải phụng sự Sát-lợi.

“Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Cư sĩ, tức là Cư sĩ phải phụng sự Cư sĩ, Công sư cũng phải phụng sự Cư sĩ. Này Cù-đàm, hai chủng tính này phải phụng sự cho Cư sĩ.

“Này Cù-đàm, Phạm chí thiết lập loại phụng sự cho Công sư, tức là Công sư phải phụng sự Công sư. Ai thấp hèn hơn nữa để được chủ trương phải phụng sự Công sư? Duy chỉ có Công sư phụng sự Công sư.”²¹²

212. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 150. Kinh Uất Sầu Ca La, Taiwan, 2000, trang 281~282.

151. ‘Kinh Phạm Chí A Nhiếp Hòa’

“Này Ma-nạp, chúng tôi một số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này, ‘Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-đàm nói: Bốn chủng tính thấy đều thanh tịnh, với sự giảng giải, hiển thị’. Những vị ấy nghĩ như thế này, ‘Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn?’ Họ lại nghĩ như thế này, ‘A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không có tiếng xấu, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chính văn, hí truyện ngữ, cú thuyết. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn’.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp nói với các Phạm chí rằng: “Này chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Nếu đúng như pháp mà thuyết pháp thì không thể cật vấn.”

Số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nói rằng: “Này Ma-nạp, người chưa bị khuất phục thì chưa thể tự mình chịu

khuất phục trước. Vì sao? Vì A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp do cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các việc ác, nghe nhiều hiểu rộng, đọc thuộc bốn bộ kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chính văn, hí truyện ngữ, cú thuyết. A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bèn im lặng nhận lời số đông Phạm chí ở Câu-tát-la. Rồi A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp cùng với số đông Phạm chí ở Câu-tát-la đến chỗ Phật, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên mà bạch rằng: “Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho chăng?”

Đức Thế Tôn nói rằng: “Này Ma-nạp, hãy tùy ý mà hỏi.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp hỏi rằng: “Thưa Cù-đàm, các Phạm chí nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’. Nhưng chưa biết Sa-môn Cù-đàm sẽ nói như thế nào?”

Đức Thế Tôn nói rằng: “Nay Ta hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

“Này Ma-nạp, người có nghe nói ở nước Du-ni (Pāli: Yoni, tên một nước ở Tây bắc Ấn-độ) và Kiếm-phù (Pāli: Kamboja, tên nước, thuộc địa phương A-phú-hãn ngày nay) chỉ có hai chủng tính là chủ nhân và đầy tớ; sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ lại trở thành chủ nhân chăng?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng: “Bạch Cù-đàm, con nghe tại hai nước Du-ni và Kiếm-phù có hai chủng tính, chủ nhân và đầy tớ; chủ nhân làm đầy tớ, đầy tớ làm chủ nhân.”

“Nhu vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chính thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chính cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng: “Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng: “Này Ma-nạp, người nghĩ sao? Phải chăng chỉ độc nhất có Phạm chí đối với hư không này mà không bị dính, không bị trôi, không bị xúc

chạm, không bị ngăn ngại; còn Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy sao?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng: “Bạch Cù-đàm, Phạm chí đối với hư không này không bị dính, không bị trói, không bị xúc chạm, không bị ngăn ngại; Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng vậy.”

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chính thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chính cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng: “Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.’”

Đức Thế Tôn hỏi rằng: “Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Phải chăng chỉ có Phạm chí mới có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tránh? Còn Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư thì không như vậy?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng: “Bạch Cù-đàm, Phạm chí có thể hành từ tâm, không kết, không

oán, không nhuê, không tránh. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư cũng như vậy.”

“Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chính thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chính cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng: “Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng: “Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Nếu có những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng: ‘Các ngươi hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước mà tắm, tắm rửa thật sạch các cấu bẩn’. Này Ma-nạp, ý ngươi nghĩ sao? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa cho thật sạch các cấu bẩn chăng? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chủng tộc Công sư, những người này không thể mang bột tắm đến nước mà tắm rửa cho thật sạch các cấu bẩn?”

Hay tất cả mọi người trong một trăm chủng tộc khác nhau vẫn có thể mang đậu tắm đến nước mà tắm rửa thật sạch các cấu bẩn?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng: “Bạch Cù-đàm, tất cả mọi người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang đậu tắm đến nước mà tắm rửa thật sạch các cấu bẩn.

“Nhu vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí có thú hướng chân chính thì Phạm chí ấy được hiểu biết rõ và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, Cư sĩ hay Công sư nếu hướng đến chân chính cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp bạch rằng: “Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này. Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này, ‘Dòng tộc Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên’.”

Đức Thế Tôn hỏi rằng: “Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Nếu có người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến, và có người nói với họ rằng: ‘Các người hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, chỉ những người ấy mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-đàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà

dùi cho lửa phát ra và cháy lớn lên’. Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Chỉ những người trong chủng tộc Sát-lợi và chủng tộc Phạm chí, những người này mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-đàn làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên chăng? Hay những người trong chủng tộc Cư sĩ, chủng tộc Công sư, những người này cũng sẽ dùng nhánh sa-la rất khô, hay gỗ chiên đàn làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên? Hay những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại gì mà làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên?”

A-nhiếp-hòa-la-diên-da-na Ma-nạp đáp rằng: “Bạch Cù-đàm, tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm môi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên.”²¹³

196. Thế nào gọi là giai cấp Bà-la-môn

158. ‘Kinh Đầu Na’

Này Cù-đàm nếu ai đáng xưng là Phạm chí, thì người ấy phải được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh,

213. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 151. Kinh Phạm Chí A Nhiếp Hòa, Taiwan, 2000, trang 294~298.

cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không ác, học rộng, trì chú, tụng đọc tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhân duyên, chính văn, truyện giải trí, thứ năm là văn phạm. Nay Cù-đàm, người đáng gọi là Phạm chí thì chính là tôi vậy. Vì sao? Vì tôi được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, trì chú, tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhân duyên, chính văn, truyện giải trí và văn phạm.”²¹⁴

197. Thế Tôn không chấp nhận chế độ phụng sự của 4 giai cấp

150. ‘Kinh Uất Sầu Ca La’ (Tham khảo 154. ‘Kinh Bà La Bà Đường’, 158. ‘Kinh Đầu Na’)

Thế Tôn hỏi rằng: “Này Phạm chí, các Phạm chí có tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tính này; thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư?”

Phạm chí Uất-sầu-ca-la đáp: “Không biết rõ, Cù-đàm. Nhưng các Phạm chí tự nói như vậy, ‘Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết

214. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 158. Kinh Đầu Na, Taiwan, 2000, trang 371.

lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tính, tức thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, thiết lập loại phụng sự cho Cư sĩ, thiết lập loại phụng sự cho Công sư.”

Thế Tôn nói: “Này Phạm chí, cũng như một người đưa cho người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng ‘Này ông bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho tôi’. Này Phạm chí, người nói cho các Phạm chí ấy cũng giống như vậy. Vì sao? Vì Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tính, tức thiết lập loại phụng sự cho Phạm chí, thiết lập loại phụng sự cho Sát-lợi, cho Cư sĩ, cho Công sư.”

Thế Tôn lại hỏi: “Này Phạm chí, thế nào là phụng sự? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà chỉ có hạ liệt, chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chẳng? Có loại phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng, chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chẳng?”

“Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chẳng?

“Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng. Loại phụng sự này chẳng?

“Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chẳng?

“Phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt. Loại phụng sự này chẳng?”

Uất-sầu-ca-la đáp: “Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Nếu tôi phụng sự, do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên theo loại phụng sự này.

“Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng, tôi không nên phụng sự như vậy.

“Này Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.

“Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư sĩ, Công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt, tôi nên phụng sự như vậy.”²¹⁵...

215. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 150. Kinh Uất Sầu Ca La, Taiwan, 2000, trang 282~283.

198. Chân lý không tùy thuộc vào quan điểm chủ trương

152. ‘Kinh Anh Vũ’

Ma-nạp Anh Vũ thưa: “Bạch Cù-đàm, mong Ngài khéo nghe cho. Bạch Cù-đàm, Phạm chí chủ trương thứ nhất là pháp Chân đế, có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước được thiện; pháp thứ hai là Tụng tập; pháp thứ ba là Nhiệt hành; pháp thứ tư là Khổ hạnh. Bạch Cù-đàm, Phạm chí chủ trương pháp thứ năm là Phạm hạnh có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện.”

Đức Thế Tôn nói: “Nếu các Phạm chí chủ trương năm pháp này có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; vậy trong số những Phạm chí ấy, có Phạm chí nào nói như thế này: ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.’?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn: “Bạch Cù-đàm, không có.”

Thế Tôn nói: “Có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này, ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.’?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn: “Bạch Cù-đàm, không có.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi: “Này Ma-nạp, xưa kia có những Phạm chí tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập kinh điển: một là Dạ-tra (Pāli: Aṭṭhaka), hai là Bà-ma (Pāli: Vāmaka), ba là Bà-ma-đề-bà (Pāli: Vāmadeva), bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la (Pāli: Vessāmitta), năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni (Pāli: Yamataggi), sáu là Ứng-nghi-la-bà (Pāli: Angīrasa), bảy là Bà-tư-tra (Pāli: Vāsetṭha), tám là Ca-diếp (Pāli: Kassapa), chín là Bà-la-bà (Pāli: Bhāradvājā), mười là Bà-hòa. Nay các Phạm chí đối với các kinh điển ấy tụng tập, thọ trì, học hỏi. Nhưng họ có nói như thế này: ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.’?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn: “Không có. Nhưng các Phạm chí ấy do tin mà thọ trì.”

Đức Thế Tôn nói: “Trong các Phạm chí, không có một Phạm chí nào nói như vậy, ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng’. Và cũng không có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này, ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.’”

“Xưa kia có những Phạm chí tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh: một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-

ma-đê-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni, sáu là Ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa. Nay các Phạm chí đối với các kinh điển ấy, tụng tập, thọ trì, học hỏi, nhưng họ không nói như vậy, ‘Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng’. Thế thì này Ma-nạp, các Phạm chí ấy há không vì sự kiện này mà trong sự tin tưởng có thiếu căn bản chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch: “Bạch Cù-đàm, thật sự không căn bản. Nhưng các Phạm chí nghe rồi thọ trì.”

Đức Thế Tôn nói: “Ví như một đám người mù dẫm nhau, người trước không thấy người ở sau, cũng không thấy người ở giữa; người giữa không thấy người ở trước, cũng không thấy người ở sau; người ở sau không thấy người ở giữa, cũng không thấy người ở trước. Này Ma-nạp, Ta nói các Phạm chí cũng như vậy. Này Ma-nạp, trước người nói là do tin, sau đó người nói là do nghe.”

Ma-nạp Anh Vũ liền tức giận Đức Thế Tôn, hằn học, không vui, phỉ báng Thế Tôn, chỉ trích Thế Tôn, mạ lỵ Thế Tôn, và nghĩ rằng: ‘Cần phải phỉ báng Cù-đàm, cần phải chỉ trích Cù-đàm, cần phải hạ nhục Cù-đàm’. Liền nói với Đức Thế Tôn:

“Này Cù-đàm, có một Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tính thuần khiết, không gián đoạn, nói như thế này: ‘Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào cho rằng

mình đã thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lý.’

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nghĩ như thế này: “Ma-nạp Anh Vũ, con ông Đô-đề phẫn nộ đối với Ta, hằn học, không vui, phỉ báng Ta, chỉ trích Ta, mạ lỵ Ta, nghĩ rằng: ‘Cần phải phỉ báng Cù-đàm, cần phải chỉ trích Cù-đàm, cần phải hạ nhục Cù-đàm’. Liền nói với Đức Thế Tôn: ‘Này Cù-đàm, có một Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tính thuộc chủng tính thuần khiết, không gián đoạn, nói như thế này: ‘Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào cho rằng mình đã thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lý’.”

Đức Thế Tôn biết thế nên nói: “Này Ma-nạp, có phải Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tính thuần khiết, không gián đoạn, ông ấy biết điều mong nghĩ trong tâm của hết thầy Sa-môn, Phạm chí rồi mới nói như thế này: ‘Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào cho rằng mình đã

thấy, đã biết, đã chứng đắc pháp Thượng nhân; sau khi nghe như vậy, Ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được. Đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp Thượng nhân? Nếu ai nói rằng: Tôi biết, tôi thấy pháp Thượng nhân, thì sự kiện ấy là không hợp lý chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ đáp: “Bạch Cù-đàm, Phạm chí Phát-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tính thuần khiết, không gián đoạn, có một nữ tỳ tên là Bất-ni nhưng đối với tâm niệm của nữ tỳ tên là Bất-ni. Nhưng đối với tâm niệm của nữ tỳ này, ông còn không thể biết, huống nữa là biết tâm tư của tất cả Sa-môn, Phạm chí! Nếu cho rằng ông ấy biết, thì sự kiện này không thể có.”

Thế Tôn nói: “Cũng như người sanh ra đã mù; người ấy nói như thế này, ‘Không có màu đen, màu trắng, cũng không thấy màu đen, màu trắng; không có sắc tốt, sắc xấu, cũng không thấy sắc tốt, sắc xấu; không có sắc ngắn, sắc dài, cũng không thấy sắc ngắn, sắc dài; không có sắc gần, sắc xa, cũng không thấy sắc gần, sắc xa; không có sắc thô, sắc tế, cũng không thấy sắc thô, sắc tế; vì ta không bao giờ thấy, không bao giờ biết, cho nên nói không có màu sắc’. Người mù bẩm sanh kia nói như vậy là đúng sự thật chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn: “Bạch Cù-đàm, không phải vậy. Vì sao? Vì có màu đen, màu trắng, cũng có người thấy màu đen, màu trắng; có sắc tốt, sắc xấu,

cũng có người thấy sắc tốt, sắc xấu; có sắc ngắn, sắc dài, cũng có người thấy sắc ngắn, sắc dài; có sắc gần, sắc xa, cũng có người thấy sắc gần, sắc xa; có sắc thô, sắc tế, cũng có người thấy sắc thô, sắc tế. Nếu nói, ‘Tôi không hề thấy, không hề biết, cho nên nói không có màu sắc’, thì người mù bẩm sinh nói như vậy là không đúng sự thật.”

“Này Ma-nạp, Phạm chí Phát-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tính thuần khiết, không gián đoạn; lời nói của ông ấy có khác gì hạng người mù bẩm sinh, không có mắt kia chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn: “Bạch Cù-đàm, như mù vậy.”

Đức Thế Tôn nói: “Này Ma-nạp, ý người nghĩ sao? Nếu xưa kia có những Phạm chí, tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh; đó là các Phạm chí Thương-già, Phạm chí Sanh Vãn, Phạm chí Phát-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ người; những điều mà họ nói, được chấp nhận hay không được chấp nhận? Chân thật hay không chân thật? Có cao, có thấp chăng?”

Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn: “Nếu xưa kia có những Phạm chí, tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã tụng tập điển kinh, đó là các Phạm chí Thương gia, Phạm chí Sanh Vãn, Phạm chí Phát-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ con; những điều

được nói ấy; thì theo ý con, họ mong được chấp nhận, không mong không được chấp nhận; mong là chân thật, không mong không phải là chân thật; mong là sự cao thượng, không mong là sự thấp hèn.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi: “Này Ma-nạp, Phạm chí Phát-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tính thuần khiết, không gián đoạn; điều mà ông ấy nói, há không phải là không được chấp nhận, không có sự được chấp nhận? Là không chân thật, không có sự chân thật? Há không phải là rất thấp hèn, không có cái gì cao?”

Ma-nạp Anh Vũ thưa Đức Thế Tôn: “Thật vậy, bạch Cù-đàm.”

“Lại nữa, này Ma-nạp, có năm pháp gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Những gì là năm? Này Ma-nạp, pháp thứ nhất là dục, gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Này Ma-nạp, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và thứ năm là nghi, gây chướng ngại, gây che lấp làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn”.²¹⁶

216. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 12: Phẩm Phạm Chí (phần sau) - 152. Kinh Anh Vũ, Taiwan, 2000, trang 313~318.

199. Bồ thí đúng pháp

155. ‘Kinh Tu Đạt Đa’

Đức Thế Tôn bảo: “Này Cư sĩ, dù bồ thí những thức thô xấu, hay bồ thí những thức mỹ diệu, thì đều có quả báo. Nhưng này Cư sĩ, nếu bồ thí những thức thô xấu, không tín mà bồ thí, không cố tâm bồ thí, không tự tay bồ thí, không tự mình đến bồ thí, không tư duy mà bồ thí, không do tín mà bồ thí, không quán nghiệp và quả báo mà bồ thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bồ thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng: Sẽ thọ báo đúng như thế.

“Này Cư sĩ, nếu bồ thí những thức thô xấu nhưng có tín mà bồ thí, có tâm bồ thí, tự tay bồ thí, tự mình đến bồ thí, tư duy mà bồ thí, do tín mà bồ thí, quán nghiệp và quả báo mà bồ thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn được áo chăn đẹp, muốn được đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bồ thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng: Sẽ thọ báo đúng như thế.

“Này Cư sĩ, nếu bồ thí những thức mỹ diệu, không tín mà bồ thí, không cố tâm bồ thí, không tự tay bồ thí, không tự mình đến bồ thí, không tư duy mà bồ thí, không

do tín mà bỏ thí, không quán nghiệp và quả báo mà bỏ thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn áo chần đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bỏ thí. Nay Cư sĩ, nên biết rằng: Sẽ thọ báo đúng như thế.

“Này Cư sĩ, nếu bỏ thí những thức mỹ diệu, lại có tín mà bỏ thí, tự tay bỏ thí, tự mình đến bỏ thí, tư duy mà bỏ thí, do tín mà bỏ thí, quán nghiệp và quả báo mà bỏ thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn áo chần đẹp, muốn đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bỏ thí. Nay Cư sĩ, nên biết rằng: Sẽ thọ báo đúng như thế.”²¹⁷

200. Quá khứ hiện tại và vị lai

165. ‘Kinh Ôn Tuyên Lâm Tuyên’

Này chư Hiền, nếu vậy xin hãy nghe tôi nói. “Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị

217. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 155. Kinh Tu Đạt Đa, Taiwan, 2000, trang 353~354.

nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ.

“Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục, nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không nhiễm trước dục, vị ấy không hoan lạc. Do không hoan lạc, vị ấy không truy niệm quá khứ.

Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

“Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo mong ước vị lai? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Tai, mắt,

nữ, lười, thân cũng như vậy. Đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được. Đã được thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên tâm hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Nay chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo mong ước vị lai.

“Nay chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai? Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì không muốn được, đã được rồi thì tâm không mong ước. Do tâm không mong ước nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không mong ước vị lai. Nay chư Hiền, như vậy đó gọi là Tỳ-kheo mong ước vị lai.

“Nay chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do thức bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lười, thân cũng vậy, nếu có ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Nay chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại.

“Nay chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên không chấp

thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nếu ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Nay chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại”.²¹⁸

166. ‘Kinh Thích Trung Thiên Thất Tôn’

Đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ như vậy:

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nổi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.

218. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 165. Kinh Ôn Tuyên Lâm Thiên, Taiwan, 2000, trang 446~448.

Như vậy thực hành tinh tấn,
 Ngày đêm không chút biếng lười.
 Vì vậy phải thường tụng đọc
 Bạt-địa-la-đế kệ này.²¹⁹

201. Ý nghĩa khái niệm trung đạo

169. ‘Kinh Câu Lôu Sáu Vô Tránh’

Phật dạy: “Đừng nên mong cầu dục lạc (Pāli: na kāmasukham anuyuñjeyya), là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với nghĩa (Pāli: amatthasamhita, không liên hệ đến mục đích). Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn, có tán thán và chỉ trích, có sự không tán thán và không chỉ trích mà nói pháp, quyết định đúng mức và sau khi đã biết quyết định, thường tùy cầu sự lạc nào đã có bên trong. Đừng nói lời ám chỉ, cũng đừng đối mặt khen ngợi; nói vừa phải chứ đừng quá giới hạn; tùy theo phong tục địa phương (Pāli: janapadaniruttiṃ nābhinivesyya, đừng cố chấp địa

219. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 166. Kinh Thích Trung Thiên Thất Tôn, Taiwan, 2000, trang 452.

phương ngữ.), đừng nói thị, đừng nói phi. Đó là những vấn đề của kinh ‘Phân biệt vô tránh’.

“‘Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với cứu cánh’. Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Ở đây, ‘Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu’. Đây là nói về một một cực đoan. ‘Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa’. Đây là nói về một cực đoan nữa. Do bởi sự kiện này mà nói ‘Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa’.

“‘Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tuệ tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn’. Vấn đề này được nói lên với những nguyên nhân nào? Ở đây, Thánh đạo tám chi, từ chính kiến cho đến chính định, gọi là tám. Do bởi sự kiện này mà nói: ‘Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tuệ tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn’”²²⁰.

220. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 169. Kinh Câu Lâu Sâu Vô Tránh, Taiwan, 2000, trang 465~465.

202. Nên nói những lời nói nào và không nên nói những lời nói nào?

169. ‘Kinh Câu Lôu Sấu Vô Tránh’

“Không nên nói lời ám chỉ, cũng không nên đôi mặt tán thán’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào?

“Có lời nói ám chỉ mà không chân thật, hư dối, không tương ưng với nghĩa (Pāli: amatthasamhita, không liên hệ đến mục đích). Cũng có lời nói ám chỉ mà chân thật, không hư vọng, tương ưng với nghĩa. Trong này nếu có lời nói ám chỉ mà không chân thật, hư vọng, không tương ưng với nghĩa, nhất định không nói những lời như vậy. Trong này nếu có lời nói ám chỉ mà chân thật, không hư vọng, không tương ưng với cứu cánh, cũng hãy học đừng nói như vậy. Ở đây nếu có lời nói ám chỉ chân thật, không hư vọng, tương ưng với nghĩa thì hãy nên biết thời, chính trí, chính niệm để cho thành tựu lời nói ấy.

“Như vậy, ‘Đừng nói lời ám chỉ, cũng đừng đôi mặt khen ngợi’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy.

“Nói vừa phải, chứ đừng quá giới hạn’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào?

“Nói quá giới hạn thì thân phiền nhọc, niệm hay quên, tâm mệt mỏi, tiếng bị hư mà hướng đến trí thì không được tự tại. Nói vừa phải thì thân không phiền

nhọc, niệm không ưa quên, tâm không mệt mỏi, tiếng nói không bị hư, hướng đến trí thì được tự tại.

“Nói vừa phải, đừng nói quá giới hạn’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy....

“Trong đó nếu có lời nói ám chỉ mà không chân thật, dối láo, không tương ứng với cứu cánh, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh.

“Trong đó, nếu có lời chê bai sau lưng mà chân thật, không dối láo, tương ứng với cứu cánh, pháp ấy là vô tránh. Vì sự kiện nào mà nói pháp ấy là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chính hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Không nói vừa phải. pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là tranh chấp.

“Nói vừa phải, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chính hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Thị và phi theo phong tục địa phương, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên pháp này có tranh chấp.

“Tùy phong tục địa phương, không nói thị không nói phi, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chính hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

“Đó gọi là tránh pháp. Các người nên biết pháp tránh và pháp vô tránh. Đã biết pháp tránh và pháp vô tránh thì nên xả bỏ pháp tránh, tu tập pháp vô tránh. Các người cần phải học như vậy”.²²¹

203. Địa phương ngữ

169. ‘Kinh Câu Lâu Sáu Vô Tránh’

“Tùy theo phong tục địa phương, ‘đừng nói thị, đừng nói phi’, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Thế nào là thị và phi tùy theo phong tục địa phương? Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là ‘cái chậu’, hoặc nói là ‘cái khay’, hoặc nói

221. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 169. Kinh Câu Lâu Sáu Vô Tránh, Taiwan, 2000, trang 470~473.

là ‘cái ô’, hoặc nói là ‘cái chén’, hoặc nói là ‘đồ đạc’; hay nói là cái khay, hay nói là cái ô, hay nói là cái chén, hay nói là đồ đạc; mỗi nơi tùy theo khả năng mà nói một mực rằng: ‘Đây là sự thực, ngoài ra là láo cả’. Như vậy, đó là tùy theo phong tục địa phương mà nói thị hay phi vậy.

“Sao gọi là ‘Tùy phong tục địa phương, không thị không phi’? Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là ‘cái chậu’, hoặc nói là ‘cái khay’, hoặc nói là ‘cái o’â, hoặc nói là ‘cái chén’, hoặc nói là ‘đồ đạc’, và ở địa phương kia, nhân gian kia, sự việc kia, hoặc nói là ‘cái chậu’, hoặc nói là ‘cái khay’, hoặc nói là ‘cái ô’, hoặc nói là ‘cái chén’, hoặc nói là ‘đồ đạc’. Với sự việc này hay sự việc kia, không tùy khả năng, không nói với một mực rằng: ‘Đây là sự thật, ngoài ra đều láo cả’, như vậy là tùy phong tục địa phương không nói thị không nói phi”.²²²

204. Thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn

172. ‘Kinh Tâm’

Đức Thế Tôn nói: “Này Tỳ-kheo, những gì được Ta thuyết giảng rất nhiều, là chính kinh, ca vịnh, ký thuyết,

222. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 169. Kinh Câu Lâu Sâu Vô Tránh, Taiwan, 2000, trang 471.

kê tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa. Nay Tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử chỉ nghe Ta nói bốn câu kê mà biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thuận theo phạm hạnh, thì này Tỳ-kheo, nói Tỳ-kheo đa văn là chỉ nói như vậy chứ không hơn nữa. Nay Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo đa văn. Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo đa văn”.²²³

205. Thế nào gọi là Tỳ-kheo thông minh?

172. ‘Kinh Tâm

Đức Thế Tôn nói: “Nếu Tỳ-kheo không có niệm gây tự hại, không có niệm gây hại người, cũng không có niệm gây hại cả hai. Tỳ-kheo chỉ có niệm làm lợi ích cho tự thân và lợi ích cho người, lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mong muốn cho trời, người được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc. Nay Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ, Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ”.²²⁴

223. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 14: Phẩm Tâm - 172. Kinh Tâm, Taiwan, 2000, trang 502.

224. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 14: Phẩm Tâm - 172. Kinh Tâm, Taiwan, 2000, trang 504.

206. Đàn nai và người thợ săn

178. ‘Kinh Lạp Su’

Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng: “Người thợ săn khi bẫy mồi nai, không có tâm như vậy: ‘Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được sung sướng, sống lâu’. Nhưng người thợ săn bẫy mồi nai với tâm như vậy: ‘Bẫy mồi là chỉ muốn chúng đến gần để ăn; đã đến gần để ăn thì sẽ kiêu loạn phóng dật, mà đã kiêu sa phóng dật thì sẽ tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn’. Người thợ ăn bẫy mồi nai với tâm như vậy”.

“Đàn nai thứ nhất đến gần đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh kiêu sa phóng dật rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

“Đàn nai thứ hai suy nghĩ rằng: ‘Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh kiêu loạn phóng dật, rồi do kiêu sa phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước được chăng?’ Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống

nước. Đến tháng cuối mùa xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn.

“Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn.

“Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ rằng: ‘Đàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyền thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn đồ ăn của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu sa phóng dật. Do không kiêu loạn phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn’. Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyền thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa. Sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn.

“Người thợ săn và quyền thuộc thợ săn nghĩ rằng ‘Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ! Quả thật, rất khôn lanh! Vì sao? Vì chúng ăn đồ ăn của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài. Sau khi bủa lưới chạy dài chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này’. Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyền thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy,

đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn.

“Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ, ‘Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyền thuộc thợ săn không đến được. Sau đó hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần. Đã ăn mà không đến gần thì không kiêu loạn phóng dật. Do không kiêu sa phóng dật, sẽ không bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn’. Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyền thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu sa phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyền thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyền thuộc thợ săn lại suy nghĩ rằng: ‘Đàn nai thứ tư này ranh mãnh xảo trá kỳ lạ! Quả thật ranh mãnh xảo trá, nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những nai con khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy cứ bỏ mặc đàn nai thứ tư này’”. Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyền thuộc thợ săn liền bỏ mặc.

“Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyền thuộc thợ săn. “Này Tỳ-kheo, ta nói thí dụ này là muốn các giải rõ ý nghĩa. Nay Ta nói đây, các ngươi hãy quán sát nghĩa lý: “Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm công đức của dục (Pāli: pañca kāmāgunā): mắt biết sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi

ném vị, thân xúc chạm. Đồ mỗi của thợ săn, nên biết, đó là năm niệm công đức của dục. Người thợ săn, nên biết, đó chính là Ác ma vương. Quyến thuộc của thợ săn, nên biết, đó chính là quyến thuộc của Ma vương. Đàn nai, nên biết đó chính là Sa-môn, Phạm chí vậy”.²²⁵

207. 7 loại bố thí cho Tăng chúng

180. ‘Kinh Cù Đàm Di’

Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm khi Phật còn tại thế, Phật là vị đứng đầu, mà bố thí cho Phật và chúng Tỳ-kheo, như vậy gọi là loại bố thí thứ nhất cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

“Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, bố thí cho cả hai bộ chúng, bố thí cho chúng Tỳ-kheo, bố thí cho chúng Tỳ-kheo-ni; đi vào tinh xá Tỳ-kheo bạch với chúng rằng: ‘Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được bố thí’; đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni bạch với chúng rằng: ‘Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo-ni để chúng con được bố thí’. Như vậy gọi là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

225. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 178. Kinh Lạp Sư, Taiwan, 2000, trang 543~545.

“Này A-nan, trong thời tương lai, có Tỳ-kheo thuộc loại danh tính^[2], khoác áo cà-sa mà không tinh tấn, vị ấy đã không tinh tấn, không tinh cần mà vẫn được bố thí vì có ở trong chúng, duyên nơi chúng, ở trên chúng, nhân nơi chúng, Ta nói lúc bấy giờ thí chủ sẽ được phước vô lượng không thể đếm, không thể kể, được thiện, được lạc; huống nữa là bố thí cho Tỳ-kheo thành tựu hành sự^[3], thành tựu trừ sự^[4], thành tựu cả hành sự và trừ sự, thành tựu chất trực, thành tựu nhu nhuyễn, thành tựu cả chất trực và nhu nhuyễn, thành tựu nhẫn, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc, thành tựu tương ưng, thành tựu kinh kỹ, thành tựu cả tương ưng và kinh kỹ, thành tựu oai nghi, thành tựu hành lai du^[5], thành tựu cả oai nghi và hành lai du^[6], thành tựu tín, thành tựu giới, thành tựu đa văn, thành tựu thí, thành tựu tuệ, thành tựu cả tín, giới, đa văn, thí, tuệ. Như vậy gọi là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

“Đó gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn”.²²⁶

226. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 180. Kinh Cù Đàm Di, Taiwan, 2000, trang 560~562.

208. Bồ thí cho từng người

180. ‘Kinh Cù Đàm Di’

“Này A-nan, thế nào gọi là mười bốn loại bồ thí riêng cho từng người sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, quả báo rộng lớn?

“Thiện nam tử hay thiện nữ có tín nhân bồ thí cho Đức Như Lai, bồ thí cho Duyên giác, bồ thí cho A-la-hán, bồ thí cho A-la-hán hướng, bồ thí cho A-na-hàm, bồ thí cho A-na-hàm hướng, bồ thí cho Tu-đà-hàm, bồ thí cho Tu-đà-hàm hướng, bồ thí cho Tu-đà-hoàn, bồ thí cho Tu-đà-hoàn hướng, bồ thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục, bồ thí cho người tinh tấn, bồ thí cho người không tinh tấn, bồ thí cho súc sanh”.²²⁷

209. Bồ thí như thế nào để được phước đức?

180. ‘Kinh Cù Đàm Di’

“Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bồ thí và chỉ ba loại được thanh tịnh.

“Những gì là bốn? (1) Có loại bồ thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận. (2) Có loại bồ thí do

227. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 180. Kinh Cù Đàm Di, Taiwan, 2000, trang 562.

người thọ nhận thanh tịnh, chứ không phải do thí chủ. (3) Có loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. (4) Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.

(1) “Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận? Là thí chủ thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo^[7]. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: ‘Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí’. Còn người thọ nhận thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: ‘Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí’. Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận.

(2) “Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Là thí chủ thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: ‘Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí’. Còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: ‘Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí’. Như vậy gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ.

(3) “Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận? Là thí chủ thì không tinh tấn, tu hành ác pháp,

không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: ‘Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí’. Và người thọ nhận cũng không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: ‘Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí’. Như vậy gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận.

(4) “Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy? Là thí chủ thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí’. Và người thọ nhận cũng tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng ‘Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí’. Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.”²²⁸

210. Vô minh là nguồn gốc của phiền não

181. ‘Kinh Đa Giới

Thế Tôn nói rằng: “Thật vậy, A-nan, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí

228. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 180. Kinh Cù Đàm Di, Taiwan, 2000, trang 562~564.

tuệ. Những ai vương tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, cũng như lửa dậy từ bụi lau, bụi cỏ, cháy luôn cả lâu các, điện đường. Này A-nan, cũng vậy, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vương tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, trong quá khứ, nếu những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vương tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, trong thời vị lai, nếu những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Nếu những ai vương tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

“Này A-nan, trong thời hiện tại, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vương tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. “Này A-nan, đó gọi là, ngu si có sợ hãi, trí tuệ không sợ hãi; ngu si có vấp ngã, tai hoạn, ưu não; trí tuệ không có vương tai hoạn, ưu não”.²²⁹

229. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 181. Kinh Đa Giới, Taiwan, 2000, trang 565~566.

211. Thế nào gọi là ngu si và trí tuệ

181. ‘Kinh Đa Giới

“Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết thị xứ phi xứ^[8]. A-nan, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải trí tuệ....

“A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết giới, biết xứ, biết nhân duyên, biết thị xứ phi xứ; A-nan, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si”.²³⁰

212. Thế nào gọi là xứ, phi xứ?

181. ‘Kinh Đa Giới

Nhưng, bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết thị xứ phi xứ^[9]?”

Thế Tôn đáp: “Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này A-nan, nếu trong đời có hai vị Chuyển luân vương cùng cai trị, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu trong đời có một Chuyển luân vương cai trị, trường hợp này tất có.

230. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 181. Kinh Đa Giới, Taiwan, 2000, trang 566.

“Này A-nan, nếu trong đời có hai Đức Như Lai, trường hợp này hoàn toàn không. Nếu trong đời này có một Đức Như Lai, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý^[10] mà có ý sát hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phu cố ý hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu, trường hợp này tất có xảy ra.

“A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà có tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này tất có.

“Nếu có một người đã thấy đế lý mà xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phu xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Phạm chí khác nói như vậy: ‘Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết’, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phạm phu theo các Sa-môn, Phạm chí khác, nói rằng: ‘Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết’, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà còn tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này hoàn toàn không có.

Nếu người phàm phu tin bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này tất có.

“Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu người phàm phu theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, trường hợp này tất có”.²³¹

213. Những việc Tỳ-kheo cần phải làm

182. ‘Kinh Mã Ấp’ (A), tham khảo 183. ‘Kinh Mã Ấp’ (B)

“Thế nào là pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí?”

“Thân hành thanh tịnh, chính đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi thân hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng: ‘Ta thân hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để

231. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 181. Kinh Đa Giới, Taiwan, 2000, trang 568~569.

các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân đã thanh tịnh lại phải làm những gì? Phải học khẩu hành thanh tịnh, chính đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi khẩu hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẫn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: ‘Ta thân, khẩu hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học ý hành thanh tịnh, chính đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi ý hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẫn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng: ‘Ta thân, khẩu, ý hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học mạng hành thanh tịnh^[11], chính đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi mạng hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vắn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng: ‘Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì làm phải làm thêm’, này Tỳ-kheo Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phần tránh^[12] mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia^[13], nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phần tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn. Nếu các người nghĩ rằng: ‘Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì làm phải làm

thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học chính tri khi ra, khi vào, khéo quán sát phân biệt; co duỗi, cúi ngược, nghi dung chững chạc; khéo mang Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng... đều có chính tri. Nếu các người nghĩ rằng: ‘Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, có chính tri khi ra, khi vào, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, đã biết rõ sự ra vào, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo nên học sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, dưới gốc cây, những nơi không nhân yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc dưới gốc cây, những nơi không nhân yên tĩnh, trái Ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chính thân chính nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, tâm không tranh cãi, thấy tài vật và các nhu dụng sanh sống của người khác mà không

khởi lòng tham muốn, muốn khiến về mình. Vị ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, thù miên, trạo hối, đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự. Vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ. Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, rời ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ.

“Tỳ-kheo với định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, bèn hướng đến sự tác chứng Lộ tận trí thông. Vị ấy liền biết như thật rằng: ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Cũng biết như thật ‘Đây là Lộ’, ‘Đây là Lộ tập’, ‘Đây là Lộ diệt’, ‘Đây là Lộ diệt đạo’. Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục”.²³²

232. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 15: Phẩm Song - 182. Kinh Mã Ấp (I), Taiwan, 2000, trang 575~578.

214. Các đại đệ tử có quan điểm khác nhau về việc làm thế nào để cho Phật pháp được hưng thịnh

184. ‘Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm’

Tôn giả A-nan đáp rằng: “Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp sơ khởi vi diệu, khoảng giữa vi diệu và kết thúc cũng vi diệu, có nghĩa lý, có văn chương, toàn vẹn thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đến ngàn lần, chuyên ý tư duy, kiến giải thông suốt. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ứng với mục đích đoạn trừ các kết sử. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như thế làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la này.”

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi: “... Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả Ly-việt-đa đáp rằng :

“Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yên tọa^[14], bên trong tu hành nội tâm tĩnh chỉ^[15], không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi: “... Hiền giả A-na-luật-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng: “Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nong với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi: “... Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp rằng: “Tôn giả Xá-lê Tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về A-tỳ-đàm thâm áo. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi: “.. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp rằng: “Hiền giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình sống nơi vô sự^[16] khen ngợi ở

noi vô sự; tự mình có thiếu dục, khen ngợi sự thiếu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chính niệm chính trí, khen ngợi sự lập chính niệm chính trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi: “... Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp rằng: “Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi: “Tôn giả Xá-lê Tử, tôi và các vị Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Xá-lê Tử, ‘Khả ái thay, rừng Nguru giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la?”

Tôn giả Xá-lê Tử đáp rằng: “Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm^[17]. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru giác sa-la.”²³³

233. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 184. Kinh Nguru Giác Sa La Lâm (I), Taiwan, 2000, trang 588~591.

215. Hòa hợp thanh tịnh

185. ‘Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm’ (B)

“Này A-na-luật-đà, vì sao ông được an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy; và tu khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, ‘Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này’. Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn”.²³⁴

234. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 185. Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm (II), Taiwan, 2000, trang 599.

216. Làm thế nào để biết một vị khác có thực tu thực chứng hay không?

186. ‘Kinh Cầu giải’

Thế Tôn bảo rằng: “Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác, phải do hai sự kiện để tìm hiểu Như Lai, một là sắc được biết bởi mắt và hai là tiếng được nghe bởi tai.

“Pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu nữa.

“Pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, phải tìm hiểu thêm nữa.

“Pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây có, lại phải tìm hiểu nữa.

“Tôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thời? Nếu khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu là thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa.

“Tôn giả ấy nhập vào thiền này vì danh dự, vì lợi nghĩa, hay không vì danh dự và lợi nghĩa? Nếu khi tìm

hiểu, biết rằng Tôn giả ấy nhập vào thiền này không phải vì tai hoạn

“Ở đây, lại cần hỏi thêm vị ấy rằng: ‘Này Hiền giả, do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào để Hiền giả có thể biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng: ‘Thế Tôn là vị Chính Đẳng Giác?’ Vị ấy sẽ trả lời như vậy, ‘Này Hiền giả, tôi không biết tâm của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết. Tôi do nơi Thế Tôn mà có tịnh tín như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Này Hiền giả, như Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, và tôi nghe như vậy như vậy, Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn hắc bạch, và tôi nghe như vậy như vậy rồi, biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng: ‘Thế Tôn là vị Chính Đẳng Giác’. Này Hiền giả, tôi do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng: ‘Thế Tôn là vị Chính Đẳng Giác’.”²³⁵

235. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 186. Kinh Câu Giải, Taiwan, 2000, trang 605~608.

217. Quan điểm của Phật về ‘Nhất thiết trí, nhất thiết kiến’

188. ‘Kinh A Di Na’

Đức Thế Tôn lại hỏi rằng: “A-di-na, thế nào là Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy; nếu có dị học, Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết trí, nhất thiết kiến, tự cho là ‘Ta biết không sót cái gì’, nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn?”

Dị học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu, đáp rằng: “Thưa Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu nói như vậy, ‘Nếu khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, lúc tối hay ban ngày vẫn thường không chướng ngại tri kiến. Nhưng cũng có khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng đại, xe ruồi nhanh, lính bại trận, con trai chạy trốn, con gái chạy trốn, hoặc đi trên con đường nào đó mà gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc lọt xuống rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên bò đang nằm, hoặc sa xuống hầm sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc thấy thôn ấp mà phải hỏi tên đường, hoặc gặp kẻ trai người gái phải hỏi họ hỏi tên, hoặc nhìn làm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: ‘Ông ở đâu đến?’ Ta đáp rằng: ‘Này chư Hiền, tôi đi lộn đường’.”

Thưa Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu đại loại như vậy, tư duy với năm trăm tư duy, và nếu có dị học Sa-môn,

Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến, tự cho rằng: “Ta biết không sót cái gì, nhưng vị ấy cũng có những lầm lẫn như vậy.”....

Đức Phật lại bảo rằng: “Có hai chúng, một là chúng pháp, hai là chúng phi pháp.

“Sao gọi là chúng phi pháp? Hoặc có người làm việc phi pháp, nói lời phi pháp và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ấy đứng đầu trong chúng phi pháp, theo những điều chính mình đã biết, nhưng lại bằng những lời hư vọng, không chân thật mà hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, bị cật vấn thì không thể trả lời được. Đối với trong Chính pháp luật không thể xưng lập những điều chính mình đã biết. Nhưng người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp, tự cho là ‘Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả’. Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp.

“Sao gọi là chúng pháp? Hoặc có người làm đúng pháp, nói như pháp và chúng ấy cũng làm đúng pháp, nói như pháp. Người đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được, đối với Chính pháp luật có thể

xúng lập những điều chính mình đã biết, và người ấy đứng đầu trong chúng pháp, tự cho là ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả. Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp.

“Cho nên, các người nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã chứng biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các người nên học pháp như thật và nghĩa như thật.”

Phật thuyết như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa...

Này chư Hiền, vậy hãy cùng nghe tôi nói.

“Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chính kiến là pháp. Nếu điều nào nhân bởi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhân bởi chính kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa.

“Này chư Hiền, cho đến tà trí là phi pháp, chính trí là pháp. Nếu nhân bởi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhân bởi chính trí mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa”.²³⁶

236. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 188. Kinh A Di Na, Taiwan, 2000, trang 620~623.

196. ‘Kinh Châu Na’

“Này A-nan, ý người nghĩ sao đối với pháp tụ mà Ta tụ giác, tụ thân chứng ngộ, gồm Bốn niệm xứ, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chi thánh đạo? Này A-nan, Ni-kiền Thân Tử thật sự không phải là Nhất thiết trí nhưng tụ cho là Nhất thiết trí. Này A-nan, nếu Ni-kiền Thân Tử là vị biết tất cả, thấy tất cả thì vị ấy đã vì đệ tử mà giảng giải sáu gốc rễ của đấu tranh; nghĩa là, có thể nghe để đình chỉ”.²³⁷

212. ‘Kinh Nhất thiết trí’

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

“Bạch Cù-đàm, con nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không, và hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến’. Bạch Cù-đàm, Ngài đã nhớ là đã nói như vậy chăng?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Đại vương, Ta không nhớ là đã nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến’.”

237. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 196. Kinh Châu Na, Taiwan, 2000, trang 705.

Lúc đó Đại tướng Bệ-luru-la đứng sau lưng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, cầm phát trần hầu vua. Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la quay lại nói với Đại tướng Bệ-luru-la rằng:

“Hôm trước Ta ngồi với đại chúng, ai là người đầu tiên nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến’?”

Đại tướng Bệ-luru-la đáp rằng:

“Tâu Thiên vương, có Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử là người đầu tiên nói như vậy.”

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong, bảo một người rằng: “Người đến chỗ Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử nói như vậy, ‘Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông’.”

Người ấy lãnh giáo, đi đến chỗ Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử bảo như vậy:

“Này Niên Thiểu, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông.”

Sau khi người ấy đi, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bạch Thế Tôn:

“Bạch Sa-môn Cù-đàm, có thể có những lời nói khác, nhưng được ghi nhớ khác. Bạch Cù-đàm, ngài có nhớ đã nói những gì chăng?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Đại vương, Ta nhớ đã từng nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào trong một thời biết tất cả, trong một thời thấy tất cả’. Này Đại vương, Ta nhớ đã nói như vậy.”²³⁸

218. 8 chính đạo

189. ‘Kinh Thánh Đạo’

219. Khái niệm ‘không’ trong Kinh A-hàm

190. ‘Kinh Tiểu Không’

“Này A-nan, như giảng đường Lộc tử mẫu này trống không, không có voi, ngựa, bò, dê, tài vật, lúa thóc, nô tỳ; nhưng có cái không trống không. Đó là chỉ có chúng Tỳ-kheo. Cho nên, này A-nan, nếu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà Ta thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì Ta thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tính, sự không điên đảo.

238. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 18: Phẩm Lệ - 212. Kinh Nhất Thiết Trí, Taiwan, 2000, trang 882~883.

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào nếu muốn hành nhiều trong không tính, Tỳ-kheo ấy đừng tác đến ý tưởng về xóm làng, đừng tác ý đến ý tưởng về người, mà hằng tác ý đến ý tưởng về duy nhất tính là ý tưởng về khu rừng. Vị ấy nhận biết như vậy, ‘Trông không ý tưởng về xóm làng, trông không ý tưởng về người, nhưng có một cái không trông không, đó là duy nhất tính do ý tưởng về khu rừng. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về xóm làng, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc là do duy nhất tính ý tưởng về khu rừng’. Nếu trong đó không có gì cả thì, thì chính do đó mà vị ấy thấy đó là trông không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tính, sự không điên đảo.

“Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tính, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về người, đừng tác ý đến ý tưởng khu rừng mà hằng tác ý đến duy nhất tính là ý tưởng về đất. Tỳ-kheo ấy nếu thấy đất này có cao có thấp, có ổ rấn, có bụi gai, có cát, có đá, núi chồm, sông sâu thì chớ có tác ý đến. Nếu thấy đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường tác ý đến”²³⁹....

239. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 190. Kinh Tiểu Không, Taiwan, 2000, trang 631~632.

191. ‘Kinh Đại Không’

... Đây A-nan, như vậy, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy tác ý về nội không. Vị ấy sau khi tác ý về nội không rồi, mà tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về ngoại không. Vị ấy sau khi tác ý về ngoại không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với ngoại không.

“Đây A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang tác ý về ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không an trụ, không giải thoát đối với ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về nội ngoại không. Vị ấy sau khi suy niệm về nội ngoại không rồi mà tâm bèn di động, không hướng đến gần, không trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội ngoại không. Đây A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán mà biết rằng mình đang suy niệm về nội ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về sự không di động”.²⁴⁰

240. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 191. Kinh Đại Không, Taiwan, 2000, trang 640.

220. Thế nào gọi là phụng sự chính pháp

191. ‘Kinh Đại Không’

Đức Phật nói: “Này A-nan, không phải chỉ vì chính kinh, ca vịnh, ký thuyết mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để hành phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, hoặc từ lâu vị ấy đã từng nghe pháp này, tụng tập đến cả ngàn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, thấu triệt sâu xa. Nếu vấn đề này là Thánh luận tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những che lấp, tức các vấn đề bố thí, vấn đề giới, vấn đề định, vấn đề tuệ, vấn đề giải thoát, vấn đề giải thoát tri kiến, vấn đề tiệt giảm, vấn đề không tụ hội, vấn đề thiếu dục, vấn đề tri túc, vấn đề vô dục, vấn đề đoạn, vấn đề diệt, vấn đề tĩnh tọa, vấn đề duyên khởi. Những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy, được dễ dàng chứ không khó. Do ý nghĩa này mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để hành phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiền lụy cho Tôn sư, phiền lụy cho đệ tử, phiền lụy cho các vị đồng phạm hạnh.

“Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho Tôn sư?

“Ở đây, một vị Tôn sư xuất thế, có sách lược tư duy, bằng tâm trạng sách lược mà quán sát các loại phạm nhân. Có biện tài, vị ấy đi đến nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viển

ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

“Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc, rồi theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân. Vị ấy sau khi theo đệ tử trở về, với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho Tôn sư và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh già bệnh chết; đó là phiền lụy cho Tôn sư.

“Này A-nan, thế nào là sự phiền lụy cho đệ tử? Đệ tử của vị Tôn sư ấy học sự viễn ly của vị ấy, vị ấy sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, trên sườn non, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, bèn theo đệ tử trở về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân. Vị ấy sau khi theo đệ tử về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là làm phiền lụy cho đệ tử, và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác, bất thiện, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh già bệnh chết. Đó là phiền lụy cho đệ tử....

Này A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa?

“Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, là vì thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và phước lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi từ bi tâm, nói rằng: ‘Đây là điều hữu ích. Đây là sự an lạc. Đây là sự hữu ích an lạc’. Nếu đệ tử ấy mà không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an trụ nơi chính trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ lãnh chính pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không được định, đệ tử như vậy là đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa.

“Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và an lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử phát khởi từ bi tâm mà nói rằng: ‘Đây là điều hữu ích. Đây là sự an lạc. Đây là sự hữu ích an lạc’. Nếu đệ tử thuận hành theo, an lập nơi chính trí, tâm quy hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ lãnh Chính pháp, không trái phạm lời giáo huấn của Tôn sư, có thể được định. Vị đệ tử như thế là đối với Tôn sư mà hành sự từ hòa, không gây sự oán hận”.²⁴¹

221. Lý do Phật chế không ăn thịt

192. ‘Kinh Ca Lâu Ô Đà Di’

“Bạch Thế Tôn, con lại nghĩ rằng: ‘Nếu có Tỳ-kheo phi thời đi vào thôn ấp khát thực, hoặc có thể gặp kẻ đạo

241. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 191. Kinh Đại Không, Taiwan, 2000, trang 644~647.

tặc đang hành sự hay chưa hành sự, hoặc gặp cọp, gặp nai, hoặc gặp cả cọp nai, hoặc gặp beo gặp gấu, hoặc gặp cả beo gấu, hoặc sống^[7] ở những chỗ như vậy, hoặc gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc té vào nương rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc cỡi lên bò đang nằm, hoặc lọt xuống hầm sâu, hoặc vướng vào bụi gai, xem xét thấy nhà trống mà bước vào nhà như vậy, khi vào trong đó rồi, người con gái thấy rủ rê làm việc bất tịnh hạnh xấu xa.

“Bạch Thế Tôn, xưa có một Tỳ-kheo trong đêm tối mịt, trời mưa lâm râm, chớp lóe như lửa xẹt, mà phi thời đi vào nhà người ta khát thực. Bảy giờ người đàn bà đi ngoài rửa chén bát. Khi ấy người đàn bà này trong cơn chớp lóe, trông xa thấy Tỳ-kheo tưởng là quỷ. Thấy rồi, bà ta kinh hãi, lông tóc dựng ngược, thất thanh la lớn, tức thì ngã xuống^[8], miệng nói rằng: ‘Ông là ma! Ông là ma!’ Tỳ-kheo mới nói với người đàn bà ấy rằng: ‘Này cô em, tôi không phải là ma đâu, tôi là Sa-môn đến khát thực’. Bảy giờ người đàn bà ấy giận và mắng vị Tỳ-kheo rất nhức nhối, rất dữ dằn rằng: ‘Sa-môn hãy vong mạng cho lẹ đi! Bố mẹ Sa-môn hãy chết cho lẹ đi! Dòng họ Sa-môn hãy tuyệt diệt đi! Sa-môn hãy lòi ruột đi! Sa-môn trọc đầu, đen thui, tuyệt tự, không con cái! Hãy cầm dao bén mà tự mổ bụng đi! Chớ đừng đi khát thực phi thời ban đêm. Ôi chao! Tại Sa-môn mà tôi bị té!’ Bạch Thế Tôn, con nhớ vị ấy rồi tâm sanh hân hoan. Bạch Thế Tôn, con nhờ sự hân hoan này mà sung mãn châu thân, chính niệm chính trí, phát sanh hỷ,

khinh an, lạc, định. Bạch Thế Tôn, con nhờ định này, sung mãn châu thân mà được chính niệm chính trí. Như vậy, bạch Thế Tôn, con không thiếu thốn gì, thường được an ổn, khoái lạc, khí lực bình thường.”²⁴²

222. Dù chỉ là ngôi nhà rách, người vợ chột mắt cũng rất khó bỏ

192. ‘Kinh Ca Lô Ô Đà Di’

“Này Ô-đà-di, ví như người nghèo khổ, không có của cải, cũng không có thế lực; người ấy có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tẻ không thể ở. Lại có một cái giường bị gãy sập, tẻ không thể nằm; có một cái lu bị thủng không dùng được. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa sạch chân, trải ni-sur-đàn ngồi dưới một gốc cây mát mẻ điều hòa mà tu tập tăng thượng tâm. Người ấy thấy vậy trong tâm nghĩ rằng ‘Sa-môn thật là khoái lạc, Sa-môn như Niết-bàn. Ta thật là xấu xa vô đức. Vì sao? Vì ta có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, nhưng không thể bỏ; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tẻ không thể ở, nhưng cũng

242. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 16: Phẩm Đại (Phần Sau) - 192. Kinh Ca Lô Ô Đà Di, Taiwan, 2000, trang 653~654.

không thể bỏ. Lại có một cái giường bị gãy sập, tề không thể nằm; có một cái lu bị thủng không dùng được nhưng cũng không thể bỏ. Ta ưa thích Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nay Ô-đà-di, nếu có người nói như vậy, ‘Người nghèo khổ kia không có tiền của cũng không có thể lực, mà bị trói buộc không cứng không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt có thể giải thoát, nói như vậy có đúng chăng?’

Tôn giả Ô-đà-di đáp: “Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì người nghèo khổ kia không có tiền của cũng không có thể lực, có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, nhưng không thể bỏ; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bu đến đậu, tề không thể ở, nhưng cũng không thể bỏ. Lại có một cái giường bị gãy sập, tề không thể nằm; có một cái lu bị thủng không dùng được nhưng cũng không thể bỏ. Dù người ấy ưa thích như vị Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, lia bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, thế cho nên người nghèo khổ kia, không có tiền của cũng không có thể lực, bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao không thể đoạn tuyệt cũng không thể giải thoát được.”

“Cũng vậy, nay Ô-đà-di, nếu có người ngu si mà Ta khuyên rằng: ‘Người hãy từ bỏ điều ấy, người ấy lại nói rằng: ‘Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải

từ bỏ!’ Và cũng nói: ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn’. Rồi người ấy không đoạn trừ. Nó không chỉ đối với Ta sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Nay Ô-đà-di, thế cho nên người ngu si kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không thể giải thoát. Nay Ô-đà-di, nếu một thiện gia nam tử mà Ta khuyên rằng: ‘Người hãy từ bỏ điều này’, người ấy không nói như vậy: ‘Ấy là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải từ bỏ!’ Và cũng không nói: ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn’. Rồi người ấy đoạn trừ. Người không chỉ đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Nay Ô-đà-di, thế cho nên thiện gia nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát.

“Này Ô-đà-di, ví như cư sĩ, con cư sĩ, rất giàu có, sung sướng, rất nhiều tiền của, sản nghiệp súc mục không thể tính được, phong hộ thực ấp, lúa gạo, bao nhiêu những nhu dụng sanh sống đều rất đầy đủ. Nô tỳ, voi ngựa thì không kể. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa tay chân, trải Ni-sur-đàn ngồi dưới một gốc cây mát mẽ điều hòa mà tu tập tăng thượng tâm. Thấy vậy người ấy nghĩ rằng: ‘Sa-môn thật là khoái lạc,

Sa-môn như Niết-bàn. Ta nên từ bỏ sự giàu sang sung sướng, vàng bạc châu báu, voi ngựa, nô tỳ, hâm mộ làm Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo!’ Này Ô-đà-di, có người lại nghĩ rằng: ‘Người cư sĩ, con người cư sĩ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không được giải thoát’. Nói như vậy có đúng không?”

Tôn giả Ô-đà-di bạch rằng: “Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì người cư sĩ hay con người cư sĩ kia có thể xa lìa, vứt bỏ sự giàu sang, phú quý, vàng bạc châu báu, lúa gạo, voi ngựa, nô tỳ để làm Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, thế cho nên người cư sĩ hay con người cư sĩ kia bị trói không cứng chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát được.”

“Cũng như vậy, này Ô-đà-di, nếu một thiện gia nam tử mà Ta khuyên rằng: ‘Người hãy từ bỏ điều này,’ người ấy không nói như vậy: ‘Ấy là việc nhỏ nhất, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ! Thiện Thệ dạy ta phải từ bỏ!’ Và cũng không nói: ‘Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa đồ ăn’. Rồi người ấy đoạn trừ. Người không chỉ đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận, mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, nó cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thế cho nên thiện gia

nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát.

“Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo hành xả. Vị ấy hành xả rồi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc. Vị ấy ham thích nó, không đoạn, không trụ, không nhả bỏ. Này Ô-đà-di, Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát. Vì sao? Vì các kết sử là bất thiện. Ô-đà-di, vì kết sử là bất thiện, cho nên Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát”²⁴³.

223. Tỳ-kheo thân cận với Tỳ-kheo Ni

193. ‘Kinh Mâu Lê Phá Quần Na’

Bấy giờ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thường tu tập với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vị nào trước mặt Mâu-lê-phá-quần-na mà nói xấu các Tỳ-kheo-ni, thầy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt Tỳ-kheo-ni nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận hằn học cho đến cãi vã. Một số đông các Tỳ-kheo nghe như vậy liền đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân, ngòai qua một bên thưa rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thường tụ tập với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vị nào trước

243. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 16: Phẩm Đại (Phần Sau) - 192. Kinh Ca Lô Ô Đà Di, Taiwan, 2000, trang 656~659.

mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói xấu các Tỳ-kheo-ni, thầy ấy nghe vậy liền sân hận, hần học cho đến cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt các Tỳ-kheo nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na, các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận, hần học cho đến cãi vã.”²⁴⁴

224. Lời nói

193. ‘Kinh Mâu Lê Phá Quần Na’

“Cũng vậy, ở đây, một người khéo thủ hộ, khéo đi, khéo đến, là do người khác không nói lời cộc cằn. Khi người khác không nói lời cộc cằn, vị ấy không phẫn nộ, không hần học, không ưu phiền oán hận, không giận dữ thù nghịch, không lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy, bèn nghĩ: ‘Hiền giả này là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, khéo tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh’. Nếu khi có người khác nói lời cộc cằn bèn phẫn nộ, hần học, ưu phiền oán hận, giận dữ, thù nghịch, lộ vẻ hung dữ, các Tỳ-kheo khác thấy vậy bèn nghĩ rằng: ‘Hiền giả này hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không định tĩnh, không tự chế, không tịch tịnh.’”

Lại nữa, có năm con đường của ngôn ngữ, hoặc nói đúng thời hay không đúng thời, hoặc nói chân thật hay

244. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 193. Kinh Mâu Lê Phá Quần Na, Taiwan, 2000, trang 665.

không chân thật hoặc nói dụ dàng hay cứng ngắt, hoặc nói từ hòa hay sân nhuế, hoặc nói có nghĩa lợi hay không nghĩa lợi.

Với năm con đường ngôn ngữ này, các người nếu khi người khác nói mà với tâm bị biến đổi, có thể miệng phát ra lời nói cộc cằn, Ta nói các người do đó mà bị suy thoái.

Các người hãy học, với năm con đường ngôn ngữ này, khi người khác nói mà tâm không bị biến đổi, miệng không phát ra lời nói cộc cằn, hãy hướng đến kẻ thù nghịch, hãy duyên nơi kẻ thù nghịch mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ biến mẫn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn, vô lượng, vô biên khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các người hãy học như vậy”²⁴⁵ ...

245. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 193. Kinh Mẫu Lê Pháp Quân Na, Taiwan, 2000, trang 669~673.

225. Thái độ Tỳ-kheo khi bị khiển trách

194. ‘Kinh Bạt Đà Hòa Lợi’

Đức Thế Tôn nói: “Này Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc có Tỳ-kheo thường xuyên phạm giới; do bởi thường xuyên hay phạm giới nên các Tỳ-kheo đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn nói lãng sang vấn đề khác, những việc ngoài vấn đề; sân hận, thù nghịch, phần nộ, bất mãn, xúc nhiều chúng Tăng, khinh mạn chúng Tăng, nói như vậy, ‘Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ mà vui lòng’. Với ý nghĩ như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: ‘Nhưng Hiền giả này thường hay phạm giới. Và do thường hay phạm giới, nên bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị này sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn nói sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề, sân hận, thù nghịch, phần nộ, bất mãn, xúc nhiều chúng Tăng, khinh mạn chúng Tăng, nói như vậy: ‘Tôi phải làm gì để chúng Tăng được hoan hỷ mà hài lòng’. Sau khi thấy vậy, bèn nói rằng: “Này chư Tôn, hãy xem xét khiến để kéo dài một thời gian”.

“Hoặc giả có Tỳ-kheo thường hay phạm giới; do thường hay phạm giới cho nên bị các vị đồng phạm hạnh

khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, không nói lăng sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề, không sân hận, thù nghịch chúng Tăng, phẫn nộ, bất mãn, xúc nhiều và khinh, mạn, không nói như vậy, ‘Tôi phải làm gì để Tăng chúng hoan hỷ mà hài lòng.’ Không có ý nghĩ như vậy. Nay Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: ‘Nhưng Hiền giả này thường hay phạm giới, do bởi thường hay phạm giới nên các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các vị đồng phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, vị ấy không nói lăng sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn đề không sân hận, thù nghịch, phẫn nộ, bất mãn, không xúc nhiều chúng Tăng, không khinh mạn chúng Tăng, không nói như vậy, ‘Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ mà hài lòng’. Sau khi thấy như vậy bèn nói rằng: ‘Này chư Tôn, hãy xem xét mà khiến cho diệt sớm’. Trường hợp phạm các cấm giới nhẹ cũng vậy”²⁴⁶

246. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 194. Kinh Bạt Đà Hòa Lợi, Taiwan, 2000, trang 684~685.

226. Một ngày ăn một bữa

195. ‘Kinh A Thập Bối’

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo rằng: “Ta một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi vô cầu, không bệnh không đau, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc. Các người cũng nên một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, vô vi, vô cầu, không bệnh không đau, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn khoái lạc.”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà thi thiết giới, một ngày chỉ ăn một lần. Các Tỳ-kheo đều phụng trì theo học giới này và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Rồi Thế Tôn lần hồi đi đến Ca-la-lại, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa ở phía Bắc thôn Ca-la-lại”.²⁴⁷

227. Có hai loại lạc: Lạc liên hệ giải thoát và lạc liên hệ khổ đau

195. ‘Kinh A Thập Bối’

“Vì sao? Ta không nói tu tập tất cả thân lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân lạc. Ta không nói tu tập tất cả thân khổ, cũng không nói không nên tu tập

247. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 195. Kinh A Thập Bối, Taiwan, 2000, trang 689.

tất cả thân khổ. Ta không nói tu tập tất cả tâm lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả về tâm lạc. Ta không nói tu tập tất cả tâm khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả tâm khổ.

“Thế nào là thân lạc mà ta nói là không tu? Nếu tu thân lạc mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thì thân lạc như vậy ta nói không tu. Thế nào là thân lạc mà Ta nói tu? Nếu tu thân lạc mà pháp ác bất thiện giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân lạc như vậy ta nói tu. Thế nào là thân khổ mà ta nói không tu? Nếu tu thân khổ mà pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm, thân khổ như vậy, ta nói không tu. Thế nào là thân khổ mà ta nói tu? Nếu tu thân khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Thân khổ như vậy, ta nói tu.

“Thế nào là tâm lạc ta nói không tu? Nếu tu tâm lạc mà các pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Tâm lạc như vậy, ta nói không tu. Thế nào là tâm lạc ta nói phải tu? Nếu tu tâm lạc mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Tâm lạc như vậy ta nói tu. Thế nào là tâm khổ mà ta nói không tu? Nếu tu tâm khổ mà các pháp ác bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Tâm khổ như vậy ta nói không tu. Thế nào là tâm khổ mà ta nói tu? Nếu tu tâm khổ mà pháp ác bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng, tâm khổ như vậy, ta nói tu”.²⁴⁸

248. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 195. Kinh A Thập Bối, Taiwan, 2000, trang 695.

228. Tỳ cơ thuyết giáo

195. ‘Kinh A Thập Bối’

Thế nào là Tỳ-kheo không thực hành sự không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào chứng câu giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có câu giải thoát? Nếu có Tỳ-kheo đối với tám giải thoát, thân đã chứng, thành tựu an trụ, do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có câu giải thoát. Vị Tỳ-kheo này ta nói thực hành sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này vốn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy, Ta nói vị Tỳ-kheo này không thực hành sự không phóng dật.

“Hoặc có Tỳ-kheo không phải câu giải thoát mà có tuệ giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát? Nếu có Tỳ-kheo đối với tám giải thoát mà thân không chứng, thành tựu an trú, nhưng do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không thành tựu sự không phóng dật. Vì sao? Vì Hiền giả này vốn đã thành tựu sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này vốn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy Ta nói vị Tỳ-kheo này không thành tựu sự không phóng dật.

“Hai hạng Tỳ-kheo này Ta nói không thành tựu sự không phóng dật. Nay các Tỳ-kheo, tại sao Ta nói thành tựu sự không phóng dật? Hoặc có Tỳ-kheo không có câu giải thoát, cũng không có tuệ giải thoát mà có thân chứng. Thế nào là Tỳ-kheo có thân chứng? Nếu có Tỳ-

kheo đối với tám giải thoát, thân đã chứng, thành tựu an trụ, không do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết rõ. Như vậy là Tỳ-kheo có thân chứng. Tỳ-kheo này Ta nói thực hành sự không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói Tỳ-kheo ấy hành không phóng dật? Ở đây, vị Tỳ-kheo này tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã diệt tận, đắc được vô lậu, giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trú, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này không phóng dật, có được quả như thế, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này thực hành sự không phóng dật.

“Hoặc có vị Tỳ-kheo không phải cầu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, nhưng lại kiến đáo. Thế nào là Tỳ-kheo có kiến đáo? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy thuộc pháp được nghe, rồi do tuệ mà có tăng thượng quán và tăng thượng nhãn. Như thế, vị Tỳ-kheo này có kiến đáo. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập các vị thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã tận diệt, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri tự giác, tự chứng, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh

đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật có quả như vậy. Cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Nếu Tỳ-kheo nào không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, cũng không phải kiến đáo, nhưng lại có tín giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tín giải thoát? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có quán và nhãn nhận, không bằng kiến đáo. Như vậy là vị Tỳ-kheo này có tín giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì, khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự được các căn, học tập theo các vị thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, các lậu đã diệt tận, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tự và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa’. Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả như vậy, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Nếu có vị Tỳ-kheo nào không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo cũng không có tín giải thoát, nhưng có pháp

hành. Thế nào là Tỳ-kheo có pháp hành? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin tuyệt đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có tăng thượng quán, tăng thượng nhãn. Như vậy, Tỳ-kheo này có pháp hành. Vì Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một. Hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư được A-na-hàm. Vì Ta thấy vị này hành không phóng dật, có quả như vậy. Cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật.

“Nếu có Tỳ-kheo nào không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đạo, không có tín giải thoát, không có pháp hành, nhưng lại có tín hành. Thế nào là Tỳ-kheo có tín hành? Nếu vị Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà quán và nhãn, không như pháp hành. Như vậy, Tỳ-kheo này có tín hành. Vì Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Nếu có vị Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống tùy thuận an trú, đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một, hoặc ngay trong hiện tại được cứu cánh trí, nếu còn hữu dư, đắc A-na-hàm. Vì Ta thấy

vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Các vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật”.²⁴⁹

229. Sự kiện Kỳ-na giáo rạn nứt chia rẽ

196. ‘Kinh Châu Na’

Bây giờ sa-di Châu-na, kiết hạ ở Ba-hòa. Tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cật trối nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng: “Ta biết pháp này, người không biết. Người biết pháp sao bằng chỗ ta biết? Ta nói tề chỉnh, còn người không tề chỉnh. Ta nói phù hợp, còn người không phù hợp. Điều đáng nói trước, người nói sau; điều đáng nói sau người lại nói trước. Ta hơn, còn người không bằng. Ta hỏi việc người, người không thể trả lời được. Ta đã chế phục người, người còn hỏi nữa. Nếu người động thủ, ta sẽ cật trối người lại”. Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau. Ai cũng chỉ mong mình nói hơn, mà không có người nào để khiển trách. Nếu có những người bạch y tại gia, đệ tử của Ni-kiền Thân Tử, thấy vậy, họ đều chán nản và lãng xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử này. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói

249. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 195. Kinh A Thập Bối, Taiwan, 2000, trang 696~699.

ấy đều là ác pháp luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến Chính giác, cũng không phải là lời dạy của Đấng Thiện Thế. Nó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đấng Chính Giác”.²⁵⁰

230. Có phải Kinh Châu Na này ghi lại sự chia rẽ trong Tăng đoàn không?

196. ‘Kinh Châu Na’

Đức Thế Tôn nói: “Này A-nan, nếu đấu tranh do bởi giới tăng thượng, tâm tăng thượng, quán tăng thượng thì sự đấu tranh ấy quá nhỏ nhặt. Này A-nan! Nếu có sự đấu tranh trong chúng Tăng do đạo và đạo tích thì sự đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người. Nó không phải là sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc.

“Này A-nan, khi người thấy ở trong đây có hai Tỳ-kheo vì mỗi người có mỗi ý kiến khác nhau mà gây ra cuộc đấu tranh mà nói rằng: ‘Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây là phi luật; đây là phạm, đây là phi phạm; hoặc nhẹ, hoặc nặng; có thể sám hối, không thể

250. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 196. Kinh Châu Na, Taiwan, 2000, trang 701~702.

sám hối; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; dư tàn, không dư tàn; khởi, không khởi’.

“Này A-nan, ý người nghĩ sao đối với pháp tụ mà Ta tự giác, tự thân chứng ngộ, gồm Bốn niệm xứ, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chi thánh đạo? “Này A-nan, Ni-kiền Thân Tử thật sự không phải là Nhất thiết trí nhưng tự cho là Nhất thiết trí. “Này A-nan, nếu Ni-kiền Thân Tử là vị biết tất cả, thấy tất cả thì vị ấy đã vì đệ tử mà giảng giải sáu gốc rễ của đấu tranh; nghĩa là, có thể nghe đề đình chỉ”.”²⁵¹

231. Có liên quan đến Đại Thiên

196. ‘Kinh Châu Na’

“Này A-nan, nếu một người nào có ác dục, tà kiến, ác tính không biết phục thiện thì không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy pháp, không giữ giới, ở trong chúng nó gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người, không phải sự thiện lợi và hữu ích, không phải là sự an ổn khoái lạc, cho đến trời người phải chịu đau khổ và tai họa. Này A-nan! Nếu người thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy,

251. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 196. Kinh Châu Na, Taiwan, 2000, trang 704~705.

để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, người phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chính niệm, chính trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Nay A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu người thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà không dứt hết được, vậy để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, người phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chính niệm chính trí, kiên nhẫn đừng để thối thất.

“Nay A-nan, sự đấu tranh như vậy, bên trong hay bên ngoài, mà người thấy đã được chấm dứt, người phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được người đoạn trừ từ gốc rễ. Nay A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, đốt cháy áo, thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu người thấy sự đấu tranh như vậy, ở bên trong hay bên ngoài, mà người thấy đã được chấm dứt, người phải thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Như vậy, sự tranh chấp này được người đoạn trừ từ gốc rễ”.²⁵²

252. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 196. Kinh Châu Na, Taiwan, 2000, trang 706~707.

232. Luật: Bảy phương pháp đình chỉ đấu tranh

196. ‘Kinh Châu Na’

“Lại nữa, này A-nan, có bảy phương pháp đình chỉ đấu tranh. Bảy phương pháp đó là: một là ung dữ diện tiền chỉ tránh luật, hai là ung dữ ức chỉ tránh luật, ba là ung dữ bất si chỉ tránh luật, bốn là ung dữ phát lồ chỉ tránh luật, năm là ung dữ quân chỉ tránh luật, sáu là ung dữ triển chuyển chỉ tránh luật, bảy là ung dữ như khí phân tảo chỉ tránh luật.

“Này A-nan, thế nào là ung dữ diện tiền chỉ tránh luật (diệt tránh pháp 滅諍法; Pāli: *adhikaraṇa-samathā*.)? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh này? Tức là điều luật đình chỉ đấu tranh bằng sự hiện diện. Này A-nan, hoặc một người đối với một người, mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Một người đối với hai người, một người đối với nhiều người, một người đối với chúng Tăng mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với nhiều người, hai người đối với chúng Tăng, hai người đối với một người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn

sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với chúng Tăng, nhiều người đối với một người, nhiều người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Chúng Tăng đối với một người, chúng Tăng đối với hai người, chúng Tăng đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, được thủ hộ bằng pháp luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Đây A-nan, như vậy gọi là ưng dữ hiện tiền chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự hiện diện.

“Đây A-nan, thế nào là ưng dữ ức chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự tranh đấu này? Tức là do đình chỉ đấu tranh bằng nhớ lại. Đây A-nan, nếu có một người nào phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm. Các Tỳ-kheo thấy vậy, nói với vị ấy rằng: ‘Thầy đã phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm. Thầy hãy đến trong chúng mà xin luật ức niệm. Tăng chúng sẽ ban cho Hiền giả luật ức niệm’. Đây A-nan, nếu ở một nơi nào có Tăng chúng hòa hợp mà nhóm họp vị Tỳ-kheo kia phải đến đó, trích vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đánh lễ dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chấp tay quỳ mọp mà bạch với các trưởng lão

thượng tôn rằng: ‘Bạch chư Tôn, mong các ngài nghe cho, con đã từng phạm giới mà không nhớ, nay con từ nơi chúng Tăng cầu xin luật ức niệm. Mong Tăng chúng hòa hợp ban cho con luật ức niệm’. Nay A-nan, Tăng chúng hòa hợp lại để ban cho vị Tỳ-kheo này luật ức niệm, bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ dạy, với sự hiện diện khiến cho được hoan hỷ. Nay A-nan, như vậy gọi là ung dữ ức chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng cách nhớ lại.

“Này A-nan, thế nào là ung dữ bất si chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là luật đình chỉ đấu tranh bằng sự không si cuồng. Nay A-nan, nếu có một người do phát cuồng mà tâm điên đảo, nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Người ấy sau khi trở lại tâm trạng như trước, gặp các Tỳ-kheo và được bảo rằng: ‘Thầy đã phát cuồng và tâm điên đảo, do phát cuồng và tâm điên đảo, nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Nay Hiền giả, nếu Hiền giả sau khi trở lại tâm trạng như trước, Hiền giả có thể đến nơi chúng Tăng mà cầu xin luật bất si. Chúng Tăng sẽ ban cho Hiền giả luật bất si’. Nay A Nan, nếu một nơi nào đó Tăng chúng đang hòa hợp và nhóm hội, vị Tỳ-kheo ấy nên đến đó, trích vai áo, bỏ guốc, vào trong Tăng chúng, cúi đầu lễ sát dưới chân

các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo chấp tay quì mọp, mà bạch với các Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo rằng: ‘Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con đã từng phát cuồng và tâm điên đảo. Do con đã phát cuồng và tâm điên đảo nên làm nhiều điều không thanh tịnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hành mà nói vi phạm. Về sau con trở lại tâm trạng như trước. Nay con từ nơi chúng Tăng xin cầu luật bất si. Mong chúng Tăng hòa hợp ban cho con luật bất si’. Nay A-nan, chúng Tăng cùng hòa hợp và nhóm hội, ban cho vị Tỳ-kheo ấy luật bất si, bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện, khiến được hoan hỷ. Nay A-nan, đó gọi là ưng dữ bất si chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự không si cuồng.

“Nay A-nan, thế nào là ưng dữ tự phát lồ chỉ tranh luật? Sự đấu tranh làm thế nào để chấm dứt? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự tự thú nhận. Nay A-nan, nếu có một người phạm giới, hoặc nói ra hay không nói ra, hoặc có nhớ hay không nhớ. Nay A-nan, nếu tại nơi nào đó có chúng Tăng đang hòa hợp và nhóm hội. Vị Tỳ-kheo kia nên đến đó, trích vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đánh lễ dưới chân các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chấp tay quì mọp mà bạch rằng: “Bạch chư Tôn, xin nghe cho, con phạm giới đó, con nay hướng về các bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, chí tâm phát lồ, tự mình nói và trưng bày rõ, không dám che

giấu, từ nay về sau sẽ khéo léo hộ trì không tái phạm. Nay A-nan, chúng Tỳ-kheo nên hỏi vị ấy rằng: ‘Này Hiền giả, có tự thấy điều mình phạm không?’ Vị Tỳ-kheo ấy đáp, ‘Con thật sự có thấy điều con phạm’. Đại chúng cũng nên nói với vị ấy rằng: ‘Hiền giả nên cẩn thận giữ gìn đừng tái phạm’. Nay A-nan! Đó là ung dữ tự phát lồ chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự từ thú nhận.

“Này A-nan, thế nào là ung dữ quân chỉ tranh luật? Làm sao để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng chín đương nhân. Nay A-nan! Nếu có người không biết xấu hổ, không hối hận những tội bị thấy, bị nghe và bị người khác nghi ngờ là ác đức. Người ấy đã phạm giới rồi nói là mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi. Sau khi nói mình biết ở một nơi này, lại nói mình thấy ở một nơi. Sau khi nói mình thấy ở một nơi, lại nói mình biết ở một nơi. Ở trong Tăng chúng mà nói là mình biết ở một nơi, ở trong Tăng chúng mà nói là mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi, rồi lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi. Nay A-nan! Vì vị Tỳ-kheo ấy, Tăng chúng hòa hợp và nhóm họp mà ban quân luật, nói rằng: ‘Nhà người không đạo lý, nhà người ác bất thiện. Vì sao? Vì người đã phạm giới rồi lại nói mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi, rồi lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi, rồi lại nói mình biết ở một nơi. Ở trong chúng mà nói mình biết ở

một nơi. Ở trong chúng mà nói mình thấy ở một nơi. Nói mình biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi. Nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi'. Đây A-nan, như vậy gọi là ung dữ quân chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ bằng sự như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng chính đương nhân.

“Đây A-nan, thế nào là ung dữ triển chuyển chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự diễn tiến. Đây A-nan, ở đây, giữa hai vị Tỳ-kheo vì một số ý kiến mà gây ra sự đấu tranh như vậy, ‘Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây là phi luật; đây là phạm, đây là phi phạm; đây là nhẹ, đây là nặng; khả thuyết, không khả thuyết; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; dư tàn, không dư tàn; có thể sám hối, không thể sám hối. Đây A-nan, Tỳ-kheo kia ngay tại chỗ đang cãi vã ấy mà chấm dứt đấu tranh. Nếu ngay tại chỗ cãi vã mà chấm dứt đấu tranh, thì sự đấu tranh này được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay tại chỗ cãi vã mà không chấm dứt, có thể đưa sự đấu tranh ra bạch với chúng Tăng. Nếu ở trong chúng Tăng mà chấm dứt, thì sự đấu tranh ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu trong chúng Tăng không chấm dứt, thì đây A-nan, gần đó có Tỳ-kheo giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận, các Tỳ-kheo kia cùng đến vị này thưa việc đấu tranh ấy. Nếu ngay trên đường đi mà chấm dứt, thì sự đấu tranh được tuyên bố là chấm dứt. Nếu ngay trên đường đi mà không chấm dứt, lại hãy đem sự đấu tranh ấy nói trước chúng Tăng. Nếu ở trước chúng Tăng mà chấm dứt, sự đấu tranh ấy được

tuyên bố là chấm dứt. Nếu ở tại chúng Tăng mà không chấm dứt, thì này A-nan, nếu nhiều trợ bạn giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận, thì các vị này phải chấm dứt sự đấu tranh ấy bằng Pháp và Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ung dữ triển chuyên chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức là do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự triển chuyên.

“Này A-nan, thế nào gọi là ung dữ như khí phẩn tảo chỉ tránh luật? Làm sao để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách. Này A-nan, nếu các vị Tỳ-kheo ở chung một chỗ tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, này A-nan, do đó các Tỳ-kheo kia chia ra hai nhóm. Sau khi chia ra hai nhóm rồi, trong một nhóm có bậc Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo, hay dưới trưởng lão một bậc; hoặc có người làm tông chủ hay nhỏ hơn tông chủ một bậc. Này A-nan, vị Tỳ-kheo này nói với các vị Tỳ-kheo kia rằng: ‘Này chư Hiền, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là người ác bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với Pháp và Luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo, nhưng chúng ta tranh chấp kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Này chư Hiền, do sự tranh chấp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội Thâu-lan-giá và ngoại trừ tội tương ưng với hàng tại gia. Tôi vì chính mình và cũng vì chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không

dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn sau không tái phạm nữa’. Nay A-nan, nếu ở trong nhóm này mà không có vị Tỳ-kheo nào ủng hộ, thì nay A-nan, Tỳ-kheo ấy nên đi đến nhóm thứ hai. Đến nơi rồi, cúi đầu đánh lễ các bậc Thượng tôn trưởng lão Tỳ-kheo chấp tay quỳ mọp mà thưa rằng: ‘Thưa chư Tôn, xin nghe cho, chúng ta không có đạo lý, chúng ta là người ác bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với Pháp và Luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, nhưng chúng ta tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Nay chư Hiền, do sự tranh đấu này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội Thân-lan-giá, và ngoại trừ tội tương đương với hàng tại gia. Tôi vì chính mình và cũng vì chính chư Hiền nữa, nên hướng đến chư Hiền chí tâm phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn sau không tái phạm nữa’. Nay A-nan, các Tỳ-kheo kia nên nói với vị Tỳ-kheo này như vậy, ‘Nay Hiền giả, thầy tự thấy mình phạm giới chăng?’ Vị Tỳ-kheo này đáp, ‘Quả thật tôi tự thấy mình đã phạm giới’. Tỳ-kheo kia nên nói, ‘Vậy hãy cẩn thận giữ gìn, đừng để tái phạm’. Nhóm thứ hai cũng làm như vậy. Nay A-nan, như vậy gọi là ưng dữ như khí phân tảo chỉ tránh luật. Nay A-nan! Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy. Tức do luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách”.²⁵³

253. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 196. Kinh Châu Na, Taiwan, 2000, trang 707~713.

233. Luật: Pháp Yết-ma

197. ‘Kinh Ưu Ba Li’

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp mà tác biệt Yết-ma thuyết biệt Yết-ma, đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tăng cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiền lại ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật ức niệm lại ban cho luật diện tiền, đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm lại ban cho luật bất si, cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật ức niệm. Đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật bất si, lại ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật tự phát lồ lại ban cho luật bất si. Đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật tự phát lồ lại ban cho luật quân, cần ban cho luật quân lại ban cho luật tự phát lồ. Đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật quân, lại khiển trách, cần khiển trách lại ban cho luật quân. Đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần hạ trách lại hạ trí, cần hạ trí lại hạ trách. Đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần hạ trí, nhưng lại dùng cử tội, cần cử tội lại hạ trí. Đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần cử tội lại diệt tận, cần diệt tận lại cử tội. Đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần diệt tận, nhưng lại dùng ức niệm, cần ban cho ức niệm lại diệt tận, đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm, nhưng lại do căn bản trị, cần ban do căn bản trị, lại ban cho luật ức

niệm. Đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần do căn bản trị, nhưng lại khu xuất, cần khu xuất lại do căn bản trị, đó không phải là Yết-ma đúng Pháp, Yết-ma đúng Luật, chúng Tăng cũng có tội.

“Này Ưu-ba-ly, ông nên học tùy theo loại Yết-ma nào mà thuyết Yết-ma đó. Cần ban cho luật diện tiền liền ban cho luật diện tiền, cần ban cho luật ức niệm liền ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật bất si liền ban cho luật bất si, cần ban cho luật tự phát lồ, liền ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật quân liền ban cho luật quân, cần khiển trách liền khiển trách, cần hạ trí liền hạ trí, cần cử tội liền cử tội, cần diệt tận liền diệt tận, cần dùng căn bản trị liền dùng căn bản trị, cần khu xuất liền khu xuất, cần hành bất mạn liền hành bất mạn, cần trị liền trị”.²⁵⁴

234. Thế nào gọi là người ngu si

199. ‘Kinh Si Tuệ Địa’

Đức Phật dạy: Thế nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba: Sự tướng, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si. Tức là người thành tựu sự ngu si thì nói là ngu si.

254. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 197. Kinh Ưu Ba Ly, Taiwan, 2000, trang 718~720.

Những gì là ba? Người ngu si suy tư bằng tư niệm ác, nói bằng lời nói ác, và làm việc làm ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác, và không làm việc ác, như vậy thì làm sao người ngu si được nói là ngu si? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được nói là ngu si.²⁵⁵

235. Địa ngục

199. ‘Kinh Si Tuệ Địa’

... “Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh trong địa ngục, đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, tay cầm búa sắt trui lửa đỏ rực mà đốt thân thể. Chỗ để hình phạt hoặc xây tám góc, hoặc xây sáu góc, hoặc vuông vức, hoặc hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc tốt, hoặc xấu. Như thế, tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm nghìn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ khi tội ác bất thiện đã dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục”.²⁵⁶....

255. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 199. Kinh Si Tuệ Địa, Taiwan, 2000, trang 731.

256. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 199. Kinh Si Tuệ Địa, Taiwan, 2000, trang 735.

236. Làm được thân người là khó

199. ‘Kinh Si Tuệ Địa’

“Này các Tỳ-kheo, nếu như người ngu si kia ra khỏi đường súc sanh, trở lại sanh lên làm người là việc cực kỳ khó khăn. Vì sao? Vì kẻ kia trong loài súc sanh không làm nhân nghĩa, không theo phép tắc lễ nghi, không làm việc lành, súc sanh lại ăn nuốt lẫn nhau. Con mạnh ăn con yếu, con lớn nuốt con bé. Này Tỳ-kheo, như đây này tràn đầy những nước. Có một con rùa đui, sống lâu vô lượng trăm ngàn năm. Trên mặt nước kia có miếng ván nhỏ, chỉ có một lỗ duy nhất bị gió thổi trôi. Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ sao? Con rùa đui kia, đầu nó có thể chui vào cái lỗ duy nhất của miếng gỗ nhẹ nhỏ kia chăng?”

Các Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, có thể chui được, nhưng thật lâu, thật lâu và rất khó.

Thế Tôn bảo: “Này các Tỳ-kheo, hoặc con rùa đui kia trải qua một trăm năm, rồi nó từ phía Đông đến, góc đầu lên một lần. Miếng ván nhỏ kia chỉ có một lỗ lại bị gió thổi từ phương Đông dờn qua phương Nam. Hoặc lúc con rùa đui qua một trăm năm từ phương Nam đến, góc đầu lên một lần, thì miếng ván một lỗ kia, lại bị gió thổi từ phương Nam dờn đến phương Tây. Hoặc có lúc con rùa đui đờn một trăm năm qua từ phương Tây đến, góc đầu lên một lần, thì miếng ván có một lỗ kia, lại bị gió từ phương Tây thổi dờn đến phương Bắc. Hoặc lúc con rùa

đui kia từ phương Bắc đến, góc đầu lên một lần nữa, thì miếng ván có một lỗ kia lại bị gió thổi từ phương Bắc dờn tới các phương khác. Nay các Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Con rùa đui kia có chui vào được lỗ ván ấy chăng?

Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, con rùa cũng có thể chui vào được lỗ ván ấy. Nhưng thật lâu, thật lâu và khó lắm.”²⁵⁷

237. Thế nào là người trí tuệ?

199. ‘Kinh Si Tuệ Địa’

“Thế nào là pháp trí tuệ? Là người trí tuệ có ba: sự tướng, tiêu thức và ấn tượng trí tuệ. Tức là người đã thành tựu trí tuệ nên nói là trí tuệ.

“Những gì là ba? Người trí tuệ suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc thiện. Vì là người trí tuệ, nên được nói là trí tuệ vậy.

“Nếu kẻ trí chẳng nghĩ điều thiện, không nói là thiện và không làm việc thiện, thì người trí làm sao biết được họ là trí? Vì người có trí tuệ, nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì

257. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 199. Kinh Si Tuệ Địa, Taiwan, 2000, trang 739.

nói thiện và làm thì làm thiện nên người có trí nói là kẻ trí”.²⁵⁸

238. Phạt pháp bị hiểu sai và sự nguy hiểm của nó

200. ‘Kinh A Lê Tra’

Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa được hiểu biết đầy đủ, tường tận thì nên thọ trì đúng như vậy. Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa không được hiểu biết đầy đủ, tường tận thì phải hỏi lại Ta hay các vị Phạm hạnh có trí. Vì sao? Hoặc có người ngu si ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Chúng do tự mình hiểu biết điên đảo và ghi nhớ điên đảo mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chính kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa^[7]. Chúng vì tranh luận mà biết nghĩa này, chứ không vì giải thoát mà biết nghĩa này. Chúng biết pháp này vì mục đích ấy nên không đạt đến nghĩa này, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì chúng ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp.

“Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, nó đi vào rừng hoang, thấy con rắn

258. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 199. Kinh Sĩ Tuệ Địa, Taiwan, 2000, trang 740.

rất lớn, liền bước tới, dùng tay nắm lấy lưng rắn; con rắn ngóc đầu quay lại, hoặc mổ vào tay, chân, hoặc các chi thể khác. Nó làm công việc tìm bắt rắn, nhưng không đạt được mục đích, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì không biết rõ phương pháp bắt rắn. Cũng vậy, có thể có người ngu si ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Chúng do tự mình hiểu biết điên đảo và ghi nhớ điên đảo mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chính kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa. Chúng vì tranh luận mà biết nghĩa này, chứ không vì giải thoát mà biết nghĩa này. Chúng biết pháp này vì mục đích ấy nên không đạt đến nghĩa này, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì chúng ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp”.²⁵⁹

239. Hiểu đúng Phật pháp và sự lợi ích của nó

200. ‘Kinh A Lê Tra’

“Hoặc có một thiện gia nam tử ghi nhớ và hiểu biết về nghĩa và văn không điên đảo. Người ấy do tự mình ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về nghĩa và văn mà

259. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 200. Kinh A Lê Tra, Taiwan, 2000, trang 750~751.

biết pháp kia như vậy như vậy, tức chính kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa. Người ấy không vì tranh luận mà biết nghĩa này, nhưng vì giải thoát mà biết nghĩa này. Người ấy biết pháp này vì mục đích ấy nên đạt đến nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp.

“Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, người ấy tay cầm gậy sắt, đi trong rừng hoang, thấy một con rắn rất lớn, liền lấy gậy sắt đè lên đầu con rắn, rồi lấy tay nắm đầu nó. Con rắn kia tuy ngoặt đuôi lại, hoặc quăn tay chân, hoặc các chi thể khác, nhưng không thể mổ. Người kia làm như vậy để tìm bắt rắn và đạt được mục đích, không chuốc lấy cực khổ luống công, cũng không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì người ấy khéo biết cách bắt rắn. Cũng vậy, hoặc có thiện gia nam tử ghi nhớ và hiểu biết về nghĩa và văn không điên đảo. Người ấy do tự mình ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về nghĩa và văn mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chính kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu pháp và thuyết nghĩa. Người ấy không vì tranh luận mà biết nghĩa này, nhưng vì giải thoát mà biết nghĩa này. Người ấy biết pháp này vì mục đích ấy nên đạt đến nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ luống

công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp”.²⁶⁰

240. Giáo pháp như chiếc bè qua sông

200. ‘Kinh A Lê Tra’, (205. ‘Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết’)

Ta thường nói cho các người nghe về thí dụ chiếc bè, là để cho các thầy biết xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ.

“Ta thường nói cho các thầy nghe về thí dụ chiếc bè như thế nào, để các thầy biết xả bỏ chứ không phải để chấp thủ?

“Ví như, con nước từ núi đổ xuống, rất sâu, rất mênh mênh, chảy xiết và cuốn trôi nhiều thứ. Ở khoảng giữa đó không có thuyền, bè, cũng không có cầu ngang. Một người đi đến, có việc ở bờ bên kia nên cần phải qua. Người ấy bèn nghĩ rằng: ‘Ở đây con nước từ trên núi chảy xuống, rất sâu, rất mênh mênh, chảy xiết và cuốn trôi rất nhiều thứ. Ở khoảng giữa không có thuyền bè, cũng không có cầu ngang để có thể qua. Ta có công việc ở bờ bên kia cần phải qua phải dùng phương tiện gì để ta đến bờ bên kia được yên ổn?’ Rồi người ấy tự suy nghĩ,

260. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 200. Kinh A Lê Tra, Taiwan, 2000, trang 751.

‘Nay ở bên này, ta hãy góp nhặt cỏ, cây, cột lại làm bè^[81] để bơi qua’. Người ấy bèn ở bên bờ bên này, góp nhặt cỏ cây, cột lại làm bè rồi bơi qua. Đến bờ bên kia được yên ổn, rồi tự nghĩ rằng: ‘Chiếc bè này có nhiều lợi ích. Nhờ nó mà ta đã yên ổn bơi từ bờ bên kia đến bờ bên này. Nay ta hãy vác nó lên vai phải hoặc đội trên đầu mà đi’. Người ấy bèn vác lên vai phải, hoặc trên đầu mà mang đi. Ý các người nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có lợi ích gì đối với chiếc bè không?’

Các Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, không.”

Thế Tôn lại nói: “Người ấy phải làm thế nào mới có thể có lợi ích đối với chiếc bè? Người ấy nghĩ như vậy, ‘Chiếc bè này có nhiều lợi ích, nhờ nó mà ta an ổn từ bờ bên kia đến bờ này. Nay ta có nên thả chiếc bè này trở lại trong nước, hoặc để nó trên bờ rồi bỏ đi chăng?’ Người ấy mang chiếc bè này thả lại trong nước, hoặc để nó trên bờ rồi bỏ đi. Ý các người nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có thể có lợi ích đối với chiếc bè chăng?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, có.”

Thế Tôn lại nói: “Cũng vậy, Ta thường nói cho các người nghe về thí dụ chiếc bè là để cho các người biết mà xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ. Nếu các người biết Ta thường nói thí dụ về chiếc bè, đối với pháp còn phải xả bỏ huống là phi pháp chăng?”²⁶¹

261. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 200. Kinh A Lê Tra, Taiwan, 2000, trang 751~753.

241. Thế Tôn đối với những vấn đề khen chê

200. ‘Kinh A Lê Tra’

‘Nhu Lai chính giải thoát như vậy, dù Nhân-đà-la (Thiên Đê Thích), dù Thiên Y-sa-na (Pāli: Īsānā), dù Phạm thiên và quyến thuộc, không ai có thể tìm thấy thức sở y của Như Lai. Như Lai là Phạm, Như Lai là Mát lạnh, Như Lai là Không phiền nhiệt, Như Lai là Bất dị. Ta nói như vậy, Các Sa-môn Phạm chí xuyên tạc Ta bằng những lời hư vọng không chân thật rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô. Quả thật có chúng sanh, nhưng lại chủ trương là đoạn, diệt, hoại. Nhưng nếu trong đó không có, thì Ta đã không nói rằng: ‘Như Lai ấy trong đời hiện tại, được nói là không ưu phiền, nếu có ai mạ ly, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai; trong trường hợp đó Như Lai không sân hận, không thù hận, trọn không có hại tâm.’ Nếu có ai đánh đập, mạ ly, sân hận, trách mắng Như Lai, ý Như Lai thế nào? Như Lai tự nghĩ như vậy, ‘Có hành vi tạo tác nào của Ta trong quá khứ để đưa đến sự kiện này’. Đối với sự mạ ly, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy, ‘Nếu có ai cung kính cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai; Như Lai không do đó mà vui thích, không do đó mà hoan hỷ, tâm không do đó mà hoan lạc’. Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng thừa sự Như Lai, thì ý Như Lai thế nào? Như Lai tự nghĩ, ‘Ta nay do những gì được biết, do những gì được đoạn trừ mà đưa đến sự kiện

này?’ Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Nếu có ai mạ lỵ đánh đập, trách mắng các người; hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các người; các người nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có tâm hại, cũng chớ vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rằng: “Chúng ta không có thần ngã, không có sở hữu của thần ngã. Ví như nay đây, ngoài cửa Thắng lâm này có cỏ khô, cây khô, có một người mang đi đốt, tùy ý mà dùng. Ý các người nghĩ sao? Cây cỏ khô kia có nghĩ rằng: ‘Người ấy mang ta đi đốt, tùy ý mà dùng không’?”

Các Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, không.”

Cũng vậy, nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng các người hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các người; các người nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có hại tâm cũng chớ có vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rằng: ‘Ta không có thần ngã, không có sở hữu của thần ngã.’²⁶²

262. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 200. Kinh A Lê Tra, Taiwan, 2000, trang 759~760.

242. 3 loại trai giới

202. ‘Kinh Trì Trai’

Thế Tôn hỏi: “Này Bà cư sĩ, hôm nay bà trì loại trai nào? Vì trai có ba loại. Những gì là ba? Thứ nhất là loại trai của mục đồng; thứ hai là loại trai của Ni-kiền; thứ ba là Thánh trai tám chi.

“Này Bà cư sĩ, thế nào là loại trai của mục đồng? Mục đồng buổi sáng thả trâu trong đầm, buổi xế dẫn trâu về thôn. Khi về thôn, nó nghĩ rằng: ‘Ngày hôm nay ta thả trâu ở chỗ này; ngày mai ta sẽ thả trâu ở chỗ kia. Ngày hôm nay ta cho trâu uống ở chỗ này; ngày mai ta sẽ cho trâu uống nước tại chỗ kia. Này Bà cư sĩ, nếu người trì trai nghĩ rằng: ‘Ngày hôm nay ta ăn đồ ăn như vậy; ngày mai ta sẽ ăn đồ ăn như kia. Ngày hôm nay ta uống thức uống như vậy; ngày mai ta sẽ uống thức uống như kia. Ngày hôm nay ta nuốt thức ăn như vậy; ngày mai ta sẽ nuốt thức ăn như thế kia’. Người ấy ở đây trải qua ngày đêm hoan lạc, đắm trước trong dục vọng như vậy. Đó gọi là loại trai của mục đồng. Nếu trì loại trai mục đồng như vậy, không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không có đại công đức, không được phát triển.

“Này Bà cư sĩ, thế nào là loại trai của Ni-kiền (Pāli: Niganthūposatha)? Nếu có người xuất gia học theo Ni-kiền, vị ấy khuyên người rằng: ‘Người đối với chúng sanh ở ngoài một trăm do-diên về phía Đông, để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy. Cũng vậy, đối với

phương Tây, phương Nam và phương Bắc, ngoài một trăm do-diên mà có chúng sanh nào, vì để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy’. Người ấy khuyến khích sách tấn người khác như vậy. Hoặc chúng sanh có tướng được thủ hộ, hoặc chúng sanh không có tướng không được ủng hộ, người vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tùng giải thoát, cởi bỏ y phục, để mình trần truồng, đứng ngay về phương Đông, nói như vậy, ‘Ta không có cha mẹ, không thuộc về cha mẹ. Ta không có vợ con, không thuộc về vợ con. Ta không có nô tỳ, không thuộc về nô tỳ’. Nay Bà cư sĩ, người ấy khuyến khích sách tấn bằng lời nói chân thật, nhưng ngược lại sự khuyến khích sách tấn trở thành những lời nói hư dối. Người ấy ngày ngày gặp mặt cha mẹ mình và nghĩ rằng: ‘Đây là cha mẹ ta’. Cha mẹ người ấy ngày ngày cũng thấy con mình cũng nghĩ rằng: ‘Đây là con ta’. Người ấy gặp mặt vợ con và nghĩ rằng: ‘Đây là vợ con ta’. Vợ con cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng ‘Đây là tôn trưởng của ta’. Người ấy gặp mặt nô tỳ cũng nghĩ rằng: ‘Đây là nô tỳ của ta’. Nô tỳ cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng: ‘Đây là chủ của ta’. Người ấy thọ dụng dục lạc này, không được cho mà thọ dụng, chứ không phải được cho mà thọ dụng. Đó gọi là loại trai của Ni-kiền như vậy không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không được phát triển.

“Này Bà cư sĩ, thế nào là Thánh trai tám chi^[34]? Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vậy, ‘A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp

bỏ dao gậy, có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến côn trùng, vị ấy đối với sự sát sanh tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tâm có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến côn trùng. Đối với việc sát sanh nay tôi tịnh trừ tâm ấy. Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán’. Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai”.²⁶³....

243. Hai loại mong cầu

204. ‘Kinh La Ma’

“Có hai loại tìm cầu. Một là Thánh cầu và hai là phi Thánh cầu. Thế nào là phi Thánh cầu? Có một hạng người thật sự lệ thuộc bệnh tật nhưng lại tìm cầu tật bệnh; thật sự lệ thuộc sự chết nhưng lại tìm cầu sự chết, thật sự lệ thuộc vào ưu bi khổ não, lệ thuộc sự tạp uế, nhưng lại tìm cầu sự tạp uế.

“Thế nào là thật sự lệ thuộc vào bệnh tật nhưng lại tìm cầu sự bệnh tật? Thế nào là sự tật bệnh? Con cái, anh em, đó là bệnh pháp. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, lúa gạo, là sự bệnh pháp. Chúng sanh ở trong đó xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà

263. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 17: Phẩm Bồ Đa Lợi - 202: Kinh Trì Trai, Taiwan, 2000, trang 781~783.

thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu.

“Thế nào là sự lệ thuộc sự già, sự chết, sự sầu bi ưu não, sự tạp ứ? Con cái, anh em đó là sự tạp ứ. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, thân bảo, đó là sự tạp ứ, sự tổn hại. Chúng sanh ở trong đó đắm nhiễm, xúc chạm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Người đó muốn tìm cầu cái không tật bệnh, an ổn, vô thượng, Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn an ổn vô thượng là trường hợp không thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp ứ, vô thượng an ổn Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn vô thượng an ổn là trường hợp không thể có. Đó gọi là phi Thánh cầu.

“Thế nào là Thánh cầu? Có một hạng người suy nghĩ như thế này, ‘Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh, nhưng không bỏ tìm cầu sự tật bệnh. Ta thật sự lệ thuộc sự già, sự chết, sự sầu bi khổ não, sự tạp ứ, nhưng không bỏ sự tìm cầu tạp ứ. Vậy ta hãy tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp ứ, vô thượng an ổn, Niết-bàn’. Người ấy bèn tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn là trường hợp có thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp ứ, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được không già, không

chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, là trường hợp có thể có”.²⁶⁴...

244. 5 hạ phần kiết sử

205. ‘Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết’

“A-nan, ở đây có một hạng người bị dục quán chặt. Dục tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly; do không biết như thật về sự xả ly, nên tham dục càng tăng thịnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

“A-nan, ở đây có một hạng người bị nhuế quán chặt. Nhuế tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly sân nhuế càng tăng thịnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

“A-nan, ở đây có một hạng người bị thân kiến quán chặt. Thân kiến tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, thân kiến càng tăng thịnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

“A-nan, ở đây có một hạng người bị giới thủ quán chặt. Giới thủ tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, giới thủ càng tăng thịnh. Không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

264. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 204. Kinh La Ma, Taiwan, 2000, trang 804~805.

“A-nan, ở đây có một hạng người bị nghi quân chặt. Nghi tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly, nghi càng tăng thịnh. Không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết”.²⁶⁵

245. Vấn đề đời trước đời sau và nhất thiết trí

212. ‘Kinh Nhất Thiết Trí’

Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng: “Bạch Cù-đàm, con nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không, và hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến’. Bạch Cù-đàm, Ngài đã nhớ là đã nói như vậy chăng?”

Thế Tôn đáp rằng: “Này Đại vương, Ta không nhớ là đã nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến’.”

Lúc đó Đại tướng Bệ-lưu-la đứng sau lưng Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la, cầm phát trần hầu vua. Rồi Ba-tu-nặc vua nước Câu-tát-la quay lại nói với Đại tướng Bệ-lưu-la rằng: “Hôm trước Ta ngồi với đại chúng, ai là

265. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 205. Kinh Ngũ Hạ Phần Kết, Taiwan, 2000, trang 817.

người đầu tiên nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến’?’”

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng: “Tâu Thiên vương, có Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử là người đầu tiên nói như vậy.”

Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong, bảo một người rằng: “Người đến chỗ Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử nói như vậy, ‘Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông’.”

Người ấy lãnh giáo, đi đến chỗ Tướng Niên Thiểu Cát Tường Tử bảo như vậy: “Này Niên Thiểu, Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông.”

Sau khi người ấy đi, Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la bạch Thế Tôn: “Bạch Sa-môn Cù-đàm, có thể có những lời nói khác, nhưng được ghi nhớ khác. Bạch Cù-đàm, ngài có nhớ đã nói những gì chăng?”

Thế Tôn đáp rằng: “Này Đại vương, Ta nhớ đã từng nói như vậy, ‘Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào trong một thời biết tất cả, trong một thời thấy tất cả’. Này Đại vương, Ta nhớ đã nói như vậy.”²⁶⁶

266. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 18: Phẩm Lệ - 212. Kinh Nhất Thiết Trí, Taiwan, 2000, trang 882~883.

246. Ngoại đạo phê bình Thế Tôn là người không biết biên tế đời trước đời sau

209. ‘Kinh Bộ Ma Na Tu’

Ngay lúc đó dị học Bộ-ma-na-tu nổi giận đối với Phật, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn, và ông vu báng Thế Tôn như vậy, hạ nhục Thế Tôn như vậy: “Cù-đàm, có Sa-môn, Phạm chí, không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Cù-đàm, tôi nghĩ như vậy, ‘Vì sao Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?’”....

“Thế Tôn biết rồi bảo rằng: “Này Ca-chiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’; thì người đó phải nói như vậy, ‘Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau’. Nhưng này Ca-chiên, Ta cũng nói như vậy, ‘Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau’. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo của

Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt, mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chính pháp.

“Này Ca-chiên, cũng như một đứa trẻ nhỏ thân còn yếu, nằm ngựa. Cha mẹ nó buộc tay chân nó lại. Đứa bé đó sau lớn lên, các căn thành tựu, cha mẹ lại cởi trói tay chân cho nó ra. Nó chỉ nhớ khi được cởi trói, chớ không nhớ khi bị trói.

“Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vậy, ‘Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau’. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối, mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chính pháp.

“Này Ca-chiên, cũng như do dầu, do tim, mà đốt đèn, không có người thêm dầu, không có người đổi tim, dầu trước đã hết, sau lại không rót thêm thì không thể còn mà chóng tự tắt vậy.

“Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vậy, ‘Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau’. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử của Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chính pháp”.²⁶⁷

267. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 209. Kinh Bộ Ma Na Tu, Taiwan, 2000, trang 853~854.

247. Sự khác nhau giữa chết và diệt thọ tướng định

211. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: “Hiền giả Đại Câu-hy-la, chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: “Chết là thọ mạng đã diệt, hơi nóng âm đã đi, các căn tan rã. Tỳ-kheo nhập diệt tận định, tuổi thọ chưa hết, hơi ấm cũng chưa đi, các căn chưa tan rã. Chết và nhập diệt tận định khác nhau như vậy.”²⁶⁸.... (giống như 210. ‘**Kinh Pháp Lạc Tỳ-kheo Ni**’)

248. Sự khác nhau giữa các Định

210. ‘Kinh Tỳ Kheo Ni Pháp Lạc’

Bạch Ni sư, một người chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?”

Tỳ-kheo ni Pháp Lạc đáp rằng: “Chết là mạng đã dứt, hơi ấm lìa thân, các căn bại hoại. Còn Tỳ-kheo nhập diệt tận định thì tuổi thọ chưa dứt, hơi ấm cũng không lìa

268. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 211. Kinh Đại Câu Hy La, Taiwan, 2000, trang 873.

thân, các căn không bại hoại. Đó là sự khác biệt giữa một người chết và nhập diệt tận định.”...

Lại hỏi rằng: “Bạch Ni sư, một người diệt tận định và một người nhập vô tướng định khác nhau thế nào?”

Tỳ-kheo ni Pháp Lạc đáp rằng: “Một người nhập diệt tận định thì tướng và tri đều diệt còn một người nhập vô tướng định thì tướng và tri không diệt. Đó là sự khác biệt giữa một người nhập diệt tận định và nhập vô tướng định.”...

Lại hỏi rằng: “Bạch Ni sư, một người từ diệt tận định ra và từ vô tướng định ra khác nhau như thế nào?”

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng: “Tỳ-kheo từ diệt tận định ra không khởi suy nghĩ này, ‘Ta từ diệt tận định ra’. Tỳ-kheo khi từ vô tướng định ra, khởi ý nghĩ này, ‘Ta là hữu tướng? Hay ta là vô tướng?’ Đó là sự khác nhau giữa một người từ diệt tận định ra và từ vô tướng định ra.”...

Lại hỏi: “Tỳ-kheo khi nhập diệt tận định có khởi ý nghĩ rằng: ‘Ta nhập diệt tận định không?’”

Pháp lạc Tỳ-kheo đáp: “Tỳ-kheo khi nhập diệt tận định không khởi ý nghĩ rằng: ‘Ta nhập diệt tận định’, nhưng do theo tâm thức đã tu tập từ trước, y như vậy mà tiến tới.”...

Lại hỏi rằng: “Bạch Ni sư, Tỳ-kheo từ diệt tận định ra có khởi ý nghĩ rằng: ‘Ta từ diệt tận định ra’ hay không?”

Tỳ-kheo ni Pháp Lạc đáp rằng: “Tỳ-kheo khi từ diệt tận định ra không khởi ý nghĩ, ‘Ta từ diệt tận định ra’, nhưng bởi thân này và sáu xứ duyên mạng căn, cho nên từ định mà ra.”...

Lại hỏi rằng: “Bạch Ni sư, Tỳ-kheo từ diệt tận định ra, tâm lạc những gì? Thú hướng những gì? Và thuận những gì?”

Tỳ-kheo ni Pháp Lạc đáp rằng: “Tỳ-kheo từ diệt tận định ra, tâm lạc đối với viễn ly, thú hướng viễn ly và tùy thuận viễn ly.”²⁶⁹

249. Mối liên hệ giữa thọ, tưởng, tư

211. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng: “Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt.”²⁷⁰

269. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 210. Kinh Tỳ Kheo Ni Pháp Lạc, Taiwan, 2000, trang 861~682.

270. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 211. Kinh Đại Câu Hy La, Taiwan, 2000, trang 871.

250. Mối quan hệ giữa 5 căn và ý căn (Abhidhamma)

211. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: “Hiền giả Đại Câu-hy-la, có năm căn với hành dị biệt, cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn hành tướng dị biệt, cảnh giới dị biệt, mỗi căn tự lãnh thọ cảnh giới riêng. Vậy cái gì lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng? Cái gì làm sở y cho chúng?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng: “Năm căn với hành tướng dị biệt, với cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn này với hành tướng riêng biệt, với cảnh giới riêng biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng; ý lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng. Ý làm sở y cho chúng.”²⁷¹

251. Còn gì sau khi chết?

211. ‘Kinh Đại Câu Hy La’

“Ý nương tựa vào đâu mà tồn tại?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: “Ý nương tựa vào tuổi thọ mà tồn tại.”...

271. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 211. Kinh Đại Câu Hy La, Taiwan, 2000, trang 871~872.

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: “Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ nương vào đâu mà tồn tại?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng: “Tuổi thọ nương vào hơi ấm mà tồn tại.”...

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: “Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ và hơi ấm, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết hai pháp này riêng biệt chăng?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: “Tuổi thọ và hơi ấm hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt. Vì sao? Nhân tuổi thọ mà có hơi ấm; nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, nếu không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cũng như do dầu do bắc mà đốt được đèn; và ở đây do ngọn mà có ánh sáng, do ánh sáng mà có ngọn. Nếu không có ngọn thì không có ánh sáng, không có ánh sáng thì không có ngọn. Cũng vậy, nhân tuổi thọ mà có hơi ấm, nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cho nên hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt.”...

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: “Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu pháp khi sanh thân chết rồi bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình?”

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: “Có ba pháp khi sanh thân chết rồi bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Ba pháp này sau khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình.”²⁷²

252. Bình đẳng giữa 4 giai cấp chỉ khác nhau hành nghiệp của mỗi người

212. ‘Kinh Nhất Thiết Trí’

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng: “Bạch Cù-đàm! Ở đây có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư. Bốn chủng tộc này có sự hơn kém nào không? Và có sự sai biệt nào?”

Thế Tôn đáp rằng: “Bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư có hơn kém và sai biệt. Hạng Sát-lợi, và Phạm chí ở trong nhân gian được coi là tối thượng. Hạng Cư sĩ và hạng Công sư ở trong nhân gian được coi là hạ liệt. Trong bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư đó là sự hơn kém và đó là sự sai biệt.”

272. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 211. Kinh Đại Câu Hy La, Taiwan, 2000, trang 872~873.

Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng: Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như Sư. Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư.”

Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la lại bạch: “Bạch Cù-đàm, con không hỏi những vấn đề trong hiện tại, mà con muốn hỏi cả những vấn đề đời sau nữa, mong Ngài nghe con hỏi chẳng?”

Thế Tôn đáp: “Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi.”

Ba-tur-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi: “Bạch Cù-đàm, ở đây có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, có sự hơn kém nào, có sự sai biệt nào ở đời sau chẳng?”

Thế Tôn đáp rằng: “Bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, và Công sư, có sự hơn kém, có sự sai biệt cả trong đời sau nữa. Bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Công sư và Cư sĩ nếu thành tựu được năm đoạn chi này^[9], chắc chắn sẽ gặp được bậc Thiện sư, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, chắc chắn được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, và cũng luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc. Những gì là năm chi? Đa văn Thánh đệ tử đối với Như Lai đã gieo trồng tín căn, đã quyết định vững bền, không ai có thể tước đoạt, dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác. Đó gọi là đoạn chi thứ nhất.

“Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử, ít bệnh, không bệnh, thành tựu sự điều hòa thực đạo, không quá lạnh, không quá nóng, dễ chịu, không bị bức dọc. Nghĩa là sự ăn uống được tiêu hóa dễ dàng an ổn. Đó gọi là đoạn chi thứ hai.

“Lại nữa, này Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử không siểm mị, không dối gạt, chất trực, tự bộc lộ sự chân thật đối với Thế Tôn và các vị phạm hạnh. Đó gọi là đoạn chi thứ ba.

“Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử thường thành tựu hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác và bất thiện pháp, siêng tu các thiện pháp, luôn luôn tự sách tấn, chuyên nhất kiên cố, đối với gốc rễ các thiện pháp, không hề từ bỏ phương tiện. Đó gọi là đoạn chi thứ bốn.

“Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy và chứng đắc trí tuệ như vậy, thánh tuệ minh đạt phân biệt thấu triệt, do đó mà chơn chính diệt tận. Đó gọi là đoạn chi thứ năm.

“Có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Bốn hạng này nếu thành tựu được năm đoạn chi này, nhất định được gặp bậc Thiện sư, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, ắt được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc.

“Có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Đó là hơn kém, đó là sự sai biệt ở đời sau vậy.”²⁷³

253. Những việc làm người trí chê trách

214. ‘Kinh Bộ Ha Đề’

“A-nan, thế nào là thân hành bị người trí ghê tởm?”

Tôn giả A-nan đáp: “Đại vương, đó là những thân hành hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, hỗ trợ sự ác, không chứng đắc Niết-bàn, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Người ấy đối với pháp nên hành, không biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng không biết như thật. Khi đối với pháp nên hành không biết như thật, và pháp không nên hành cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên chấp thủ không biết như thật, và đối với pháp không nên chấp thủ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ đã

273. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, Phẩm Thứ 18: Phẩm Lệ - 212. Kinh Nhất Thiết Trí, Taiwan, 2000, trang 883~885.

không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật; thì đối với pháp nên thành tựu không biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã không biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật rồi, do đó, pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành. Sau khi pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành rồi, đối với pháp nên thủ thì không thủ và pháp không nên thủ lại thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì không thủ, đối với pháp không nên thủ lại thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, và đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và đối với pháp không nên thành tựu lại thành tựu. Sau khi pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và pháp không nên thành tựu lại thành tựu rồi thì pháp bất thiện càng tăng và pháp thiện càng giảm. Vì vậy, Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy.”²⁷⁴

274. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 214. Kinh Bộ Hạ Đề, Taiwan, 2000, trang 905~906.

254. 37 phẩm trợ đạo

222. ‘Kinh Lệ’

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn niệm xứ.

“Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Minh Hạnh Thành Tựu, Đẳng Chính Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn niệm xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

“Nếu muốn biệt tri vô minh, nên tu Bốn niệm xứ. Thế nào là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ tâm, pháp như pháp. Đó là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn niệm xứ.

“Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chính đoạn. Thế nào là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chính đoạn? Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ,

Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô ứ, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chính đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chính đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chính đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không quên mất, không suy thoái, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chính đoạn. Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chính đoạn. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri”.²⁷⁵

(Ngoài ra, 4 chính cần, 4 như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, 7 Bồ đề phần, 8 chính đạo cũng mô tả giống như vậy)

275. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập IV, Bộ A Hàm IV, Kinh Trung A Hàm Số 2, 222. Kinh Lệ, Taiwan, 2000, trang 945~946.

255. Những vấn đề ngoại đạo thảo luận

208 ‘Kinh Tiễn Mao’

Bấy giờ, trải qua đêm, lúc vừa sáng, Thế Tôn mang y cầm bát vào thành Vương Xá để khát thực. Khát thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác Ni-sur-đàn trên vai và đi đến vườn Dị học, trong rừng Khổng tước. Tại rừng Khổng tước, trong vườn Dị học, bấy giờ có một người Dị học tên là Tiễn Mao là một danh đức, bậc tông chủ, được mọi người tôn làm thầy, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng đông đảo, được năm trăm vị dị học tôn trọng. Vị này ở giữa một đại chúng đang ồn ào, nhiễu loạn, nói năng lớn tiếng, bàn luận đủ mọi vấn đề súc sanh, tức là vấn đề vua chúa, về giặc, về việc đấu tranh, việc ăn uống, về y phục, về đàn bà, về con gái, về dâm nữ, về thế gian, về đồng trống, về dưới biển và việc nước, việc dân. Những người ấy cùng nhau nhóm họp ngồi bàn luận về những vấn đề như súc sanh vậy.

[1] Pāli: svākkhato bhagavato dhammo suppaṭipanno sāvakaṅgho, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo thực hành.

[2] Danh tính chúng, chỉ Tỳ-kheo chỉ có danh tự, chứ không có thực chất (?). Pāli: Gotrabhuno.

[3] Tức bốn hành: không an ổn, an ổn, điều phục và tịch tịnh. Chúng đệ tử Phật hành ba loại sau. Tham chiếu

Pāli, D. 33. Saṅgīti-suttanta: catasso paṭipadā: akkhamā paṇipadā (không kham nhẫn), khamā paṭipadā (kham nhẫn), damā paṭipadā (điều phục), samā paṭipadā (tịch tĩnh).

- [4] *Trừ sự*, trong kinh 215, tám thắng xứ được gọi là tám trừ xứ, nhưng ở đây trừ sự có thể chỉ cho bốn thông hành (xem kinh số 215 ở sau).
- [5] *Hành lai du*, tham khảo Pháp Uẩn 3 (No.1537, Đại 26, trang 463 b), được gọi là *Pháp tùy*, tức tám chi Thánh đạo. Chúng đệ tử của Phật tùy thuận du lịch thiệp hành trong đó.
- [6] Mười sự thành tựu trên đây, trừ những thành tựu: *nhu nhuyễn, nhẫn* và *lạc*, còn lại có thể so với những đức tính Tăng bảo thường được tán thán, mà theo văn của Tập Di và Pháp Uẩn như vậy: “Cụ túc diệu hành, chất trực hành, pháp tùy pháp hành, hòa kính hành, tùy pháp hành”.
- [7] *Kiến lai kiến quả*; Xem Tập Di (No.1536, Đại 26, trang 402): hữu y kiến, hữu quả kiến.
- [8] *Thị xứ phi xứ*: trường hợp đúng và trường hợp sai.
- [9] Pāli: thānāthānakusala (xứ phi xứ thiện xảo).
- [10] Kiến đế nhân, đây chỉ vị Tu-đà-hoàn.
- [11] Mạng hành thanh tịnh, sanh hoạt, hay sự nuôi sống, thanh tịnh. Pāli: parisuddho ājīvo.

- [12] Vị phần tránh có 謂忿諍故; vì sự phần nộ và tranh cãi. Pāli: yatvādhikaraṇam enam..., do nguyên nhân gì mà... Trong bản Hán, adhikaraṇa, nguyên nhân, được hiểu là sự tranh cãi.
- [13] Thú hướng bỉ có 趣向彼故; Pāli: (akusalā dhammā) anvāssaveyyṃ, (các pháp bất thiện) có thể khởi lên (trôi chảy vào tâm).
- [14] Yên tọa 燕坐; ngồi nơi chỗ vắng vẻ. Pāli: patisallāna.
- [15] Nội hành chỉ 內行止. Pāli: ajjhattaṃ cetosamathānuyutto.
- [16] Chỉ Tỳ-kheo A-lan-nhã, tu theo hạnh chỉ sống trên rừng. Pāli: araṇṇaka.
- [17] Pāli: cittaṃ vasaṃ vatteti, no... cittassa vasena vatteti, (Tỳ-kheo chế ngự tâm chứ không phải bị tâm chế ngự).
- [18] Hành chân thật không bất điên đảo. Pāli: Yathābhuccā avipallatthā parisuddhā sunnatāvakkam. Thâm nhập không tính, chân thật, thanh tịnh, không điên đảo. Bốn từ này ở đây được coi là đồng nghĩa.
- [19] Hán: niệm nhất vô sự tưởng 念一無事想. Pāli: araṇṇasaññaṃ paṭicca manasi karoti ekattaṃ, duyên vào ý tưởng về khu rừng mà tác ý cái một. Duyên vào ý tưởng rừng mà tập trung trên một đối tượng duy nhất, nhất tính.

- [20] Phiền sư, Pāli: ācariyūpaddava, bất hạnh, hay nguy hại cho thầy.
- [21] Mâu-lê-phá-quần-na 牟犁破群那. Pāli: Moliyaphagguna.
- [22] Ngũ ngôn đạo 五言道 hay ngũ ngữ lộ 五語珞. Xem Tập Dị 13, No.1536, Đại 26, tr.421c). Pāli: Pañca Vacanapathā.
- [23] Ca-la-lại 迦羅賴. Pāli: Kīṭagiri.
- [24] Câu giải thoát tức Câu phân giải thoát 俱分解脫. Gọi là Cu phân vì có hai phần chướng, phiền não phân chướng và giải thoát phân chướng (xem Tập Dị Môn Luận 17, Đại 26 tr.436a). Pāli: Ubhatobhāgavimutta.
- [25] Thân xúc 身觸; Tập Dị (đđ.,nt.): Thân dĩ chứng 身已證. Pāli: santā vimokhā atkkama rūpe āruppā te kāyena phassitvā viharati, tịch tịnh giải thoát, vượt qua các sắc và vô sắc, sau khi thể nghiệm bằng thân, vị ấy an trụ.
- [26] Tuệ kiến, Pāli: paññāya cassa divā, sau khi thấy bằng tuệ.
- [27] Kiến đáo 見到, cũng gọi là kiến chí. Pāli: diṭṭhipatto.
- [28] Tức là bậc Thánh này căn cứ trên địa vị tùy pháp hành (xem dưới) chứng đắc Đạo loại trí, với sự bén nhọn của tuệ (Tập Dị đđ., tr.435c Cu-xá đđ., nt.).

Pāli: paññāya vodiṭṭhā honti vocaritā, do tuệ mà quán sát và thấu triệt.

- [29] Sa-di Châu-na 沙彌周那. Pāli: Cunda samaṇuddesa. Được đồng với Mahā-Cunda em ruột ngài Sāriputta và đắc quả A-na-hàm trong lúc là Sa-di.
- [30] Đạo và đạo tích. Pāli: magge vā hi patipadāya, tranh chấp trong các vấn đề liên hệ Thánh đạo và sự tu tập Thánh đạo.
- [31] Có 18 tránh sự, theo các Luật tạng. Trong đây chỉ nêu 16. Hai điều thuyết và phi thuyết đề cập riêng.
- [32] *Chỉ tránh* 止諍 hay nói là *diệt tránh pháp* 滅諍法; Pāli: adhikaraṇa-samathā.
- [33] Thuật ngữ theo Luật Tứ Phần: 1. Hiện tiền tì-ni (Pāli: sammukhāvinaya), 2. Úc niệm tì-ni (sativinaya), 3. Bất si tì-ni (amūlḥavinaya), 4. Tự ngôn trị (paṭiññayā kāretabbaṃ), 5. Đa nhân ngữ (yebhuyyasikā), 6. Tội xử sở (tassapāyikā), 7. Như thảo phú địa (tiṇavatthāraka)ø.
- [34] Thánh bát chi trai 聖八支齋. Pāli: atthaṅga samannāgato upasatho hay ariyūposatha.